

Vũ Bằng

Các tác phẩm mới tìm thấy

Lại Nguyên Ân

giới thiệu và biên soạn



VHSG

Nhà Xuất Bản Văn Hóa Sài Gòn

Vũ Bằng: Các Tác Phẩm Mới Tìm Thấy

Vũ Bằng

vietmessenger.com

Lại Nguyên Ân sưu tầm và biên soạn

ĐÔI LỜI DẪN GIẢI

Cuốn sách mà bạn đọc đang cầm trong tay là một sưu tập những tác phẩm của nhà văn Vũ Bằng (1913-1984) do tôi tìm được, phần lớn từ cuối năm 2000.

Tôi vốn không phải là một chuyên gia về tác giả Vũ Bằng, song việc tôi làm tập sách này không hẳn là sự tình cờ.

Hồi cuối năm 2000, khi tôi được mời đi thăm và đọc tài liệu tại Đại học California ở Berkeley, Hoa Kỳ, mối quan tâm chính của tôi là đi tìm tác phẩm của tác giả Phan Khôi (1887-1959). Khi ấy sự hiểu biết của tôi về báo chí chữ Việt trước 1945 còn khá ít ỏi; để

tìm dấu tích tác gia mình định tâm tìm, tôi chúi đầu vào nhiều tờ khác nhau (cố nhiên tất cả đều là đọc trên bản chụp microfilm, do thư viện các đại học ở Mỹ mua bản chụp các sưu tập báo Việt từ nguồn lưu trữ của Pháp). Và một trong những điều ngẫu nhiên đã xảy ra: Với không ít tờ báo cũ, tôi không thấy dấu tích bài đăng của Phan Khôi nhưng lại thấy bài vở của nhiều tên tuổi quen thuộc khác, như Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuân, Bùi Hiển, Kim Lân, ..., và tất nhiên, Vũ Bằng.

Cũng xin nhắc lại rằng vào năm 2000 ấy, đối với làng văn chính thống ở ta, tên tuổi Vũ Bằng như là vừa được đưa từ bóng tối ra ánh sáng. Trước đó, trường hợp Vũ Bằng nằm chung trong số những tác giả đô thị miền Nam thời kỳ 1954-75, do vậy chỉ một số tác phẩm của ông được in lại một cách dè dặt. Thế rồi có một sự việc gây đột biến: những thông tin hé lộ ra rằng Vũ Bằng là một chiến sĩ tình báo được "bên ta" cài vào năm vùng

trong vùng "quân địch" suốt thời gian kháng chiến, - đã mau chóng làm thay đổi hẳn thái độ đối xử từ phía dư luận chính thống đối với tác gia này. Một loạt tác phẩm riêng lẻ của ông được tái bản. Đồng thời, ngay trong năm 2000, một Tuyển tập Vũ Bằng gồm 3 tập được biên soạn và ra mắt rất nhanh. Sau đấy ít năm nữa, một bộ sách mang nhan đề Toàn tập Vũ Bằng cũng đã được in ra.

Thế nhưng, điều tôi lấy làm lạ là hầu hết những tác phẩm của Vũ Bằng mà tôi sưu tầm được từ cuối năm 2000 kia, vẫn hoàn toàn nằm ngoài các bộ sách được gọi là "tuyển tập", thậm chí "toàn tập" vừa nhắc trên!

Bạn đọc có thể lấy làm ngạc nhiên về điều ghi nhận tôi vừa kể. Song những ai hiểu biết thực trạng nghiên cứu và biên khảo ở ta hiện nay, hẳn đã lường trước được tình trạng đó.

Ở nơi nào khác, với mặt bằng nghiên cứu và

mặt bằng xuất bản hoạt động theo những chuẩn mực cao, các tuyển tập của các tác gia chỉ có thể là kết quả của việc nghiên cứu và hệ thống hoá toàn bộ sự nghiệp trí thuật, sáng tác của tác gia ấy; do vậy, trong các bộ tuyển tập, toàn tập hoàn toàn không thể thiếu những mảng tác phẩm đáng kể của tác gia ấy. Còn ở Việt Nam hiện tại, việc nghiên cứu tác gia của văn học, cũng như việc nghiên cứu nhân vật của sử học, đều còn ở mức chất lượng thấp. Tương ứng với trạng thái học thuật đó, ở phương diện làm sách, những người biên soạn loại sách vụng tập của các tác gia thường hành động theo cung cách ăn xối: nhặt vội dăm ba tác phẩm lẻ của một tác gia gom lại thành một vài cuốn sách dày. Và như là để che đậy cung cách ăn xối ở thì, họ sẵn sàng lấy những nhãn "tuyển tập", "toàn tập" gắn lên bìa các bộ sách được tập hợp vội vã, chụp giật ấy! Các quan chức xuất bản vốn chỉ kiểm định sách ra đời theo chuẩn "đúng/sai", thường thấy kệ những kém cỏi

trong nghề làm sách, vô cảm trước những cách đặt tên sách lẽ ra là hệ trọng như "tuyển tập", "toàn tập", thậm chí đôi khi hồn nhiên vỗ tay hoan nghênh những sản phẩm nhãn một đăng ruột một nẻo. Kết quả là, không ít những sách gọi là tuyển tập, toàn tập mà nội hàm không tương xứng với tên gọi vẫn cứ nối nhau xuất hiện, góp phần làm thấp các chuẩn mực làm sách trong nước, làm xói mòn sự tin cậy của bạn đọc.

Sở dĩ phải động đến thực trạng ở bậc "vĩ mô" nói trên là vì điều đó liên quan đến việc biên soạn cuốn sách này. Tôi rút cuộc phải soạn những tác phẩm của Vũ Bằng mà tôi sưu tầm được từ 8-9 năm trước thành một cuốn sưu tập riêng, chính vì các tư liệu này chưa hề được tập hợp trong các cuốn gọi là "tuyển tập" hay "toàn tập" của tác giả này đã in ra ít năm nay.

Do chỗ không phải là người nghiên cứu

chuyên về tác gia này, tôi chỉ có thể đưa ra một sưu tập những tác phẩm tôi tìm thấy chứ không thực hiện một loại công trình "bổ di" cho những cuốn tuyển đã có. Tất nhiên, tôi cũng sẽ không lặp lại những gì đã được đưa vào các cuốn tuyển đã có. Trong chừng mực nhất định, tôi cũng có lưu ý tìm thêm đọc thêm về tác giả này và đã thấy những nguồn tác phẩm khác nữa. Chẳng hạn, chùm tác phẩm mà người ta cho là đầu tay của Vũ Bằng, - không phải quá khó để tìm ra chúng, nếu người ta thực sự muốn tìm chứ không chỉ thốt ra vài ba thán từ thật sến để mị người đọc. Tôi đã toan đưa vào sưu tập này truyện Con ngựa già và loạt tác phẩm Vũ Bằng đăng báo Đông tây ở Hà Nội hồi 1931-32, song nghĩ lại, thấy chỉ nên kê một danh mục để các nhà biên khảo chuyên về tác gia này đi khai thác. ^[1]

Trong sưu tập này, ngoài một phóng sự của Vũ Bằng đăng năm 1938 trên tuần báo Du

luyện, và một phóng sự Vũ Bằng viết cùng với Tam Lang đăng năm 1946 trên nhật báo Kiến quốc, còn lại đều là các bài vở ký Vũ Bằng hoặc Tiêu Liêu đăng trên tuần báo Trung Bắc chủ nhật, từ 1940 đến 1945; trong số này, tôi chỉ bỏ qua loạt bài Bàn về tiểu thuyết và thiên hồi ký Cai, - hai tác phẩm này sau khi đăng T.B.C.N. đã in thành sách riêng, và gần đây, nhà nghiên cứu Vương Trí Nhàn đã sưu tầm và đưa in lại. ^[2] Tôi cũng chỉ lấy các bài mà tác giả ký là Vũ Bằng hoặc Tiêu Liêu, không lấy các bài ký các bút danh khác, được biết cũng là của Vũ Bằng, như Thiên Tướng chẳng hạn.

Điều mà tôi muốn lưu ý nhất ở các tác phẩm của Vũ Bằng trong sưu tập này, là ý nghĩa đáng kể về tư liệu. Đây không chỉ là các tác phẩm mà còn là những tư liệu, thậm chí là loại tư liệu hiếm, quý, về những phương diện khá nhau.

Vì hầu hết các bài trong sưu tập này đều rút từ Trung Bắc chủ nhật, xin nói chút ít về tờ tuần báo này. Ban đầu, tên gọi của nó là Trung Bắc tân văn chủ nhật, tức là một ấn phẩm ra hằng tuần của nhật báo Trung Bắc tân văn (tờ nhật báo này vốn ban đầu là chi nhánh của tờ Lục tỉnh tân văn ở miền Trung và miền Bắc, chủ nhiệm là E. Schneider, chủ bút là Nguyễn Văn Vĩnh, hoạt động từ 1913 đến 1941); người quản lý tờ tuần báo này là Dương Phụng Dực. Khi Trung Bắc tân văn đóng cửa, tuần báo này đổi tên là Trung Bắc chủ nhật, người đứng chủ trương là Nguyễn Doãn Vượng; từ số 257 chủ nhiệm là Nguyễn Văn Luận. Tính ra tờ này ra được 262 số, từ 3/3/1940 đến 16/9/1945 ^[3]

Có thể nói, trong mặt bằng báo chí tiếng Việt đương thời ở miền Bắc, Trung Bắc chủ nhật là tờ tuần báo văn hoá xã hội phổ thông. Tờ tuần báo này là nơi giới thiệu khá nhiều tác phẩm của những nhà văn "tiền chiến lớp sau"

như Nguyễn Tuân, Nam Cao, Hồ Dzếnh, Kim Lân, Bùi Hiển, Tam Kính, v.v... Song phần dành dành sáng tác thơ văn dù sao cũng ít hơn so với các nội dung tri thức văn hoá xã hội, đáp ứng nhu cầu hiểu biết của các giới trung lưu trong thị dân đương thời. Do vậy, nhiều cây bút đa năng, có thể dịch thuật kiến thức Âu Tây, lại cũng có thể biên khảo tư liệu Á Đông cổ truyền, đã quần tụ chung quanh tuần báo này, đáng kể nhất là những nhà văn nhà báo kỳ cựu như Ngô Tất Tố, Đào Trinh Nhất (ông này bị trục xuất từ Nam Kỳ ra Bắc), Doãn Kế Thiện, v.v...

Vai trò của Vũ Bằng trên Trung Bắc chủ nhật, trong phần lớn thời gian tồn tại của tuần báo này, có thể hiểu như là thư ký toà soạn (điều này là đoán nhận qua nội dung báo chứ không thấy ghi rõ ràng trên manchette báo). Vai trò này không chỉ thể hiện ở việc chèo lái toà soạn, ở việc sắp xếp nội dung bài vở các số báo, mà còn bộc lộ ở chính một phần đáng

kể các bài báo của Vũ Bằng. Chẳng hạn, mục "Không đó...thì đây" ở hầu hết các số báo từ tháng 9 đến hết năm 1940, điểm các sự kiện thời sự văn hoá xã hội từ lớn đến nhỏ được các báo hàng ngày nêu trong tuần lễ trước đó; hoặc các loại bài dẫn nhập các số báo mang tính chuyên đề. Bạn đọc sẽ thấy trong sưu tập này khá nhiều bài Vũ Bằng viết nhằm mở đầu hoặc kết thúc những ý kiến, những chùm tư liệu của nhiều tác giả khác nhau xung quanh mỗi chuyên đề của từng số báo: số về vùng Láng ngoại ô Hà Nội, số về mùa thu, số về văn hoá Nhật Bản, số về Thái Lan, số về hội Lim, số về chiếu bóng, số về tuồng, số về nạn mê tín dị đoan, số về nạn lang băm, số về hội chợ, số về báo chí, số về nạn lụt, v.v... Chính việc phải ứng phó với các loại đề tài kiến thức phổ thông về văn hoá xã hội trong và ngoài nước, đáp ứng nhu cầu hiểu biết ngày càng rộng của cư dân trung lưu đô thị, đã buộc một cây bút vốn ban đầu chỉ tự thấy có khiếu viết văn và yêu thích vẽ năng

động của nghề báo đã phải tự mở rộng không ngừng tầm hiểu biết của mình, phải tự xác định và tự bồi bổ một quan niệm trước các vấn đề xã hội, chính trị, văn hoá đương thời.

Vũ Bằng thuộc thế hệ người Việt thứ hai hoặc thứ ba bước vào nghề báo, khi mà nghề báo và nghề văn vẫn chưa tách hẳn khỏi nhau; [4] thể tài mà ông viết thạo và viết hay, thường vẫn là các loại bài có chất phóng sự, ký sự, nơi mà những khám phá về các nét cụ thể của đời sống người Việt chừng như có sự ăn nhập tuyệt vời với văn mạch, với ngôn từ của tác giả. Những phóng sự về nghề mai mối, về tật ghen tuông của những "sur tử Hà Đông", về chuyện kén rể, v.v... trong sưu tập này cho thấy điều đó.

Lần theo ngòi bút làm báo của nhà văn Vũ Bằng, chúng ta sẽ có dịp trải nghiệm lại thậm chí cả những ấu trĩ về nhận thức của nhân loại ngay trong thời đại của khoa học, trên những

đề tài như về những quái thai, về ma-cà-rông ... vốn đã từng một thời ám ảnh dư luận nhiều nước văn minh.

Lại cũng có sự việc rất sáng sủa, vì thuộc lĩnh vực văn hoá, nhưng lại nảy ra dưới tác động của những sự kiện lịch sử tiêu cực; nói cụ thể, đó là một số hoạt động văn hoá những năm 1940, sau khi quân phát xít Nhật vào Đông Dương, như triển lãm tranh của họa sĩ Fujita, triển lãm hàng mỹ thuật Nhật Bản ở Hà Nội,...trong thời gian ấy Vũ Bằng cũng viết không ít bài về văn hoá Nhật, dịch thuật một số tác phẩm văn học Nhật. Theo suy nghĩ của tôi thì những hoạt động đó, mặc dù đương thời đã diễn ra được là do sự có mặt của cái thế lực đã bị tiến trình lịch sử lên án và phủ định, nhưng những hoạt động văn hoá đó vẫn động lại ý nghĩa giao lưu văn hoá tốt đẹp. Đọc lại những trang Vũ Bằng viết hoặc dịch về đề tài này thời ấy, ta chỉ thấy nội hàm về những đặc sắc đáng quý trọng trong văn hoá

của một dân tộc. Thậm chí trong một truyện võ hiệp, hận thù đã kết thúc bằng sự giải toả thù hận.

Có một chùm bài viết nữa của Vũ Bằng khiến tôi truy tìm chăm chú hơn hẳn các loạt bài khác, ấy là chùm bài về thời sự xã hội chính trị những năm 1945-46. Vì sao vậy? Có lẽ vì từ rất lâu rồi, để minh chứng phản xạ của giới nhà văn Việt Nam đối với các biến cố xã hội 1945-46 trong và ngoài nước, giới nghiên cứu mới chỉ có được rất ít, quá ít tài liệu cụ thể. Trong những cuốn giáo trình văn học sử của Đại học sư phạm hoặc Đại học tổng hợp Hà Nội soạn hồi những năm 1960-70, chỉ thấy người ta dẫn ra tùy bút Vô đề của Nguyễn Tuân hoặc bút ký Đường vô Nam của Nam Cao. Mà ở cả hai bài ký ấy người ta chỉ đọc thấy thái độ của nhà văn chứ hầu như không thấy bóng dáng đời sống sự kiện hiện thực đương thời.

Vậy mà trên Trung Bắc chủ nhật chỉ trong năm 1945, ta sẽ thấy có trên một chục bài thuộc loại nói trên của Vũ Bằng. Các sự kiện quốc tế như tin Hitler tự tử, nước Đức quốc xã sụp đổ, phe Đồng Minh thắng lợi và kết thúc thế chiến thứ hai; các sự kiện ở ngay trên đất này như quân Nhật ở Đông Dương làm đảo chính, quân Pháp thua chạy, vua Bảo Đại lập nội các cho "Việt Nam Đế quốc", rồi cách mạng tháng Tám và sự thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, - bấy nhiêu sự kiện đều ít nhiều có hồi âm trong các bài báo thời ấy của Vũ Bằng. Ngày nay, bằng vào đó, chúng ta có thể coi ông như một trong những nhân chứng của các biến cố lớn ấy, hơn nữa, là một trong những nhân chứng hiếm hoi và nặng ký.

Quả vậy. Có thể nói, nhờ ngòi bút đưa tin kiểu phóng sự của ông, ngày nay ta mới biết có những hoạt động xã hội của giới nghệ sĩ ở Hà Nội như biểu diễn lấy tiền ủng hộ binh sĩ

bị thương; hoặc triển lãm tranh "cổ động nền độc lập" ngay sau khi thực dân Pháp bị tước quyền cai trị ở xứ mình; những thảo luận về quốc ca và quốc kỳ cho một nước Việt độc lập; việc đặt vấn đề dùng hoàn toàn Việt ngữ trong giáo dục phổ thông; việc đặt vấn đề cải cách chương trình dạy ở trường mỹ nghệ, v.v. Cũng chỉ nhờ ngòi bút nhà văn làm báo này, ta mới biết có những va chạm Việt-Pháp trong cư dân ở ngay những ngày "hậu thực dân" đầu tiên. Chỉ nhờ ngòi bút nhà văn làm báo ghi nhanh, ta mới còn biết có những nét của biến thiên lịch sử vụt thoáng qua rất nhanh: học giả Trần Trọng Kim trong vai trò thủ tướng; việc khôi phục Hà Nội trong quy chế một thành phố của nước Việt Nam độc lập; việc Hà Nội khôi phục đền Trung Liệt thờ những bậc quân thủ đã tử tiết vì thành phố... Kịp đến khi nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà được dựng lên, ta đã thấy Vũ Bằng lên tiếng khá sớm; tất nhiên ông không ở trong nhóm sáng lập Văn hoá Cứu quốc,

những ý kiến của ông, từ một chỗ đứng khác, vẫn nhấn vào ý thức "nhận đường" của người trí thức trước vận mệnh dân tộc, trước những vắn nạn sống còn của một nhà nước mới, một chế độ mới. Hai bài báo của Vũ Bằng sau sự kiện 2/9/1945 trên hai số cuối của tuần báo Trung Bắc chủ nhật cho thấy tình cảm trách nhiệm rõ rệt của nhà văn.

Trở lên là đôi điều mang tính chất thuyết minh về những bài báo và tác phẩm của nhà văn Vũ Bằng do tôi sưu tầm được và công bố lại trong tập sách này. Như đã nói từ đầu, tôi không phải là chuyên gia về tác giả Vũ Bằng. Dựa vào những gì mà một số nhà báo hoặc nhà phê bình đã viết về Vũ Bằng, tôi cho rằng việc nghiên cứu về tác giả này mới chỉ đạt được những kết quả ít ỏi. Tập sách này, - hầu như chỉ gắn với việc theo dõi hoạt động của ngòi bút Vũ Bằng trên một tờ tuần báo ở Hà Nội những năm 1940-45 - là một nỗ lực khá hạn chế, mong góp một phần rất nhỏ vào việc

làm rõ các phạm vi hoạt động và công hiến của một nhà văn cụ thể.

Rất mong nhận được sự nhận xét góp ý của bạn đọc và đồng nghiệp trong giới sưu tầm nghiên cứu về sưu tập này.

Hà Nội, những ngày đầu xuân Mậu Tý 2008

LẠI NGUYỄN ÂN

Năm 1938

CÁ NGỰA! CÁ NGỰA

Phóng sự

I. Một cuộc hội họp rất quan trọng ở trước "săm" Ngọc Hà...

Tôi đứng giữ thế thủ. Một! hai! ba! Nếu thằng khốn nạn giở tay, tôi phải vặn cổ nó từ đằng trước ra đằng sau cho chết. Nó không muốn chết, vì nó không giở tay. Tôi ôn tồn bảo nó:

- Từ lần sau, anh muốn hỏi ai điều gì thì phải lễ phép hơn một chút, nghe không?

Nó dịu nét mặt lại. Nó nghe răng ra cười. Tôi đỡ sợ.

Thì ra thằng khốn nạn ấy không phải là quân cướp rứt như tôi vừa tưởng.

Nó chỉ là một người lương thiện như anh.

Hãy để tôi thuật lại chuyện từ đầu.

Lúc ấy gần hai giờ sáng. Trận mưa rào vừa ngớt hạt, làm bóng loáng con đường nhựa dài dằng dặc từ sở ông Bảy đến vườn rau Dốc

Thuy.

Tôi và hai người bạn khác, cởi áo ra khoác ở vai, đi chuệnh chà chuệnh choạng về trại Kuku ở gần nhà bia Ô Mền. Rượu mạnh và bước nhảy lúc mười hai giờ đêm vừa đây làm chúng tôi hoa mắt. Vừa đi vừa nói chuyện, chúng tôi bước khỏi nhà "Tây cụt" cách chuồng ngựa Champenoise độ mười bước thì một người trẻ tuổi quần ta, áo tây, đầu đội một cái mũ nồi xanh lét, đứng ở trong một cái hàng rào tiến ra. Nó không to lớn. Nó trạc độ 30 tuổi. Nó trông hiền lành. Nhưng lúc ấy khuya lắm. Không có một người nào khác cả. Bóng tối đem đến những cái bí mật rừng mình. Đằng xa, một con chim bìm bịp cầm canh hoà với tiếng cú kêu lạnh ngắt. Thì làm sao tôi lại không có quyền nghi ngờ gã kia là một đứa bất lương?

Nó hỏi tôi:

- Có phải bác là bác Điền không?

Thằng này có lẽ tưởng tôi là bồi làm ở một cái nhà tây gần đây. Bác bếp! Bác bồi! Bác phu xe! Nhưng mà thôi, cũng được đi! Tôi theo chủ nghĩa xã hội, tôi chủ trương sự "đấu tranh giai cấp"!

Điều đáng giận là nó hỏi tôi, bằng một con mắt trâng tráo. Thằng khốn nạn!

Tôi đã trả lời nó, cũng như những người khác cần phải trả lời nó, nếu ở vào trường hợp của tôi. Con mắt nó đờ láo. Mặt nó đờ vênh lên. Nó xử nhữn:

- Thì tôi hỏi bác có phải là bác Điền không, chứ gì mà ngậu sị lên thế?

Không thể được. Này này, mày mà nói một câu nữa thì bỏ đời mày. Tôi đã tính nhẩm trong óc cách đấm một cái mà thằng kia phải

quy. Nhưng nhà nó có hồng phúc. Ngay lúc ấy tôi vụt nhớ ngay ra nó là một người quen. Những người không biết võ mà gặp một đối thủ khoẻ mạnh thường vụt có cái trí nhớ đặc biệt đó.

Tôi cố sức nhớ kỹ. Thì ra, đó là người tài xế của một vị bác sĩ tôi quen, mới hai tháng trước đã chữa cho tôi khỏi sốt.

Xin lỗi độc giả tôi lắm.

Bệnh thương hàn của tôi, không phải vì bác sĩ chữa mà khỏi, nhưng chính nó khỏi tự nhiên. Nếu nó không khỏi tự nhiên, bài phóng sự này không có. Vì nếu bác sĩ chữa cho tôi *hết bệnh* có lẽ tôi *hết thở*. Vậy bác sĩ ấy là một bác sĩ xoàng.

Nhưng ngài sống rất đàng hoàng... tùy từng lúc... nghĩa là tùy theo sự được hay thua cá ngựa.

Khấp Hà Thành và Cảng, còn ai không biết ngài là một tay "tọc-phít" có danh? Ngài có can đảm đem cái gia tài bạc vạn **cá** với một con ngựa tốt. **"Sau ta là nạn ngập lụt"**. Dân An-nam mình cũng có nhiều người theo chủ nghĩa vô chính phủ như Nietzsche, chứ không?

Vậy, bác sĩ của tôi, đánh cá nhiều khi rất mạnh. Nhờ cái mạnh ấy, các "tọc-phít" ^[5] khác sẽ bỏ nhà mà dọn đến ở nhà pha. Bác sĩ tôi không thể. Thần tài đến chơi với vợ chồng ngài luôn.

Tôi đã lắm lúc muốn đem giầu cau đến phòng khám bệnh của vợ chồng bác sĩ, xin nhập môn... để học lấy nghề cá ngựa. Trời ơi là trời!

Thì vừa nghĩ như thế, thấy ngay bác sĩ.

Ngồi trên một cái ô-tô nhọn hoắt đằng sau như một chiếc xì-gà, bác sĩ ngồi chúi trong một góc đệm như ả núp một người nào. Bên cạnh một người đàn ông khác đương rỉ tai bác sĩ nói một việc gì quan trọng.

Cái ô-tô đỗ đó ở trước cửa sầm^[6] Ngọc Hà.

Thì ra, "thằng khốn nạn" của tôi đánh xe đưa bác sĩ lên đó, để bác sĩ ngồi trên xe, rồi xuống hỏi thăm bác Điền.

Vậy thì bác Điền là ai?

Một trận phong ba trong cái óc! Lập tức tôi nghĩ ngay ra một cái án ngoại tình... vợ thua cá ngựa, đành đem thân vàng ngọc hiến cho một ông lăm của để lấy tiền gỡ gạc ở trường đua.

Mà, tối nay, được tin một người bạn thân tín báo cho biết rằng người vợ đáng kính cần đã

cắm sừng vào trán mình, bác sĩ đánh cá ngựa vội vã bảo tài xế mở hết máy chiếc xe Ford *tám ngựa* để bắt cho được gian phu dâm phụ. Thôi, tôi hiểu hết cả rồi. Bác Điền, - cái tên mà anh tài xế vừa trâng tráo hỏi tôi, - chỉ có thể là người đã chim bác sĩ bà mà thôi!

Đích lắm.

Một cái ô-tô tắt hết cả đèn đỗ ở cửa một nhà sẫm, người tài xế trâng tráo đi tìm một người đàn ông, hai ông âu phục ngồi im thín thít ở trong xe hòm đóng kín, như chờ đợi... Các ngài bảo đó không phải là một cái "mi-dăn-sen" ^[7] để diễn một tấn bi hài kịch "Bắt vợ ngoại tình" thì còn có thể là cái gì?

Bạn đọc! hãy cùng tôi chứng kiến cái tấn kịch sâu lòng đó.

Gió lạnh lùng. Đường vắng. Trong sự im lặng rùng rợn, ở Bách Thú đưa ra hai tiếng chuông

ngân dài ra và chết đi rồi lại ngân dài ra: hai giờ.

Tiếng chuông đó lúc báo hiệu một cái chết thảm khốc ở trong những bài tuồng rừng rợn của Sa-sĩ-bỉ. ^[8]

Chúng tôi đã toan khóc thương cho người đàn bà nhẹ dạ, vì cá ngựa mà phải đem tìm ra hiến mũi dao con. Đích lắm rồi: Tôi chờ trông thấy máu.

Chứ không ư?

Ba giờ sáng. Ở sẫm không có một người đàn bà nào đi ra cả. Mà cũng chẳng có một người đàn ông nào đi ra cả. Máy thẳng bồi phòng ngồi hút thuốc lảo vặt, nói chuyện với nhau về "phỉnh lậu" với "phỉnh vàng" ^[9] Tôi lại gần họ nói chuyện. Đêm ấy, sẫm Ngọc Hà không có khách.

Không có khách? Lại! Thế thì bác sĩ đợi ai?
Đợi ai?

Một ngọn gió bay qua như khóc cái âu sầu
của đêm tối.

Ba giờ mười lăm. Chiếc xe Ford tám ngựa,
sơn mùi cánh chả vẫn đứng "không kèn
không trống" ở trước cửa sầm Ngọc Hà. Ông
bác sĩ cùng với bạn vẫn thì thầm. Mà "thằng
khôn nạn" của tôi vẫn trâng tráo đi tìm bác
Điền.

Tôi đã toan thương cho ba người đàn ông ấy
phải rãi gió dầm sương suốt cả đêm ở dọc
đường. Thì, bỗng đâu, ở đường Bách Thú đi
lên ba cái xe "con lợn". Người ngồi xe thứ
nhất hát tây. Người ngồi xe thứ nhì ngủ gật.
Người ngồi xe thứ ba lăm rằm như cổ đạo
đọc kinh. Hôm ấy là thứ bảy: bọn này chắc đi
chè chén hay ở xóm chị em về nhà.

Cánh cửa ô-tô mở đánh xình. Người bạn bác sĩ nhảy xuống đất nhanh như cái cắt.

- Xe! dừng lại!

Bác sĩ ra hiệu. Ba cái xe dừng lại. Và ba người ở trên xe bước xuống.

Thôi chết! Một trận huyết chiến sẽ xảy ra ở chỗ này. Tôi cảm chắc người tài xế sẽ *ra tay* trước nhất.

Quả không sai. Bước lên xe, người tài xế *ra tay* vặn lái... Sau một câu chuyện rất đơn giản, ba người khách đi xe móc túi trả tiền xe rồi cùng bước lên ô-tô với bác sĩ và người bạn của ngài. Bom! hai cái đèn pha loé sáng.

Ông hát tây lúc này phàn nàn:

- Gớm! mệt quá!

Ông ngủ gật:

- Thôi tôi xin về.

Ông cầu kinh:

- Con Paladin ở cuộc đua thứ nhất kỳ này hỏng. Có lẽ con Rageur sẽ cuộc đua thứ nhì...

Ô-tô mở máy giờ hết cả "sức ngựa" chạy về đường Carnot. ^[10]

Thì ra cái án ngoại tình là cái án sống trong tưởng tượng của tôi. Bác sĩ Hoàng Văn X... còn có một việc đáng quan tâm hơn... vợ.

Đó là con ngựa.

Mà cái "mi-dăng-sen" vừa rồi chỉ là để lấy "chuy-ô" ^[11] cho cuộc đua lớn ngày mai.

Tôi không cần phải dài lời. Độc giả đã biết ba người vừa đi xe đó là ba ông "dô-kề".^[12]

Bác Điền của tôi là một trong ba vị anh hùng đó.

Có ai, trong một cái vé số Đông Dương, đã để ý đến một bức vẽ vẽ một người đàn bà bịt mắt dẫm chân lên trên một cái bánh xe có hai cái cánh trắng như bông? Bánh xe ấy là bánh xe của thần tài. Người đàn bà bịt mắt có ý nghĩa là sự may rủi.

Tôi muốn xin hội đồng xổ số từ sau sắp đi sẽ chữa bánh xe đó ra là một cái vó ngựa thi. Như thế sẽ ý nghĩa hơn. Vì, hiện giờ đây, một cái vó ngựa thi được người ta chú ý nhiều hơn là một cái bánh xe, - dù bánh xe ấy là bánh xe thần của Bát Tý Na Tra đi nữa.

Thực vậy.

Cá ngựa! cá ngựa! cá ngựa! Từ kỳ sau, người hãy sống lại cho ta xem những đoạn đời kỳ lạ của người. Ta sẽ thuật lại cho độc giả yêu quý của ta để cho họ biết rõ một lối chơi vui hơn đánh bạc mà thần rủi may đã lắm khi tỏ ra rằng bất lực bất tài. Người sẽ kể hết, kể hết, nghe không? Và người sẽ không quên cả những người vì người đã đầy đoạ, hiện giờ đây, đương nằm ép rệp ở trong xà-lim u tối.

Ta là một người bàng quan!

II. Cô Kiều chơi cá ngựa

Trường đua. Một giải đất mông mênh, cỏ xanh dợn như *rồng xanh* uốn khúc. Hàng rào gỗ trắng như *bạc* (đồng). Cổng ngõ quét một thứ vôi hồng, trông tựa tựa như *vàng* mới trá. Đó đây, một vài cái thông trồng cây, nhác trông ngõ mấy cái *đỉnh* trong những lãng tãm chốn kinh kỳ gió bụi. Ngài đi vài

bước nữa sẽ thấy "pa-độc" ^[13] - nơi cân ngựa. Cuộc đua này cân năm con chạy ba; cuộc đua khác, cân mười ba mà chạy bảy. Ba bước chân nữa, ta đã đến "ghi-sê" ^[14] mua vé.

A! thừa độc giả, tôi có lời xin các ngài đây. Nãy giờ, có phải không, tôi có vẽ một con người vật chất. Rõ xấu. Nhưng, xin chớ cười nhau: Tôi là một nhà phóng sự viết văn... "suyrêalít"! ^[15]

Một buổi chiều chủ nhật, vui bước lên chơi trên Quần Ngựa, các ngài cứ thử nhìn cái quang cảnh trường đua một lát mà coi: cái mà nó *đánh* vào *mắt* các ngài trước nhất không phải là trường đua rộng rãi hay đẹp đẽ. Mà là sự xa hoa thõ ra tiền của những người, - ôi! lắm của, quăng từng tập giấy bạc vào những cái cửa ghi-sê, không phàn nàn.

Tôi đã ngót lên, khi thấy tiền bạc tràn ngập một cách rất thi vị ở chốn ăn chơi đó. Cỏ

xanh, tường đỏ, chậu cây vàng, trước mắt tôi
lắm lúc đã hoá cả ra tiền. Cái tường bạc vạn
tuế! Thừa các ngài, tờ báo xã hội nào hò hét
với Chánh phủ Bình dân rằng dân ta nghèo
khổ là tờ báo khôì hài hay nhất.

Tiền, vàng chỉ là tiền.

Người ta kể chuyện rằng trường đua là một
hội họp của khách phong lưu xa mã. Bên
Pháp và Anh, đàn bà đến đó để khoe khoang
những bộ áo mới may, mà đàn ông là để giờ
những lối xã giao nịnh gái.

Ở đây, tôi đã được trông hết cả rồi.

Mặt phấn ó hoen, cô gái nhà ai lấy gấu quần
nhàu nát để quét bụi "ti-buyn" ^[16] ; cạnh chỗ
ghi-sê, ông phán ở sở nào không biết, đương
thích cánh một bà đài các, để tranh vào
trước, mua 10 lần một cái *jumelé* 4x6? ^[17]

Lịch sự là một chữ thừa. Ở những nơi bạc bịp hay cò con, khách chơi nào cũng lấy tâm trí để thoả tâm trí, - như lời Balzac. Nghĩ về tiền nhiều quá, kết cục người ta khổ vì tiền. Cũng như cặp trai gái mê nhau, những ước ao chẵn loan đẽm thuy, mà rút cục đến phải yêu nhau trên một tấm giường gỗ mọt!

Hỡi khách đi đánh cá ngựa! Tôi xin hỏi có ai người không mê tín dị đoan không?

- Miễn là ta được.

Một nhà cộng sản chính tông mà đánh cá ngựa, tôi đoán chắc cũng ước mong có trời. Để phù hộ cho con ngựa mình chơi về nhất. Trời, vì vậy, thành ra cái phao để cho những người sắp chết bám vào. Mà cũng vì vậy, thành ra không phải người đánh cá ngựa nữa, nhưng là... trời đánh.

Trời đánh, thánh dạy... Vì chính thánh cũng

dạy người ta đánh cá. Thừa các bà, tôi chẳng phải là đứa vô tôn giáo như các bà tưởng tượng đâu.

Đánh cá ngựa mà trông ở trời, phật, thần, thánh, ừ thôi, thế cũng tạm được đi! Vì cái óc dân mình đánh chết cũng chưa hết tin rằng trời phật là hai vị tối cao đã xếp đặt cả những công việc trong trần giới.

Tôi đã thấy các bà đi đánh cá ngựa ngày mai, hôm nay ra thì thà thì thụp lể ở đền Hàng Trống. Cô tiểu thư muốn cho con Pommard được nhất ở trong giải *des Pins* xin quẻ thẻ cầu may; bà cụ thân sinh ông ký L. ở *Finances*,^[18] vì thua luôn cá mấy kỳ, gọi đầu sạch sẽ để "ăn chay năm mộng".

Y như những con chiên, đi trẩy hội La Mecque,^[19] hay những bà tín đồ của cái nạn Phật giáo, tiết xuân đầm ấm, nhẹ lướt con thuyền đi trẩy hội chùa Hương.

A-di-men lạy đức Chúa Lời chúng tôi là kẻ có tội. Lạy đức Phật ngồi trên tam bảo, con là người đánh cá ngựa thua!

Những cái đó tuy vậy chưa làm cho ta giận lắm. Điều đáng giận nhất một số người đánh cá, ấy là cái nhẫn tâm bắt một người đã chết phải đứng dậy ra trường đua chơi hộ mình.

Tôi cần phải kể sự tích một đôi câu tóm tắt.

Người đã chết ấy, không phải Quan Công đã nổi tiếng vì biết xem tướng con Xích Thô! Không phải Châu Xương, người ấy cũng chẳng phải là người đã vẽ ra tranh "La chevauchée des Walkyries".^[20] Người ấy chỉ là Vương Thuý Kiều, đời Gia Tĩnh, triều Minh vậy.

Truyện rằng: Kiều là một cô gái giảng hoa, một buổi du xuân, ăn giọng với anh chàng

Kim Trọng. Gia biến. Bán mình. Làm nhà thổ. Rồi lại về với chàng Kim. Suốt trong 300 trang thơ mỹ miều của Nguyễn Du, tôi cá một cái giải *triple évent* ^[21] với người nào tìm thấy cô Kiều đi ngựa, chơi ngựa, hay đã làm lái ngựa. Không. Vậy chẳng hiểu làm sao nhiều người hiện giờ đây, cứ mỗi buổi tối thứ bảy, lại phụ cô Kiều sống lại, đề báo cho mình cách đánh cá ngày mai?

Hãy cùng tôi vào nhà ông Th... Một buổi chiều thứ bảy. Cơm xong, ông chúi mũi vào một quyển sổ "bà đầm" viết chi chít những số, những tên, những chuồng! Bà ngồi bên cạnh, nhìn ngọn bút chì của ông gạch những tên Pompéi, Wanda, Hirondelle, Rose Marie với một con mắt lơ đãng u buồn, vì mấy kỳ nay thần may rủi đã phụ lòng vợ chồng bà, mà riêng bà, bà thua mất một bát họ ngót nghìn của nhà cái, là bà Tham H...

Tôi nay buồn. Bà Th... nhắm con mắt vào cái

ngày mai mù mịt.

Ông chồng vẫn cầm cúi tính sổ như đương làm sổ "anh- vắng-te" cho một hãng buôn to; bà vợ, lục ngăn kéo rút lấy một quyển *Kiều* bìa đỏ, giơ lên áp vào sống mũi, suyt soạt mấy cái rồi làm bầm khăn lay "lục bộ" cái ả "đĩ ngựa" - nói theo lối Nam Kỳ - của triều Minh, ứng cho một quả thực hay, để bà biết, ngày mai đây, trong cái giải *double-évent*, con ngựa nào được mà con ngựa nào không được.

Ông chồng gác bút chì, ghé nhìn vào trang *Kiều* mà bà vợ vừa lật ra. Đôi tay trắng mịn run lên vì cảm động. Hai cái đầu xanh cúi xuống. Bà vợ đọc bằng một giọng du dương như đàn bà con gái hồi 1924 đọc văn "*Khóc chồng*":

Áo xanh đổi lấy cà sa,

Pháp danh đổi lại tên ra Trạc Tuyên.

Người chồng gật đầu ra về một nhà thông thái đương tìm một cái "ê-quạ-xông" (équation), nhưng không nói gì. Bà vợ, quán quyền *Kiều* lại cầm tay, đọc khẽ lại câu văn ban nãy:

- Áo xanh... áo xanh... à, thôi tôi hiểu rồi. Ngày mai, *double événement* có bảy ngựa chạy trong số đó có Promesse mà tên cười nó lại bận áo xanh. Còn "cà sa lại đổi tên ra Trạc Tuyên... Cà sa lại đổi"...

Bà vợ tán:

- Cà sa có lẽ là mùi nâu. Giô-kê cười con Brin d'amour vẫn mặc áo mùi nâu. Thế thì, chắc đánh con Promesse "suya" (sur) con Brin d'amour tất được.

- Tán *Kiều* ra thế thì xoàng quá. Theo tôi, cà sa là chỉ một vị tu hành. Vị tu hành thì đầu

trọc. Vậy ta tìm một tên giô-kê nào đầu trọc mà đánh, tất thế nào cũng phải ăn.

- Biết kiếm ra thế nào được anh đầu trọc? Giô-kê hết thấy đều húi rẽ hay chải phi-lu-dốp.

- Cũng phải... Cà sa... Cà sa. À! phải! Tôi nghĩ ra rồi. - Ông Th... vỗ vào đùi kêu hét. Một tia chớp loé ra. - Cà sa, mợ ơi! Thôi đích là cái chuồng *Casa... nova* rồi. Tôi phải đánh con ngựa ở chuồng ấy là con Passion mấy được.

Tán rộng, đã gọi là tán rộng, thì thế nào mà lại không nghĩa lý? Tôi không phải là một nhà viết báo chuyên bàn việc thế giới. Nên rất khâm phục hai vợ chồng ông Th... Nhưng tôi sẽ nói, tôi lại khâm phục một người hơn thế: cô Kiều. Vì lần ấy, cô Kiều nói đúng.

Giải *double évent*, hai vợ chồng bà Th...

đánh con Promesse (suya) Passion (4x5) được hai trăm tám mươi hai đồng sáu hào bốn xu.

Ôi! mĩa mai của may rủi!

Double évent, mà bói *Kiêu*, tán ra được như thế, đã là điều hãn hữu. Cô Kiều, không ngờ lại là một kỳ tài, có phép nhiệm bằng mười thế nữa. Cô chỉ nói hai câu rất nhỏ, mà lại còn chỉ bảo được cho người ta đánh *triple évent* nữa ư?

Đây này, câu chuyện. Ông P. Đ., chủ một xưởng gỗ lớn ở Hà Thành, một hôm, thấy người ta bói Kiều, đánh được, cũng viết giấy mượn tôi một quyển truyện bắt hủ của cụ Tiên Điền Nguyễn Du. Cũng suýt soát, cũng khăn lức bộ cô Kiều với Mã Giám Sinh. Giai tay trái, gái tay phải. Này này, trông tôi giờ:

Sương in tuyết ngựa câu tròn,

Cỏ pha màu áo, ruộm non da trời.

Một cuộc bàn tán của mấy tay sành sỏi trong nghề. *Sương in tuyết?* Đích là *Boule de neige*! Huống hồ, người cười nó lại mặc áo màu xanh da trời. Nên họ nhất định lấy *Boule de neige* vây xuống tất cả những ngựa chạy giải tư, để đánh *triple évent*. Hôm sau trên trường đua, ông P. Đ. có bao nhiêu vốn liếng đem ra cúng cả vào cái *triple évent*. Nhưng hỏng ngay từ cuộc đầu, vì có lẽ cô Kiều hôm ấy không thiêng, nên con *Boule de neige* đã bị con *Libellule* hạ một cách đích đáng. Ông P.Đ. ví có muốn thất cổ hôm đó cũng không còn tiền để mua lấy một cuộn giấy thùng ba xu nữa.

"Đúp" và "tờ-ríp" xong rồi, bây giờ đến "duy-mơ-lê".

Người anh hùng, bói *Kiều*, lần này là một kẻ

cũng theo đòi nghiên bút. Than ôi, tôi xin tự giới thiệu một cách rất ai oán: người ấy là tôi vậy.

Hôm ấy, tôi tập dần thân vào trong trận chiến tranh của may rủi. Muốn biết nghề, phải làm nghề, tôi theo đúng lời của người hiền, phải vậy không, các ngài? Vậy, trước khi lên chuồng đua, tôi cũng bắt chước những người đi trước. Thế là tự tri. Tôi cầm một quyển *Kiều*, sáng rõ tinh sương, nghĩa là bụng còn thanh khiết, ra giữa trời mà vái lạy Hoàng Thiên, rồi kính cẩn mở lấy một trang tay trái:

Bốn bề bát ngát xa trông,

Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia,

Bể bàng mây sớm đèn khuya,

Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.

Tôi hút thuốc lào. Tôi bóp đầu nghĩ ngợi. Cô Kiều đã rốc hết cả bầu tâm sự mà nói chuyện với tôi đêm ấy. Thưa các ngài, cô Kiều là một gái nói ra có lắm ý tứ thâm trầm. Tôi nghĩ... Tôi hút thuốc lào!.. Tôi lại nghĩ!... Có phải: Cát vàng là con Pompéi của chuồng Nguyễn Huy Hợi, jockey mặc áo màu vàng, mà bụi hồng là con Wanda, ở chuồng Casabianca, người cười mặc áo đỏ? Vậy nhất định cái *jumelé* ngày mai sẽ nghĩa là:

Cát vàng x Bụi hồng

Pomper x Wanda

Wanda hồi ấy nhất đàn ngựa hạng B. Mà con Pompei chưa có tiếng như bây giờ. Tôi đoán thiên hạ sẽ đổ xô nhau mà đánh Wanda x Pompei. Nhưng đối với tôi thì phải hết nhé! Đờn nào tôi dại. Mai tôi sẽ đánh: Pompéi x Wanda. Nhất là Pompei lại đeo số 1. *Nửa tình, nửa cảnh*... hai nửa chẳng là một, là

gì? Ấy thế!... Chỉ cần ngược một chút, nếu con ngựa mà người ta tưởng chỉ có thể về được nhì mà rồi nó về được nhất, thì phải biết!!... [22]

Tôi khôn thực. Câu ấy quả là câu sấm. Giải *jumelé* kết cục: *Pompéi sur Wanda* đúng như nhời tôi đoán. Tôi ăn một cách rất nhũn nhặn: một trăm hai mươi đồng.

Thưa cụ Nguyễn Du là người đã sáng chế ra cô Kiều! Cụ thực là ông Trạng Trình thứ hai, có cái tài biết trước rằng hôm ấy, giờ ấy, giải ấy có những con ngựa ấy chạy.

Cụ làm bốn câu văn kia không phải là để làm một cái quốc hồn quốc túy như ông Phạm Quỳnh đã nói. Tôi bảo cụ chỉ là một tọc-phít. Ngày xưa cụ làm *Truyện Kiều* thì ra chỉ cốt để bàn về đua ngựa, như mấy tờ báo hàng ngày năm trước. Xin cụ nhận cái bắt tay cảm tạ của một bạn đồng nghiệp về "cá ngựa"

là tôi!

Lại một cái ví dụ nữa.

Cụ Bảng B. là một người đánh sóc đĩa ngồi đã mòn không biết bao nhiêu là chiều của con nhà người ta. Lên trường đua hôm ấy, cụ thấy cái *pari* ^[23] *jumelé* trước (nhất nhì) là 3x4, chẳng hay cụ lắm nhằm nói với mình những thứ tiếng lằng nhằng gì không biết, cụ hích vào mạng mỡ một ông bạn già:

- Bác cứ đánh cho tôi. Thẻ nào cũng được.

Rồi cụ Bảng và ông bạn chung nhau tiền mà lại đánh vào 3x4 nữa. Ấy thế mà được thật. Chết chưa? Cụ bảo là nước bạc rền ^[24] đấy! Ngờ nghếch, lắm khi lại ăn người.

Ở Quận Ngựa, tôi đã thấy, như ở giữa cuộc đời, những anh khôn quá lại thành ra hỏng bét. Chữ tài liền với chữ tai. Ở đây, tôi lại bái

phục cụ Nguyễn Du thêm một lần.

Các ngài muốn hỏi vặn tôi chẳng? Này, nghe tôi kể:

Chủ nhật ấy, chuông đồng hồ chưa đánh hai giờ, đường Thụy Khuê và Bách Thú đã tấp nập những ô-tô và xe kéo. Vẫn vợ ở trong vườn ông Bảy, một người đàn bà tay mang một cái hộp Nhật Bản xinh xinh và một cái ô hoa đào, đi đi lại lại ở chung quanh hồ để hết xem chuông khải lại sang xem chuông nhím.

- Họ đi đâu mà đông thế, hử ông?

- Họ đi đánh cá ngựa, thưa bà.

Vừa ở tỉnh lạ về Hà, hai chữ "cá ngựa" như gợi trí tò mò bà khách lạ. Bà theo con đường dốc Thụy đi lên.

Ồ! đẹp!Ồ! đông!Ồ! lạ! Một đồng. Ông cho

cái vé. Bà khách lạ vào chơi quần ngựa. Thấy mọi người đi lại ghi-sê mua vé, bà cũng lảng vảng lại xem.

Rồi, thưa các ngài, trong mình người ta, dù đàn bà hay đàn ông, ai cũng có một con lợn ngừ. Con lợn ấy bỗng thức dậy; bà khách lạ giờ hào bao ra lấy tiền mua vé. Vừa may. Cuộc đua ấy có bán cả vé *pari jumelé*. Bà mua văng ngay con số một sẽ nhất, mà con số hai sẽ nhì. Chơi hú hoạ đó thôi! Đã chết ai chưa nào?

Không chết ai thực. Vì, hôm đó, con Picador (số 1) lại bắt đầu sung sức mà con Passe Partout (số 2) vừa mới trội lên. Thành thử con số 1 về nhất mà con số 2 về nhì thật!

Cả làng đánh con Quadrant của chuồng Nguyễn Huy Hợi và con Peiping của chuồng Hợp Ký. Hai con này về ba, tư. Thành ra bà khách lạ soi ngon ơ hơn nghìn đồng.

Hôm sau tôi hỏi thăm ra thì bà khách lạ này vốn ở Lao Kay về Hà Nội lần thứ nhất. Mà cũng đánh cá ngựa lần thứ nhất.

Từ đó nhân này, đường xa thăm như bước chân bà khách lạ, trường đua vắng hắt bóng tri âm, bạn đánh cá nhìn đã mòn con mắt, nhưng cùng với nghìn bạc kia, bà khách nọ của ta:

Một đi từ biệt trường đua,

Có về đâu nữa, đất Hà từ đây!

III. Nausicca, mày giết chết cha tao nhé!

1932. Hồi ấy, làm phóng viên cho một tờ báo hàng ngày, tôi xin thú thực là chưa để chân lên Quần Ngựa. Hàng tuần, cứ đến chiều thứ bảy thì một phong thư ở hội đua lại gửi đến

tận tay tôi. Uể oải giờ ra, lần nào tôi cũng thấy hai tờ giấy đánh máy: một tờ nói rõ về những giải ngày mai, còn tờ thứ hai thì là lời bàn con nào sẽ được nhất ở cuộc Gargantua hay con nào sẽ hỏng ở cuộc đua Desportes...

Bức thứ hai thường ký tên là *Dô-kê*. Nhưng sự thực là của hội đua ngựa viết. Viết ra để gọi cái tính tò mò của các người đọc báo, nghĩa là làm quảng cáo cho hội đua. Các báo hàng ngày, hồi ấy, thôi tha hồ mà đăng vào trang ba và trang tư, ấy là chưa kể báo *Đông Pháp* có bữa lại đăng lên trang nhì là khác. Mới biết các ông chủ báo hàng ngày ở nước này khinh lợi thực! Đăng quảng cáo cho trường đua mà không cần lấy một đồng xu nhỏ!!

Nhưng chính lúc quảng cáo nhiều như thế, hội đua ngựa lại vắng khách đến chơi. Hồi ấy, dân mình chưa ham cái thú chơi ngựa, và chưa chịu vứt tiền đi lắm, tuy rằng các báo

hàng ngày quảng cáo hoài một cách vô tình cho hội cá ngựa. Xảy ra một vụ đánh bạc ầm lên ở Hà thành. Trường đua mở một cuộc xổ số **Cash-sweep**. Một đồng một vé, giải độc đắc ăn 400\$, ai muốn chơi thì chơi! Mọi người xô nhau đánh. Vì người mình thua kém gì thì thua kém, chứ đánh bạc thì quyết chẳng kém mũi nào. Thú vị nhất là người nào mua vé **Cash-sweep** lại có quyền vào cửa không phải trả tiền, hôm xổ số ở trường đua!

Bà Liên ở sau hội chợ là một người trong những người đó. Thần tài, trong một tháng ấy, đã gõ cửa vào nhà những hai lần. Lần thứ nhất vào dịp mở số **Tombola**. Bà Liên trúng số độc đắc, được một cái ô-tô hơn hai nghìn. Là một người làm ăn buôn bán cần cù chẳng cần đến ô-tô làm gì cả, bà muốn bán lại. Nhưng trước khi để lại, chẳng nhẽ lại không biết mùi cái ô-tô của mình hay sao? Bà hãy vắn đi chơi cái đã. Hôm ấy mở số **Cash sweep**. Bà lên chơi Quần Ngựa để cho biết

trường đua và nhân thể để xem cái vé của mình mua có cái nào trúng không.

Trường đua! trường đua! Hồi ấy trường đua chưa đông khách như bây giờ. Nhưng nói thế không phải là để nói rằng chưa có những công tử, tiểu thư lên đó để thả tình thi tứ. Đây là một cậu có cái áo *smoking*, khoe khoang cái quần *rayé*, này là một cô mặc áo kiểu *hoa khế hoa sen* khoe những nét lồi lõm ưa nhìn trong thân thể. Đối với bọn này, trường đua là một chỗ "trung xướng". Nhưng không ai cấm họ, mỗi lúc ngựa về, cũng la cũng hét cũng cười rộ cũng tiu nghỉu buồn rầu như đi đưa đám tình nhân. Làm như thể mình là tay chơi sành sỏi lắm.

Bà Liên khác thế. Bà cần sự hồi hộp ở trường đua như anh và tôi. Không đến thì thôi, chứ đã đến thì phải chơi! Nhưng biết chơi ra thế nào? Bà ta bèn hỏi một người đứng cạnh. Cái ông bạn nhất thời kia lại

tưởng bà hỏi đánh *double* vào cuộc đua nào. Ông ta bèn trả lời gọn là kỳ 4 và kỳ 5. Bà Liên nghe nhầm là nên đánh con số 4 và con số 5, liền vào *ghi-sê* mua luôn vé 4x5. Ngờ đâu con 5 ở cuối thứ năm hôm đó là con Nausicca, đã lâu chỉ bì bà bì bạch lạch đà lạch đạch (như ông đốc tờ Chương) và về bết hoải; hôm ấy, sắp chạy, trời lại đổ mưa rào. Nausicca vốn là một con ngựa già, chịu được mưa gió, nên cứ thế là phóng một mạch về... trúng cử nghị viên - tôi muốn nói là con Nausicca về nhất. Tiếng hò! Tiếng hét! Tiếng than phiền! Tất cả trường đua, từ *tribune* đến *pelouse* ^[25] đều thua cuộc. Vì dù rằng có nhiều người cá trúng *cuối* trên là con 4, nhưng *cuối* sau thì ai ai cũng chọn con 3, con 2, con 6, thành thử cuộc *double évent* hôm đó chỉ có một mình bà Liên được cuộc.

Hồi ấy hãy còn ít người chơi. Nếu phải bây giờ, cái *double évent* ấy, phải ăn đến 2 nghìn đồng là ít. Bà Liên chỉ ăn có hơn bốn

trăm đồng. Nhưng vào hồi ấy, thế đã là một cái "cá" ăn to, nên tất cả trường đua đều lác mắt trông bà Liên mang số bạc khá đồ sộ kia lên ô-tô về. Trong khi ấy, bọn công tử và tiểu thư ở *tribune* bám chí nhau mà nhìn một cách thèm thuồng, có kẻ lại chán nản giơ hai tay lên trời mà kêu: "Nausicca! mày giết chết cha tao nhé!" và có anh tiếc của nằm lặn ra bãi cỏ, như muốn ăn vạ với Hội đua.

Từ đó, lòng tham của các khách chơi sôi nổi như nước triều hôm. Già trẻ lớn bé xô nhau đến đánh cá, những tướng kiếm bạc ngàn, nhưng đòi người dễ mỗi lúc người ta được may mắn như bà Liên và bà lái ở Lao Kay về Hà Nội?

Các báo hàng ngày được tin, nay một người thụt két, mai một người tự tử, mỗi ngày một tỉnh ngộ dần ra, và không làm quảng cáo cho hội đua ngựa nữa. Nhưng hơi muộn.

IV. Mẹ ơi, con hết vốn rồi. Con ơi, mẹ cũng đến ngồi nhà pha

1932-1938. Sáu năm trời, bao nhiêu cuộc đổi thay ở trên trường đua ngựa. Và bao nhiêu người đánh cá méo môi sò, vì bị thua cay. Đây là một ông bán ba cái nhà ở Cột Cờ vì những con *Raspoutine* với *Solitaire*; đây là một bà sơi đã lăm con *Rayon d'Espoir*, nhưng ăn hết lương chồng và com con, vì đã ngộ tưởng con *Velleda II* to lớn và mịn lông tất phải khoẻ dai và có nước rút lớn. Sự tưởng tượng giết người! Cô ơi, cô tưởng cứ con ngựa nào dài đuôi mà đánh cá, thì cô sẽ dễ chịu ư? Không! Nghề chơi cũng lăm công phu, cô ạ. Mà sợ dĩ nhiên người bị thân tàn ma dại vì cá ngựa cũng chỉ vì lấy trường đua làm một cái sòng bạc to được phép mở công nhiên, ấy là chưa kể Nhà nước lại còn đắp điểm, bù trừ cho là khác. Họ thua là tự họ. Nhà nước và hội đua mở ra cái thú chơi này, có bắt họ đến chơi đâu? Mà đã nói

đến Hội đua và Nhà nước, tôi đồ ai tìm được một lẽ cón con gì để phàn nàn được đây!

Bút tôi như muốn ngừng. Đã cho Quần Ngựa là một sòng bạc lớn, những người đánh cá tất phải tin ở đỏ đen. Tôi đã biết những người bói Kiều. Tôi đã biết những người đi lễ các đền chùa để cầu may. Tôi đã biết những bà cụ "ăn chay nằm mộng". Hôm nay, tôi xin dắt các ngài đến chơi một người bạn tiêu biểu cho một hạng đàn ông tin đen đỏ ở trên trường đua ngựa. Một căn nhà vào hạng trung lưu. Đây, các ngài xem, chủ nhân của nó là một ông tham Công chính, có cái vẻ gì là vẻ Đình Dù^[26] đâu. Vậy mà, xin nói ngay là ông đó tin dị đoan lắm nhé!

Hai kỳ trước đây ông ấy mượn kết^[27] của sổ một số tiền nhũn nhận là 150 đồng để lên gỡ gạc. Thua cay! Mà tiền thì cuối tháng này phải trả. Các ngài có biết ông ta làm thế nào không? Thưa các ngài, ông ấy về bắt vợ mặc

áo tân thời cẩn thận, đánh phẩn vào, bắt đi... Xin đừng có những ý nghĩ bi quan mà tưởng là ông bắt vợ ông đi... khách. Việc ấy có thể được lắm, nhưng đâu đã vội đến thế.

Ông Tham tôi chỉ bắt vợ đi lên Quận Ngựa (không nói bóng) mà thôi. Để đánh. Mà không đánh không được. Vì ông tin rằng thần tài hay đãi kẻ khù khờ, và đàn bà sẽ có may hơn. Đàn bà chẳng may hơn tí gì cả. Nhưng ông Tham của chúng ta không thế. Gọt cho trọc đầu ông đi, ông Tham vẫn cứ tin ở dị đoan, nên tuần sau ông lại cho con đi. Một cô con gái mới 12 tuổi, sự đời chưa biết mà vô tình đã bị bố vỡ lòng cho biết những bài học hay... về ngựa. Cho mới biết những sách giáo khoa của nhà học chính dạy con trẻ chớ nên đánh bạc, lắm khi vô dụng lạ.

Nhưng ông Tham không nản, tuy cô con gái của ông đánh cũng thua. Làm sao bây giờ? Con thua mà vợ cũng thua? Thì về nhà mời bà

mẹ đi bói cho một quẻ cầu tài. Rồi mời mẹ đi gỡ cho một buổi. Thần phật chắc hẳn sẽ độ cho các cụ già vì các cụ ra vào cửa phật luôn. Và nhất là bởi các cụ già... chay tịnh!

Có ai đã trông thấy những ngày chủ nhật, trên những chuyến xe điện đi lên Bưởi, một bà cụ già, cái khăn vải đỏ cầm tay, ngồi nói chuyện hết về con Risque-Tout lại đến con Gigolette? Các cụ ấy đi đánh cá ngựa. Mà đánh cá máu mê như bọn trẻ. Có khi hơn!

Tôi đã thấy những cụ già, chỉ còn đợi đông đủ con cháu là yên lòng nhắm mắt đi về với tổ tiên, mà trên quần ngựa, cũng lê đôi guốc lộc cộc, sờ cái ruột tượng màu xanh, rồi giờ cái bàn tay gân guốc ra vốc từng vốc hào để chung với các bà, các mẹ, đáng tuổi cháu dâu và chắt dâu mình. Các cụ ấy, như ngọn lửa lòng hầy còn bùng bùng cháy mạnh, nói chuyện cá ngựa rất sôi sảng, nào con số 1 nào con số 3, và cũng biết những thành tích

của con *Quaker* hay về đường ngắn mà khô, con *Limier* có nước rút rất tài, nhưng phải cái tội chỉ hay về đường lợi.

Tôi đã trông thấy ở quần ngựa những bộ áo nâu bạc vai, cái quần vải láng ống thấp ống cao, những đôi guốc long sơn, những cái ruột tượng bạc màu của các cụ sắp về cỡi thợ. Còn gì đau đớn cho bằng những con mắt trẻ lại phải nhìn thấy những vẻ mặt phờ phạc, lo buồn, những cái trán mồ hôi tuôn sôi làm bết những mớ tóc trắng như sương tuyết.

Các cậu bé cô bé đứng ở đầu này của cuộc đời, mỗi khi mách nước không trúng bị bố mẹ mắng cho tàn tệ: Chỉ được cái bẻm mép! Chỉ được cái lão thì không ai bằng! Tin miệng trẻ ranh có ngày chết! Thành ra những lúc đánh thua, bị bố mẹ mắng, cái cô bé cậu bé ấy tiu nghỉu, cũng cần phải chửi rửa làm bầm, nài nọ kìm cương, hay nài khác gian, "chỉ được cái nghề bán giải".

Như vậy, chưa chán. Ở quần ngựa, chán hơn hết là các bà các cô bị thua, phờ phạc mặt mày, phấn rơi ra từng mảng, cái quần mỏng mảnh ví có rách cũng không đủ tinh thần để biết.

Mê ngựa! Người ta đã thấy nhiều người đi làm "người ngựa" để lấy tiền gỡ gạc ở trường đua. Bọn này mê ngựa hơn mê chồng và mê trai. Trong óc, họ ghi đủ những đức tính khoẻ và dai của ngựa. Nhưng không ghi những đức tính ấy của chồng. Tôi nghĩ rằng các bà các cô ấy cũng như "anh tài tử chơi chim" của La Bruyère, ^[28] nghĩ ngợi về ngựa nhiều quá, đêm nằm cũng thấy mình hoá ra ngựa cả! Thành thử chỉ khó nhọc các ông chồng có những bà vợ mê ngựa và mê cá ngựa.

Tôi xin thề rằng nếu tôi có vợ như thế thì tôi... đã chết từ bao giờ rồi. Vì chỉ những nhời nheo nhéo bên tai, trong khoảng đêm trường,

bàn về... ngựa cũng đủ làm cho tôi hết ngủ. Và, cứ như thế mãi, thân tôi rồi đến như con nhái bén. Còn gì?

V. Con chó mực, người đàn ông và miếng thịt

Hôm nay, tôi xin kể cho độc giả nghe một câu chuyện về cá ngựa vừa làm sôi nổi dư luận các bà tham, bà đóc và các bà vợ tây ở Hà thành, chuyện mợ Xa.

Bà con phố Hàng Bát lấy làm lạ về chuyện mợ Xa rục rịch dọn về Thanh Hoá ít lâu nay, chủ nhật trước lại đổi ý kiến, lấy một người tây lai bán máy. Chuyện như sau này.

Mợ Xa là một gái con nhà thế phệt nhưng vì đại trai nên gặp phải bước lỡ lầm. Mợ hút thuốc lá, mợ nhẩy đầm, cuộc đời lên ngựa xuống xe làm cho mợ đã quá một lần gặp quá một ông nhân ngãi. Đến ông đóc Xa là người

tình thứ năm, mơ tìm được chốn yên thân, mơ nhất định "cai" hết cả các thứ chơi để làm một người vợ biết bổn phận, một người vợ tốt, một người vợ trong khuôn mẫu. Một người vợ lẽ. Vì ông đốc Xa đã có vợ cả ở Thanh. Mơ tuy là lẽ mọn, nhưng sống với chồng một cuộc đời đầy đủ trong 3 năm trời với ông đốc ở giữa Hà thành văn vật. Mà ở trong Thanh thì bà vợ cả ông Đốc và thân phụ ông Đốc là cụ Kiểm Hai vẫn không hay chuyện gì.

Bỗng mấy tháng nay, ông đốc Xa nhận được hết thư này thư khác của "ông via" gửi tới. Thôi! Thúc ông đã biết việc này rồi, Sinh và Kiều phen này, nếu không đến nỗi phải cúi đầu trước cửa công, thì ít ra cũng như đòn một chuyến và nhận nam én bắc chó không còn mong gì xum họp nữa.

Không đâu. Việc chưa đến nỗi nào. Thúc ông tân thời, không biết nghe ai hót chuyện đã biết cả chuyện giảng gió của con. Nhưng ông kín

chuyện lắm. Ông viết thư khuyên con "không nên say đắm nguyệt hoa" và ngỏ ý nếu chuyện "lấy con hai đã ăn sâu quá lắm rồi thì cũng nên lấy người ta, tội nghiệp!" Nhưng vợ chồng mới lấy nhau chớ nên vì mê nhau quá mà phao phí nhiều tiền. Ông già kia lại nghĩ thương con dâu cả của mình, bèn ngỏ ý với con trai nên thu xếp cho mợ hai về ở Thanh mấy tháng để mợ cả ra ngoài Hà Nội rồi cứ "cắt tua" nhau như thế, mỗi người ở vài tháng hầu hạ đức ông chồng bác sĩ.

Hôm nay, bác sĩ về kể hết cả đầu đuôi với vợ hai. Khóc lóc, nũng nịu, ôm ấp. Sau hết, mợ hai cũng nghe lời. Và hứa trong năm hôm nữa, mợ sẽ thu xếp xong để về Thanh với Thúc ông để cho người vợ cả ra thu xếp! Mợ hai phải thu xếp thật. Vì mợ ở riêng, không phải ở chung với chồng. Cái lối đàn bà nửa ra nhân ngãi, nửa ra gái "a-bon-nê"^[29] mà lại!

Bàn ghế mợ bán. Tủ áo mợ bán. Xe nhà mợ

bán. Con chó Nhật yêu của mẹ, Lily, mẹ cũng bán nốt lấy 30 đồng, thành ra lúc rũ tay mẹ có một cái vốn hơn ba trăm, nhưng mong về Thanh Hoá thì đem ra buôn bán hay làm ăn gì đó.

Thì câu chuyện cá ngựa tự nhiên ở đâu đến làm tan nát cuộc đời của mẹ.

Mẹ Hai vốn là một người rất ghét cờ bạc. Từ bé, có lẽ mẹ không ngồi đến bàn bạc bao giờ. Trên trường đua cũng vậy, mẹ không hề biết ngựa chạy ra thế nào, giải ăn như thế nào. Ấy thế mà mẹ hỏng cả cuộc đời vì cá ngựa. Mà nguyên do chỉ tại một giấc mê vô nghĩa. Mẹ Hai từ trước đến nay rất tin mộng. Mà mộng, từ trước đến nay, bao giờ cũng có một con chó mực làm chủ động. Con chó mực cắn người, ở trong nhà có người ốm; con chó mực gầy rảnh, trong nhà có người chết; con chó mực nhảy lên vui mừng, trong nhà có việc mừng. Mẹ nghiệm đúng lắm.

Lần này, có ba trăm bạc trong tay, mợ cũng nằm mộng thấy con chó mực. Mợ thấy như thế này: Mợ đến một chốn ồn ào những tiếng người cười nói. Con chó mực ở đâu tiến lại với một người đàn ông đã già. Người đàn ông ấy rút ở bọc ra một miếng thịt nướng thơm lừng giơ ra cho con mực ăn xong lại lấy miếng khác đưa cho ăn và cứ như thế mãi. Mà con mực ăn nhưng vẫn không tỏ vẻ vui mừng, ngoe nguẩy cái đuôi một lúc nào.

Giấc mộng ấy làm mợ Hai băn khoăn đến sáng. Mợ đoán nhiều lắm. Sáng hôm sau, một cô bạn đến chơi, cầm một chương trình cá ngựa, mợ lấy xem, và, có trời hiểu mợ đã đoán giấc mộng làm sao, chiều chủ nhật ấy mợ lên trường đấu mã. Đánh. Đánh lần đầu. Và không biết đánh cá thế nào, mợ cứ hỏi những bạn quen và thấy họ bảo sao thì đánh thế. Và mợ thua. Thua ngót 50 đồng, mợ tái mặt đâm lo, gỡ gạc đến sáu giờ chiều thì món

tiền ba trăm nọ chỉ còn trơ 80 đồng.

Ngày xưa, trong những cuộc chơi đồ chữ, những giấc mộng hoang đường đã làm hại nhiều người. Bây giờ, có bao nhiêu người cũng đã chết vì những giấc mộng, ở trên trường đấu mã?

Tôi đã biết nhiều người như thế! Nhưng không vụ nào làm cho tôi cười thầm bằng vụ mợ đóc Xa. Thì ra mợ đóc Xa đoán giấc mộng của mợ như thế này: người đàn ông kia là ông chủ quần ngựa, con chó kia là... mợ, mợ đương sống cuộc đời bình tĩnh thì tự nhiên có người đem thịt đến nhử miệng mèo - à, miệng chó, - mời ăn. Thì tội gì chẳng ăn, - mợ nghĩ.

Mợ nghĩ thế là lầm.

Con chó kia, sau khi thua cá ngựa, đã mở mắt mợ, - tiếc thay, hơi muộn. Mợ không phải

là con chó. Mợ là người đàn ông trong giấc mộng, có thịt, tự nhiên đem đến mời chó xơi. Mà con chó, thì tôi không phải dài lời nói.

Mợ Hai hôm ấy buồn tha thiết. Mợ về nhà, gặp chồng, không nói gì. Mợ không dám về Thanh nữa. Và người đàn bà định hoàn lương đó, ngày lại ngày, thành ra bị sa ngã, và một đêm trăng đẹp, người ta thấy đi chơi bước một với một người cai tây.

Đó là một chuyện khác.

Bây giờ, người ta chỉ biết mợ Hai không lên cá ngựa lần nào nữa. Mợ lấy chồng tây rất sung sướng, nhưng mợ buồn, lúc nào cũng buồn bã ủ ê như thương tiếc một giấc mộng vui tươi đã vỡ.

Tôi cũng buồn. Chẳng muốn viết tiếp thêm thiên phóng sự này làm chi.

Dư luận, Hà Nội, 27/6/1938; 4/7/1938;
11/7/1938; 25/7/1938; 1/8/1938; 22/8/1938;
26/9/1938.

-
1. Theo ghi chép lướt qua của tôi, các tác phẩm đăng Đông tây ít ra gồm: ký Vũ Bằng: Con ngựa già (s. 92), Con mèo vàng (s.107), Thăng say rượu (s.123), Con mẹ đại (s.128), Bà khộm (s.134), Cái vỏ riêm (s.137), Albert Dzoanh (s.142), Cô khóc (s.144), Thức đêm xem sách: "Trộm cướp" (s.145), Thăng ăn cắp (s.145), Miếng thịt (s.154), Một đêm (s.156), Coi xe (s.160), Vợ tôi (s.163), Thôi đừng làm (s.165), Một đồng ván (s.170); ký Tiêu Liêu: Vân Sà (mục "Cuốn phim" s.153), Hoàng Vân (s.157), Độc Tinh Tử (s.158), Ông Tò Toe (s.159), Bì sầu khách (s.164), Cô Chiêu, Cậu Cả, Bà, Ông Cụ...(s.169), Cú đúp (s.181). Xin nói thêm, sưu tập báo Đông tây hiện có ở Thư viện Quốc gia (Hà Nội), tuy không thật đầy đủ nói chung, nhưng là khá đủ để tìm lại tác phẩm Vũ Bằng đăng trên đó. Hồi ký Cai của Vũ Bằng đăng T.B.C.N. từ số 138

- ("sổ thuốc phiện", 29/11/1942); in thành sách riêng lần đầu tại Nxb. Tân Dân, Hà Nội, 1944; tái bản tại Nxb. Hải Phòng năm 1996, 2000; Bàn về tiểu thuyết của Vũ Bằng đăng T.B.C.N. từ số 216 (20/8/1944) đến số 232 (10/12/1944); in thành sách lần đầu dưới nhan đề Khảo về tiểu thuyết (Phạm Văn Tươi, Sài Gòn, 1955); được tập hợp trong cuốn Khảo về tiểu thuyết (Những ý kiến, quan niệm của nhà văn, nhà nghiên cứu Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945) do Vương Trí Nhàn sưu tầm và biên soạn, Nxb. Hội Nhà Văn, 1996.
- 2.

- Một số thông tin về tuần báo này của soạn giả Nguyễn Thành trong Từ điển thư tịch báo chí Việt Nam (Hà Nội, 2000: Nxb. VHTT, tr. 657), theo tôi, cần được kiểm tra lại, ví dụ cho rằng tuần báo này bỏ chữ "tân văn" trong tên gọi từ 31/1/1943, trong khi tờ nhật báo gắn với nó (Trung Bắc tân văn) đã thôi tồn tại từ tháng 4/1941. Hoặc, cho rằng số cuối cùng của Trung Bắc chủ nhật là số 257 ra ngày 12/8/1945; trong khi đó, sưu tập báo này hiện còn tại Thư viện Quốc gia ở Hà Nội có đến số 261 (9/9/1945); và trong sưu tập microfilm chụp lại từ bộ sưu tập lưu chiếu ở Pháp thì có đến số 262 (16/9/1945); như thế ngay việc xác định điểm dừng lại cuối cùng của tuần báo này cũng chưa có dữ liệu chính xác
- 3.

Tôi cho rằng văn học (gần đây có người muốn dùng lại từ "văn chương") sử dụng báo chí như một trong những kênh tồn tại của mình, chứ không đồng nhất với báo chí. Tuy vậy, trong sự phát triển của mình, ví dụ ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế

4. kỷ XX, nghề văn gắn khá chặt với nghề báo. Từ cuối thế kỷ XX, nghề báo tách khỏi nghề văn, tuy báo chí vẫn là một trong những kênh tồn tại của văn học, đồng thời báo chí vẫn là môi trường truyền thông trên đó diễn ra một phần đáng kể đời sống văn học.

5. Có lẽ là một từ tiếng lóng về giới cá ngựa; chưa rõ nguồn gốc từ này.

6. Săm (âm chữ Pháp *chambre* = *buồng, phòng*): phòng cho thuê, thường ám chỉ nơi chứa dĩ điểm.

7. Mi-dăn-sen (chữ Pháp: *mise en scène*): sự dàn cảnh, sự sắp đặt, bố trí.

8. Sa-sĩ-bi: tên của nhà văn Anh Shakespeare (1564-1616) đọc theo lối Hán hoá.

9. *Phỉnh lậu* là dĩ không có giấy; *Phỉnh vàng* là dĩ có giấy (nguyên chú)

Đường Carnot: nay là đoạn đường Phan Đình

10. Phùng nội với đường Hoàng Hoa Thám, cạnh vườn Bách Thảo, Hà Nội.

11. Chuy-ô: từ tiếng Pháp *tuyau* (nghĩa đen là "ống") được dùng như tiếng lóng để chỉ "nguồn", "đường dây".
12. Đô-kê (chữ Anh *jockey*): người cưỡi ngựa đua.
13. *Paddock* (chữ Anh): bãi quây ngựa.
Guichet (chữ Pháp): cửa giao dịch, cửa bán vé, cửa thu tiền.
14. *Surréaliste* (chữ Pháp): người theo chủ nghĩa siêu thực.
15. *Tribune* (chữ Pháp): khán đài, nơi ngồi xem thi đấu thể thao.
16. *Jumelé* (chữ Pháp): cặp đôi.
Finances (chữ Pháp): sở tài chính; trụ sở cơ quan tài chính Đông Dương (nay là trụ sở Bộ ngoại giao) được người Việt đương thời gọi là "sở Phi-năng".
17. La Mecque tức Mecca hay Makkah (tên đầy đủ: Makkah al Mukarramah) là thành phố thánh địa của đạo Hồi; mỗi tín đồ phải ít nhất một lần trong đời hành hương về đó.
18. "*La chevauchée des Walkyries*" (chữ Pháp): Cuộc dạo chơi của nữ thần Chiến Tranh.
19. *Triple évent* (chữ Pháp): một ăn ba.
20. Trong lời nói thông tục trước đây, "phải biết" mang
- 21.

hàm nghĩa như là "ra trò nhé!"

23. *Pari* trong ngữ cảnh này nên hiểu là "cuộc đua", "lần đua", "trận đua".

- Rên*: tình trạng lặp lại liên tục, quá lâu hoặc quá nhiều so với bình thường (*Từ điển tiếng Việt*, 2006, của Viện ngôn ngữ học).
- 24.

- Pelouse*: bãi cỏ (ở đây trỏ những người đứng dưới sân trường đua, phân biệt với những người đứng trên khán đài)
- 25.

- ý nói, người này (ông tham Công chính) không phải kẻ quê mùa khờ khạo ("Đình Dù" ở đây là nói tắt của "Lý Đình Dù", một cách gọi đương thời, trỏ đám hương chức quê mùa khờ khạo khi ra thành phố).
- 26.

27. "Két" (âm chữ *caisse*): hòm, tiền mặt, ngân quỹ.

28. La Bruyère, Jean de (1645-96), nhà văn Pháp.

29. *Abonnée* : được bao; *gái abonnée*: gái bao.

Năm 1940

KHÔNG ĐÓ THÌ ĐÂY

Phóng sự

*Dưới đề mục này, thường đặt ở đầu các số TBTVCN trong năm 1940, Vũ Bằng viết dưới bút danh Tiêu Liêu, đề cập đến các chuyện thời sự trong tuần trước. Các kỳ đăng tập hợp được, tôi xếp chung thành một bài lớn, nhưng có ghi xuất xứ của từng kỳ đăng báo.
(CHÚ THÍCH CỦA NGƯỜI SƯU TẦM)*

Thứ hai - Vì lúc này nước Pháp không thể cung cấp hộ như trước nữa, nên Đông Dương phải chịu lấy món tiền về hải lục không quân, mà riêng xứ Nam Kỳ phải trả 2 triệu 200 nghìn đồng về việc đó. Số tiền đó,

kiếm đâu ra? Báo *Effort* bàn nên đánh thuế những anh chàng nhiều vợ.

Hay! Nhưng sao lại bắt công như thế, chỉ đánh những anh nhiều vợ mà thôi? Tôi tưởng ta nên bàn với Chính phủ ở đây đánh thuế cả những ả nhiều chồng, và nếu cần thì đánh thuế cả những anh chàng chị chàng đã lớn tuổi mà không có vợ có chồng nào cả. Những hạng sau này là hạng "trốn nợ" không muốn đẻ con giúp nước.

Còn hạng đàn ông nhiều vợ, tôi tưởng không những đáng thưởng mà thôi, trái lại, lại còn nên khuyến khích là khác nữa. Và lại, nhiều vợ, cái kiếp anh đàn ông đã khổ lắm lắm rồi, bây giờ lại đánh thuế nữa thì tội nghiệp cho họ quá!

Thứ ba và Thứ Tư - Ở Biên Hoà, Nguyễn Văn Xòn 57 tuổi, mù cả hai mắt, có một người vợ trẻ mê một chú tên là Xuông.

Một hôm, Xòn đi chơi về nghe thấy tiếng Xuông với tiếng vợ mình ở trong phòng, Xòn giận quá, xông vào phòng và tóm được cả đôi gian phu dâm phụ, đâm vào hông và bụng bị thương khá nặng.

Mù cả hai mắt mà tóm được cả gian phu dâm phụ, Nguyễn Văn Xòn thực là tài. Mà xem như thế thì lắm khi có con mắt cũng chẳng làm gì cả...

Xem như chuyện anh thầy bói sáng ở Ninh Bình mới đây thì biết. Lý Đ. ở phố Phúc Sơn đương bị bệnh tình day dứt một hôm tìm đến một ông lóc cóc (chết) tử chết tiết để xem. Ông này sáng cả đôi mắt hùng hồn phán cho con bệnh biết rằng ông ta bị ma Mùong làm, nếu không chữa ngay lập tức thì còn ba hôm nữa chết. Lý Đ. không nhìn được cười và cũng không nhìn được tức, sẵn gậy của thầy bói đấy, bèn giả vờ như bị ma Mùong làm thực, đánh đá lung tung và hơn nữa, cứ đầu

thầy bói mà phang lia lịa. Sau thấy có một cuốn sách chữ Hán để đó, Lý Đ. bắt anh thầy bói sáng kia phải đọc mấy chữ để xem thì té ra là... Thừa các ngài, anh thầy bói sáng ấy cúi xuống lạy con bệnh và thú thực rằng mình chỉ là một anh.. hàng phở thất học từ năm lên một!

Anh thầy bói sáng nọ, thoát nạn phen này, làm gì mà chẳng muốn chọc đôi con mắt cho đui để nói và làm "bách phát bách trúng" như Nguyễn Văn Xòn trong Biên Hoà.

Thứ Năm và Thứ Sáu - Hôm 22, hai quan viên là B. và T. cao hứng vào chơi nhà đào H. ở Bắc Giang và hát xong định đánh bài "tầu mã" nhưng không được, hai vị quan viên nọ bị cô đầu xé rách áo tan tành và đành phải cời trần trùng trục như Hứa Chử và mang một mối hận thiên thu ra về.

Bị cô đầu đánh rồi lại bị cô đầu lột áo quần,

cái nghề quan viên ở đất này rõ là bị coi thường và bị "bóc lột" quá, còn chờ gì mà không hợp nhau lại thành ái hữu để "củng cố" cô đầu và đối phó lại với họ những khi bị "lột"?

Thứ Bảy - Cụ Lê Chúc, quán làng Phúc Lộc thuộc phủ Diễn Châu ở Nghệ An nhờ trời phù hộ đã được 50 tuổi, nhưng vẫn chưa có cậu con trai nào để nối dõi sau này. "Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại", ông bèn bàn với cụ bà lấy một ả hầu non đảm bốp, nhưng chết một cái cụ bà lại hay ghen, thành thử hợp ước vẫn chưa bao giờ ký cả. Tức mình, cụ Lê Chúc bèn đi ăn thịt chó cho hả giận và ở cửa hàng thịt chó, cụ gặp một cô hàng rượu thật ngon, - ngon cả người và ngon cả rượu. Cụ bèn dùng lối đại tán công chớp loáng tán luôn và chỉ ít câu sau, ở một cái "pô-pốt"^[1] kia, cụ và cô đã chung sống một cuộc đời tươi đẹp và phóm phém. Bất ngờ cụ bà biết. Và rình đúng lúc cụ ông say đương ngâm câu: "*Còn*

giời, còn nước, còn non, Còn cô bán rượu, anh còn say sưa", thì bà cụ xông vào hét lên ba tiếng và xé quần xé áo cụ ông trần ra như nhộng.

Vừa giận, vừa xấu, cụ Lê Chúc về nhà nhất định bắt chước luôn những anh quá khích hồi trước ở các nước, tuyệt thực để phản đối chính phủ, - cái chính phủ "ma phăm".^[2] Ba ngày liền cụ không ăn gì cả mà chính phủ vẫn không chịu nhượng bộ, cụ Lê Chúc tức quá bèn lên gác ba tầng thiết lễ cúng tổ đường và cha mẹ xong, quăng bát hương thờ tổ xuống gác và treo cổ lên xà nhà tự tử.

Tự tử? Thế mới rắc rối tơi. Muốn tránh tội bất hiếu, nên bàn với vợ lấy vợ lẽ cho mình có con. Ông già Chúc đã chẳng có con thì chớ lại chết quách nữa, thành ra bất hiếu một lần không muốn lại muốn bất hiếu hai lần. Và biết đâu đấy? chẳng bất hiếu ba lần, bất hiếu bốn lần, vì ông ta để những hai vợ ở lại trên trần

thế... bồ coi bồ cúť.

Chỉ nên lấy làm lạ sao ông già kia lại vớ vẩn đập bát hương thờ tổ trước khi treo cổ lên xà nhà? Người ta nghĩ rằng ông già Chúc không biết câu hát "*Gái kia chồng chẳng nằm cùng; Tức giận ðùng ðùng ném...chó xuống ao*", nên mới làm một cái cử chỉ... bất hiểu thứ năm như thế! Nghĩ mà buồn!

TIÊU LIÊU

Trung Bắc tân văn chủ nhật, Hà Nội,
s. 30 (22/9/1940)

Thứ hai - Vừa rồi quan Thống sứ Bắc Kỳ vừa gửi một tờ thông tư nhờ các quan đầu tỉnh để ý đến lối dùng chữ đề biễn của các nhà giồng răng. Theo điều nhận thấy của ngài thì một số nhà trồng răng Khách và ta, muốn quảng cáo cho cửa hàng cửa họ, ðã dùng những chữ to quá, - như chữ nha y sĩ

(chirugien dentiste) chẳng hạn - để cốt bíp bọn người. Quảng cáo như vậy là nói phét. Quảng cáo như vậy là lạm dụng. Không thể được nữa, cái lỗi quảng cáo đó phải trừ cho tiết hết đi.

Thứ ba - Thấy tờ thông tư như thế, nhiều người lấy làm lo cho những ông lang băm lang bỗ ở đây, không giỏi chữa bệnh, nhưng giỏi làm những quảng cáo dùng toàn những chữ "đao to, búa lớn".

Tuy vậy, ta phải nhận rằng cái lỗi quảng cáo đó, các ông lang ta độ này đã thấy đỡ rồi, nhưng một hạng người nói phét mới đây lại hiện ra và làm cho người ta khổ vì những thứ quảng cáo kêu vang như sấm nổ (hay một chữ cũng na ná thế). Đó là những ông văn sĩ của những nhà xuất bản "ma chơi" tự mình viết những quảng cáo ca tụng mình. Mà những quảng cáo đó như thế nào?

- Đây là một tác phẩm mà dịch giả, ông Mỗ, đã không cầm được nước mắt khi chữa lại *épreuves*.^[3]

- Đây là một cuốn truyện mà chính tác giả, ông Mỗ cũng phải nhận là hay nhất trong những tác phẩm mình đã viết...

- Cuốn văn mà ông Mỗ dịch đây là một cuốn tiểu thuyết mà chính ông Mỗ đã phải nhận là hay nhất...

... Tuồng như là ông Mỗ dùng để làm *unité*^[4] đo sự hay dở của văn chương nước khác y như lúc nhỏ ta đã học: "*Le litre est l'unité des mesures de capacité*"^[5] vậy.

Thứ tư - Nghề văn bằng quảng cáo hay ho được đến thế, ta cũng nên lấy làm mừng. Duy chỉ có những ông bán dầu "cù là" trên xe lửa phen này thật là tha hồ mà lo, - lo có một bọn người trong xã hội xưa nay vẫn có tiếng là có

ăn học ra tranh mất cái nghề: "Dầu cù là... nào! Trong uống ngoài xoa, mua một biếu một, các người chớ có bỏ lỡ một dịp may hiếm có!"

Thứ năm - Xã Cự Linh, phủ Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh vừa xảy ra một chuyện thầy dạy võ vụt một gậy vào đầu Nguyễn Xuân Tảo tức thì người trò ấy trở vào nhà thương được ba ngày thì chết.

Nhiều người đọc kiếm hiệp nghe thấy tin này đều lấy làm hồi hộp và đã đi hỏi dò cho kỳ được cái tên thầy võ kia đã đánh cái miếng gì mà hay thế, hay hơn cái miếng "*kim kê sao nguyệt hoãn*" ở trong truyện kiếm hiệp và võ hiệp vẫn đăng trên các báo hàng tuần và hàng ngày nữa.

Thứ sáu - Nói đến chuyện võ hiệp và kiếm hiệp tung phép lên trời và thả ra những cái hồ lô biết bay, ta không thể quên nói đến tàu bay

Nhật ở quân đội Quảng Đông hôm 23 đây, bay lượn ở trên đất Bắc Kỳ. Các máy bay ấy không định bay đến địa phận Hà Nội. Còi báo động kéo lên hai bận gần như liên tiếp nhau. Bận thứ nhất từ 12 giờ 15 đến 12 giờ 47 phút; bận thứ hai từ 12 giờ 55 đến 2 giờ kém 15 mới lại có còi báo hết. Thành phố Hà Nội, Sơn Tây, Bắc Giang, Hà Đông, Bắc Ninh đều có báo động và nhón nháo cả lên. Mọi nhà đều đóng cửa. Nhưng có một điều rất đáng phàn nàn là ở Hà Nội và các tỉnh khác một số đông đàn bà con trẻ và cả đàn ông nữa, không biết trọng trật tự, cứ đứng nghe ngửi ra giữa đường mà cười nói om xòm, có ông lại ghéch mũi lên gòrì để xem "Dục-pôn phi ký" là khác nữa. Họ không sợ? Họ không sợ mất mũi của họ, cái đó đã đành rồi, nhưng họ có biết đâu rằng họ làm như thế tức là làm hại cả đến sự trật tự chung.

Nói tóm lại, bao nhiêu việc đáng tiếc đó sở dĩ xảy ra chẳng qua là vì những người ấy không

biết gì cả; họ không biết bom đạn tai hại như thế nào. Và cũng bởi họ điếc. Điếc không sợ súng!

Thứ bảy - Sáu giờ sáng hôm 24/9/40, lại có còi báo động, từ 6 giờ kém 5 đến 8 giờ rưỡi hết. Và luôn hai hôm 25 và 26/9/40 cũng lại có còi báo động nữa. Sở dĩ có còi báo động luôn như thế là vì có phi cơ Nhật Bản bay lượn ở trên thành phố Hải Phòng và đến gần Hà Nội.

Theo đúng hợp ước, quân Nhật đã tới Hải Phòng ngày thứ năm 26/9/40. Lúc báo này lên khuôn, tình thế đã yên. Sự hiểu nhầm đáng tiếc đã dàn xếp xong: những xe bò đồ đạc đem đi lánh nạn đã lại lù lù dẫn về, những ông quần soóc dắt dao găm và những bà búi tóc ngược mặc giả làm đàn ông hùng dũng tợ... chạy về quê trốn tránh đã lần lượt kéo nhau ra tỉnh để làm ăn như thường. Mà cả các cô trốn nhà đi lánh nạn với trai ở... phòng

ngủ cũng đã về với bố mẹ anh em ở nhà. Đó là điều nên mừng nhất!

TIÊU LIÊU

Trung Bắc tân văn chủ nhật, Hà Nội,
s. 31 (6/10/1940)

Thứ hai - Sang đến tuần lễ vừa qua tình hình trong nước ta đã yên lắm, không còn như tháng trước. Ngày 7 Octobre, các trường công đã mở cửa để đón học trò. Phố xá lại sáng sủa như thường. Cảnh buôn bán lại sầm uất. Quân lính còn lại ở Lạng Sơn đã trở về. Theo đúng hợp ước, phi cơ Nhật đã đến trường bay Gia Lâm và quân Nhật đã đóng ở Hải Phòng.

Những người bị nạn bom ở đó đã được làm lễ an táng chu tất lắm. Các quan chức Nhật nói sẽ đền tiền cho những người bị nạn bom nổ ở Hải Phòng. Hải Phòng lại sống trong

một không khí yên vui ngày trước. Khắp mọi nơi, người hiếu kỳ đều muốn đến xem cái thành phố nhộn nhịp kia và những hiệu cao lâu, những cửa hàng buôn bán lại được dịp làm ăn sầm uất. Cố nhiên là có nhiều nhà lợi dụng lúc này để đầu cơ. Những bọn đầu... trộm đuôi cướp lúc này không hoành hành được mấy tý bởi vì họ đã bị liệt vào bọn "thanh tích bất hảo" và đem đi an trí một chỗ rồi. Nhưng ai đã đi qua ải Phòng, nhất là vào hồi này, thì cũng đều phải nhận rằng bọn "chạy" hoành hành dữ quá: chúng nó ăn cắp một cách rất công nhiên đến nỗi bắt không xuể nữa.

- Đó là vì túng đói mới phải sinh ra như thế, cái đó đã đành rồi, nhưng ta không thể không nhận rằng chúng nó mà hư hỏng như thế cũng tại vì lười biếng. Cho nên ai thì không biết, chứ riêng tôi thì tôi cho cái nạn "chạy" đó, lúc này hơn cả bao giờ, ta phải trừ cho thật tiết đi!

- Bắt bỏ tù? Vô ích!

- Cho lên nhà Trừng giới để dạy dần dần?
Chưa chắc đã có kết quả đâu!

Âu bằng, từ giờ trở đi, ta cứ xin nhà chức trách thi hành một chính sách rất gắt gao mà thực tế vì tôi nghĩ rằng dù xấu đến đâu, dù đến nghiện thuốc phiện là khó bỏ nhất, mà cứ thẳng tay để trị thì đâu cũng vào đó hết.

Một nước muốn tiến không thể do dự được. Vậy kể từ bọn chạy trở đi ta phải thi hành một lối trừng trị rất gay go là vì bắt được tên ăn cắp nào lần thứ nhất thì bắt nó vén tay lên để ta trảm một chữ "cục" vào là tốt nhất. Đến lần thứ hai, nếu như nó không chừa, ta trảm hai chữ "cục" vào ngực, mà nếu nó vẫn không chừa nữa thì cái hình phạt cuối cùng lúc ấy sẽ giở ra là ta lấy ngay cái trán nó mà trảm hai chữ "cục". Có gọi là đến chết cũng

không rửa được nhục nhé!

Mà chúng ta, chúng ta, lúc ấy, đại gì mà thấy một người có ba chữ "cực" khắc toét toét loe trên trán, chúng ta lại chẳng đưa hai tay vào túi mà đề phòng quân "chạy"! ... cho những đồ vật hay tiền bạc trong túi ta đừng chạy đi?

Thứ ba - Theo các báo Pháp thì năm nay có lẽ không có phần thưởng của Hàn lâm viện Goncourt tặng cho các văn sĩ Pháp.

Kiểm duyệt bỏ

Vả lại, từ khi ông Rosny aîné ^[6] tạ thế, thì chỉ còn có 9 ông Hàn trong viện Hàn lâm Goncourt mà thôi, 9 ông này lại ở rải rác khắp nước Pháp. Ông Sacha Guitry hiện ở Paris, các ông René Benjamin, Lucien Descaves và Rosny jeune cũng ở tại những miền bị chiếm. Ông Leo Lagnier thì ở tại

quận Gard. Ông Léon Daudet hiện ở gần Limoges, Ông Jean Ajalbert ở Cantal, còn Ông Roland Dorgeles thì hiện ở Marseille. Ông Francis Carco, hiện ở Nice, viết rằng: "Phải có chiến tranh và những sự thay đổi như thế này thì các văn sĩ và nghệ sĩ mới nhớ nơi cố lý". Thật là một câu nói đượm một vẻ buồn triền miên cho số phận con nhà cầm bút và ta thấy đầy một tấm lòng thương xót nhau, mến yêu nhau.

Nhưng đó là nói về văn sĩ Pháp. Còn văn sĩ ta?

Văn sĩ ta trong lúc thế giới đương trải nạn chiến tranh thảm khốc, nhờ trời vẫn được bình yên, chưa được gột rửa khỏi óc và biết đến "lòng thương" là thế nào nên chỉ ra công mà chiến... thuốc phiện ở những tiệm hút công khai và nói khoác nếu không phun ra những nọc căm tức và đồ ky!

Thuộc phiên dăm ba điều vào rồi, họ coi trời bằng vung cả, và bất cứ nói đến một kẻ có tiếng tăm nào, họ cứ dương cái mắt trắng dã, vêu cái môi thâm hay hát cái đầu bù bù mà "xô toẹt" cả, chỉ bởi một lẽ những kẻ có tiếng ấy không vào một "cờ-lăng" ^[7] với họ. Họ có biết đâu làm như thế là bỉ ổi? là hèn? là thấp kém?

Cái tài của người ta, phải đâu chỉ ở chỗ quảng cáo thật trơ, mà cũng không do ở chỗ "hạ" người khác xuống. "Hạ người khác xuống thì trời lại nâng họ lên cao" câu ấy đã viết ở Sấm truyền, ^[8] họ đã từng ngã vào mấy trang truyện ngắn của Stephan Zweig ^[9] sao lại còn không biết. Cho nên dù tôi sợ chiến tranh đến thế nào đi nữa mặc dầu, tôi cũng cứ phải nhận rằng chiến tranh tuy vậy cũng đã làm ích cho văn sĩ và nghệ sĩ không phải nhỏ. Biết bao giờ cho mấy ông văn sĩ chỉ biết nằm tiệm kia mở mắt mà nhìn thấy sự thay đổi ở Âu châu?

Thứ tư - Thiếu tướng Nishihara được cử sang Đông Dương trong khi đang giữ chức giám đốc trường đại binh bị nên không thể ở lâu được Đông Dương. Vì vậy, chính phủ Nhật đã cử nguyên soái Sumita sang đây giữ chức trưởng đoàn phái bộ Nhật. Nguyên soái Sumita là giám đốc trường trọng pháo (Ecole de l'Artillerie lourde) đã từng làm uỷ viên quân sự tại toà đại sứ Nhật ở Paris từ năm 1933 đến năm 1938.

Thứ năm - "Ông Vũ Đình Song một điền chủ giàu có nhất xã Trường Loát, phủ Nghĩa Hưng (Thái Bình) đã từng đi lính đóng cai và làm hộ phó Sầm Nứa, nay về quê làng, muốn đem tiền mua lấy chức công danh trong dân xã. Hồi tháng Mai năm nay, thấy trong tổng khuyết chân chánh tổng, ông Song quyết ra tranh cử, nhưng khi đã đầu đơn rồi thì có phó tổng Trần Hữu Chương ra tranh. Biết không đủ lực lượng đối với người tranh mình, ông

Song mới nghĩ cách đem tiền ra lo chạy, thì vừa có ông Võ Văn Lý ngỏ ý muốn giúp ông. Theo lời ông Song thì ông Lý nói có quen một viên giáo sư có thể lực, có thể chạy được chức ấy. Ông Song cùng Lý đến nhà viên giáo sư ấy. Viên này bảo ông nạp bằng cấp của nhà binh phát cho và 2000\$ để lo chạy. Nhận tiền rồi viên ấy bảo ông cứ về nhà đợi, đến kỳ bảo cử sẽ ra và không cần mua cử tri nữa. Ông Song mong đợi đã mòn con mắt, cho đến tháng sau, ông lại nhận được thiệp của phó tổng Trần Hữu Chương mời ăn khao, vì y đã trúng cử Chánh tổng. Ông Song bèn cùng ông Lý tới nhà viên giáo sư hỏi thì viên ấy nói một giọng lạnh lùng là Song kém với chánh tổng Chương, không thể lo được, còn số bạc hẹn hôm sau đi Hà Nội về sẽ trả. Đến kỳ hẹn, ông Song lại đến hỏi thì viên ấy nói đã giao cho ông Lý trả 1000 đồng còn 1000 đồng nữa sẽ trả sau. Ông Song có đơn kiện, nhà chức trách đương tra xét..."

Xuất 2000 đồng bạc để mua một chức chánh tổng! Xi! Rõ đã đứt ruột (ruột người và ruột... tượng) chưa?

Cái tính di truyền ham danh chuộng tước của người mình, in vào trong óc mỗi người rất sâu, cho đến ngày nay đã chung đụng với những người văn minh mãi mãi rồi mà cũng không sao rửa sạch, thật là đáng tiếc. Cho nên đọc xong cái tin trên, những người hữu tâm không thể không khỏi buồn rầu. Họ bảo: Phải chi tên Vũ Đình Song đó xuất số tiền ấy làm việc ích chung thì đáng khen biết bao nhiêu. Tiếc vì y có cái não ham chuộng hư vinh nên mới có kẻ gãi nhắm chỗ ngứa mà toan gạt, kẻ đi phỉnh vẫn là vô lương tâm mà người xuất tiền mua danh cũng đáng một bài học vậy.

Phải lắm. Phải lắm. Nhưng ông bạn hữu tâm không biết cho rằng cái lỗi đó không phải chỉ riêng của kẻ mua danh. Nếu ta cần kẻ tội thì

ta phải kể tội cái óc dân mình trước đã, ở đình trung không có một chức tước: không sang; ở tỉnh lỵ không có tiếng quan phán quan tham: không gồm.

Sự tiến của dân tộc vì đó mà cứ thụt lùi dần bởi vì người ta không biết bốn phận là thế nào, giá trị làm người là thế nào. Họ chỉ cần có một cái tiếng thôi cũng như anh giàu hà tiện chỉ cần được kêu là giàu là đủ chứ có cần gì ăn ở cho đầy đủ bao giờ đâu?

Tôi tưởng rằng một người như Vũ Đình Song ít ra cũng còn dám bỏ tiền ra để người khác tiêu hộ, dù là hấn mắc bệnh hư danh. Chứ những kẻ chôn tiền ở thôn quê thì mới thực là những hạng người đáng cho ông bạn hữu tâm của tôi nhieć móc om sòm vậy.

Thứ sáu - Ít lâu nay, không cần phải để ý gì cho lắm, ai ai đọc báo hàng ngày thấy đều thấy... rùng mình. Không, không phải vì một

ngày Đức đem đồ 120.000 kilos bom hạng nặng xuống đảo Anh-cát- lợi đầu, nhưng rùng mình bởi chính những việc ở nước ta: ít ngày lại có một vụ đồ máu, mà không phải đồ máu thường đầu, mà lại đồ máu ghớm ghếc, tưởng tượng như xưa nay chưa từng có.

- Ở Thái Bình, hồi 2 giờ đêm 29/9/40, một vụ giết người rất tàn bạo, kẻ bất hạnh bị chém chi chít tới 18 nhát dao khắp mặt như băm bầu, cổ bị ghì bóp sưng to.

- Giữ cháu gái không cho về với chồng con, bà phủ Huê Sài Gòn bị cháu rể chém chết. Thủ phạm đâm vợ hàng mấy chục nhát dao xong đi đến nhà hội đồng nộp mình.

- Ô. Hoàng Đình Kỳ thư ký toà Khâm, Huế, cầm dao mổ bụng tự tử vì tình hay bị ai... ám sát?

- Ở Bắc Ninh: Vào nhà đề bạn xuống chợ

tiết mà mồm vẫn cười và nói: "Tôi giết anh đây!"

- Ở Hưng Yên: Một ông già 71 tuổi đang ngủ bị con giai chặt đầu xách bỏ hòm bởi vì "Để cho bố tôi sống sợ lộ thiên cơ, nên giết đi cho nó tiêu thoát".

Tôi đan cử mấy vụ án mạng gần đây để độc giả biết chơi chữ quả thực ít lâu nay những vụ án mạng như thế thực nhiều và thực khiếp; cần nói những người lớn bị ảnh hưởng vì những tin đồn máu rừng rợn đó thế nào, chứ cứ nói riêng về đàn bà và con trẻ thì tai hại không thể nào tả hết. Thần kinh họ bị hỏng lần lần. Họ sống luôn luôn ở trong sự kinh khủng và có kẻ sẽ đâm ra sợ lẫn đồng bào mà họ tưởng là hạng uống máu người không tanh.

Nguyên do vì đâu? Mặc ai muốn nói gì thì nói chứ tôi thì tôi nhất quyết rằng: bao nhiêu

những sự ghê gớm đó đều một phần lớn do chiến tranh thế giới mà ra cả. Những kẻ sát nhân sở dĩ dám làm những việc rùng mình như thế, chính là bởi tự thần kinh họ bị rối loạn. Về thời này, vả lại, những báo hàng ngày ở đây, ít lâu nay lại có cái thói là hay "trưng" to những vụ ám sát dữ tợn lên quá, thành thử những kẻ hơi bất đắc chí một chút, hơi phiền lòng một chút đều muốn bắt chước những người đi trước mà làm những việc dữ tợn bằng thế hay hơn thế trước khi chịu chết.

Các ông làm báo hàng ngày ở đây tất không bằng lòng. Nhưng sự thực là vậy. Mà chúng có chắc chắn là việc xử tử tội nhân ở nhà pha Pháp và các thuộc địa ít lâu nay, chính chánh phủ cũng cấm không cho các báo tường thuật lại làm gì cho ghê rợn. Ngay chính những người đến xem xử tử ở nhà pha cũng không được nữa bởi vì sắc lệnh cấm xử tử ở những nơi có người đi qua lại và người ta phải xử tử những phạm nhân ở nhà pha. Thế thì không

hiếu tại sao, trong khi không được tường thuật những vụ xử tử, các báo hàng ngày lại không biết thế mà cứ đem phóng đại những vụ án mạng ghê gớm mà tôi đã nói trên kia lên mặt báo làm gì cho kinh hồn?

Thứ bảy - Nói thế mà thôi, chứ trong khi độc giả vẫn còn thích những chuyện kiếm hiệp đánh nhau giết nhau thật quái ác và xem những tin vấy máu ở trên mặt báo chương, mà trong khi ấy thì tờ báo vẫn phải sống vì độc giả thì còn biết làm sao?

Chao ôi, thật là khó giải quyết, cho nên câu chuyện này ở trong Nam đã làm đầu cho một cuộc cãi lộn giữa hai bạn đồng nghiệp Pháp, Nam.

Bạn đồng nghiệp Pháp viết:

"Gần đây báo chí quốc âm, thứ nhứt các báo hàng ngày, hình như để dành những cột báo

cho các vụ án mạng và cướp giết một cách dài rộng. Hết hai phần ba tờ báo đều đề tán dương (!) các vụ án mạng và sự tàn ác của bọn côn đồ với những cái tit sắp chữ thật to! Cách làm quảng cáo lạ lùng, dành riêng cho hành động và cử chỉ của hạng người đáng đem ra cột trụ xử giáo, có thể gây nên ảnh hưởng rất có hại!"

Y như chúng tôi đã đoán, bạn đồng nghiệp hằng ngày ở trong Nam không bằng lòng. Và tức thì, một cây bút có tài, Nam Dân, bèn trả lời lại:

"Công việc ấy có hại hay không? đã có độc giả xem xét phẩm bình. Song chúng tôi xin phép nhận ra rằng: Một hai khi nó cũng có lợi nữa. Lợi cho thám tử đỡ phải mất công tìm tòi, nã tróc hung phạm, lợi cho công chúng đồng bào bớt được mối nguy".

Tuy xưa nay vẫn kính phục cây bút của Nam

Dân, tôi, lần này cũng không thể chịu những lời bạn nói là hoàn toàn là phải.

Nếu bạn không giận, thì tôi sẽ nói thêm rằng: Những lời bạn nói chỉ toàn là phách lối.

Không kể bạn là một người biết kính trọng nghề nghiệp làm gì, chứ thực quả một số lớn báo hàng ngày "trương lo" những vụ án mạng rùng rợn đó chỉ là vì lợi mà thôi.

"Du sang à la une" - vẩy máu trên trang nhất - chỉ là một cách thần tình để đập vào thị hiếu của độc giả, ở nước nào cũng vậy mà! Chỉ có một điều đáng phàn nàn là ở Pháp, ở Anh, ở Ý cái lối *"du sang à la une"* đã bị người ta chán lắm rồi thì nước ta đổ xô vào. Thành thử nghề báo hiện giờ muốn tranh cạnh nhau chỉ tranh cạnh ở chỗ "làm to chuyện" như thầy phù thủy (chalartan) mà thôi, chứ còn những ý kiến mới lạ, những cách tài tình để dẫn đạo cho quần chúng thì người ta

không đề ý làm gì hết. Đó là họ không thèm nghĩ đến, cái đó đã đành rồi.

Nhưng một mình, nghĩ một mình đến tương lai báo hàng ngày ở xứ ta mà cứ mãi mãi như thế này, người ta lo một ngày những ông chủ báo sẽ đến thành phù thủy, mà người đọc báo sẽ thành ra lũ tà, - mà chúng tôi đã nói tới trong số báo kỳ này.

TIÊU LIÊU

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 32
(13/10/1940)

Thứ hai - Ở chỗ này, trong số trước, tôi đã nói tới các "báo hàng ngày phù thủy" vấy máu trên trang nhất để lấy độc giả cho nhiều: [...] đó "ăn người" [...] Tưởng là họ giữ độc quyền "ăn" món ấy mà thôi, không ngờ vừa đây ở Camphamine, ^[10] bác Chính không chịu kém, cũng nhất định lấy máu để "xoi"

người nữa.

Chuyện xảy ra như sau này: Bác cả Khuyên ở phố Cẩm Phả goá chồng và có 4 con, đã lâu không định "bước đi bước nữa". Bác Chính thấy thế, không chịu, bắt bác phải theo mình. Bác cả Khuyên vẫn khăng khăng. Tức thì bác Chính chạy tới giăng con dao ở tay bác Khuyên ra rồi kê một ngón tay lên bàn thịt chặt đứt phăng ngay một đốt. Máu phun ra, bác Chính rửa những giọt máu ở chỗ tay đứt vào một miếng thịt, tưởng bác Khuyên sẽ xiêu lòng, không ngờ bác Khuyên lại mắng cho một trận tàn tệ và đưa cái đốt tay của bác Chính lên trình hộ phố.

Thế là bác Chính vấy máu đã không ích gì cả mà lại để một tiếng cười. Bác định tranh cái độc quyền [...] của các báo "hàng ngày phù thủy" ở đây sao được?

Thực là một bài cảnh cáo cho những ông định

lấy máu ra dọa người và định xơi người về "máu", chỉ có những "báo hàng ngày phù thủy" ở đây "xơi" được, chứ không phải là một món ăn chung cho mọi người, thì chớ có lăm le...

Thứ ba - ... mà nhờ! Sự thực, ai cũng biết máu nuôi sống người ta. Nhưng chắc ít người biết rõ rằng ăn được máu nhiều thì bỏ lăm. Chứng có: người ốm, các vị bác sĩ vẫn cho uống thuốc máu bò, những ông rượu chè, muốn không hư chân huyết, vẫn pha rượu với máu dê để uống. Tuy vậy, vẫn không bỏ được bằng máu người, cho nên ma-cà-rông chỉ rông đi hút máu người, mà ngay những ông sét-ty ^[11] hút máu của con nợ cũng phì nộn lăm.

Đó là mới nói về xác thịt. Chứ những "nhà báo phù thủy" hàng ngày ăn nhiều máu người, lại có một cái lợi khác rõ ràng hơn: tinh thần họ minh mẫn, trí khôn họ sáng láng, họ dịch

những tin Arip, Havas, ^[12] những tin sở cầm một cách thần tình lắm, những nhà báo bình thường không thể theo sao cho kịp.

Này nhớ: "*L'avion appareilla*", tôi đó các ngài họ dịch là gì? - Cái tàu bay đỗ xuống! "*On a volé 12 plateaux de bois*" phải dịch là "Người ta ăn cắp 12 cái mâm bằng gỗ" chứ đừng có dịch là "Người ta ăn cắp 12 phiến gỗ" mà họ cười cho thì... khở!

Lắm lúc ngồi mà nghĩ kỹ thì cái ông nào đó muốn nói với bạn bè: "Các bác xơi cơm tự do đi chứ! Người nhà cả đây mà" - mà diễn ra là: "*Oh! c'est la maison*" cũng chưa phải hẳn là người không thông minh. Mà ông nghị nọ muốn tỏ là vợ mình đi đâu không biết mà nói rằng: "*Ma femme est partie sans laisser d'adresse*" - cũng không phải là người xoàng đâu.

Thứ tư - Chỉ có anh Trần Văn Độc ở tổng

Phương Tra (Hưng Yên) xoàng thối bởi vì anh này thù vật.

Nguyên anh ta chẳng biết xích mích với Trần Văn Công chuyện gì, anh ta lừa lúc Công ngủ trưa, lại không mặc quần, anh ta bèn cầm dao lại... xẻo phắt cái ngọc hành của bạn. May con dao ấy lại cùn, nên Công chưa mất hẳn. Công đã lập tức được chở đi nhà thương buộc thuốc, và ở trên giường bệnh thể nào chẳng phải nói một mình rằng: "Thì, mình cãi nhau với nó bằng miệng thì nó có thù nó và vào miệng mình mới phải, chứ thằng đồ tòi sao lại tự nhiên phạt "cái kia" của mình mà rắp tâm định thiến cụt nó đi? Oan uổng cho nó thật!"

Thật chẳng khác gì chuyện lý trưởng xã Tự Cước (Hưng Yên) tên là Nguyễn Văn Thách bị dân tiêu lạm tiền công mà lại đi rong làng và ra tận đình gọi tên thần hoàng làng ra xử!

Rõ thực Quít làm Cam chịu. Ông thần hoàng làng có tội gì? Lý trưởng Thách thực đáng phải bãi chức quá vì tội "danh không chính, hành không thuận". Hay lại vì tên y là Thách, y muốn làm quấy thế để khách dân làng Trục Cước có làm gì nổi y không? Nếu thế thì thực y đại lắm.

Thứ năm -... đại cũng như cậu Trần Văn Nghi ở phủ Hoài Đức (Hà Đông) vậy.

Đêm hôm mới đây, nhà Ô. Thát người làng Thôn (phủ Hoài) có lập đàn làm chay và đón bác Bất người làng đến cúng. Cậu Trần Văn Nghi đến xem và chẳng biết trong khi cướp của bố thí ra sao, cậu Nghi bị bác Bất cầm gậy tầm xích đâm thủng bụng, máu chảy ra rất nhiều.

Đồ cúng là đồ cúng thánh, thánh không ăn thì đã có bác Bất ngồi rình ở đó từ chập tối ăn... hộ vì bác Bất cũng là một chúng sinh, cũng

cần ăn cần uống, thế mà sao cậu Nghi lại đại đột xông vào cướp mất mấy năm bồng mấy cái kẹo bột của bác ta?

Bác Bất không phải là thèm ăn háu uống như con Mực con Vàng đâu, nhưng bác giữ thế là giữ cho thánh đấy, để thánh phù hộ bác đừng...chết đói. Thế là phải chứ làm sao mà bố mẹ cậu Nghi lại còn thừa kiện bác? Ủ, chắc pháp luật sẽ kết tội bác thực nặng đấy, nhưng cần gì? Bác cứ được thánh thương là đủ. Ăn ở như thế, bác Bất chắc chắn sẽ được thánh phù hộ đến mấy đời... và chắc sẽ được người nhà cậu Nghi đời đời nhắc đến tên luôn, và cầu phật cầu thánh cho sống mãi chứ đừng lẫn quay ra chết!

Thứ sáu - Nói đến chuyện chết sống lại nhớ đến chuyện "sống lâu lên lão làng" ở trong Nam Kỳ.

Tại làng Long Thới quận Tiểu Cần hạt Trà

Vinh, hồi 8 giờ rưỡi sáng thứ bảy vừa rồi, các vị hương chức làng họp đủ mặt để nghênh tiếp M. Bohn, chánh chủ tỉnh Trà Vinh, thay mặt chánh phủ Đông Pháp, ân tứ khuê bài danh dự cho ông Nguyễn Nhiều Thăng thọ được 128 tuổi.

Mặc dầu các bạn đồng nghiệp trong Nam đã đến phỏng vấn ông già và thuật lại rằng ông vẫn khoẻ mạnh như thường, tôi cũng không chịu nhận rằng ông già kia đã sượng. Đã đành rằng một người bị trời bỏ quên chưa "ăn gỏi" mà được [...] khuê bài danh dự thì cũng sượng đời thực đấy, nhưng cứ nghĩ đến cái tuổi 128 thì riêng tôi, tôi cũng đã "sốt ruột" rồi.

Ở đời, người ta chỉ có bốn cái sượng mà chỉ những người trẻ trung khoẻ mạnh mới được tận hưởng mà thôi. Giời cho thọ được đến độ bảy mươi, những cái đó kém cả: ăn kém, ngủ kém, [...] tiêu hoá kém, thế mà ông già Thăng

lại sống đến 128 tuổi thì còn được hưởng cái gì, nếu không là chỉ ngồi lù lù một chỗ để thèm hay để trông người khác hưởng? Ấy là tôi chưa kể ở lắm gia đình có những con cháu thấy ông bà sống độ sáu bảy mươi đã kêu: "Sống mãi! Sống sốt cả ruột lên" và cầu chúc cho chóng chết là khác nữa.

Tôi không biết rõ những cảm tưởng của ông già sống 128 năm kia về những cuộc dâu bể ở đất nước này ra thế nào và những ý nghĩ của ông về cuộc đời này ra sao, chứ tôi thì thấy cái cuộc đời cứ một mực kéo dài mãi ra thế nó nhàm quá lắm.

Cứ một cái "chán" là cũng đã làm cho ta không "hả" rồi. Huống chi họ lại cứ phải trông thấy những con cháu ở chung quanh, đứa mất đi, đứa còn lại, đứa mới đẻ, đứa đi xa, mà ta thì ta cứ sống bình tĩnh như không chuyện gì xảy ra hết trời!

Thứ bảy - Bình tĩnh mãi được thế nào được? Ở đời, xưa nay vẫn thế, bao giờ cũng có luật thừa trừ: ác lắm thì khổ nhiều, hôm nay khổ thì mai sướng, mà hôm nay bình tĩnh tắt mai thế nào cũng xảy ra chuyện làm phiền lòng mình chơi.

Như mới đây, câu chuyện hai anh em Mạc Công Bình và Mạc Công Tĩnh ở huyện Kim Động, Hưng Yên vậy.

Y như tôi nói ở trên kia, hai anh em Bình, Tĩnh sống với nhau một cuộc đời thực bình tĩnh. Bình tĩnh mãi, giờ nào mà có để cho yên, nên sáng hôm 4 Octobre, Bình, Tĩnh mất bình tĩnh ngay: họ cãi nhau rầm lên một trận, Bình túm tóc Tĩnh xoắn lại, Tĩnh cắn bả vai Bình... Thế rồi thì một buổi sáng kia người ta thấy Mạc Công Bình thất cổ lủng lẳng ở trên xà nhà.

Ôi chao! thế mà bình tĩnh...Bố mẹ đặt cho hai

con cái tên Bình và cái tên Tĩnh, chắc tưởng cuộc đời bình tĩnh lắm đây, biết đâu lại có ngày nay, đã chẳng bình tĩnh lại còn sinh ra giết tróc.

Cho mới biết, ở đời này, lém lẩn chẳng làm gì, mà sinh con, nuôi con, đặt tên cho con những tên hay quá cũng chẳng làm gì nổi.

Ông đẻ con và mong cho nó hiền? Nó sau này ác hơn hết cả mọi người. Nhiều khi tên là Hiếu mà bất hiếu vô cùng, người tên là Thọ thì chết yểu, mà chúng ta chẳng đã thất vọng chán ra rồi đấy ư?

Những bà Nguyễn Thị Tuyết Minh, những bà Hồng Ngọc, những cô Tạ Thị Ngà Hương phần nhiều chính lại có những cái sắc và cái đức trái hẳn với cái tên của họ.

Tôi chịu ông nào đây đã nói được câu "Cái áo không làm thành thầy tu" đấy nhé!

Chủ nhật - Câu nói này, ít lâu nay, người ta nghe thấy nói tới luôn trong Thanh Hoá, sau khi xảy ra việc lôi thôi cái vé độc đắc giữa người có vé là ông Trần Văn Lạng với ông huyện Thạch Thành rất yêu quý của chúng ta.

Chính người trúng số là Lãng thế mà tấm vé ấy lại bị thừa Cầu đánh tráo mất, may nhờ quan trên minh xét mới khám thấy ở nhà riêng ông huyện Nguyễn Văn Hiền huyện Thạch Thành, do người cậu ông là Tôn Thất Linh phải chịu phép tòi tấm vé ấy ra.

Dur luận tỉnh Thanh rất xôn xao về vụ này; người ta cho rằng người thủ mưu đánh tráo tấm vé này có lẽ chính là ông huyện Thạch Thành, vì theo lời M. lý Lãng nói thì ngay khi được tin báo trúng số 10 vạn, ông huyện Thạch Thành có bảo phải chia đôi cho ông một nửa; M. lý Lãng xin "vi thiềng" 1 vạn biếu quan nhưng quan không nghe. Đến khi vé bị

đánh tráo rồi, ông huyện lại gọi đến dọa rằng nếu không trúng số 10 vạn mà nhận chẳng thì sẽ bị tù là khác!

Đó là dư luận.

Riêng tôi thì tôi cho đó chỉ là một chuyện vu cáo một người trung thực là ông huyện Nguyễn Văn Hiền mà thôi. Chẳng qua là người thấy ông huyện Hiền hiền quá nên người ta muốn bắt nạt, gấp lửa bỏ bàn tay vậy.

Kiểm duyệt bỏ

Ông không những muốn trừ cho tiết những quân đó đi mà thôi, ông lại còn muốn giữ gìn cho ông lý Lãng khỏi sa vào tay những quân khôn nạn đó nên ông mới cất hộ tám vé số tại nhà riêng của ông ta để cho quân cướp trắng mắt ra, có lập trăm mưu nghìn kế ra chẳng nữa cũng không xơ mủi gì.

Theo như dư luận, ông huyện Thạch Thành có bảo ông Lãng đưa 5 vạn cho ông. À đã thế thì được! Đã khoẻ nói thế thì phen này ông kiện ông Lãng về danh giá và xin bồi thường 5 vạn cho mà xem! Để coi trước sau 5 vạn ấy có thoát khỏi tay ông không nào. Chỉ phiền một cái là ở đây lại còn có công lý nên ông huyện Hiền còn phải nghĩ ngợi xem sao đã!

Trong khi ấy thì có tin ông lý Lãng đã đi lĩnh 10 vạn bạc kia rồi... Trời hại con người ta thực!

TIÊU LIÊU

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 33
(20/10/1940)

Thứ hai - Cái tình mẫu tử, bất cứ ở xứ nào cũng được người ta truyền tụng và cho là

đẹp nhất. Còn có ai thương con bằng mẹ?
Thế mà...

Vừa rồi đây, báo *Điện tín* trong Nam mới thuật lại rằng tại trường đua ngựa ở Chợ Lớn, một đứa trẻ bị lạc đi bơ vơ khóc mếu. Hỏi nó thì mới biết rằng nó đi lên trường đua với má nó, nhưng vì má nó ham mê ăn thua nên bỏ nó đi lạc như vậy, không biết ở đâu mà tìm.

Một bạn đồng nghiệp trong Nam phê bình tin này đã dùng hết lời nặng nhẹ để sỉ vả người mẹ máu mê kia.

Cái máu mê của một số đàn bà ở trường đua nó bốc lên ngọn ngút tới độ nào, ta hãy khoan nói vội, đợi đến khi nào *T.B.C.N.* ra số đặc biệt "*Cá ngựa với đàn bà*" sẽ biết. Nhưng hiện giờ thì ta, ta có thể biết rõ rằng ông bạn đồng nghiệp của tôi ở trong Nam nóng nảy quá, vì ông không biết rằng từ xưa đến nay những chuyện để lạc con như thế vì chuyện

thua được cờ bạc chỉ là chuyện thường mà thôi.

Biết bao nhiêu người đàn bà từ trước đến nay vì ham mê cờ bạc quá, không những để lạc con, lại để lạc ngay chính mình họ... vào những con đường mà ta có thể gọi một cách hơi xược là những con đường không đẹp đẽ? Những người đàn bà này đã bỏ quên nhiều thứ quý báu hơn nhiều, họ bỏ quên những cái liền ngay người họ còn chẳng ngại hưởng chi là đứa con.

Xin đừng nói nặng người đàn bà nọ ở trường đua Chợ Lớn làm gì, tội nghiệp!

Thứ ba - Có tội nghiệp, ta chỉ nên tội nghiệp cho những kẻ đã chết rồi mà thôi, bởi những người đã chết là những người vắng mặt, mà bao giờ những người vắng mặt cũng là những người mang lỗi.

Mới đây, ở trong Nam, một tờ báo do một bạn thanh niên ở Bắc vào chủ trương có đăng dùm quảng cáo ở các báo hàng ngày tên những người phụ bút. Cái đó không hề gì cả, nhưng chỉ quái lạ là sao, ở trong những người phụ bút giúp việc cho tờ báo đó lại có một người đã chết!

- Ai?

- Vũ Trọng Phụng!

Nói giấu vong linh ông Phụng, tôi không hiểu làm sao ông đã mất rồi, nay mai đã đến ngày giỗ đầu rồi, mà người ta vẫn cứ để tên ông lên báo làm mối lợi cho người ta. Bộ người ta cho là ở Sài Gòn, độc giả không biết ông Vũ Trọng Phụng đã mất rồi sao chứ?

Lừa độc giả, cái đó độc giả sẽ bảo cho kẻ đi lừa sau, nhưng lừa một người đã chết rồi, ai cãi được?

Ở chôn suối vàng, ông Phụng nếu biết tin này, chắc phải tức giận tràn hông, mà nếu quả ông nói được, tất ông phải lấy ngón tay trở gí vào mặt kẻ lợi dụng tên ông mà rằng:

- Anh em thực không để cho tôi yên một chút nào. Muốn bịp bợm gì thì bịp bợm, nhưng tôi đã chết rồi thì thôi, đừng có lôi tôi vào với các anh. Tôi thực không hiểu các anh là người hay những con kèn kèn? Nếu thực là người thì ai lại đi nỡ "kiếm tiền" bên những xác chết, thầy ma như vậy?

Thứ tư - Đó là câu chuyện tiền. Tiền bao giờ cũng đi đôi với tình. Vậy tôi xin kể một câu chuyện tình nghe chơi. Tới 16 Octobre, bác Vũ Viết Tư ngụ ở hộ Nam Xuyên nhắt được ở nền nhà một bức thư nặc danh nói xấu và dọa giết bác nếu bác nhất định cưới cô Trần Thị Vượng. Dưới bức thư có vẽ một con dao găm đâm thủng một trái tim và một

cái sợ người.

Cái sợ người ấy nghĩa gì? Ý hấn để làm cho Tư sợ, nhưng bác Tư sợ hay không, không biết, ta hãy biết cử chỉ của người viết thư nặc danh nọ đáng làm ta sợ vô cùng vậy! Không phải sợ hấn ta dám giết người, nhưng sợ là sợ hấn ta đã nghĩ ra một việc vô lý như thế để dọa người và nhất là sợ cho những người nói xấu có những cái lưỡi sao mà kinh thế!

Vừa rồi, có một anh tù người Thổ-nhĩ-kỳ, bị đày ra ở đảo Imrali, tự lấy dao cắt quách lưỡi mình. Và trước khi "hành hình" cái lưỡi ấy, anh đã viết cho người bạn anh mấy dòng chữ rằng: "Tôi đã nói xấu anh, tôi có lỗi, vậy tôi xin tự phạt lấy tôi".

Cái anh chàng viết thư nặc danh cho bác Vũ Viết Tư giống anh tù nọ vô cùng. Giống về chỗ nói xấu nhưng phải một cái khác chút xíu là đáng lẽ anh ta tự phạt lấy mình, "hành hình"

cái lưỡi anh ta thì phải, đằng này anh ta lại doạ "hành hình" người khác thì mới kỳ cục chớ!

Cái bộ như thế, ai là người sợ? Người ta có sợ là sợ cho anh chàng nặc danh nào đó rồi lại chịu theo số phận với ba anh Chè, Hưng, Hải ở Thái Bình mà thôi.

Câu chuyện ba anh chàng này xảy ra như sau này:

Ông giáo Vũ Ngọc Chiêu dạy học ở trường làng Hưng Nhân, huyện Hưng Nhân. Mới đây có kẻ thù dán giấy nhảm vào trường ông dạy học rồi đi báo quan. Nhưng nhà chuyên trách xét ra, ông bị kẻ nào định tâm hại ông, nên đã mở cuộc điều tra. Trước đây, ông giáo Chiêu có bị ba người làng Hưng Nhân là Hải, Chè, Hưng sinh chuyện lời thôi và đã kiện nhau. Vậy có lẽ nhân cơ đó mà họ đặt ra chuyện này. Có thực hay không chuyện ấy?

Ta phải đợi quan trên xét xử. Nhưng ngay từ giờ ta có thể cứ quả quyết nói rằng nếu quả ba tên Chè, Hưng, Hải vu cáo cho ông giáo Chiếu thì không khi nào họ lại thêm bắt chước anh tù ở Thổ-nhĩ-kỳ mà cắt quách cái lưỡi đi đâu.

Bởi vì nếu họ cắt lưỡi họ thì sau này ở tù ra họ còn lấy cái gì để nói xấu những người khác nữa?

Thứ năm - Nói đến chuyện lưỡi, tôi lại nhớ đến một ông đứng ở mặt xã hội mãi đâm chán, một hôm nhảy sang phái chính trị nghịch với phái xã hội để làm báo.

Ông này thay đổi chính kiến vì cơm ăn áo mặc, cái đó mặc kệ ông ta, không ai cần can thiệp. Tức một cái là ông ta có chí lớn thay đổi chính kiến của mình rồi chưa đủ, lại thay đổi cả chính kiến của cổ nhân.

Chuyện cái lưỡi mà bảo là của Ésope? Không thể được. Ông bắt Socrate phải nhận là chuyện ấy của mình. Ông làm tình làm tội cổ nhân khổ sở nên thành ra một bạn đồng nghiệp ở đây, trong hai cột báo, đã phải nói ròn rọc về chuyện lưỡi.

Lưỡi! Lưỡi! Ai còn lạ gì nó nữa. Không xương, nó vẫn lắt léo tự xưa mà... Tôi đã nói tới cái bọn người nằm ở tiệm đưa đẩy ngọn lưỡi để vu cáo những người vắng mặt. Cái bọn ấy, cứ kể về phương diện vô sỉ tưởng đã nhất đời rồi, không ngờ vừa đây ở trong Vinh một bọn người lại đưa đẩy ngọn lưỡi vu cáo để làm cho chết người và chiếm mất cái giải quán quân của họ.

Ông Nguyễn Bá Xý ở Đô Lương cho con gái là Phụng Thuý lấy cậu Châm làm việc ở Sài Gòn. Trước khi phải đi xa, Châm dặn vợ ở nhà phải *gìn vàng giữ ngọc cho hay*, bắt ngờ tuần lễ vừa rồi, bỗng nhiên, Phụng Thuý

tiếp được ba cái thơ của chồng ở Sài Gòn gửi về thoá mạ cô bởi vì có người vào nói cho chàng biết là *hình như* cô có ngoại tình ở Bắc.

Thấy mình bị vu oan một cách vô lý, cô Phụng Thuý ra sông Rang tắm mình và hai hôm sau đó xác cô nổi lênh bênh trên mặt nước.

Ghe chưa, độc giả! là cái lưỡi người ta? Tôi tưởng ta chẳng nên đợi cho những người vu cáo tự xử như người tù Thổ-nhĩ-kỳ mà lắm lúc chúng ta, ta cần phải cắt lưỡi những anh "lưỡi rắn", "lưỡi dài" hay nói láo đi cho rảnh...

Thứ sáu - Nói thế để mà chơi thôi, chứ sự thực xẻo thế nào được lưỡi của họ. Những người vu cáo đó bao giờ cũng vẫn nhon nhon sống cũng như những bà mẹ tội lỗi tày trời vẫn "làm những thiên thần" (*faisenses d'anges*) mà vẫn sống nhăn răng ra vậy.

Theo bạn đồng nghiệp Dân Hiệp thì toà tiểu hình Sài Gòn vừa rồi có xử một vụ phá thai. Anh Học hồ nghi đứa con trong bụng vợ là Thị Nhi, không phải là con anh ta, nên bắt thị uống thuốc phá thai. Rủi lỗi xóm biết, nên việc này ra toà. Toà làm án hai vợ chồng ấy mỗi người sáu tháng tù treo và khuyên họ lại ăn ở với nhau như cũ.

Người bạn tôi kết luận rằng: Thật thì tôi không tài và không dám bình phẩm cách xử đoán của các quan thẩm phán, nhưng lấy theo lý luận mà xét thì cái án đó còn nhẹ quá. Một đứa trộm cướp vì miếng ăn đành đang tay giết người thì đành kết án nặng nề. Chớ còn hai vợ chồng anh Học đã giết con ruột mình, mà không viện được lẽ gì cứng cỏi để chữa mình, sao thường họ có sáu tháng tù án treo?

Đáng lẽ cho hai vợ chồng anh đó đi hứng gió Côn Lôn vài năm mới phải. Rồi kỳ hẹn cho

họ, nếu trong ba năm nữa mà không có đứa con khác thì sẽ bị tăng án lên gấp hai.

Mà người nào bán thuốc phá thai cho anh Học cũng đáng lãnh thẻ để mà ở nhà đá và mặc áo xanh. Vì người đó là đồng lõa.

Thứ bảy - Nói đến chuyện án, toà, ta không thể không nhớ tới câu chuyện nàng dâu, bố chồng mới xảy ra ở Quảng Nam.

Ông già Bùi K. ở ấp C. T. 65 tuổi, có con trai lấy thị T. và có hai con. Hôm vừa rồi, thị D., con gái ông K. và thị T. con dâu ông K. có chuyện bất bình, cãi nhau inh ỏi. Dân làng kéo đến xem tới nghìn người. Trước hết mấy hương hào cho gọi thị T. lên hỏi trước, thì thị khai là có một cái nôi bị em chồng là thị D. làm hỏng nên hai bên xô xát. Nhưng sau không biết thị T. nghĩ thế nào lại khai: bố chồng thị hàng ngày thường chòng ghẹo thị và những ngày chòng thị đi vắng, ông K. còn

toan hãm hiếp thị.

Hương chức xô lại đánh ông già 4 đêm tàn nhẫn, khiến cho ông không ngồi dậy được, kết cục ông ta phải bán hết cả đồ đạc trong nhà để đút lót và làm tờ thú mới xong.

Theo dư luận, thì có lẽ thị T. vì ghét bố chồng nên vu oan nên những chuyện tày trời như thế. Câu chuyện phải trái ngay gian chưa biết thế nào, nhưng nếu quả như dư luận, bà nàng dâu nọ vu oan cho bố chồng thực, thì ta lại càng thêm sợ cho cái lưỡi người ta nhiều lắm.

Ít lâu nay, người ta thường khởi xướng lên cái thuyết nàng dâu bị bố mẹ chồng hành hạ và tổn thương xót những người nàng dâu nhiều lắm, và cố tìm một cách giải quyết có lợi cho những người nàng dâu ấy. Hay là vì cái thuyết ấy giải quyết xong rồi nên những người nàng dâu bây giờ đã được phần trên, nên trả thù lại bố mẹ chồng, và trước khi trả thù mẹ hãy trả

thù bỏ chồng trước đã?

TIÊU LIÊU

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 34
(27/10/1940)

Thứ hai - Người ta đồn rằng ở đây có một ông văn sĩ không ưa "đi mây về gió" nhưng lại thích gió, nên lúc nào cũng vẽ ở trên bài mình một cái thuyền và đề chữ "gió đã lên".

"Gió đã lên, cố mà sống cho nguy hiểm", đó là câu nói của cổ nhân. "Sống cho nguy hiểm" chẳng biết có ích gì không, chứ tôi thì tôi thấy "gió đã lên" nguy hiểm đã hẵn rồi. Chứng có là vừa mới có gió hanh lên một cái thì những vụ hoả tai đã thấy xảy ra luôn. Trong một ngày 26, hai đám cháy: một đám ở chợ Vị Hoàng (Nam Định) thiêu mất 30 gian nhà ra tro, thiệt hại hơn 1.000 đồng. Một đám ở sau

ga Hàng Cỏ Hà Nội (có ảnh ở ngoài bì),^[13] thiêu mất ngót 200 nóc nhà. Thiệt hại hơn 20.000 đồng. Hình như có mấy đứa trẻ bị thiệt mạng trong vụ này.

Nguyên do? Cũng như hầu hết các vụ hoả hoạn ở đây, nguyên do chỉ tại người ta bất cẩn. Mùa này là mùa hanh, cái gì cũng khô lại, kể cả người ta nữa. Người ta đứng gần lửa, lắm lúc cũng có thể bén lửa mà cháy, huống chi là rom và gỗ... Thế mà người ta có lấy làm quan hệ tí nào đâu, người ta cứ coi thường nên người ta đã từng thấy cái cảnh của bao nhiêu năm trời làm lụng bị thần hoả ra tay tiêu huỷ. Thật là thảm đạm. Ngọn gió hanh và tính bất cẩn, thủ phạm những vụ hoả hoạn, đã làm hại bao nhiêu gia đình, thế mà cứ mỗi mùa gió hanh đến với ta, ta vẫn phải lấy làm lạ sao người ta vẫn không cẩn thận hơn một chút nào, mà các ông văn sĩ sâu thu vẫn không chịu bớt ca tụng gió hanh đi và đáng lẽ viết "Gió đã lên, cố mà sống cho nguy

hiểm", sao họ không chịu đổi ra thế này mà in thật lớn trên mặt báo: "Gió đã lên, ngọn lửa nguy hiểm lắm, cố mà giữ nhà cho... cẩn thận"!

Thứ ba - Giữ nhà cho cẩn thận là để cho khỏi cháy, chứ đừng tưởng là để cho khỏi mất cắp mất trộm đâu. Sự thực, ta phải nhận rằng từ khi trong nước xảy ra những chuyện lòi thối, chánh phủ cho bắt những người "thanh tích bất hảo" đi chỗ khác thì những vụ cướp trộm cũng có đỡ đi chút ít. Duy có những vụ ăn cắp vặt thì vẫn thấy luôn luôn. Các báo hàng ngày ở đây vừa đăng một chuyện ăn cắp vặt ở Hàng Bò: một mụ trạc 40 vào nhà nọ đưa một đồng bạc giấy mua hàng. Trong khi cô bé bán hàng mở ngăn rút để lấy tiền trả lại thì khách cứ nói huyên thiên: "Cô ạ, vừa đây, tôi cũng mở tủ như thế này này, rồi chẳng hiểu để rơi ra đất bao nhiêu

giấy bạc và kẻ gian nhặt được". Miệng thì nói, nhưng hai tay khách lại mó vào ngăn kéo của nhà hàng. Ăn cơm xong, bà chủ hàng ra đếm lại tiền, thì thấy mất 260 đồng.

Bốn tờ báo hàng ngày đăng tin ấy hầu hết đều phóng đại lên với cái đầu đề đại để như thế này: "Người đàn bà ấy đã dùng thôi miên thuật hay là bùa yêu?"

Khiếp chữa! Bí mật chữa? Nhưng chết một cái, sự bí mật ấy lại ở ngay bài tường thuật của các báo ấy mà các ngài không biết.

Mụ đàn bà ấy, tôi biết rõ lắm, không có gì là bí mật cũng như cái lối ăn cắp của mụ ta. Mụ ta giả vờ vào mua hàng. Lòng bàn tay mụ có dính hồ. Lúc người bán hàng mở ngăn rút để trả lại tiền, mụ sờ vào ngăn rút và khi nói "tôi để rơi ra đất bao nhiêu giấy bạc" thì mụ cầm giấy bạc ở trong ngăn kéo và vò lại: thế nào giấy bạc cũng dính vào lòng bàn tay mụ. Mụ

cổ làm tôi tắm mặt mũi người ta và lấy tiền trong lúc người ta không ngờ nhất. Đoạn, mụ giả tảng xin một chén nước uống và thắt lại thắt lưng: chính lúc ấy mụ bỏ tiền vào túi, nhưng không lúc nào miệng mụ ngót chửi rửa những quân ăn cắp!

Ấy, chuyện chỉ có thế, chứ mụ có bùa yêu hay thôi miên thuật gì đâu. Hoạ chỉ có các ông phóng viên phóng đại chuyện ra; có thuật... cái thuật nói phét, cái thuật làm to chuyện.

Thứ Tư - ... Làm cho tôi lại nhớ đến một câu chuyện cổ nói về bốn ông ngồi nói phét với bà con. Một ông nói:

- Tôi, tôi đã trông thấy một con cá to lắm, to đến nỗi người ta phải làm một cái đò dài năm thước thì mới bắt được nó vào trong.

- Thế đã lấy gì làm lạ. Con cá mà tôi đánh

được chui vào cái đó 5 thước không vừa, đến nỗi nó phải gấp đôi người lại.

Ông thứ ba nói khoác ghê hơn:

- Thế đã to. Nhưng con cá tôi trông thấy thì gấp đôi người lại ở trong đó không đủ, nó phải xoáy tròn ốc lại!

Đến lượt ông thứ tư. Ông thứ tư không nói gì. Mọi người hỏi làm sao? Ông nói:

- Tôi không nói vì con cá của tôi to quá, không biết thế nào mà nói. Lúc vớt được cá lên tôi không thấy cái đó đâu, thì ra con cá của tôi nó đã nuốt cái đó vào trong bụng.

Đó là chuyện đời xưa. Đời nay, một tờ báo hàng ngày ở đây vừa mới đăng tin rằng:

"Dân chài lưới ở Camphamine ^[14] đánh được một con cá song to gần bằng con ngựa! Họ

phải chọc thủng hai mép, trông thủng to vào, như xỏ mũi trâu".

Khiếp, nói mà kinh. Một con cá song to bằng con trâu, con ngựa thì có lẽ dân chài đánh được nó phải có một cái lưới to ít ra là bằng cả một cái đồn Camphamine, mà cái sanh để lượ cá phải to bằng một trăm lần cái sanh lượ bắp cải trong truyện cổ.

Chắc ông phóng viên nào đó viết cái tin con cá song không phải là một trong số bốn ông nói phét trên kia!

Một người bảo tôi rằng:

- Hay là ông phóng viên nọ làm chẳng? Chứ cá song đời nào lại to thế được? Hay là cá nhà táng vậy?

Tôi cười mà bảo bạn rằng:

- Ông bảo cá nhà táng chứ không phải cá song! Xi! Không phải! Ông phóng viên kia nói đúng. Cá song thực đấy, bởi vì cá song ăn được, chứ cá nhà táng thì để táng ai vào mồm nó cho xuể, trừ những người nói phét ra?

Thứ năm - Nói đến chuyện nói phét, tôi lấy làm buồn rầu mà lại phải hỏi một câu sáo vô cùng: "Bao giờ nhà nước mới dán một thứ tem vào miệng những anh nói phét để đánh thuế lấy tiền giúp nước trong những giờ khó khăn như giờ này?" Nói thế để đùa chơi, chứ thực dán tem vào miệng thế nào cho xuể được những anh nói phét.

Cũng như những người đồn tin nhảm, những anh nói phét ở đâu cũng có nhan nhản ra: họ làm ra dáng cái gì họ cũng thông thạo, họ làm ra dáng cái gì cũng biết, kỳ thực họ chẳng biết cóc khô gì cả.

Như mới đây ở Nam thành, chiều 18

Octobre, ngót 200 học trò và nhiều thợ nhà máy đã trốn giồng đậu ^[15] chỉ vì một bọn phao đồn tin nhảm. Họ phao đồn tin gì, các bạn có biết không? Họ đồn rằng nếu cứ giồng đậu vào là chết.

Giồng đậu cho lê dân, sở Y tế cốt tránh bệnh đậu mùa, mà lại phao là hễ tiêm thì chết, các ngài có bao giờ thấy một sự dốt nát như thế không? Nói phét mà bị đánh thuế vào miệng, ừ thì đã đành rồi, nhưng những anh phao đồn tin nhảm ở Nam thành, thì các ngài thử nghĩ họ nên đánh thứ thuế gì hay đánh thế nào cho họ chừa đi?

Thực lắm lúc cũng tiếc sao người mình lại bỏ cái lỗi vả vào miệng những người làm lỗi và lấy roi đánh quần đít những người ấy cho họ chừa lỗi đi!

Thứ sáu -... Bởi vì sao họ lại không biết rằng lời nói quan hệ đến tính mạng của con

người ta ở đời.

Tôi đã nói tới chuyện lời nói giết người. Sự thực người ta đôi khi chỉ vì nói chơi một câu mà hại cả một đời người là khác.

Tên Chấn người xã Phúc Nhạc, thuộc phủ Yên Khánh, đã có vợ cả mà lại còn muốn lấy thêm vợ lẽ, bèn đem trầu cau đến hỏi cô T. Về nhà Chấn được 2 hôm thì T. bỏ nhà đi với hai người đàn ông lạ mặt. Ông bố đẻ thì T. lần tránh. Sau mãi Chấn mới biết rằng cô T. đã có chồng ba năm rồi nhưng vì chồng cô đi xa, ông tưởng chết rồi nên nhận nhời gả cho Chấn làm vợ lẽ.

Chấn, chú rẻ biết, tức quá, định đi đâm đầu tự tử, nhưng sau có nhiều người can gián lại thôi. Ai ai cũng trách bố đẻ cô T. dám đem con ra làm một câu nói chơi và lấy chuyện cưới xin là chuyện đùa, không quan trọng.

Ông già kia biết đâu rằng hôn nhân ở nước ta không thể coi là chuyện đùa. Nếu muốn đùa thì sang Mỹ bởi vì dân Mỹ, như báo *Esti Kurir* (Budapest) đã nói và do báo Tây dịch lại thì họ coi hôn lễ là thường và trai gái lấy nhau ra Đốc lý làm lễ cưới, chỉ mặc có cái "may-ô" to bằng cái mụ hay là chiếc sơ-mi-dét ^[16] trần mà thôi.

Thứ bảy - Chán chuyện cho đời! Tình duyên, sao có kẻ coi là thường được nhỉ! Mà sao có người lại cho nó là chuyện quan hệ đến có thể giày xéo được cả lên luân lý, coi chữ tình nặng hơn nghĩa sinh thành, hay đội người tình lên đầu để cho nó đánh chửi mẹ như câu chuyện nhà mô phạm ở Đông thành ^[17] vừa đây?

Nhà mô phạm ấy, ở phố Maréchal Foch, kết duyên với một cô gái tân thời. Vợ chồng quần quít, mỗi ngày ả lại lộng quyền thêm, được đàn chân lân đàn đầu, ả coi bà mẹ nhà mô

phạm chẳng ra sao cả: "Mẹ cậu ác lắm, tôi không chịu được". Biết bao nhiêu lần đã xảy ra ở trong nhà những vụ cãi lộn, con dâu đánh mẹ chồng! Hôm vừa đây, nhà giáo đi dự hội điền kinh vắng nhà, lại xảy ra một trận cãi lộn dữ hơn, nàng dâu nắm tóc bà già đánh lấy đánh để và quai mồm ra chửi "con mụ già" nghĩa là con mụ đã đẻ ra nhà giáo, nuôi cho ăn học để đi làm rồi lại lấy cho nó một con vợ "thừa" nhan sắc nhưng mà "thiếu" gia đình giáo dục.

Kỳ trước ở mục này, tôi đã nói tới một chị nàng dâu đã đánh bố chồng ở Quảng Nam. Kỳ này, một chị nàng dâu nữa lại đánh mẹ chồng nữa, thật là vừa đủ đôi để kết quá, kết cho cái luận đề xã hội tiểu thuyết của các ông văn sĩ viết về mẹ chồng nàng dâu và cứ thường kêu rầm rứt là nàng dâu cực quá.

Chủ nghĩa cá nhân thắng thế đây! Các cô nàng dâu đã được phần trên rồi! Thôi thế là

cái trách nhiệm của các ông đã xong, các ông từ giờ không cần phải viết về mẹ chồng nàng dâu nữa nhé.

Đề thì giờ mà xoay chiều chủ nghĩa, các ông ơi!

TIÊU LIÊU

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 35
(3/11/1940)

Thứ hai - Số báo này là số *Mùa cưới*.
Lẽ cố nhiên là trai cưới gái hay là gái cưới trai, chứ không thể nào khác được.

Vậy không lý nào tôi lại không nói tới đôi trai gái ở Sông Hương là cô P.T.N.L. và ông tai mắt nọ, - hình như là một giáo sư thì phải, - yêu nhau rồi phụ nhau, cái đó là thường lắm. Nếu đôi kia cũng chỉ có thể rồi thôi thì cũng chẳng ai nói tới làm gì; chết một cái là sau khi

bị tình nhân phụ bạc rồi, cô P.T.N.L. lại viết bài đăng rùm ở trên các báo kể tội của tình nhân và trưng hết cả những bức thư mà tình nhân cô đã viết khi hầy còn ở Pháp.

Đọc bài của cô P.T.N.L., không ai khỏi ngậm ngùi cho cô và trách cứ chỉ không chung tình của người đàn ông nọ. Nhưng người ta cũng không khỏi trách tờ báo đã đăng bức thư nọ lên, bởi vì báo đó há lại không biết rằng làm như thế tức là làm tiêu danh ông giáo sư phụ tình. Ông đồ cao, còn trẻ mà nhà lại có, cứ đem mảnh bằng ra đã có khối vợ theo, thế mà báo giới làm hại ông như thế thì để cho... không cô nào dám lấy ông này hay sao?

Vì vậy tôi cho là cô P.T.N.L. tác giả bức thư kia là một người rất đanh ác, thâm hiểm, nhưng thủ phạm sự hại người đó chính là mấy tờ báo đã đăng lá thư kia vậy.

Tờ báo nào đâu phải là một lá thư tình?

Không, họ buồn một cái tình đau khổ đấy!
Nếu họ không buồn, thì đời nào ta lại thấy
một sự kỳ quặc từ xưa chưa từng thấy đó.
Mà có P.T.N.L. chắc phải mua một con tem
mà gửi những lời trách móc kia cho kẻ phụ
tình, và nhờ đấy, cô sẽ *không vạch áo cho
người xem lưng* vậy.

Các tờ báo đã giúp cô P.T.N.L. đăng thư ấy,
thực đã làm hại nhà giấy thép sáu đồng xu
tem!

Thứ ba - Cho nên tôi không phục các báo
kia cũng như tôi đã không phục cô P.T.N.L.
vậy. Trái lại, tôi lại phục cô gái Mỹ hơn. Cũng
như cô P.T.N.L., cô gái Mỹ bị tình phụ, cô
mang tình nhân cô ra... toà. Và anh chàng nọ
đã phải đền 200 đồng đô-la.

- 200 đô-la mà được à? Anh làm tan nát một
đời tôi đó. Phải 300 đồng tôi mới chịu.

Té ra cái tình của cô chỉ đáng giá có thể thôi. Nói mà chơi, chứ phục cô gái Mỹ nọ thì phục làm sao cho được? Cô đã làm rẻ giá cái việc quan hệ nhất của người đời, cô đã làm cho đàn bà không nghĩa lý ở trước mặt bọn nam nhi vậy.

"Nếu tôi ở địa vị cô với cô P.T.N.L., tôi sẽ làm khác thế. Tôi không viết thư trách móc trên mặt báo, tôi không mang kẻ phụ tôi ra toà. Nhưng tôi đem mạng kẻ kia đập vào cái lỗ trong quả tim tôi" - Ý kiến đó của bạn đồng nghiệp trong Nam thực là hay, nhưng chết! làm thế không được, ta sẽ bị... pháp luật làm tội ngay.

Bây giờ, tôi mới nhớ ra rằng pháp luật vẫn chưa có cách nào để bảo vệ cho những người đàn bà khờ dại và mơ mộng cả!

Thứ tư - Nhưng pháp luật có cách trị tội những người đánh bạc. Ít lâu nay việc lũng

bắt của ty mật thám Nam Kỳ, Sài Gòn rất gắt gao nên vừa đây tại Thủ Dầu Một vừa tóm được một sòng bạc rất lớn, riêng kể về tiền mặt có tới hơn 10.000 đồng. Rất nhiều bà bị bắt.

Chẳng hiểu các bà này có bắt chước cô P.T.N.L. viết thư đăng báo để than trách sở mật thám tự nhiên đến làm mất cả sự tự do chơi bời của mình hay không?

Đăng báo! Đăng báo! Đăng báo bây giờ đã thành ra cái dịch. Khi trong nước đương cần lo đến sự tiết kiệm, người ta đăng báo chọn màu áo vụ rét này. Người ta thích nói bất cái gì trên mặt báo. Nhưng bà mẹ ở Nam thành tất không thích báo đăng việc này của mẹ ta.

"Đêm hôm 28, hồi 2 giờ 30, người ta xe vào nhà thương một người đàn bà tên là Hoàng Thị Giàu 44 tuổi quán làng Mai Xá huyện Mỹ Lộc, người đàn bà này đẻ khó. Bà mẹ nọ lấy

dao cắt từ cổ trở xuống, chỉ còn có cái đầu đưa hải nhi trong bụng mẹ. Làm xong việc táo bạo ấy, mẹ vội bảo người nhà xe bác Giậu đi nhà thương và dặn đừng nói gì đến mẹ cả, "kéo người ta đăng báo thì rầy rà lắm".

Cái nạn bà mẹ ở thôn quê giết oan những trẻ sơ sinh đến lần này là mấy vạn, triệu rồi?

Hội "Bảo trợ phụ nữ" tưởng nên để ý đến việc này và nên tìm cách phổ thông sự học cho đàn bà nhà quê.

Thứ năm - Bởi vì, nói thực, đàn bà sở dĩ có người làm việc ác đức như thế chính vì tại ít học mà đâm ra làm liều.

Bà mẹ nọ đã là một chứng cứ dốt mà làm liều. Tôi xin kể một thiếu phụ nữa làm liều vì ngu dốt cho mà xem. Ở Phủ Lý, Nguyễn Thị Tý người xã Nhân Giả thuộc tổng Công Xá phủ Lý Nhân góa chồng 6 năm nay, bỗng tự

dung có chữa rồi đẻ ra một đứa con. Sợ mang tiếng đẻ hoang rất xấu, thị đem gói đứa con vô tội và đem vùi vào giữa đồng phân ủ ở ngoài vườn, chung quanh nhào bùn nhét kín.

Đã lỡ chữa thì đẻ, mà đẻ thì phải nuôi; thị Tý đang tay làm việc nhẩn tâm kia chỉ bởi tại ngu dốt quá. Ấy sợ xấu hổ một cách vô lý làm sao, nếu có học một chút đời nào lại làm như thế.

Thứ sáu -... Làm như thế, thực chẳng khác gì một ông chỉ chỉ đó nhân dịp cụ Phan chết, ^[18] viết ở trên báo một câu kính viếng rằng: "Bây giờ cụ mất đi, chúng tôi xin tiếp tục làm nốt cái công việc bỏ dở của cụ, tức là cái việc thực hành chủ nghĩa "Pháp-Việt đề huề" vậy".

Chết chưa! Nhũn nhận chưa? Mà cũng dơ đời chưa?

Tôi xin nghiêm trang nói với các ngài rằng: cái ông đã viết những lời kính viếng cụ Phan đó

không phải là một người vừa đâu.

Nhưng là một ông chủ báo... Và bốn năm trước đã đi đưa thư tín cho một tờ báo hàng ngày ở đây!

Thứ bảy - Người tài thì hay nhũn nhận. Mà kẻ nào kém lại hay "trưng sượng". Có người sẽ cãi lại tôi rằng:

- Anh không nghe thấy nói đó sao? Chỉ nên nghe lời ta nói chứ đừng theo việc ta làm, mà lại!

Chính thế! Tôi có lời xin lỗi ông Thái Lan đương lấy La -tanh, Hy-lạp, A-lơ-măng và tiếng Ma-la-bà để cải cách chữ nước ta. Và tôi lại có lời xin lỗi luôn cả mấy ông [...] ra sách dạy người khác tiếng Ăng-lê bằng một phương pháp thực hành rất dễ hiểu đến nỗi chính các ông tác giả cũng mù tịt không hiểu là gì cả!

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 36
(10/11/1940)

Thứ hai - Vừa đây, ở Huế, vừa xảy ra một việc rắc rối mà pháp luật cũng không biết phân xử ra thế nào.

Ông tham Đ.X.Đ. để vợ ở riêng đã lâu ngày, một hôm bỗng nhiên thấy vợ đẻ con. Ông Tham không nhận. Nhưng bà tham nói chính là con của chồng vì bà bảo rằng ông có lần đem ô-tô đến đưa bà đi chơi Thuận An húng...gió. Nhưng ông tham lại bảo chỉ đi chơi thôi chứ tuyệt nhiên không ăn nằm với vợ và yêu cầu quan toà cho thê ở điện Hòn Chén (Huế).

Cuộc đi thê ấy chưa định vào hôm nào cả. Nhưng, ngay tự bây giờ, ta đã phải lầy lăm lã

không biết ông tham nghĩ thế nào mà lại bắt vợ đi thề... Con bà tham để với ông hay với ai thì trừ người đàn bà và người đàn ông ra, còn có người nào biết được dù người ấy là thánh đi nữa. Ăn nằm với nhau, đó là một việc ô uế mà!... Thánh nào chứng giám cho người ta! Vì vậy, cái việc này, tôi cho thề ở trước cửa thánh là ngạo mạn thánh vô cùng. Bộ người ta cho thánh lúc nào cũng nghĩ đến chuyện ấy và nhòm lổ khoá buồng những cặp vợ chồng, trai gái hay sao chứ?

Tôi tưởng trong những trường hợp giống trường hợp này, đáng nhẽ hỏi thánh ta chỉ nên hỏi khoa học mà thôi. Chết một nỗi khoa học hiện giờ chưa biết chắc thử máu đứa trẻ kia, liệu có thể chắc chắn được rằng nó là con người đàn ông nào hết.

Câu chuyện này, nói cho thực, nó nhiều khe be bét vô cùng. Thế nhưng chung quy cũng chỉ tại ông tham hay nhiều sự, chứ từ xưa đến

nay, có người đàn ông nào cùng ở cảnh ngộ với ông lại đem những việc như thế ra phải trái bao giờ. Bởi vì người đàn ông khôn lắm, từ lâu đã biết rằng phạm lấy phải người vợ đa tình thì:

"Có chồng càng dễ chơi ngang,

Đẻ ra con thiếp, con chàng, con ai?"

Con ai, mà chưa ly dị với vợ, thì cũng là con mình cả, có trốn được đàng trời. Ông tham ơ, thôi đừng lời thôi nhiều chuyện nữa. Nếu quả như ông quyết phải biết rõ thực hư phải trái thì chỉ còn một cách là làm như ở chuyện tiểu lâm của người mình, nghĩa là đợi cho đứa bé kia khôn lớn rồi hỏi nó xem trong khi mẹ nó có thai thì thấy ai hay ra vào...

Thứ ba -... Chứ đi thề, ví dụ thánh có ứng vào đó chẳng nữa, thì hỏi có làm gì?

Chẳng cứ bây giờ, tự lâu, đi thề đã là một cái phong trào vô nghĩa rồi. Nội một tuần lễ vừa qua đã có tới ba đám doạ đem nhau đi thề ở đây. (Chúng tôi sẽ có bài riêng về chuyện đi thề ở đền Bạch Mã giữa hai hiệu buôn to ở Hà thành). Nhưng thử hỏi từ xưa tới nay, kẻ gian cũng như người hiền, có ai vì đi thề mà bị thánh vạ chết như họ đã thề đâu?

Nhất là "thề trai thề gái" thì lại càng không đáng kể. Ông thạc sĩ thề với cô P.T.N.L. nếu học thành tài về mà không lấy cô thì chết học máu ra. Bây giờ, học đã thành tài rồi, về nước, ông hỏi hôn cô nọ đó, hỏi ông có chết học máu ra đâu? Thề trai thề gái, chao ôi, nó toàn một loạt là thề cá trê chui ống, cũng như thề cô đầu với quan viên vậy:

Đôi ta đá tạc vàng ghi,

Vàng thì Mỹ Ký, đá thì tổ ong.

Đôi ta thề núi hẹn sông,

Núi trong bể cạn, sông trong bàn cờ...

Đó, họ thề ron ròn mà không làm sao hết. Thế thì bà tham Đ.T.Đ. sao lại rồ dại mà không dám nhận lời của ông chồng mà đi thề dại ở trên đền Hòn Chén có được không? Cái "ca" của bà này thực lạ.

Thứ tư - ... Bà tham này không già mồm bởi vì một lẽ rất dễ hiểu bà không phải là gái dĩ... ^[19] Nhưng cái bà vợ ông Nguyễn Kim Nhung ở Vinh thì quả thực đã già mồm. Bà có tính ưa đi xem hát, bà lại có cái tính ưa kép hát giới trai, nên ít lâu nay bà thấy lòng bà mênh mông buồn như một khúc *Trường tương tư*. Thế là bà tương tư kép Phùng Huệ người ở tỉnh Thừa Thiên, bà mê kép về giọng hát cung đàn và bà mê kép cũng vì kép có những điệu như kêu gọi...

Bà bèn ngã vào tay kếp. Không, bà không phải là đao, nhưng bà muốn lấy kếp để kếp ca những bản "*Tam ban triều điển*" cho bà nghe, và việc ấy đã không bịt qua mắt chồng bà là ông Nguyễn Kim Nhung.

- Này, tôi bảo cho mình biết, tôi không phải là một người trắng gió bướm ong đâu. Người kếp hát đó là chồng cũ của tôi, mình hãy cho tôi tự do đi theo người ấy, kéo tôi ở mãi ở đây không sống được.

Ông Nguyễn Kim Nhung, trước bà vợ già mồm như thế, vui vẻ trả lời:

- Được, tôi sẽ không ngăn giữ và tôi chúc cho mình sẽ gây được hạnh phúc với người đàn ông ấy.

Đoạn, ông đãi vợ trăm bạc để đi theo người chồng cũ mà kỳ thực là mới kia. Thật là một cử chỉ lịch sự và quân tử. Đàn bà, - hình như

có một ông văn sĩ Nga đã nói, - cũng như thể con chim trời vậy: nó đi rồi nó đến. Ông Nguyễn Kim Nhung để cho vợ đến rồi đi như thế, đã đành là làm một cái cử chỉ triết nhân rất đáng khen, nhưng chẳng hiểu những người hay ghen và giết vợ ngoại tình, nếu không cho ông là điên dại thì sẽ cho ông là gì?

Thứ năm - Bởi vì các bạn đọc báo hàng ngày tất đã biết rằng những ông giết vợ dạo này nhiều lắm.

Không yêu mình, giết. Không yêu mình nữa, giết. Giết chết người rồi mình cũng chết như cả Mậu bị chém hôm mới đây, các ông đó cho là thường quá, thậm chí có người nói rằng "giết vợ là một phong trào" làm cho những đàn bà "táy máy" cũng hơi... kinh kinh một chút.

Nhưng những bà vợ kẻ thì vẫn không kinh kinh một chút nào: họ vẫn cứ ghen tuông vô

lỗi với những người đã chết, họ cứ hành hạ con chồng và cái án dì ghẻ con chồng to nhất gần đây chính là chuyện vợ ông bá tước De... hành hạ con chồng vậy.

Hai vợ chồng ông này ở Paksé với một đứa con của người vợ trước lên tám tuổi. Đứa bé này bị người dì ghẻ hành hạ một cách cực dã man: bố và dì ghẻ nuôi cho nó một bà thầy Anh-cát-lợi để dạy múa và dạy võ, đến nỗi mỗi khi nó tập võ, láng giềng hàng xóm và những người đi qua lại đều phải lè lưỡi mà khóc thầm cho đứa trẻ. Người ta can thiệp thì ông bá tước kia trả lời gọn lỏn rằng:

- Việc nhà tôi, việc gì tới các ông?

Việc ra đến toà, người dì ghẻ trả lời:

- Tôi có làm gì nó đâu. Tôi thuê thầy dạy nó tập võ, và nếu nó có bị tập một cách hơi khác thường một chút, đó chỉ là tại tôi bảo bà thầy

của nó dạy nó một cách riêng cho nó không lùn người.

Câu nói dễ nghe thay, nhưng chết một cái là với cái môn võ của bà hầu tước và của bà thầy ấy mà cứ tập đều đều mãi, đứa bé tám tuổi kia không sống được; nên bộ ba (hai vợ chồng hầu tước và bà thầy) đã bị thộp ngực hết và giam cầm một chỗ.

Lên tám tuổi, đứa bé kia "bị" học võ mỗi ngày đi bộ ba bốn cây số để xem chân có khoẻ không, thì bà này, không biết bà bị giam cầm ba tháng hay ba năm gì đó, sẽ có thấy "tĩnh" người ra chút nào hay chăng?

Người ta nói rằng bà hầu tước này là người Anh. Chẳng biết, với chuyện này, bà có thấy tĩnh ngộ ra rằng người Anh "trăm phần trăm" ít làm những việc dã man như thế hay không?

Thứ sáu -

Kiểm duyệt bỏ

Thứ bảy - Ông bạn Thạch Phi chán đời đã phải vỗ bụng mà than:

- Cái máu mê cờ bạc của người mình đến như vậy thì thực là hết chỗ nói.

Thực chẳng khác gì hai anh lính thủy trong câu chuyện của Anatole France đang đánh thò lò ở trên tàu, bỗng bị tàu chìm, may được con cá voi ra cứu, chở hai chàng lên lưng, thế mà sau một lát ngồi trên lưng cá voi được tỉnh hồn, hai anh lại giở thò lò ra đánh y như lúc còn ngồi trên tàu vậy.

Thì ra những người ham mê cờ bạc trừ khi chết đi mới hết đánh, chứ còn sống là họ vẫn còn đánh như thường.

Riêng người mình, có lẽ đến chết cũng không

chừa. Người ta kể chuyện có anh ham mê bài bạc đến nỗi khi nghe vợ con rầy rà quá, anh ta phát cáu lên nói rằng: "Nhất sinh tao chỉ lấy một chuyện đánh bài đó làm cái thú ở đời, nếu không cho tao đánh nữa thì để tao chết quách đi cho xong, và đến chừng tao chết rồi thì mẹ con bay chỉ đốt một bộ bài xuống âm phủ cho tao là được rồi, không cần phải dọn mâm dọn bàn cúng nữa!" [20]

TIÊU LIÊU

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 37
(17/11/1940)

Thứ hai - Kỳ tuyển lính khổ xanh tại trại giám binh Phú Thọ vừa rồi, viên lý trưởng xã T.L. huyện Thanh Thủy cũng có mang dân đinh đi tuyển. Ra tỉnh, thấy nhiều gái đẹp, không giữ nổi lòng dục, lý trưởng T.L. mò đến xóm bình khang và cái việc phải xảy ra đã xảy ra: y bị bệnh phong tình rất nặng và

phải đón - không phải "ông vua thuốc phong tình" ở Hà Thành, nhưng một ông lang ở vùng Nam về điều trị.

- À, tưởng là gì chứ cái này, tôi chỉ cho một nhát thuốc bảy ngày thì khỏi hẳn.

Người bệnh khỏi hẳn bệnh thực, nghĩa là không đau nữa, không ốm nữa mà cũng không... sống nữa.

Người nhà lý trưởng T.L. thấy thế giữ ngay ông lang bắ¹m lại và giải đến các nhà chức trách.

Câu chuyện này lại làm cho kẻ viết bài này nhớ lại câu chuyện ngày xưa, cũng một ông lang có tài Biển Thước, Hoa Đà như thế, cũng giết người như thế, bị quan trên khép án bắt ma chay cho người chết, bắt phải khiêng người chết ra ngoài đồng mai táng. Chẳng ngờ người chết lại mát da mát thịt quá, nặng

như một cái cối đá đại. Thầy lang đương bực
sẵn lại phải khiêng nặng, tức cảnh ngâm ngay
một câu thơ:

- *Ngô gia tam thế luy vi y.* (Nhà ta ba đời
nay làm thuốc)

Vợ ray rút đọc tiếp theo:

- *Lương quân nhất trăn luy thê nhi*
(Chồng ta bốc một chén thuốc mà làm luy cả
vợ cả con).

Con dâu sầu vì bố chồng đọc:

- *Đã hậ tha phì đài bất đắc.* (Chỉ giận
nó béo khiêng không nổi).

Con trai thở dài và kết luận:

- *Tự kim vi y bất vi phì.* (Từ giờ có chữa,
đừng có chữa cho thằng nào béo nhé).

Đây là ông lang thời xưa.

Ông lang ngày nay ở Nam thành chẳng biết rồi ra sẽ bị quan trên kết tội gì và sẽ chịu mấy năm tù? Nhưng chắc chắn, một khi đã vào nhà pha ăn cá mắm rồi, ông này thể nào chẳng phải tức cảnh ngâm thơ tự thán mà cũng để cảnh cáo cho những anh em đồng hội:

- Từ giờ có chữa, thì chớ có chữa cho những người ốm làm gì cho khổ. Có chữa, ta chỉ chữa cho những người vô tật vô bệnh mà thôi...

Thứ ba - Nói mà chơi vậy thôi, chứ ông lang thuốc nọ chắc gì đã bị tù? Biết đâu rằng ông ta chẳng có lý lẽ để mình lại tự bào chữa cho mình, để mình lại thân oan cho mình? Nếu ông ta không có tài ăn nói giỏi như cái tài chữa thuốc giỏi của ông ta thì đã có các vị

trạng sư nói hộ ông ta, mà đã nói đến trạng sư thì phải biết nhé, lắm cái mình tưởng không ai cãi lại được, họ cũng cứ cãi phăng phăng như thường...

Nhưng xin nói ngay rằng cái ý kiến này không phải là của tôi, nhưng là của bạn Như Hoa trong Sài Gòn, - người đã thuật lại một cái tin sau này trên báo:

"... Toà án Biên Hoà vừa đây xử một vụ cờ bạc. Bên vực cho một bị cáo nhân là thổ chủ, một ông trạng sư nọ đường hoàng tuyên bố rằng: "Những tay cờ bạc đều là những tay từ thiện, họ dám ăn to xài lớn, nhờ có họ mà tiền bạc lưu thông, sự buôn bán mới phát đạt".

Hay không? Cứng cáp không? Và có mới mẻ không?

Những tay cờ bạc đều là những tay từ thiện

thì cái ỏ cờ bạc tức là cái lò đúc ra người từ thiện mà anh chủ thổ tự nhiên là xã hội phải kính trọng, coi như một ông thánh sống đào luyện ra hạng người từ thiện chớ sao?

Anh phải biết rằng: đối với xã hội loài người, không có một sự nghiệp nào lớn hơn là sự nghiệp từ thiện, cũng không có sự nghiệp nào hợp với lòng người, lẽ trời bằng sự nghiệp từ thiện, nay với bọn con bạc kia ông trạng sư ấy đã bảo là những tay từ thiện, thì Sáu Ngô, Hai Cua, Ba Sinh, những ông vua cờ bạc đó há không đáng cho chúng dựng tượng để kỷ niệm những công đức tày trời hay sao?

Thứ tư - Chép lại câu chuyện trên này ta rùng mình mà nghĩ lại chuyện cái lưỡi của Esope mà càng thấy là đúng quá.

Lắm khi cái lưỡi người ta nói nên những câu nói rất hay, nhưng lắm khi nó lại cũng nói nên những câu rất dở, làm mất cả nhân cách

người ta đi nữa.

Tôi sẽ không nhắc lại những cái lưỡi dài đi phao ngôn những chuyện làm tan cửa nát nhà hay đặt điều để gây sự rối ren trong nước, bởi vì ai ai cũng đã biết những cái lưỡi ấy rồi. Tôi chỉ thuật cho các ngài nghe một câu chuyện mà chủ động là cái lưỡi, - cái lưỡi nói láo, - suýt xảy ra một vụ đổ máu ở rạp hát Hiệp Thành mới đây.

Mới đây, có hai người đàn ông đến rạp hát Hiệp Thành để vào xem hát nhưng không chịu lấy vé nên người soát vé không cho vào.

Kiểm duyệt bỏ

M. Phạm Hữu Tương soát vé không thể làm sao được vì nhà hát không có lệ cho những người vào xem "trạc" nên nhất định mời hai người kia ra. Đã không lấy thế làm ngượng người [...] lại xông lại đánh M. Tương và cửa

rap Hiệp Thành suýt nữa thì diễn thêm một vở kịch "Thù và Máu".

Tôi không hiểu hai ông này là hạng người gì trong xã hội, nhưng cứ xem cử chỉ thì có lẽ họ chưa được đọc câu chuyện vui này ở trong một cuốn danh nhân dật sử của một người Pháp viết:

Cũng ở trước cửa một rạp hát. Nhưng là một rạp hát ở Pháp vào khoảng thế kỷ thứ mười chín. Hôm đó có diễn một vở kịch rất hay, nhiều người đến xem lắm. Đã đành là những người ấy phải có tiền, nhưng không phải là không có người không xu mà lại muốn vào xem trạc, như hai ông nọ muốn vào xem trạc ở rạp Hiệp Thành đêm hôm nọ.

Vậy, trong số các người vào xem hát ở rạp hát Pháp đó có một người cứ đứng chờ, rình người soát vé hở cơ là vào. Thì tự nhiên lù lù một ông đạo mạo ở đâu vào cúi xuống nói

thâm với người phát vé một câu rồi cứ thế vào thẳng không cần vé!

Một ông đứng chờ ở đó đã lâu để xem trạc, thấy làm như thế "ngon xoi" quá, cũng vào theo chân ngay và cũng cúi xuống nói thâm với người phát vé kia cái câu ...cái câu mà anh chàng mới nghe lỏm được của ông đi vào trước. Anh chàng chờ người phát vé cúi đầu mời anh ta vào một cách lễ phép, thì anh ta ngạc nhiên biết bao khi bỗng thấy người phát vé rợn tóc gáy chòng chọc nhìn anh ta mà rằng: "Thế nào? Ông bảo thế nào? Ông cũng là Victor Hugo, tác giả vở *Hernani* diễn đêm hôm nay à?"

Thứ năm - Cho mới biết cái lưỡi dù ở thời đại nào cũng vậy, cũng làm những điều bậy cũng như những điều hay. Nhưng có điều, theo sự xét nghiệm của ta, cái lưỡi nói ra được điều hay thì ít mà nói bậy thì thực nhiều, nhất là những hạng nói bậy để lừa người thì

hiều lắm, không kể sao cho xiết. Mà những kẻ nói bậy để lừa người đó họ như không kể pháp luật là gì cả.

Xem ngay như vụ mấy tên giả mạo là cổ động viên của *Trung Bắc Chủ Nhật* đi các tỉnh Bắc Kỳ để lừa bạn đọc mua năm thì đủ biết. Chúng hoành hành đã mấy tháng nay rồi, đi khắp chợ thì quê và tự xưng là cổ động viên của *T.B.C.N.* để lấy tiền của độc giả mua năm. Chúng tôi than phiền đã lắm, mà chúng vẫn cứ có thể trốn tránh ở ngoài vòng pháp luật và hoành hành một cách rất tự do.

Tên tự xưng mình là Victor Hugo bị bắt tại, tên tự xưng là mật thám ở trước cửa rạp Hiệp Thành bị thộp ngực, đến bao giờ cái bọn tự xưng là cổ động viên *T.B.C.N.* bị vào tù?

Muốn cho họ vào tù, không khó.

Các bạn từ giờ nếu có thấy tên nào tự xưng

nếu thế vào nhà ngài mời mua báo lấy tiền thì các ngài cứ nên im!... Im lặng để nghe chúng nói rồi bảo người nhà ra đóng cửa lại, hét vào tai chúng một câu: "Đưa cái thẻ thuế thân xem!" Chúng đưa thẻ thuế thân ra thì các bạn giữ ngay lấy hộ cho và báo tin luôn cho các nhà chức trách tóm cổ chúng lại cho chúng tôi nhờ... bởi kẻ ấy đích thị là quân gian đó. *T.B.C.N.* chưa bao giờ có cho cổ động viên đi các tỉnh mời mua báo hay lấy tiền mua năm của một ngài nào ở Bắc và Trung Kỳ. Trừ phi ở Nam Kỳ có M. Võ Văn Rớt thì M. Rớt có giấy tờ cẩn thận hẳn hoi. Những anh tự xưng là cổ động viên ở Trung Bắc Kỳ nếu có đưa giấy tờ ra thì những giấy tờ ấy toàn là giả mạo cả, xin làm ơn cứ thâu lại và báo cho chúng tôi được biết.

Thứ sáu - Thực tình, thì chúng tôi cũng đã hơi biết mấy tên đi lừa ấy là ai rồi.

Chúng tôi có muốn, là muốn có chứng cứ xác

thực mà thôi, chứ còn tên tuổi chúng thì chúng tôi đã mang máng nghe thấy không phải bây giờ nhưng nghe thấy từ lâu: bọn đó đã từng về những vùng Bắc Ninh, Hải Dương, Thái Nguyên và đã lừa được mỗi chuyến đi như thế hàng vài trăm bạc...

Nói một câu như thế này cho các bạn buồn, cái bọn đi lừa như thế không phải là hạng ăn cắp, đi lừa, cặn bã của xã hội đâu, nhưng là một bọn có học và đã từng một độ ngã vào làng báo. Bởi vì, dù là làm báo đi lừa hay lợi dụng cái chức hiệu nhà báo để đi bịp thì họ cũng vẫn có thể cứ trưng tên tuổi mình là nhà báo chứ ai cấm được?

Nghĩ mà buồn: hiện giờ cái bọn ấy vẫn đôi khi viết sách để bán cho người ta đọc đấy, mà không hiểu tại sao lại có những nhà xuất bản in sách của họ cho đời đọc? Cái học nửa chừng có hại không biết bao nhiêu thật. Cái văn minh nửa chừng cũng thế.

Thứ bảy - Như câu chuyện mà tôi đã thuật lại lần trước ở đây: một ông giáo học ở Đông thành bênh vợ đánh mẹ, coi mẹ như đứa ở, mặc tình cho vợ muốn làm gì mẹ thì làm. Tưởng câu chuyện đời đến như thế là cùng cực, không ai theo kịp ông giáo học có học kia, con người "văn minh" kia, không ngờ ở Sài thành vừa đây lại có một chuyện cũng oai như thế mà nhân vật chính lại cũng là một người có ăn học mới hay.

Cô Băng Tâm ở Phan Thiết có gửi đăng ở các báo trong Nam một các tin như sau này:

Một thầy nọ làm việc ở sở kia, ăn mặc rất đàng hoàng, cùng chúng bạn đi chơi đêm về... " Kéo! Ê kéo!..." Theo tiếng thầy gọi, một tiếng dạ ở đâu xa đưa lại, rồi một con ngựa người đã già cỗi co ro rút cổ kéo xe chạy tới. Thầy thái nhiên bước lên xe, ngồi vếch đốc,

con ngựa người kia lại bắt đầu làm cái phận sự kiếm gạo cho mình ngày mai. Thì bỗng đâu một câu nói từ cửa miệng người phu xe già yếu ấy bật ra làm cho người ngoài nghe đến phải dội ngựa: "Nghe kêu, cha tưởng là ai đâu lạ chứ, không ngờ là con, con đi chơi khuya về, mệt nhỉ!" Thì ra, trời đất ơi! Kẻ ngồi trên xe kia là "ông" con, mà người cầm cùi kéo xe kia là "thằng" cha.

Ông bạn Như Hoa của tôi cực lực mặt sát đưa con kia và ông than lên rằng:

Văn minh Đông Á, trời thu sạch,

Này lúc luân thường đảo ngược ru?

Theo ý tôi, thì kêu rên cầu khẩn và than khóc đều là vô ích cả. Nếu tôi có chút quyền... Nếu tôi có chút quyền ở trong tay thì tôi gả

phất ngay thày đi xe kéo nọ cho cô đánh mẹ chồng ở Đông thành: một bên đánh mẹ, một bên "chửi" bố, thử hỏi ở dưới trần này, còn cặp vợ chồng nào vừa lứa xứng đôi hơn?

TIÊU LIÊU

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s.38
(24/11/1940)

Thứ hai - Vào khoảng năm giờ chiều hôm vừa rồi, chuyến xe lửa Hà Nội - Phủ Lý vừa tới ga thì có một chàng mặc Nam phục có vẻ đàng điểm, trên ngực bên phải đeo một cái thẻ bằng nhung đen, còn bên trái thêu một cành hoa con bướm cũng bằng nhung đen, nhảy xuống đất và mạnh bạo đi ngoài phố. Nếu chỉ có thế thôi thì đã chẳng có chuyện, bởi vì nhà nước chưa có lệnh không cho những anh lỗ lĩnh đi chơi phố bao giờ. Chết một cái là anh chàng nói trên kia lại gặp ông Cẩm đi tuần tới đó; anh chàng nọ giơ tay lên

chào theo kiểu nhà binh, khiến ông Cẩm ngạc nhiên đứng lại hỏi thì anh chàng trả lời bằng tiếng ta. Ông Cẩm không hiểu, thế là dẫn ngay anh chàng về sở. Sau một cuộc hỏi cung, té ra anh chàng kia là một người xem tướng số "du chơi" về Hà Nam, nhưng sự du chơi ấy không ngờ lại thành "chơi du" nên anh ta bị giải về dinh ông phủ rồi từ dinh ông phủ bắt sang dinh ông huyện, rồi từ dinh ông huyện lại giải sang dinh ông Tuần. Tờ báo hàng ngày đăng tin này không nói rõ rằng chàng từ dinh ông Tuần có bị dẫn sang dinh ông cẩm nữa không, nhưng cho ta biết rằng anh chàng xem tướng số lố lỉnh kia chưa được tha. Cho mới biết cái nghề tướng số hại người ta thực!

Chữ tài liền với chữ tai một vần! - Câu nói thực đúng quá, bởi vì anh xem số kia lúc xuống tàu, để chân xuống đất Hà Nam, thế nào chẳng giờ nghề mình ra mà xem tướng cho những người khách đi qua lại để tìm "mắt

cá hạt châu", để xem trong đám người xoàng xoàng kia có cái tướng "nhĩ bạch diện phương tất quý" nào chẳng... Thì anh chàng tất đã thấy ông cảm là quý tướng lắm chứ gì! Cho nên anh ta chào, mà chào như thế là phải lắm còn gì! Bởi vì anh chơi chim mê chim, anh thích gái vô lấy gái thì anh xem tướng cố nhiên là phải chào quý tướng.

Kiểm duyệt bỏ

Anh thầy tướng kia bị bắt thực quả là "sinh ư nghệ... tù ư nghệ" vậy. Cho nên tôi chán nghề tướng số đã từ lâu, nhất là ở trường hợp anh chàng kia, cái nghề ấy đã làm bận rộn mất bao nhiêu người, mất bao nhiêu thì giờ mà là những thì giờ quý báu như vàng cả!

Thứ ba - Nói đến chuyện chán nghề tướng số, tôi lại nhớ đến cái nghề bạc bẽo đó ít lâu nay đã "ăn gỏi" mất mấy người hy sinh cho nghề ấy.

Tôi sẽ không kể tên những người khốn nạn đáng thương đó ra đây làm gì bởi vì quốc dân ta đã hiểu biết họ lắm rồi... Tôi, ở đây, chỉ nói đến một người mà trong Nam ngoài Bắc ai ai cũng đều biết tiếng tăm (hay tai tiếng cũng thế), ấy là "pò-rốp" (!) K.S. hay "mét" ^[21] K.S. cũng thế, bởi vì cái mặt ông này kỳ nào cũng đều đăng to bằng cái mặt lên trên báo để làm quảng cáo cho nghề mình.

Người ta bảo ông này là một tên bịp. Sự thực, ông chỉ là một anh "thầy bói sáng" mà thôi, nhưng ác hại! anh ta không biết "mù" gì về bói toán tướng số cả, nên anh ta toàn nói láo, mà đã nói láo để lấy tiền thì tất nhiên là đi lừa rồi.

K.S. đi lừa thực, cho nên anh ta bị lôi thôi ở Hà thành một dạo lâu. Ai ai cũng tưởng anh "sinh ư nghệ, tử ư nghệ, tắc dĩ giải nghệ" rồi, không ngờ vừa đây xem những tờ báo ở Nam

ra, thì ới mền ới! ới mặt ới! cái anh thầy bói sáng có ảnh đăng đó chẳng vẫn là anh K.S.?

Thì ra K.S. lại vào "làm một chuyến" ở trong Nam nữa, nhưng lần này anh ta lại đổi mặt, tuy vẫn nguyên bộ lông cũ: anh ta để một bộ râu trê trên mép. Để bộ râu trê trên mép như thế là để cho người ta không nhận ra là K.S. đã bị tù tội vì đi lừa người chẳng? Để bộ râu trê trên mép như thế là để tỏ ra mình là một người đứng tuổi làm ăn đứng đắn chứ không phải đi lừa người chẳng? Chao ôi, K.S. quả là một người tài thực! Nhưng chỉ tài về môn.. đi lừa mà thôi, chứ không phải tài học, bởi vì anh ta nếu có học thì anh ta tất đã biết rằng nếu cái áo không thể làm thành được thầy tu thì bộ râu trê của hấn đâu có xoá được cái cuộc đời quá khứ?

Trong chuyện này, tôi cho có lẽ chỉ có bộ râu là oan khổ mà thôi, bởi vì nếu dân Sài Gòn ngày mai đây chỉ tay đuổi hấn đi thì bộ râu trê

nọ đã không xoá được cái quá khứ của chàng, mà trái lại, chính bộ râu ấy lại "bị" xoá để K.S. đeo một bộ râu khác đi kiếm ăn miền Lục tỉnh.

Nhưng, anh chị em đừng sợ. Dân Nam Kỳ xưa nay vẫn có tiếng là thông minh lanh lợi, đâu lại có để cho tên bọm kia bịp mình vì một bộ râu!

Thứ tư - Sự thực là thế: ở đất Bắc này, cái nghề tướng số bây giờ khó kiếm ăn lắm lắm. Ấy là chưa nói đến chuyện, giờ đất này, chánh phủ lại còn [...] triệt hẳn nghề tướng số đi. Nghề tướng số, vì vậy, nhiều khi đã chẳng bịp được ai, - tôi không nói đến những người có chân tài, có thực học và hiểu tướng số, - trái lại có khi lại bị người ta bịp nữa. Xem ngay câu chuyện Thần-cốc-tử (bà) ở Hà thành vừa bị một người mại bản dắt đến phòng ngủ Thái Lai lừa biến mất năm trăm đồng thì biết. Không hiểu khoa tướng số bói

toán của Thần-cốc-tử (ông) cao siêu đến bậc nào mà lại để cho thần phu nhơn bị bịp một cách xót xa như thế?

Làm cho mình lại nhớ đến câu chuyện anh thầy bói xem bói bảo người ta cháy nhà mà chính nhà anh ta bị cháy, cũng như câu chuyện anh tướng số sáng kia nói với khách hàng rằng "Ông khổ vì tình" mà chính sau lúc ấy một lát về nhà thì anh ta thấy vợ đương hú hí với một người đàn ông khác, không những đã vào làm nhà mà lại nằm lằm cả giường của anh ta!

Như chúng ta đã biết, ông thầy tướng ấy không cần bấm nhẩm bấm độn hay xem quẻ gì lúc ấy, ông ta đâm chết liền cái gã cầm sừng kia và, - chẳng hiểu cái này có ở trong tướng số hay không, - ông ta bị bắt giam và bị tù. Chắc hẳn ở trong tù, anh chàng không nghĩ gì đến tướng số nữa mà chỉ nghĩ đến tình nó đã làm cho mình đau khổ mà thôi...

Thứ năm - Tôi không hiểu ông bác sĩ Kerr ở Huê Kỳ có đau khổ như ông thầy tướng số kia không, nhưng cứ xem những công việc khảo cứu của ông ta thì ông ta cũng đau khổ vì tình nhiều lắm... Theo bạn Như Hoa thì bác sĩ Kerr tuyên bố rằng: "Ái tình cũng chỉ là một chứng bệnh". Rồi ông ta chế ra một thứ thuốc tiêu đề uống, không phải để tiêu độc nhưng mà là để tiêu... tình. Ông ta lấy làm đặc ý lắm, nhưng nào có biết đâu rằng ở nước ta, một người đàn bà goá nọ đã làm tiêu tình của người ta mà chẳng cần phải thuốc men gì cả.

Một thầy đồ nọ dạy con một người đàn bà goá. Thầy đồ, ít lâu sau, mắc bệnh liên: bệnh yêu mẹ học trò. Chị đàn bà goá nọ thấy thế thương hại bèn tìm cách chữa cho thầy: chị gọi thầy vào trong buồng và... Không! độc giả chớ vội hiểu lầm như vậy.

Chị ta bảo thầy đồ rằng: "Ít lâu nay, tôi biết

thầy thương tôi lắm lắm. Nhưng biết làm sao được? Tôi hãy còn tang chồng. Tôi phải đợi đến hôm nay là ngày giỗ hết chồng tôi, tôi mới dám nói thật với thầy; vậy thầy đợi tôi nhé, tôi ra xem cho khách ăn uống xong sẽ vào, và đôi ta sẽ thoả tình mong đợi từ bấy lâu nay vậy.

Hả quá, thầy đồ nằm liền ở trong buồng với một ấm nước để hãm giọng trong khi đồ xào nấu đưa những mùi thơm tho đến để "nịnh khứu giác" thầy. Hết sáng đến trưa, hết trưa đến chiều, hết chiều đến tối, thầy đồ thấy kiến bò bụng rồi thấy đói meo lên, thầy không đi lại được nữa, thầy không ngâm thơ du dương được nữa, thầy thấy buồn chân tay, sau thầy nằm phục vị một chỗ. Bấy giờ chị chàng kia mới vào, chậm rãi thay đổi y phục và lại gần thầy vuốt ve. Thầy lắc đầu lia lịa mà rằng: "Không, không tôi chịu... Cho cơm ăn cái đã!"

Thì ra cái thuốc chữa bệnh yêu nào có khó khăn phiền phức gì đâu. Chỉ đói là xong cả. Nghĩ làm gì cho khổ, bác sĩ Kerr ôi, cứ bắt những anh chàng chị chàng lãng mạn "sống vì yêu, chết vì yêu" nhịn đói một dạo là xong cả...

Thứ sáu - Cái đói không là một thứ thuốc chỉ nhiệm màu có thể. Đói còn chữa được nhiều bệnh nữa, - mà bệnh nói láo là một, bởi vì nếu đói thì già hòng ra rồi còn sức đâu mà nói láo khoe tài, đói thì còn hơi sức đâu mà ngồi viết những bài văn cực nghiêm trang như bài "*Khóc ông thủ tướng Anh*" của một ông chủ bút một tờ báo kia: "Ồi giờ cha đất mẹ ời, ời ông Chamberlain ời, ông đã thất tuân rồi, mà ông lại chết, thế thì bà nhà ta biết lấy ai làm bạn sớm khuya để cùng kể những câu tâm sự?"

Nếu thế giới đói một dạo... Nếu thế giới đói một dạo, ta sẽ không phải chường tai gai mắt

vì những điều trông thấy và nghe thấy! Nghe thấy những bài văn giết lỗ tai, và trông thấy những cái "măng-xét" như "măng-xét" ^[22] của một tờ báo kia chẳng hạn, trưng lên những cái "lâu đài mơ mộng và ngốc nghếch chẳng ăn thua đâu vào đâu" như thế này:

"Chàng như mây mùa thu,

Thiếp như khói trong lò,

Cao thấp lẽ có khác,

Một thả cùng tuyết mù".

Một tờ báo sống với sự thực hàng ngày, thực tế như là cuộc đời vậy, còn chẳng ăn ai mà lại "cho ra" một câu như thế, xin hỏi để làm cái "têu" gì? Làm văn ư? Thì mua cái chính. Điền ư? Thì đã có nhà thương Vôì...

Tôi không hiểu người viết cái "măng-xét" kia

có ý nói riêng gì với độc giả, chứ tôi, thực quả tôi ngu độn hơn độc giả của tờ báo kia nhiều lắm nên tôi xin chịu, cũng như tôi đã chịu câu này, cũng in *italique* 18 ^[23] trên "măng-xét":

*"Chàng tận trung với nước, (bom bom!)
Chàng há quên việc nhà, (bom bí bom!)
Một gánh giang san đôi ta chia sẻ (bom bí bom bom!)"*

Chết cười! Cười chết!

Thứ bảy - Độc giả xem, thế thì bảo tôi không mong muốn cho người ta nhin đôi làm sao được?

Bắt nhin đôi, theo tôi, thiên hạ sẽ hoà bình. Đừng nói gì các nước trên thế giới vì đôi sẽ không gây việc can qua, cứ nói riêng, ở trong phạm vi văn chương, khi người ta đôi người ta sẽ không nói riều người khác (như tôi

chẳng hạn) mà người ta sẽ không "lật tẩy" người khác như ông nào đó trong Sài Gòn lật tẩy ông dịch giả cuốn *"Bức thư của người không quen"*.

Theo ông bình phẩm này, thì dịch giả truyện *B.T.C.N.K.Q.* thù nhà văn sĩ Áo quốc Stefan Zweig nên dịch sai tiết cả văn đi cho Stefan Zweig xấu hổ với dân ta. Được lắm. Ông Đông Á nói phải, và lôi hàng tá những đoạn dịch sai của ông *"B.T.C.N.K.Q"* ra cũng phải nữa. Nhưng có một điều này, nói thì ra hơi buồn cho ông Đông Á một chút, nhưng tôi cũng phải nói: đó là ông Đông Á đã ném... đá xuống nước, đã đánh vào chỗ không... Bởi vì ông công kích người dịch sai đó thì đó chỉ là dịch sai văn Pháp, theo bản dịch của hai ông Alzir Hella và Olivier Bournac mà thôi. Sự thực người dịch *"B.T.C.N.K.Q."* có theo bản Pháp văn đâu! Ông Đông Á lầm. Bạn Lan Khai khả ái của chúng tôi dịch là dịch theo bản nguyên văn đấy chứ! Mà bản nguyên văn

của Stefan Zweig thì viết bằng tiếng Đức kia mà (bạn Lan Khai có đề rõ ở ngoài bìa), mà tiếng Đức, ông Đông Á đòi nào biết được? Thế thì nếu đã không biết, ông sao lại dám đại dốt mà phê bình sách dịch *Bức thư của người không quen*? dám bảo ông Lan Khai dịch "theo nguyên văn" là dịch theo bản của Hella và Bournac? Ông Đông Á đã phạm tội vu cáo vậy.

Ông Lan Khai chuyển này chắc giận lắm và tôi lo rằng ông sẽ trả lời ông Đông Á mất, - mà trả lời bằng một thứ tiếng gì? Ông tất sẽ trả lời bằng thứ tiếng "nguyên văn" của cuốn "*B.T.C.N.K.Q.*" tức là tiếng Đức, một tràng tiếng Đức. ... Cho mà xem!

TIÊU LIÊU

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s.39
(1/12/1940)

Thứ hai - Trong một số báo trước, tôi đã thuật lại chuyện bá tước ở Paksé cùng vợ và một cô giáo người Anh bị can vào tội hành hạ một đứa trẻ lên tám tuổi. Đứa con này là con vợ cả của bá tước. Nó bị vợ kế của bá tước cùng với cô giáo Anh đồng lõa đánh đập rất tàn nhẫn đến nỗi người đi đường thấy thế không chịu được phải vào can thiệp thì bá tước kêu lên rằng: "Việc nhà tôi, việc gì đến các người mà các người lôi thôi vào". Đó là ý riêng của bá tước. Việc nhà của bá tước thì không ai có quyền ngó tới, nhưng đó lại không phải là ý kiến của Toà án nên Toà án cứ can thiệp, và kết cục, bá tước bị 18 tháng tù, 5 năm mất công quyền, vợ bá tước 2 năm tù, 10 năm biệt xứ, 16 quan tiền phạt; Miss G., cô thầy dạy con bá tước học võ 2 năm tù, 16 quan tiền phạt.

Tưởng thế đã xong, hay đâu vừa đây các báo trong Nam lại vừa đăng tin bá tước D... ở Paksé lại bị một cái án thứ hai: bá tước can

vào tội nuôi một cô giáo ngoại quốc mà không khai báo cho nhà nước biết.

Nguyên giữa lúc tình hình trong nước không được yên ổn, Chánh phủ có ra lệnh hễ ai chứa chấp người ngoại quốc trong nhà thì phải khai báo cho các nhà chức trách biết. Bá tước D... không biết thế, nên nhân việc hành hạ đứa con vợ cả, Bá tước bị truy tố và bị phạt 500 quan tiền vạ, còn riêng cô giáo sư Anh thì bị phạt 100 quan vì không có giấy tờ gì hết.

Cho mới biết, ở đời, chấy nhà mới ra mặt chuột thực, mà nếu phúc bất trùng lai thì cái hoạ bao giờ cũng vô đơn chí. Nhưng xét cho cùng ra thì vợ chồng nhà bá tước này chung quy bị tù bị tội chẳng qua cũng tại giàu tiền quá. Bởi thế cho nên mới nuôi một cô thầy để dạy con, con mới bị cô thầy hành hạ, và vì cô thầy hành hạ nó bị ra Toà, nên mới lộ việc vợ chồng bá tước xử tàn ác với con, và vì bởi xử

ác với con nên mới bị án mà bị án ấy mới đây đưa ra cái án thứ hai kia vậy.

Xem vậy, thì muôn việc lôi thôi, chẳng qua chỉ tại thừa tiền cũng như vì thừa tiền nên ông nọ mới ra một tờ báo hàng ngày nọ để...

Thứ ba -... để cho ông chủ bút thừa giấy thừa mực nói lôi thôi đây cả đây muống trên báo được.

Ừ được đi, như một bạn đồng nghiệp ở đây đã nói, ông ấy "mồ cha không khóc, khóc đồng mối... ở bên Anh" cũng được. Ừ được đi, ông ấy làm những cái "măng-xét" đáng đánh đòn cũng được... Nhưng có một điều này thì hơi quá, một điều mà tôi lấy làm lạ sao đến tận bây giờ độc giả của ông ấy chưa nổi lòng công phẫn...

Chuyện nguyên do như thế này:

Ở Sơn Tây, cô M. không lấy ông lác mắt méo mồm nào lại lấy ngay một thằng nhỏ không đáng được cô yêu, nhất là cô M. lại đẻ với thằng nhỏ ấy một đứa con, thì ông ấy lại càng tức lắm. Nhưng ta đừng tưởng ông sẽ lớn tiếng công kích thằng nhỏ ấy. Không hèn hạ một tí nào, ông cười cợt một cách rất có duyên với thằng nhỏ và với cái giọng trào phúng rất thần tình ông khen cô M. như thế này: *"Cái bụng cô là một công trình tối lợi dân ích quốc... Nếu không thế thì những ông Trần Hưng Đạo, Nguyễn Huệ... Cô M. thành Sơn Tây, dù không được như hai chị em bà Trưng, song thiệt đã xứng với cái tên "mẹ quốc dân" vậy".*

Các ngài đã thấy cái lối trào phúng ấy thú vị đến thế nào chưa?...

Thứ tư -...Ở đoạn đầu bài ấy, ông tác giả trào phúng của bài văn trào phúng nọ có ý

bảo truyện *Trống mái* của Khái Hưng là có hại. Tôi không xét đến cái hại ấy tưởng tận lắm làm gì, nhưng nếu quả cuốn *Trống mái* có hại thì chỉ hại về một phương diện mà thôi, chứ cái bài "Kìa đó trai anh hùng thì đây ta cũng gái anh thư" thì vì buồn cười quá nên có hại vô cùng, làm cho những người có học không thể nào chịu được.

Nghe đồn thấy tờ báo đăng bài đó có một ông chủ nhiệm, không cười, lúc nào cũng khuyên quốc dân ta mỗi khi nói đến hai chữ "Nam Việt" phải nên lấy làm hãnh diện. Tôi tưởng ta nên hãnh diện vì cái gì chứ hãnh diện vì "cô chủ ngủ với đầy tớ" rồi chữa hoang, thế mà viết lên báo ca tụng dù ca tụng bằng lối châm biếm, mà bằng lối châm biếm thần tình quá, thì cũng chẳng nên hãnh diện làm gì.

Ông chủ bút kia viết như thế này (mà chắc ông cho là hay lắm, độc giả đọc ông sẽ lác cả mắt đi):

"Tôi thì có đánh chết tôi đi, tôi cũng một hai ba bốn (?) cho cô M. là một gái anh thư Việt Nam".

Chao ôi anh thư Việt Nam chỉ có thể thôi ư? Tôi để quyền cho các bà các cô ở trong nước trả lời ông viết bài kia - mà trả lời bằng bất cứ cách gì cũng được - để tỏ rằng anh thư Việt Nam không như lời ông ta nói, ngủ bậy ngủ bạ đâu. Anh thư Việt Nam thế khác kia, anh thư Việt Nam là bà Trưng Trắc Trưng Nhị, mà khi người ta đã là Trưng Trắc, Trưng Nhị, dù ai có táng tận lương tâm đến thế nào cũng không có quyền đem ví với cô M. ở Sơn Tây cao hứng với... một tên đầy tớ!

Thứ năm - Đọc bài văn trào phúng nọ, tôi không khỏi có một ý nghĩ này: Hay là ông chủ bút tờ báo nọ có một quan niệm riêng về ái tình? Ông tha thứ hết cả những chuyện trên bệch trong dâu, dù những chuyện ấy xảy ra

giữa bà chủ với thằng quít hay là giữa con sen và ông chủ, nên ông viết báo khuyên người ta làm... theo chính kiến của ông?

Tôi vẫn nghe đồn rằng tờ báo của ông P.L.B.
[24] ít lâu nay là một tờ báo đặc biệt quốc gia, mà chủ bút của nó, người viết bài báo kia, là người cũng tha thiết với giống nòi và đất nước. Nhưng dù sao, cái chính kiến của ông như thế thì kẻ cũng có hơi phiền; vẫn biết cái chính kiến đó đã đem ra thực hành ở mấy nước châu Âu thực, nhưng ta phải nên biết cái mục đích của người ta cốt là để tạo lấy một nòi giống tốt.

Ở đây, cái chính kiến ấy đem cổ võ một cách sai lầm như thế thì chỉ là để cho người ta loạn dân thôi. Nếu thực quả ông nghĩ đến chủ nghĩa "cây dân" cho nước thực thì, từ xưa, ở nước ta đã có chủ nghĩa đa thê đó, nếu ông thấy một vợ mà ông đẻ con giúp nước chưa đủ thì ông rất có thể lấy hai, ba, bốn, năm

bà... Chứ việc gì phải táy máy đến con sen thẳng quít, và lại còn đem việc ấy mà cổ động lên mặt báo. Ông để dành riêng cho cuộc thí nghiệm của ông thì có phải thú hơn và đỡ tai hại hơn không?

Thứ sáu -... Chớ tờ báo, lúc này, tôi tưởng không phải dùng để xúi bầy người ta làm những việc "anh hùng" đó. Tôi không rõ ông T.V. có thù hằn gì với đàn bà và đàn bà nước ta đã có một người cho ông một "cú" nào chưa, nhưng sự thực đọc hết hai cột bài của ông, tôi thấy một sự khinh khi phụ nữ vô cùng vậy.

Ông viết: "Cô M. ở Sơn Tây đã xứng với cái tên "Mẹ Quốc Dân" vậy. Người ta chữa hoang với đầy tớ mà đi khen ngợi, dù là khen ngợi bông đùa cái ấy đã là du lảm lảm rồi, người ta chữa hoang với đầy tớ mà lại đi nâng làm "Mẹ quốc dân", - dù là nâng đùa, - thì thiết tưởng quốc dân ta cũng khổ thật, mà bà

"mẹ quốc dân" thực của ta chắc cũng không vui lòng gì.

Ở Đức, mỗi bà mẹ đẻ trên mười đứa con thì được chánh phủ cấp cho một cái mề đay khắc chữ "Người mẹ Đức". Cô M. nếu quả là một giúp ích cho nước thì cũng được nâng làm "Người mẹ An-nam" là cùng, chứ sao là "Mẹ quốc dân" mà lại viết ở giữa hai cái ngoặc "..."? Tôi xin chịu không hiểu cái thâm ý của nhà văn trào phúng. Hoạ chỉ có ông ấy và một người nữa thôi!

Thứ bảy - Cái nghề chữ mới biết thâm hiểm thực! Ông T.V. dùng chữ "Mẹ quốc dân" chắc để xỏ một người nào đây.

Nhưng đến cái ông ở tờ báo hàng ngày kia, khi dịch Arip mà viết thế này: "*Một toán binh lực (?) Ý*" (.....)

thì chẳng hiểu ông định xỏ ai. Xỏ chữ nho?

Xỏ... mũi độc giả? Hay xỏ hăng thông tin Arip?

TIÊU LIÊU

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 40
(8/12/1940)

Thứ hai - Mấy hôm nay, về việc cô Trần Thị Cẩn ở Hưng Yên, người ta bàn tán nhiều điều quá.

Cứ kể thực ra thì chẳng có gì là lạ cả: cô Cẩn nọ lấy một cậu trai tên là Trần Văn Cồn, hiện đương làm việc ở Hải Phòng. Tưởng là đôi lứa ở với nhau "phụ xướng phụ tuý" đến tận lúc bạc đầu, không ngờ cô Cẩn, đêm hôm tân hôn cứ nằm vuốt bụng thờ dài nhớ đến người tình cũ của cô, và cô khóc, và cô lấy một cái khăn có thêu tên người tình cũ ra đưa cho chồng mới để "khiêu khích" người đàn ông ấy, - theo như lời các báo đã đăng. Ấy chỉ vển

ven có thể thôi, một câu chuyện gia đình mà người ta nói độ ba dòng kể cũng đủ quá rồi, không ngờ có một vài tờ báo hàng ngày lại tưởng thế là quan trọng lắm, nêu lên những cái tit lớn và... đăng ảnh cô Cần nữa, làm như một người góm lắm.

Thứ ba - Như thế, thử hỏi để làm gì?

Nếu kể về danh tiếng, tôi tưởng có Cần cũng chưa có danh tiếng bằng bà vợ ông chủ bút báo kia. Mà đăng như thế bởi vì là tin cần biết? Thì, ví như tin ấy có thực hẳn thế đi nữa, cái bực phụ huynh cũng không muốn cho con gái biết làm gì, - ví dụ ngay ông chủ bút nọ có con gái lớn.

Tôi nghe thấy nói ít lâu nay, [...] các báo chí ở đây quay về đạo đức dần dần. Vì thế, tôi không chịu tin rằng ông chủ bút báo kia lại cố hại quốc dân, đăng tin ấy để cho phụ nữ ít tuổi trông đó làm cái gương đi trên đường đời

được. Chẳng lẽ ông lại quên rằng mình đã lớn tiếng công kích tiểu thuyết của Tự Lực văn đoàn là lãng mạn, là đầu độc? Ông, chẳng lẽ lại quên rằng ông làm báo là để cho đời đọc, chứ không phải để quảng cáo riêng một cô gái và để cho các bạn trai biết đến cô gái ấy? Như thế đã hết đâu. Tờ báo nọ lại còn phỏng vấn xem tại sao cô bỏ chồng...- tôi không nói đến cái giọng văn ca tụng hay không ca tụng làm gì (và ở bài ấy, đăng rất rành rọt, rất lớn, sênh sênh ở trang nhất, ta đã nghe thấy cô Cẩn nói ý để cho chồng hiểu rằng cô có D (ở mùi xoa) chứ ông Cẩn bảo đó là C thì không phải. Người ta có phải cứ thấy C là có thể bảo nhầm là D đâu!

Những cái đó có lẽ lớn thật, lớn với báo kia, với cô Cẩn thực, nhưng lớn gì với bà và với tôi?

Thứ tư - Thực, đến giờ người ta vẫn không thể hiểu tờ báo kia đăng bài phỏng vấn bực

"anh thu" và ông "anh hùng" kia để làm gì mà to thế, và không biết lúc bà vợ ông chủ bút ấy đẻ con thì còn làm to đến thế nào... Nhưng trước việc "phóng đại tin" này, việc "bịp bợm văn chương" này, ta nghiệm thấy một điều này - chẳng biết đó là điều vui hay điều buồn? - là trong làng báo ít lâu nay thường nảy ra nhiều ông đi bắt chước người quá, hể người ta vừa đề... hờ ra cái gì ra một chút thì bắt chước liền và bắt chước không ngưng nghỉ. Rồi từ đây người ta đánh đĩ nghề mình: thấy người đi phóng sự Hải Phòng, mình cũng làm Hải Phòng phóng sự; thấy người ta phỏng vấn anh Mục, mình cũng đi phỏng vấn mục hàng me cùng bán hàng với anh Mục; và thấy người ta phỏng vấn cũng thúc người làm đi phỏng vấn.

Vẫn biết phỏng vấn là một cách viết không phải quyền sở hữu của riêng một người nào cả. Nhưng thực ra, ta phải nhận rằng chính vì cái óc đi bắt chước nên mới có chuyện khi bắt chước người, mất một mảng các mặt bú

rù đi... mà tờ báo kia mới có chuyện cũng đi phỏng vấn, - mà phỏng vấn một chuyện cực quan trọng là hỏi vợ chồng người ta đêm tân hôn cãi nhau đến thế nào mà đến nỗi phải đem ra toà xin ly dị rồi về đăng báo ở dưới một cái đề thật lớn *"Một hoa khôi ở Hưng thành bị chồng kiện xin ly dị sau cuộc kết hôn 18 ngày"*.

Thứ năm - Nói đến những cái đề lớn, tôi lại nhớ đến một cái tin mới đây tôi được đọc ở trong một tờ báo khác: "Một cái quái thai mắt người, mồm lợn, mũi và tai là mấy cái lỗ nhỏ, mắt là hai miếng thịt đỏ trông không rõ hình".

Làm cho tôi lại nhớ tới một chuyện ở trong Nam: một người đàn bà Sài Gòn cũng đẻ ra một quái thai mũi điều hâu, mắt mọc ở cằm và tai ở bụng. Bạn đồng nghiệp có đến hỏi người thiếu phụ nọ thì người thiếu phụ ấy trả lời rằng: "Lúc có mang, tôi thấy một cái tổ điều có mấy con điều hâu con chết, tôi về sợ quá,

đêm nằm mê thấy, và chắc là sự nhìn đó ảnh hưởng vào bào thai..."

Nhìn một cảnh tượng gớm ghê như thế đã có hại thế, không biết nghe hay đọc một tin gớm ghê như tin trên kia thì có hại hay không?

Ông chủ báo, rất nhân đạo, có lẽ không muốn biết... nhưng ta thì ta nên biết rằng: Một câu chuyện hãi hùng như thế không nên nhắc lại làm gì cả, kéo không có nhà báo kia nghe thấy lại cho đến phỏng vấn liên cái quái thai kia thì nguy cho độc giả chúng ta lắm lắm. Mà rồi biết đâu chẳng có người sẽ bắt chước vị ấy mà làm lan cái nguy cơ mãi ấy ra đời? Bởi vì ai còn lạ gì đời này nữa: hễ cứ có gì lạ một chút thì có người xông ra bắt chước ngay mà bắt chước không cần suy xét.

Thứ sáu - Nói đến chuyện suy xét là nói chuyện chơi cho vui đó mà thôi. Chứ sự thực

suy xét để làm gì? Người ta làm cỗ sẵn cho mình xơi, mình bám riết, cứ ăn sẵn, có điều tiện lắm.

Vậy chúng tôi rất khen những ông nào thấy cái "phoóc- myn" ^[25] *Trung Bắc Chủ Nhật* được nhiều độc giả hoan nghênh, cứ ngồi đấy mà làm theo... Nghĩ làm gì cho hại óc! Và có óc đâu mà nghĩ.

Tôi chủ trương rằng muốn sướng, người ta không nên nghĩ làm gì. Mà làm văn cũng vậy. Mà cả về thơ cũng thế. Nghĩ lắm càng vô bổ. Cho nên tôi xin chịu cái ý kiến của ông Thao Thao ^[26] nó đại khái thế này: Làm thơ Đường, thơ mới dài quá, mình phải nghĩ nhiều. Ấu là ta "cô" cái óc lại như "cô" thuốc phiện và mỗi bài thơ chỉ nghĩ một câu cũng đủ. Đại khái muốn tả mùa rét ở hồ Hoàn Kiếm, ông có câu thơ này:

"Đông xám sịt bên hồ cút trắng khô!"

Thế là đủ. Cần gì phải nghĩ nhiều... Thơ ấy, ông Thao Thao đặt tên là thơ một câu mà... tám chân. Tám chân, theo ý tôi cứ kể cũng còn nhiều quá, còn phải nghĩ. Vốn xưa nay vẫn quý ông Thao Thao, tôi có ý lạm bàn: ông nên bỏ hết cả chân đi mà chỉ cho thơ đứng trên một chân như con cò hay con vịt khi ngủ cũng đủ, không nên rên ràng làm chi. Nhưng xin nói ngay rằng ý kiến đó không phải là ý kiến của tôi đâu, nhưng là ý kiến của Đạt-ta-nhan trong truyện *Ba người ngư lâm pháo thủ*!

Đạt-ta-nhan bảo A-la-mỹ: Thơ "một câu" của Voiture khi trước bây giờ lỡ thời rồi, anh nên làm thơ một chữ thôi, như tả cảnh mùa nực thì chỉ hạ "Nực", buồn cảm về một chuyện gì thì ngâm "Sầu!" là đủ...

A-la-mỹ làm theo và từ đó làm thơ một chữ và chết đói vì thơ. Được người tình là bà Sơ-

vợ-rơ thương tình giúp đỡ, A-la-mỹ dần dần sống một cuộc đời vương giả; một hôm A-la-mỹ gặp Đạt-ta-nhan, Đạt-ta-nhan bảo A-la-mỹ rằng:

- Đấy anh xem, tôi nói có đúng không? Thơ cần gì phải có nhiều chữ mới nuôi nổi người! Không phải nói đùa, anh thực là bực thi bá "nhất tự thiên kim" đấy!

A-la-mỹ nhất tự thiên kim, ông Thao Thao thiên kim mà nhân lên bát tự, phen này gọi là cứ thành triệu phú đến nơi.

TIÊU LIÊU

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 41
(15/12/1940)

Thứ hai - Cái ông thầy bói sáng ấy thế mà nhiều sự! Đọc một kỳ "*Không đó thì đây*" ở báo này có nói một chút đến ông, ông

K.S. lấy làm giận lắm. Ông xem số mệnh cho ông tức thì, và thấy "sao" Đà la Điều khách chiếu sang cung mệnh, mà lại có Cô thần, Quả tú ở Thiên di, ông K.S. của chúng ta tức thì viết cho tôi một lá thư đại khái như thế này:

"Ông vô lý lắm. Hiện giờ tôi đi bịp anh em chị em Nam Kỳ chứ có bịp nổi người Bắc Kỳ nữa đâu mà ông công kích? Xin bớt bớt cái miệng đi. Bởi vì dân Nam Kỳ hiện tin tôi lắm, ông có nói bao nhiêu nữa cũng vô bổ; chúng có là có nhiều báo ở đây vẫn cứ quảng cáo cho tôi và có khi lại lấy tiền của tôi để giới thiệu đồng bào quốc dân đến nhà tôi để cho tôi bịp nữa"...

Thứ ba -... Làm cho tôi sinh một mối buồn cảm vô cùng cho các báo Nam Kỳ hiện đương đăng quảng cáo cho ông thầy bói sáng của chúng ta.

- Chỉ vì tiền! - Các ông tất nói thế với tôi. Tôi cũng đã biết thế, nhưng không khỏi chán ngán cho cái nghề dẫn đạo quốc dân của chúng ta mà lắm khi phải đành lòng trưng lên một công trình bịp bợm của một tên bợm bịp có môn bài ở nhà pha.

- Tuy vậy, nhưng chúng tôi không có tội. Nghề báo chỉ là một lối buôn thôi. Ai thuê thì làm.

Lời nói nghe hữu lý. Nhưng tôi không khỏi buồn rầu mà cứ phải kể một chuyện ở dưới triều vua Lô-y-thập-tứ.^[27]

Thứ tư - ... Vua Lô-y-thập-tứ vốn là một người hay nghĩ ngợi, một hôm đi bách bộ chơi ở trong điện Louvre ở Versailles. Đến "gian phòng Đồng hồ" ngài gặp một người đạo mạo đương trèo thang lên tháo một cái đồng hồ quý vào bọc nhất. Nhà vua thấy thế, sợ y trượt thang chẳng, ung dung tiến lại gần và

nói:

- Khanh cứ lên. Để trẫm giữ chân thang cho cẩn thận.

Người lạ mắt kia nhìn nhà vua một lát rồi ung dung tháo đồng hồ đem về nhà. Y nói là để chữa vì đồng hồ ấy hỏng.

Mấy hôm sau đình thần vào tâu rằng ở trong "gian Đồng hồ" ở điện Louvres quân gian vào lấy mất một cái đồng hồ quý. Vua tới xem thì là cái đồng hồ hôm nọ.

Văn võ trong triều bèn xin nhà vua cho lệnh truy tầm tên kẻ trộm táo gan kia trị tội. Đức Vua bảo họ:

- Trị tội hắn làm gì? Thôi các khanh ạ, hắn là thủ phạm vụ trộm đó, nhưng trẫm, trẫm cũng là... tòng phạm.

Thứ năm - Nói thế mà chơi chữ thực tình tôi không muốn làm phật lòng mấy bạn đồng nghiệp ở đây.

Mấy bạn đồng nghiệp tôi ở đây, vả lại, cũng chẳng cần gì chuyện ấy bởi vì đó là chuyện cơm bữa rồi. Người ta lắm khi đã bịt mũi ăn... tiền, chẳng biết bao nhiêu quảng cáo cho những quân đi lừa, mà lừa thế nào? Họ lấy sinh mệnh của đồng bào ra mà lừa, cái việc ấy mới thực lớn, không tài nào tưởng được.

Đã hết cái thời kỳ đăng quảng cáo cho vua thuốc lậu, vua thuốc giang mai, đã hết thời kỳ cổ động cho những thứ thuốc giết người của các vị lang băm rồi, bởi vì các ông lang ấy đã hết tiền. Bây giờ lại đến thời kỳ làm quảng cáo cho những người nhiều tiền hơn, bịp bợm "quốc tế" hơn, những ông thầy thuốc "cho" một nhát thuốc thì ăn liền vài trăm bạc.

Sáng qua, hơn một chục anh em học sinh

trường thuốc có đến chơi tôi nói chuyện về việc vài tờ báo hàng ngày đăng quảng cáo cho một ông thầy thuốc phù thủy mới đến kiếm ăn ở Hà thành. Vì một lẽ riêng, các anh em tỏ lòng công phần một cách đặc biệt đối với một tờ báo hàng ngày trong số đó.

Viết báo cho quốc dân xem, quốc dân ốm chưa đủ hay sao mà nỡ lòng nào lại còn mượn tay một người khác đến lừa dối và giết hại quốc dân ta nữa?

Thứ sáu - Bà Yvonne Sarcey chủ nhiệm báo *Les Annales* ở Pháp viết về những tai nạn chồng chất lên nước Pháp có viết một câu đại khái thế này:

"Không hiểu trời thù gì dân ta mà cứ đem hết tai trời này lại đến ách đất nọ đến cho đất nước này như vậy? Thật là buồn. Nhưng ta phải chịu đựng, chứ biết làm sao? Ta phải cười... Cười rất buồn rầu, ở trước những tai

nạn ấy và những người đã hy sinh tính mệnh cho đất nước".

Thiết tưởng chúng ta cũng nên bắt chước thế mà hỏi rằng: "Không biết một số báo chí ở đây thù gì quốc dân ta mà cứ bịp bợm mãi quốc dân ta như thế? Ta nên buồn rầu... Buồn rầu và buồn cười ở trước những thủ đoạn ấy và những người đã đem những món bịp non kia lừa quốc dân".

Thứ bảy - Nhưng nói đến bịp non, cố nhiên là tôi không nói đến ông bầu gánh kịch nghệ thuật kia mà các báo đăng râm râm quảng cáo.

Ông bầu kịch này không phải là một người không đứng đắn đâu. Không, trước kia ông đã viết *Tiểu thuyết thứ năm* ^[28] đấy và chỉ một việc ấy cũng đã đủ bảo đảm tính hạnh cho ông rồi. Ông hy sinh cho "nghệ thuật văn chương" chưa đủ, ông lại muốn hy sinh thân

thế cả cho kịch hát nữa! Ông quảng cáo cho gánh kịch của ông như sau này:

"Cần nhiều tài tử và nhất là nhiều gái trẻ tuổi. Ai muốn xin cứ đến nhà tôi".

Tục truyền rằng hồi mô ma báo *Tiểu thuyết thứ năm*, - một tờ báo son trẻ phụng sự văn chương và ái tình son trẻ, - ông bầu kịch này đã viết một cái tiểu thuyết tên là tiểu thuyết *Ngoại tình*.^[29]

Không hiểu vì có bao nhiêu độc giả đọc, *Tiểu thuyết thứ năm* đóng cửa. Bây giờ, gánh kịch "Nghệ thuật" kia ra đời, không biết có phải ông có ý định gì tiếp tục làm nốt công việc của *Tiểu thuyết thứ năm* bỏ dở hay không mà cần tuyển nhiều gái thế?

Ngày xưa, những cô gái thỉnh thoảng dùng làm mẫu chụp ảnh cho *T.T.T.N.* và dùng để biểu dương cái đẹp của trời; bây giờ gánh

"kịch nghệ thuật" dùng gái để đóng kịch và để làm gì nữa?

Tôi cho là ông bầu của chúng ta ngoài cái ý định dùng các cô làm "tài tử", lại còn một cái ý định khác nữa, ý định lấy các cô... làm "tài liệu" cho một cuốn truyện "*Tục ngoại tình*" hay "*Ngoại tình tome II*" chứ gì?...

TIÊU LIÊU

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 42
(22/12/1940)

Thứ hai - Cái dân Hà Nội lắm lúc nghĩ cũng đau khổ thực. Mang tiếng là ở một chỗ "nghìn năm văn vật", muốn ăn, muốn mặc, muốn chơi gì cũng được, có ai ngờ đâu chỉ có một cái phim chiếu bóng khôi hài chớp ngay ở dưới mũi mình mà cũng chẳng được xem, tuy người nào cũng có vài ba hào trong túi. Có người tất hỏi:

- Phim gì? Phim gì mà bí mật thế? Có tiền mà cũng không được ư?

- Thôi chỉ lại là một cái phim vào loại "*La vallée du Nu*" hay "*Au de la du Rhin*" chứ gì?

Thưa các ngài, không ạ! Không phải loại phim ấy mà chính thực ra người có tiền cũng chẳng được xem. Vâng, chẳng được xem bởi vì ông Đ.T.H. người thay mặt khả ái của một hãng sản phim trong Nam Kỳ không cho phép ta được vào. Chỉ trừ có ít nhiều vị thương gia và ít nhiều người có danh vọng, "những người mà ông Đ.T.H. cần dùng đến" là được vào mà thôi.

Thứ ba - Các ngài tất phải lấy làm ngạc nhiên mà hỏi:

- Uả, thế cái ông Đ.T.H. này định làm cái "cú"

gì như vậy?

Cái ấy, ông Đ.T.H. biết rõ hơn chúng ta nhiều, để ông ấy nói rõ ở dưới này. Chúng tôi chỉ xin nói rằng hôm 15/12/40 vừa rồi, người ta đã chiếu ở hội Khai Trí một phim chớp bóng "nội hoá" buồn cười vỡ bụng. Vai chính cuốn phim đó, xin gọi là Laurel An-na-mít.

Laurel An-na-mít người thấp, gầy như chữ l viết ngả, mắt không được sáng cho lắm, mồm vể, lông mày rậm tranh nhau... trưởng nam. Đi đứng nghiêm trang lắm. Cứ kể cũng buồn cười và lạ: lạ vì ông ăn mặc như một người bohémien ở trong phim *Le Danube bieu*: áo tây bằng nhung đen, quần tây bằng nhung đen, "nơ" bằng nhung đen, giày tây bằng nhung đen. Có vẻ một con quạ đen nếu không có một cái sơ-mi trắng. Laurel An-na-mít có vẻ một con quạ khoang cổ thì đúng hơn và lại đi lù rù: con quạ ấy chắc vừa bị mưa hay ngã xuống một cái ao nào thì phải.

Ngồi chưa ấm chỗ, con quạ khoang cổ ấy nói (quạ nói được hẳn là con quạ thần!) nói om lên như ba người!!!

Mà nói cái gì? Chẳng một hai hiểu cả.

Thứ tư - Trời không bao giờ nữ phụ những người chịu khó.

Những người có mặt ở hội Khai Trí hôm đó rồi "dò" mãi cũng hiểu được "con quạ khoang cổ của ta" nói gì.

Thì ra ông quạ nói tiếng tây. Cái lưỡi, tập thể thao ở trong miệng, cứ cong lên, bao nhiêu răng đều đứng "sắp măng" hết cả trên hai cái lợi và tòi ra khỏi hai môi, ông đọc tiếng tây ở bài đít-cua viết sẵn như thế này:

- Ê-nýt-uy-ê-a-ri-ô... (*Étude du scénario*).

Và:

- I-dờ-ờ-uy... (*Prise de vue*).

Và lại nữa:

- Pô-de-éc-xông suya ê-căng... (*Projection sur l'écrain*).

Mọi người cố nghe, đổ cả mặt, rúc cả đầu. Mọi người chẳng hiểu gì... Ông quạ khoang đã ngồi xuống. Ông mỉm cười vì ông tưởng rằng mọi người đã hiểu rõ bài đít-cua mà ông vừa đọc một hồi...

Ông lại nói!

- Buvez du thé, me-sùr et mangez des gâteaux me-sùr.

Rồi ông cầm chén lên uống và cầm bánh lên ăn trước mọi người. Ông uống nhiều và ăn nhiều hơn ai hết!

No nê rồi, ông lại đứng lên, gặt đầu mấy cái và định đít-cua nữa. Một người bạn bảo sẽ ông:

- Thôi cứ nói thẳng tiếng An-nam đi cho nó dễ hiểu.

Ông đỏ mặt lên và nói tiếng An-nam.

Ông nói rất nhiều, nhưng có lẽ tiếc tiếng Pháp nên chốc chốc ông lại xen vào câu nói vài chữ Pháp rất vui tai.

- C'est le même, Me-sù!

- Ủầy xe xà...

Rồi lại cười một mình rất ngộ.

Thứ năm - Phim diễn đến đoạn này thì nghỉ một lát. Nhưng tài tử chính, Laurel An-na-mít, hiệu là Quạ Khăng lại không muốn nghỉ cho người ta nhờ.

Quạ bắt đầu nói vào đoạn chính:

- Hãng phim của chúng tôi là một hãng to cần phải có nhiều người giúp sức, cần phải có các ngài đây mỗi người cho một... "Oong-ú-dờ-anh" (*Un coup de main*) thì mới hoàn thành được...

Rồi ông ngừng lại châm thuốc lá hút và đưa mắt điểm một nụ cười về phía mấy cô thiếu nữ nửa răng đen nửa răng trắng, chắc là người nhà của ông, đang ngồi xếp chân bằng tròn lên ghế mây để đưa bánh cho nhau mà mời nhau ăn lấy được:

- Ngày này ăn đi, ngon lắm, bánh tốt lắm...

- Ăn, ăn nhiều đi chứ...

Ông Qua lại nói, nói giữa những người hút thuốc lá với nhau và diêm nhiên nói chuyện với nhau chẳng thiết để tai nghe ông, mặc ông muốn kể hươu kể vượn gì thì kể!

Ông cố sức giảng giải về hội phim "Sapfi" của ông sắp cho ra:

- Muốn vào hội xin mỗi ngài đóng ngay 100 bạc, ngài sẽ được làm hội viên. Muốn làm tài tử xin đóng "tờ-răng-biệt"! ^[30] Rất dễ, chỉ việc bỏ tiền ra. Khi nào thu được ba vạn rưởi thì sẽ thuê hãng Asia quay phim. Chắc chắn là có lãi lắm ạ...

Các tài tử đóng ba chục bạc thỉnh thoảng sẽ được vay của hội năm đồng (xanh-biệt) để diêm thuốc và đi xe pháo lạng nhăng. Nếu tài

tử có tài làm văn, hội sẽ cho làm văn sĩ, nếu biết buôn bán hội sẽ mở cao lâu ra cho bán cao lâu... nếu biết... thì... nhiều nghề lắm.

Nghe thấy thế một ông ngồi cạnh tôi bảo tôi:

- Còn đợi gì nữa mà không đóng 30 đồng xin vào chân tài tử để thỉnh thoảng vay hội được những 5 đồng để xe pháo, diêm thuốc...

Nhưng ông khác lại ngớ ngẩn hỏi:

- Sao lại thu có 3 vạn rưỡi? Giá thu lên hơn một tí có thú hơn không?

Trong khi ấy ông Qua được thể nói mãi, ông giơ tay xuống, ông nháy mắt, ông cười, ông nói như cái lương, ông làm dáng như hề và ông ngoắt người đi ngoắt người lại, và ông cười, ông nói cả tiếng ta, cả tiếng Tây, cả tiếng Tàu, v.v. Rồi chốc chốc ông lại điem vào!

- Nu-u-i-ông (*Nous vous prions*)

Hoặc phân giải:

- Những tiền ấy sẽ tính vào "e-ê-ê-ô" (*frais généraux*)

Cử tọa cười...

Thứ sáu - Không cười, ông Qua lại tiếp:

- Thưa các ngài, tôi đã trình bày hết mục đích và điều lệ của hội "Sapfi" rồi. Có ngài nào muốn hỏi gì xin cứ hỏi.

Một ông đứng lên hỏi ngay:

- Ngài định thu tiền thật nhiều? Hay lắm! Để quay phim? Lại hay lắm! Nhưng sẽ nhờ ai

quay phim?

Ông Quạ đáp ngay:

- Tôi sẽ nhờ các nhà "e-éc-ích riêng"... (*Technicien*) của hãng Asia ở Sài Gòn...

- Ô? Hãng quay phim đó... không dùng được... xem như cuốn phim "*Trộn với tình*" của hãng Asia có được hay lắm đâu.

Ông Quạ Khoang lại cười:

- Xin thưa rằng ngài nhầm. Tôi đã được xem cuốn phim ấy rồi, hay lắm...

- Vậy thì chính là ông nhầm mới phải... Vì ông tất không biết rằng hầu hết các báo ở Sài Gòn đều la ó chê bai cuốn phim "*Trộn với tình*" ấy là kém và dở.

Ông Quạ Khoang tái hấn người đi:

- Thật vậy sao... Các báo Sài Gòn chê phim *Trộn với Tình* à? Vậy thì tôi chưa được xem cuốn phim ấy... tôi không biết...

Rồi ông ngơ ngác nhìn tứ phía... Mọi người cười âm ỉ cả lên. Nhưng bỗng nhiên ông Quạ kêu thất thanh lên:

- Thôi các "cụ" về mất rồi...

Các cụ đây là mấy quan huyện được ông Quạ mời đến dự tiệc trà nhưng thấy ông ngộ nghĩnh nực cười quá nên "các cụ" lảng lảng về thẳng tự bao giờ... Ông Quạ chạy theo ra cửa ngõ hầu mời "các cụ" lại! Nhưng "các cụ" đã đi xa rồi... Ông tức tối quay vào cự ông kia:

- Ông hỏi nhiều quá làm cho các cụ về mất rồi...

Ông kia cười và không trả lời! Vì trả lời mà

làm gì?

Nhưng ông Quạ lại đầu dụi ngay:

- Bao giờ xin các ngài bầu ban trị sự...

Một người ngạc nhiên:

- Ít người quá bầu sao được ban trị sự... Mà bầu để làm gì?

Ông Quạ giương mắt:

- Ít người tôi sẽ nhận nhiều chân, nhiều việc...

- Phải, phải, xin để ông nhận chức hội trưởng này, chức phó hội trưởng này, chức thủ quỹ này, chức thư ký này, chức kiểm sát này...

Thứ bảy - Thế là ông Quạ Khoang tức giận, nhận hết cả các chức! Cho mà xem!

Không ai xem phim ông đóng nữa, kéo nhau ra về hết.

Ông Qua thấy phòng hội họp nhà Khai Trí buồn tênh tẻ ngắt thở dài và nói một câu rất buồn:

- Các ông nhà báo chỉ có cái tài đi ... phá đám. Thôi từ giờ không mời các ông ấy nữa! Tôi cần là cần các ông! Tôi cần là cần các cụ và các thương gia chứ! Thôi, các ông nhà báo, xin mời các ông đi về.

Laurel An-na-mít không mời thì các nhà báo đã về rồi...

Ngồi mà chứng kiến đến đoạn chót của cuốn phim lọ ấy, người ta sợ vỡ bụng thì thực là nguy hiểm!

Ở bên ông Laurel An-na-mít, người ta chỉ còn thấy mấy ông bán dầu và kẹo trên xe lửa,

đóng vai phụ, lấy lời lẽ cảm động chia buồn với Laurel An-na-mít.

INTÉRIM ^[31]

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 43
(29/12/1940)

1 "pô-pôt": *popote* (chữ Pháp): bếp ăn chung.

2 *ma femme* (chữ Pháp): vợ tôi

épreuves (chữ Pháp): bản dập thử, cũng gọi là bản
3 in thử, sau khi sắp các con chữ chì vào khuôn, người
thợ in thử một bản lên giấy, đó là bản dập thử, dùng
để sửa các lỗi sắp chữ.

4 *unité* (chữ Pháp): đơn vị.

5 "Lít là đơn vị đo dung tích"

6 *Rosny ainé*: Rosny trưởng (để phân biệt với
Rosny trẻ hơn kể sau)

7 *clan* (chữ Anh): thị tộc, bè đảng, phe cánh.

8 "Sấm truyền" nói ở đây, là chỉ kinh *Cựu ước* (L'
Ancien Testament) của đạo Thiên Chúa.

9 Stephan Zweig (1881-1942): nhà văn Áo.

10 **Camphamine**: mỏ Cẩm Phả (Campha = Cẩm Phả;
mine = mỏ)

11 sét-ty: từ của người Ấn Độ, chỉ kẻ cho vay lãi.

ARIP: một hãng thông tấn của Nhật Bản; HAVAS:
12 một hãng thông tấn của Pháp, năm 1944 đổi thành
FRANCE-PRESSE, có sách báo dịch là "Pháp tấn
xã".

13 tức là bìa số **Trung Bắc chủ nhật** đăng bài này.

14 **Camphamine**: mỏ Cẩm Phả (Campha = Cẩm Phả;
mine = mỏ)

giống đậu hay **chủng đậu** (chữ Pháp *vacciner*):
15 phương pháp cấy vaccin gây miễn dịch để phòng
bệnh đậu mùa.

16 sơ-mi-dét (chữ Pháp *chemisette*): sơ-mi cộc tay.

Đông thành nói ở đây có lẽ là thị xã Hải Dương
đương thời ấy chẳng? đương thời người ta gọi Hà
Nội là Hà thành, Nam Định là thành Nam (hay Nam
17 thành), v.v..., còn vùng Hải Dương Hưng Yên thì vẫn
được coi là tỉnh Đông, có lẽ là "Đông thành" được
nói tới ở đây chẳng?

18 Phan Bội Châu mất ở Huế 19/10/1940.

19 thành ngữ Việt: "gái dĩ già mồm".

Tiếp theo chỗ này báo để trắng một khoảng chừng
trên 10 dòng rồi mới đến chỗ ký tên tác giả ở cuối bài

20 như thường lệ; có lẽ có một đoạn nữa bị kiểm duyệt bỏ.

21 "pờ-rôp" có lẽ là *prophète* (chữ Pháp): nhà tiên tri;
"mét" tức *maitre* (chữ Pháp): bậc thầy.

22 *manchette* (chữ Pháp): đầu đề chữ lớn, đặt ở trang đầu một tờ báo.

23 *italique 18* (chữ Pháp): thuật ngữ ấn loát, trỏ kiểu chữ nghiêng cỡ 18.

24 P.L.B. có lẽ là Phạm Lê Bổng.

25 formule (chữ Pháp): thể thức, công thức, mẫu in sẵn.

26 Thao Thao (1908-?) họ tên thật Cao Bá Thao, nhà báo, nhà thơ VN.

27 Louis XIV (1638-1715), làm vua nước Pháp từ 1643.

Tiểu thuyết thứ năm: tuần báo, xuất bản ở Hà Nội từ 18/3/1937; trong 7 số đầu, là báo chính trị chịu sự chỉ đạo của Xứ uỷ Bắc Kỳ đảng CSĐĐ; từ 1/5/1937 đánh lại từ số 1, hoạt động như tuần báo văn chương, tồn tại đến 1942.

29 Tiểu thuyết *Ngoại tình* đăng *Tiểu thuyết thứ năm* là của Vũ Trọng Can (1915-43).

30 *tở-răng-biệt*: phiên âm "trente piastres" (tiếng Pháp): ba mươi đồng.

Intérim (chữ Pháp) : tạm quyền, có lẽ là một bút danh ký tạm hoặc ai đó viết thay Vũ Bằng kỳ báo này chẳng. Sau kỳ báo này, mục "Không đó...thì đây" hầu như không xuất hiện nữa trên *Trung Bắc chủ nhật*.

Năm 1940

CHUYỆN MƯỜI LĂM NĂM CŨ

*Tặng Nguyễn Doãn Vượng để cùng
nhớ đến những chuyện xa xôi, chuyện
mười lăm năm cũ mà anh và tôi cùng
các bạn khác đã sống một giấc mộng
tươi tốt, đẹp nhất không giờ còn thấy
nữa.*

TIÊU LIÊU

Hồi ấy, chúng tôi lên mười tuổi. Chúng tôi
nhớ lại cái hồi mười tuổi đó, chúng tôi không
phải là những đứa học trò chăm chỉ. Sau buổi
học sáng về, thằng Tâm lại gần tôi bảo:

- Hay là chiều nay, bọn mình chuồn học đi
chơi với nhau thì thích nhỉ. Học tư thì cần gì.

Tôi nhớ không rõ những lời nói ấy đã rơi vào chỗ nào ở tai tôi, nhưng tôi biết là một chỗ ăn thông với trái tim. Tôi thực dại: làm sao tôi lại không biết thế sớm hơn một chút? Một cái gánh nặng đè lên đời tôi nhẹ bỗng hẫng đi. Tôi không biết trước khi đó thì tôi đã bị bệnh gì, nhưng từ lúc ấy thì tôi thấy tôi khỏi hẳn.

Một giờ trưa, chúng tôi cấp cạp đi thực nhanh. Lòng chúng thênh thàng. Đi được mười lăm phút đồng hồ, chúng tôi mới nhớ ra rằng cần phải mua một xu thuốc lá lẻ để hút chung cho đỡ ngiên. Rồi chúng tôi tức thì đi đến ngay cái chỗ mà cha mẹ ở nhà ngăn cấm không cho đến: đó là bờ sông. Sự thực, chơi ở bờ sông cũng chẳng nguy hiểm gì. Mùa rét nước sông xuống thấp, không thể nào chết đuối được, mà mùa nực nước sông lên, thuyền bè san sát, nếu ví dụ mình có chết đuối thì ai là người nỡ giương mắt ra mà nhìn.

Chúng tôi tuy bé mà đã nghĩ những chuyện

lớn lao. Chúng tôi không thèm bỏ guốc ra để vén quần lên cho nước đến mắt cá mà thôi đâu; chúng tôi có ý nghĩ là phải làm như những người can đảm, nghĩa là cởi hết cả quần áo ra để tắm. Nước ra quá ngoài chỉ cao độ đến đầu gối mà thôi, nhưng vì chúng tôi không sợ ướt, chúng tôi hụp xuống, vì thế, cả người chúng tôi đều có nước. Ngay lúc ấy, chúng tôi lại mong cả rằng ước gì nước lụt. Còn có cái gì làm cho chúng tôi nghi ngờ được sức của chúng tôi nữa: chúng tôi cảm chắc rằng nếu có nước lụt, chúng tôi đều phải biết bơi như cá!

Chúng tôi chơi như thế đã mấy tiếng đồng hồ? Không biết. Mặt trời gần và nóng. Chúng tôi thấy hơi mệt, toan nghỉ ngơi một lát thì bỗng thấy ở trên đê có tiếng người đi xuống. Thằng Tâm kêu:

- Chúng nó đến đây!

Thoạt tiên, tôi không hiểu thằng Tâm nói "chúng nó" là nói những đứa nào, nhưng chỉ một lát sau tôi biết ngay rằng đó là một bọn giặc mọi rợ, có tư thù với bọn tôi, chúng cất đại đội binh mã để đến khiêu chiến vậy.

Chúng tôi xông ngay lại. Chúng tôi thấy bọn giặc mọi rợ đó là những thằng bé lên bảy lên tám ở trong làng có những cái bụng đồ sộ, đi với một con mụ độ hai mươi năm, hăm sáu, tay cắp một cái thúng, dáng chừng là thúng ngô. Chúng tôi không muốn tự nhận với nhau rằng đó chỉ là con mẹ bán bánh tôm ở trường. Thằng Tâm hét:

- Nó là một con nữ hải tặc nguy hiểm lắm!

À! Nó nguy hiểm thì chúng tôi phải diệt nó trước, - diệt nó trước lũ ranh con! Chúng tôi bèn vây luôn con mẹ ấy lại, chúng tôi nháy, chúng tôi hò hét, chúng tôi làm những vẻ mặt dữ tợn và tưởng tượng mình là những tiểu

tương như Địch Hồ, Địch Luông vẫn thấy ở trong truyện *Chinh Nam* vậy.

Đã đành là con mẹ bán bánh tôm ở trường biết mặt cả bọn chúng tôi. Nhưng, hôm ấy, chúng tôi chắc là nó không biết bởi vì nó không có thói quen nhìn thấy chúng tôi trần truồng. Nó đứng tì hai tay vào mạng mỡ, chửi rõ to một tràng rất vắn vè rồi nó kết luận rằng:

- Đồ con nhà mất dạy! Bà đào cha bới ông chúng mày cả lên bây giờ, bà làm gì chúng mày mà chúng mày lại vầy bà lại để ăn gì, bà thì đi trình cảm cho chúng mày tù mọi gông cả lũ.

Con mẹ đến tai ác! Dáng chừng cho thế là chưa đủ, nó lại "tái bút" một câu nữa:

- Cha mẹ chúng mày ở đâu, rồi bà tìm cho đến ngõ, hỏi rõ tới tên bà chửi cho, có con có

cái thì đem về mà dạy nhé!

Than ôi! mười tuổi đầu! Chúng tôi đã làm gì cho cha mẹ chúng tôi mà để cho người ta rúc móc tàn tệ thế? Bây giờ, lớn khôn rồi mà cha mẹ thì già, còn nghề của tôi không đủ để phụng dưỡng các cụ lúc mặt trời xế bóng, tôi ngồi viết lại câu chuyện mười năm cũ mà không khỏi buồn lòng. Lạy các cụ! Chúng tôi là trẻ con, chúng tôi đại dốt biết bao nhiêu, chẳng thế lúc ấy chúng tôi bị con mẹ bán bánh tôm nó chửi, chúng tôi đã chẳng buồn một ly nào; trái lại, chúng tôi lại còn lấy làm đắc chí mà cười lên ha hả. Thằng Tâm kêu:

- À! Nó chửi càn là nó sợ bọn ta!

Trần trùng trục chán rồi, chúng tôi lại lấy quần áo mặc vào. Trời nắng lắm, trời đẹp lắm. Ôi! buổi chiều hè sung sướng biết bao.

Chúng tôi không thể bỏ phí được. Chúng tôi

không trèo lên đường đê có nhiều người đi
đâu, chúng tôi đi vào trong những bãi dâu và
bãi mía. Đi không đủ, chúng tôi phải chạy.
Chúng tôi chạy tự do. Chúng tôi lấy làm sung
sướng vì có hai chân và hai tay mà lại dùng
chân tay ấy để nô đùa được. Chúng tôi thấy
biết bao nhiêu cái lạ. Cây lúa xanh, bóng hoa
dâm bụt đỏ, nước sông vàng. Trên đầu chúng
tôi là trời, trời bát ngát, trời mênh mông. Mặt
đất chúng tôi nằm là mẹ sinh ra muôn vật mà
trong ngực chúng tôi là những con vật nhỏ
trong muôn vật, ấy thì quả tim đập mạnh, đập
không bao giờ ngừng cả.

Lúc ấy đã xảy ra việc gì? Đáng lẽ gặp một
buổi chiều tự do mà chúng tôi làm chủ được
thân mình như thế thì chúng tôi vui lắm thì mới
phải! Đáng lẽ chúng tôi phải lấy làm sung
sướng vì thấy mình được sống ở trong cõi đời
này mới phải!

Thực ra, chúng tôi cũng chẳng lo sợ gì đâu.

Chúng tôi cũng không phải vì sợ cái tội lỗi nó chờ mình mà tâm tình thay đổi đâu. Chúng tôi đã chạy nhảy nô đùa trong mấy tiếng đồng hồ như giống vật, bây giờ chúng tôi cũng phải nghỉ ngơi một chút cũng như giống vật. Ấy chính lúc ấy, chúng tôi phát minh ra một điều lạ lắm. Chúng tôi không được vui vẻ như người ta tưởng tượng: cái nước chảy ở trong huyết quản của chúng tôi đã đem lại quả tim một cái gì úng mà đặc. Mỗi đứa chúng tôi đã sống như một con vật. Bây giờ chúng tôi nhận thấy con vật ấy buồn lắm lắm.

Chao ôi! Chúng tôi chơi đùa như thế tưởng đã quá lâu rồi. Bây giờ chắc phải đến năm sáu giờ là ít. Không ngờ! Thực không ngờ! Chúng tôi còn phải đợi một tiếng đồng hồ nữa thì mới có thể về nhà như những đứa trẻ đi học buổi chiều hôm ấy. Một sự chán nản đến xâm chiếm chúng tôi. Chúng tôi tưởng như đã hưởng mất hết cả cái sung sướng, cái vui vẻ ở trong người vậy. Cái tư tưởng dung dị vẫn

làm bận đời ta lại đến với chúng tôi. Thằng Tâm bèn hỏi:

- Hôm nay tại mình có những bài học gì nhỉ?

Hôm ấy, chúng tôi có một bài ám tả, một bài tập viết và một bài đọc là bài địa dư. Chúng tôi chưa nói tới bài địa dư thì tôi đã thấy muốn đọc cái bài ấy lâu lâu cho thằng Tâm nghe. Đã đọc một bài ấy thì lại muốn đọc các bài khác. Chúng tôi bỏ địa dư sang sử ký. Tôi còn nhớ rằng chính hôm ấy tôi đã đọc truyền khẩu được của thằng Tâm rằng Đinh Tiên Hoàng lên làm vua, ngài lập Thập nhị sứ quân trong nước. Cái niên hiệu của ngài đến tận bây giờ tôi vẫn chưa quên.

Một cảm giác tương tự thế xui chúng tôi bỏ chỗ chúng tôi đang ngồi:

- Chúng mày! Hay là chúng ta "làm một tua" về trường đi.

Chúng tôi về trường.

Chúng tôi về trường nhưng chúng tôi không dám vào. Song cũng may, ở đằng sau trường chúng tôi học có một cái bãi bỏ không, người ta vẫn để xe bò ở đấy. Bấy giờ mùa nực, cửa sổ lớp học mở rộng. Chúng tôi trèo lên một chiếc xe bò để ở dưới chân tường, kiễng chân lên một tý thì nghe rõ hết cả người ta nói gì trong lớp học.

Chúng tôi đứng nghe trộm như thế có khác gì những thằng hủi mà người ta cấm không cho bước vào những chợ ở vùng quê. Chúng tôi thấy như thế, nhưng chúng tôi không bỏ sót một tiếng nào ở trong cái chỗ mà chúng tôi tuy không có thể xác mà có linh hồn ở đấy. Chúng tôi nhận thấy những tiếng nói rất quen, những tiếng của thầy và của bạn thân yêu hàng ngày mà bất hạnh hôm nay, một sự thảm khóc, nói cho đúng là vì một sự liêu lĩnh đã

chia rẽ ra đôi ngả.

Chúng tôi thì thâm với nhau:

- Này! Có nghe thấy không? Thằng Dẫn bị "truy" đương đọc bài sử ký. Ước gì chúng tôi được thay nó mà đọc nhỉ! Không cái gì chúng tôi bỏ qua. Thầy giáo bắt đầu bài mới: Vua Ngôa Triều.

- Vua Ngôa Triều là một ông vua lười biếng, khi thiết triều thì cứ nằm ở trên giường...

Nếu mà chúng tôi hôm ấy đi học, được ngồi cả ở trong lớp thì chúng tôi không đến nỗi mù tịt về ông vua ấy mãi.

Năm giờ, lúc mà các bạn học của chúng tôi về, chúng tôi lẫn vào một bụi găng và trông thấy họ dắt tay nhau đi vui vẻ như đi xem hội.

Chao ôi! họ vừa trải qua một ngày tốt đẹp

biết chừng nào! Trông thấy nét mặt của chúng, ngay cả đến những thằng ngu dốt ở trong lớp, chúng tôi cũng thấy sáng ngời ánh sáng của cái sự học. Biết đâu đấy, buổi chiều hôm nay họ lại chẳng học được nhiều điều hữu ích mà không bao giờ chúng tôi được biết. Thôi, họ đi trước chúng tôi mất rồi, chúng tôi không bao giờ đuổi kịp được nữa.

TIÊU LIÊU

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 17
(23/6/1940).

Năm 1940

LÁNG BAN ĐÊM

Phóng sự

Bắt đầu từ bảy giờ tối, con đường ấy đã vắng người đi lại.

Từ đầu ô cho đến dốc đi về Cót, thỉnh thoảng lắm mới thấy một vài cái xe bò cọc cạch đi về, vài bác thợ giặt gánh những gánh quần áo vải vàng và những người đàn bà đi chợ muôn rủ nhau họp thành bọn để cùng đi cho đỡ sợ. Bởi vì ở đấy những người đi tối về khuya vẫn góm bọn cướp của giết người, bọn *yêu, tà* láng vãng ở núi Bò và ở chỗ bán tre. Những người làm ăn lương thiện đó cấm cúi mà đi, nói chuyện thực to và đôi khi những cô con gái xúc cảnh sinh tình thì lại đồng thanh hát những câu đồng dao để phá cái cảnh tĩnh

mịch có phần rùng rợn. Chùa Thái Bình âm u hình như lúc nào cũng có những oan hồn đứng nói thầm với nhau ở sau những rặng chuối bụi găng; những cái xe bò chứa những cây tre dài dằng dặc, nằm một cách bí mật ở trên bờ ruộng; những cái bóng tối ở trên những cánh đồng bao la không biết đến đâu là hết ... Bao nhiêu điều làm cho người ta dễ hãi hùng! Huống chi ở đó - Bãi Sậy- xưa nay lại vẫn có tiếng là nhộn lăm, quân gian vẫn rình mò để "làm ăn", tuy mấy năm nay cũng đã đỡ hỗn đi được một chút thực, nhưng những cảnh cướp rứt đôi ba khi vẫn còn thấy, - mà hình như hầu hết đều là do bọn "anh chị" ở đầu ô Cầu Giấy gây ra vậy.

Bọn "anh chị" này, thường *xoí* nhau vì tiền nhưng *xoí* nhau vì tình nhiều hơn. Họ tranh cướp nhau một ả gái quê mà cầm cả dao bầu ra để dọa mỗ bụng kẻ tình địch của mình; ở trước cái rạp hát chèo ở đầu làng Kim Mã không tối nào là không có những gã tranh

nhau "lon" đào mà chẳng sinh những chuyện
đỏ máu và bị bắt...

Đứng đầu bọn này là một tên Khách lai lấy
một mụ vợ độc long chuyên làm nghề dặt gái.
Gái cũng chẳng lấy gì làm thú lắm nhưng mà
dặt tiền cũng không kém gái thị thành; nhất là
ở một cái nhà chứa ở rạp hát chèo trông
sang, thì giá lại càng cao lắm, gái và buồng có
khi tính đến vài đồng bạc. Nhà Tư Chín và
nhà tên Khách lai thường hiềm khích nhau vì
tranh khách của nhau nên những chuyện đôi
co nhau, chửi bới nhau thường thấy xảy ra ở
con đường lên núi Bò. Chắc các độc giả
nhiều ngài còn nhớ cách đây không bao lâu,
các báo hàng ngày thường phải đăng lời phàn
nàn nhà chuyên trách trừng trị bọn anh chị đó.
Không được bao nhiêu lâu đâu! Chỉ yên ổn
được một dạo, ô Cầu Giấy lại loạn lên những
chuyện hiềm khích giết nhau vì dặt gái. Ngay
như ở chỗ Tám Mái là xóm cô đầu cũ cũng
không tới nào là yên ổn.

Có nhà ba chị em cùng đi khách mà vì ghen tuông ra lăng mạ nhau ở giữa đường; có nhà vì tức có người cản trở, một mặt thì cho người ra đánh nhau một mặt thì cho đưa ở dất vội khách đi vào nhà trong ngõ ông Năm Diệm.

Nói đến ngoại ô, tôi tưởng ô Cầu Giấy là một cái ô cò bạc, dĩ bọm và hỗn nhất trong bốn cửa ô ở Bắc Kỳ.

Những quân trộm cướp không ngại thi hành thủ đoạn ở ngay dưới mũi những ông lính khố xanh. Cách đây không lâu, độc giả tất hãy còn nhớ có một bọn ba người đàn bà nhà quê buổi sáng sáu giờ đem tiền lên chợ Bưởi mua lợn mà bị quân gian cướp hết. Rứt mũ, cướp ví, cướp ô...những chuyện tạp nhạp ấy xảy ra rất liên liên, nhiều khi có những cặp trai gái dắt nhau đi tới trước mặt bọn anh chị kia, chúng chế giễu chửi xỏ, nếu cặp trai gái mà

nói lời thôi gì với chúng thì chúng xô ra đánh liền. Thành thử những người làm ăn chân chỉ rất sợ cái tổ của quân gian đó. Duy có những bọn trai gái ở trên phố dất nhau về đó để thề thốt và "*lon*" và "*soạng*" nhau thì hình như không sợ hãi gì hết cả. Có ai, một đêm trời đẹp, đã về ở chỗ đầu ô uống một chén nước chè tươi để nhìn những lứa đôi ấy dất nhau đi về phía "con đường tình" hay không? Họ trông vui vẻ lắm. Cặp nào cặp nấy, tay chân quấn lại với nhau y như thể một người; họ cười họ nói hình như không biết họ còn có một... ngày mai nữa. Bóng tối giúp sự vui vẻ của họ tăng lên, những chuyện cướp rứt không làm cho họ nghĩ tới bao giờ hết. Le lói, đôi ba nơi le lói một ngọn đèn. Cảnh Láng thực nên thơ, từ ở khỏi dãy cô đầu Kim Mã đi lên, bóng tối bao bọc ta và có vẻ che chở cho ta, hoa lá rì rào ở khắp chung quanh mình như muốn reo lên cùng lòng ta và những tâm sự ta giải bày cùng bạn gái.

Một cái xe sắt thỉnh thoảng lại lọc cọc đi lại phía ta ngồi. Ba bốn người chắt ở trên xe nhìn những cặp trai gái giải nhật trình ngồi ở lề đường bằng một con mắt tò mò. Họ nói với nhau gì vậy? Họ ôm lấy nhau ở đâu vậy? Chỉ có bóng tôi là biết, chỉ có bóng tôi mới có thể trả lời cho ta.

Xa xa, ở dưới bóng cây kia, một ả quần trắng áo là đương bá cổ một cậu bồi mà hôn hít như thể nếu không hôn gỡ cho thật nhiều thì cậu bồi đó sẽ hoá ra hơi bay đi mất.

- A! a! có người nằm...

Một bọn trẻ con ba đứa chỉ trỏ nhau. Thì ra đó là một cặp cậu mợ đã thuê đầu được cái chiếu giải ngay ra ở xế cửa chùa Thái Bình, bởi vì chỗ này tối lắm, để nói chuyện với nhau một cách yên ổn và tình tứ hơn. Tình tứ hơn bởi vì mợ thì nằm vào đùi cậu mà cậu thì cúi xuống ngực mợ, có lẽ để nói cho gần trái tim

của mẹ hơn và nhân tiện đóp một con châu
châu hay con cào cào gì đó nó ranh mãnh đã
bấu vào ngực mẹ. Thú quá! Thú quá! Những
phút đắm say của ái tình, người ta tưởng như
thấy mẹ hát khe khẽ ở bên tai cậu:

Yêu nhau đi, chiều hôm tối rồi,

Cứ nói lên ngàn tiếng yêu đương

Ôi! Say sưa chiều nay khắp đời

*Gió bắc cuốn, đêm thu về ngàn
sương...*

.....
Người ta yêu có một lần...
.....

Người ta yêu có một lần, em ơi, hãy ngồi sát

vào cạnh anh, ngồi sát nữa và trông ra phía cây muôm ở gần bãi tha ma nọ: một cái ô-tô sơn màu cánh kiến không đèn không lửa đỗ ở đó đã lâu mà sao chẳng thấy một người nào vậy? Khách cố đứng chờ: không có một người. Đương băng khuâng mình lại tự hỏi mình đó có phải là một cái ô-tô của quân gian nào đánh cắp rồi mang đến bỏ đó không, thì này lạ chưa, "pha" tự nhiên bật sáng. Tiếng động cơ sinh sịch nổi lên, một cặp nhân tình, nét mặt như suốt đời sung sướng, vịn lái đi về Hà Nội. Thì ra cái xe ô-tô nọ đỗ đến một tiếng đồng hồ ở đó, kính vịn cả lên, cái ô-tô đó là một cái ô-tô có người, - người ngồi nói chuyện, hay là nằm thì ai biết? - nói chuyện ở trong bóng tối âm thầm vậy.

Chao ôi! Cái ô-tô! Cái ô-tô! Nó dùng được bao nhiêu việc mà ta không thể nào tưởng được.

Dãy bán tre ở cổng làng Giảng Võ có đôi ba

cặp tình nhân áo cộc nói chuyện với nhau một cách thẹn thùng. Đom đóm lập loè bay qua những đồng ruộng, những bụi cây; đôi mèo gào ở trên nóc một cái quán bán cơm; những con Vện, con Vàng chạy nhông ở giữa đường, con mắt sáng rực như khao khát tìm bạn tri kỷ vậy. Đêm... giờ của ái tình làm việc. Đêm... giờ của linh hồn đi tìm một "cái linh hồn chị em".

Cứ cố tiến lên vài bước nữa đi, bóng tối còn dành cho ta nhiều cái lạ tai lạ mắt.

Cặp kia có những tâm sự gì bí ẩn mà phải đem nhau ra tận giữa bãi tha ma ở xé chùa Thiên Mã râm rì, rên rĩ với nhau? Lại cặp anh chị nọ làm gì mà cứ lúng túng ở cái cột đèn ở chính chỗ xe điện tránh? Thực là thơ mộng thực là trẻ trung vui vẻ.

Một cái xe sắt kéo giờ uể oải đi qua. Ông cụ già kéo xe còng lưng xuống để kéo một trăm

cân thịt, - một người đàn bà và một người đàn ông - có hề ngừng lên đâu mà biết bọn khách của mình làm những cái trò gì? À, à, à, chớ có tưởng lầm, họ là những người thanh lịch đấy, họ yêu nhau bằng tinh thần đấy... Người đàn ông bế bạn tình của mình để lên đùi là để... là để giữ người đàn bà cho chặt chứ không thể thì sợ người đàn bà trốn mất!

Yêu nhau đi, chiều hôm tối rồi...

Láng thực nhiều thi vị. Láng thực là trẻ trung vui vẻ.

Người ta càng trông, người ta lại càng muốn sống đời: những cặp trai gái ấy yêu nhau quá, yêu nhau quá, thậm chí có cặp không muốn rời nhau ra nửa bước.

- Em ơi, anh có thể chết vì em.

- Anh ơi, em cũng vậy, xa anh em nhớ quá,

em không muốn xa một phút nào, mấy hôm không gặp mặt, em nghĩ có thể tự tử cho rồi đời.

Chao ôi! Ái tình! Ái tình mới biết nó có cái nghĩa thiêng liêng thực. Ái tình cao quý lắm, ái tình vạn tuế! Ái tình vạn tuế!

Một trăm bài thơ hay không thể tả một ly cái đẹp của ái tình; một trăm cái mặt trăng rằm không thể đo với một cặp tình nhân kề má mà thể bách niên giai lão.

Yêu nhau đi, chiều hôm tới rồi!

Phải, phải... Yêu nhau đi...

Trăng lên cao. Trăng đẹp quá, trời đẹp quá. Con đường Láng lung linh một thứ ánh sáng trong vắt như pha lê, gió mát thổi nhẹ nhàng, từ chỗ cặp kia ngồi, những đồng lúa đưa một hương thơm ngào ngạt lên mũi người đi chơi

phẩm.

Chắc hẳn cái hương thơm đó là hương thơm của ái tình, không sai.

Yêu nhau đi! Yêu nhau đi! Hương của ái tình thơm ngát quá, thấm thía quá, ai mà không thấy tâm hồn rung động?

Kìa đây...

Một ông dượng sĩ cùng một bà cắt tóc lồi móng lừa thoăn thoắt đưa nhau vào một cái phòng cho thuê. ^[1]

Bài phóng sự này đăng kèm một số hình minh hoạ của Mạnh Quỳnh vẽ tại Láng, Voi Phục; và kèm theo hai ảnh do Võ An Ninh và Nguyễn Duy Kiên chụp, có ghi chú mô tả:

Ảnh 1: *Thẹn thò*. Mới gặp gỡ nhau lần thứ nhất, câu chuyện của cậu mợ còn đôi chút thẹn thò. Cử chỉ còn nhiều e lệ. Cậu vừa nói vừa ngắm chiếc xe đạp thuê
1 giờ. Còn mợ, mợ liếc nhìn đôi quang thúng: tất cả của

cải của mợ.

Ảnh 2: *Vui vẻ*. Lại hai cậu mợ "thôn dã" nữa! Chiếc thúng bỏ bên cạnh có đựng nhiều bánh giò, chuối tiêu và khoai sọ. Ái tình tuy cần thiết nhưng lát nữa đói bụng, cậu mợ sẽ ngừng chuyện ái tình lại để chè chén cho no...

NGOẢNH LẠI TRÔNG XUÂN

(Chuyện Láng)

Tiệc xuân ngoảnh lại trông xuân,

Thương ôi, bóng đã vân vân xế chiều

Đã lâu lắm, chàng mới lại có dịp về chơi Hà Nội. Những công việc làm ăn của chàng ở Sài Gòn, trong ba tháng vừa qua, bị tan vỡ một cách không ngờ, chàng buồn rầu ra thuê một cái nhà sàn ở Long Hải ở một mình rồi sau một ngày quyết định, chàng lấy vé tàu ra Bắc.

Chàng không định ở lâu ngoài này. Đó chỉ là một dịp để nghỉ ngơi và thăm mộ mẹ. Mẹ chàng chết vì bệnh lao đã được sáu năm nay và chôn ở nghĩa trang Phúc Thiện. Nghĩa trang này ở sát chùa Voi Phục, có một lối đi

rộng và dài, hai bên giống toàn thông. Phong cảnh thâm u và tịch mịch. Chàng thấy một cái buồn nhẹ nhàng bao phủ tâm hồn.

Chàng thấy lưu luyến cảnh vật, chàng không muốn về ngay, vả lại lúc ấy nắng hãy còn gay gắt tuy trời đã sang thu, chàng bèn vào một cái quán ở cổng chùa Voi Phục nghỉ chân và uống một chén nước chè giải khát.

Cái quán hàng này là một cái quán hàng quen của chàng.

Tám năm trước, hồi chàng còn ở với mẹ ở ngoài này, ngày bốn buổi đi học ở trường Trung học, chàng vẫn thường có dịp đi xe đạp về con đường này chơi.

Những ngày ấy, chàng vẫn thường đi chơi một mình. Chàng vào chùa Voi Phục, chàng vào chùa Láng và có hôm vui chân đi vòng cả sang núi Bò. Giời thì đẹp mà tâm hồn thì trong

sạch, chàng thấy một tấm lòng yêu đời và muốn sống thiết tha: đời chưa hề bạc đãi chàng, chàng chỉ thấy cái đẹp và cũng tha thiết tin cái đẹp trong lòng người.

Chàng có tính hay vào một hàng nước, để giải khát và nghỉ ngơi vợ vẫn một mình như thế. Một tuần, rồi hai tuần, chàng thành một khách hàng quen, chàng trò chuyện với cô hàng nước và dần dần chàng thấy một cái gì nhẹ nhàng, thơ mộng như là sự quý mến cô hàng nước vậy. Cô hàng nước ấy sống một cách âm thầm ở túp nhà nhỏ bé ở bên đường. Chung quanh chỗ ở toàn là cây cỏ, cây cao với lá xanh thành một cái riềm mát dịu làm cho khách đi đường cũng thấy được mát mẻ khi ngồi nghỉ. Cô thò cổ ra mời khách nghỉ chân như một con chim ở trên cao thò cổ nhìn xuống đất. Mỗi khi trời hừng nắng, lá cây rung động với gió và reo lên thì mắt cô bé lại sáng ngời, cái miệng nói như cười riêng với mắt chàng, thì chàng thấy một cái vui nhẹ nhẹ

và lòng cũng hơi băng khuâng một chút.

Mùa hè đi qua, rực rỡ và nhanh như một buổi hoàng hôn, mùa thu kế tiếp với một màu bàng bạc và những ngọn gió buồn như giục những người đàn bà may áo lạnh cho chồng bởi vì mùa lạnh đã đến. Mùa lạnh đến thực, sâu thẳm điều hiu. Tiếng sếu kêu như mang sự cô quạnh cho lòng, những ngọn gió thổi vèo vèo qua những cánh đồng và bãi tha ma hun hút vào những gian hàng trống quá và vắng người nghỉ quá.

Những ngày tươi đẹp đã qua rồi, bây giờ chỉ còn sự buồn tẻ mà thôi, những người du ngoạn, những cặp uyên ương hiện giờ đương kê vai nhau ở cạnh lò sưởi còn nghĩ đâu đến chốn này họ đã dắt nhau đến để tìm những cảm tình đẹp giúp cho họ nói nên những lời ân ái đẹp?

Cô hàng nước, thấy gió mùa đông thổi làm

rụng rào rào những lá ở trên cây xuống mặt đất ướt át, đoán trước thế nào chàng cũng không đến thường thường như trước: mỗi tuần lễ một vài kỳ. Cô đã đoán thấy trước những ngày âm thầm ở cái cửa hàng nhỏ bé, không cười nữa vì không có cái cười thân mật, không nói nữa vì không có câu nói đáng yêu của chàng.

Cô hàng nước không còn đợi chờ gì nữa.

Còn đâu là những phút hồi hộp, cô đưa mắt nhìn ra phía xa xa để đón chàng bởi vì cô đã biết trước chàng sẽ đến lúc nào. Còn đâu là những cái rung động dịu dàng của trái tim khi đôi bạn trẻ tuổi này, cùng gập đôi mắt của nhau ở trên bát nước chè, cùng mỉm cười không nói, - nhưng mà biết bao là tâm sự!

Những tâm sự ấy hai người trẻ tuổi ấy không thổ lộ cho nhau biết bao giờ. Nhưng họ hiểu nhau như một người, có lẽ họ cũng có lúc hơi

buồn nhưng lần nào cũng vậy, họ đều thấy vui khi được gặp mặt nhau và có cái cảm giác nếu luôn luôn ở bên cạnh nhau thì sướng quá.

Riêng cô hàng nước...

Cô hàng nước chất phác mỗi ngày quý người trẻ tuổi của nàng hơn một người bạn thân quen biết đã lâu ngày. Cô có bao nhiêu giấc mơ đẹp, cô tưởng tượng bao nhiêu cảnh say lòng ở trong một cái tổ chim êm ấm: một vợ một chồng và hai ba đứa con thơ, những đêm đông lạnh quây quần ở chung quanh một mâm cơm nóng sốt... Không, không, đó chỉ là hy vọng mà thôi, cô hiện vẫn là một người con gái nghèo nàn, một buổi chiều đông, ngồi ở cửa hàng trông đợi một bạn lòng kia không đến nữa.

Người bạn lòng kia không bao giờ đến nữa thực. Hết mùa thu năm ấy, chàng vì kế sinh nhai phải vào làm việc trong Nam Kỳ. Một

bức thư giới thiệu với những người có tiếng tăm ở Huế, một bức thư nữa giới thiệu với những người có tiếng tăm ở Sài Gòn, chàng không bao lâu đã tự tìm lấy được một địa vị ở Bến Tre, thế rồi tháng ngày qua, chàng đi khắp lục tỉnh rồi đến Sài Gòn, chẳng mấy chốc đã gây được một cơ nghiệp có thể gọi là kha khá. Chàng lấy vợ rồi sinh con đẻ cái. Chính thực, chàng cũng chưa muốn bận bịu về chuyện gia đình. Nhưng bởi chàng ở với dì ghẻ, mà dì ghẻ và cha nàng ép lắm, mỗi bữa cơm thường giục chàng phải đến xem mặt người mà nàng và dì ghẻ đã xem hộ, chàng đành phải theo lời và lấy cho xong. Vả lại, người ta phải lấy vợ bởi vì người ta phải lấy vợ, phải có một người đàn bà để sinh con đẻ cái và coi về bếp nước, phải chiều theo số mệnh mà ông trời đã định.

Chàng lấy vợ như thế và chàng không băn khoăn gì hết. Phải, phải, suốt một đời chàng, chàng đã thực để tâm đến một người đàn bà

con gái nào đâu? Những cô con gái con nhà tử tế, chàng không biết đến bởi vì chàng sợ hại người ta, còn như những hạng đàn bà hồng phấn hay nghèo nàn thì vì danh giá, vì tính tự phụ không hề bao giờ chàng nghĩ đến chuyện trăm năm cả.

Chàng là con một ông Tú cổ. Cái học mới của chàng rèn đúc trí óc chàng, nhưng cái luân lý cổ ăn sâu vào tâm hồn chàng: chàng lấy vợ như là làm một việc đã định sẵn, lòng lâng lâng không mơ tưởng đến những nghĩa cũ tình xưa, ngay như cô hàng nước thì thực không trở lại với tâm hồn chàng một phút nào, mà biết đâu chàng chẳng quên những giây phút êm đềm ngồi uống một chén nước mà kể những chuyện cho qua cơn nóng nực?

Thảng hoặc cũng có đôi khi chàng nhớ đến, nhưng có nhớ đến thì cũng chỉ như ta nhớ đến một người bạn sơ giao mà thôi: gặp nhau là những chuyện không quan hệ lắm, nếu có

phen tái ngộ thì càng tốt mà nếu như chẳng còn bao giờ gặp nữa thì cũng có gì là quan hệ.

Sợ trớ trêu của số phận, sự tình cờ mà ta rất thường gặp ở đường đời xui cho hai người hôm nay lại đối diện trong quán nước.

Quán nước vẫn như tám năm về trước, không thay đổi một chút nào: vài nải chuối, mấy cái bát, ấm nước chè và dăm quả dưa hồng. Chàng thăm mộ mẹ xong, mệt mỏi, vào nghỉ chân và bảo cô hàng nước cho một bát nước chè.

- Chè tươi hay nước sôi đây, cô hàng?

Chàng lại hỏi cái câu hỏi đầu tiên mà chàng đã dùng với cô hàng nước. Tự nhiên, cô hàng nước thấy một cái gì quen quen, cô ngừng đầu lên và ngay lúc ấy, chàng cũng nhìn về phía cô hàng, bốn con mắt quen thuộc cùng

lại gặp nhau trên bát nước chè và đôi trái tim lại cùng rộn rịp như tám năm về trước.

Như tám năm về trước, chàng lại thấy mọi sự vui sướng nhẹ nhàng khi thăm hỏi và trò chuyện cùng cô hàng nước, duy chính cô hàng nước thì bây giờ không còn như trước nữa: cái đường ngôi tuy vẫn thẳng nhưng tóc đã không óng mượt nữa rồi, những vết răn đã hiện ra ở chung quanh đôi mắt trước kia rất đẹp và đôi má thì sì xuống bởi cô hàng nước ấy bây giờ đã béo ra và xò xề như một người đàn bà đã có hai ba con rồi.

- Cô hàng, thẩm thoát thế mà đã tám năm giờ rồi đấy nhĩ...

Cô hàng nước thấy như trái tim se lại. Chính cô, cô cũng biết không sao lại thế, nhưng cô cũng cứ giấu vẻ buồn mà cười gượng với người bạn cũ.

- Vâng, chóng quá, tám năm trời rồi...

Thời gian trôi, cuộc đời mỗi ngày chỉ mỗi chứa chất lên vai người ta những mối sầu khổ làm cho người ta già đi, làm cho lòng người ta cần đi. Ánh sáng trời không rực rỡ nữa, chim chóc không còn hát những điệu ru lòng, bao nhiêu cây cối của em, em ơi, đã rụng hết cả hoa lá, không còn ngày nào còn mong được có cái vẻ xanh tươi mơn mớn thời xưa.

Chàng thấy nao nao buồn một cái buồn vơ vẩn trong lòng. Chao ôi, cô hàng nước! Cô hàng nước kia còn bao giờ biết được những ý nghĩ của chàng và biết được rằng mùa xuân khi đã hết thì không còn gì cả, nó chỉ để lại cho lòng sự tiếc nhớ cái đẹp rất chóng tàn mà thôi.

Thôi thôi, không biết như thế lại hay, cô hàng nước lại càng đỡ khổ. Chàng uống chén nước chè trong suốt và nhấp giọng: trong cái chất

của nước chè chàng thấy một cái ngọt dịu dàng cũng như sự gặp gỡ của chàng với cô hàng nước hôm nay có một cái buồn nhẹ nhẹ ở trong cái vui không nói ra lời được.

Chàng hỏi:

- Thế nào, cô hàng? Độ này ra làm sao? Tôi vào Nam từ dạo ấy đến giờ, lần này mới lại về chơi Bắc Kỳ là một, lại được gặp cô hàng, thực lấy làm mừng quá! Cô đã được mấy cháu rồi?

- Cám ơn ông, cháu được hai cháu, một trai một gái.

- Thế bác giai đâu?

- Bẩm thầy cháu lên cúng ở trên tỉnh vừa về, đương dở bận ở trong kia.

Chàng lại ngồi uống nước và bảo cô hàng bỏ

một quả dưa ăn. Ở phía trong, sau một cái liếp đưa ra những tiếng sè sè, một mùi thơm theo gió bay đến chỗ chàng ngồi, chàng đoán là người chòng cô hàng nước đang hút thuốc phiện và chàng đưa mắt nhìn cô ta. Tự nhiên cô hàng nước thấy ngượng ngùng. Chàng không muốn ngồi lâu ở đấy, nhưng băn khoăn lắm lắm khi bước lên xe ra về.

- Thôi, cô ngồi bán hàng.

- Lạy ông ạ. Bao giờ ông lại vào trong Nam cháu xin gửi chào bà nhà ạ, và chúc các cô các cậu hay ăn chóng lớn.

Cái xe kéo chàng đi từ từ rồi lẫn vào rặng cây xanh um tùm. Nhẹ nhàng, cô hàng nước đứng dậy trông theo cho cái xe kỳ khuất rồi mới ngồi xuống, lấy miếng trầu ăn, vừa nhai vừa buồn, và nhớ đến chàng như nhớ đến một mối hạnh phúc đã mất rồi.

Thôi, thế là từ nay lại xa cách, không biết bao giờ lại mới được gặp mặt nhau nữa. Cô hàng nước lại quay về với chuyện thiết thực ở đời: ngày ngày ngồi bán hàng cho khách qua đường để kiếm dăm xu một hào nuôi một ông chồng nghiện và hai đứa con thơ dại. Cuối năm nay, một đứa con nữa lại ra đời. Cuộc đời của cô hàng, mỗi ngày lại mỗi thiết thực thêm; có lẽ rồi cô cũng chẳng còn thì giờ để nghĩ đến chàng trẻ tuổi làm việc ở trong Nam Kỳ nữa.

Sự đời nó như thế, biết làm thế nào? Mỗi người có một con đường đã định sẵn; thương tiếc cũng chẳng làm gì được, nghĩ ngợi lắm cũng chẳng làm gì được. Một cuộc đời hạnh phúc, ai chẳng muốn có, nhưng có được hay không, cũng là do ở số kiếp mà thôi.

Mai kia đây, chàng, chàng sẽ lại lên tàu và vào đất Nam Kỳ. Gió đập vào thành tàu, chàng sẽ có những buồn riêng những vui

riêng, mà cô hàng nước thì ở lại chỗ lều tranh vách đất của mình, sẽ lại kéo dài cái đời bằng phẳng cho đến mùa đông của cuộc đời: bán nước chè và những đồ giải khát cho những khách đi du ngoạn.

Những cặp tình nhân trẻ tuổi, yêu đời và ham sống sẽ đi qua trước quán nước của cô và sẽ lấy cái cửa hàng nước của cô làm nơi nghỉ mát tạm thời.

Cuộc đời xuân sắc của họ làm cho cô nghĩ ngợi và có khi ham muốn có một cái gì rất viển vông. Và buồn thương cho cái bóng xuân của mình đã vân vân xế chiều. Nhưng rồi cuộc đời nào cũng sẽ vào khuôn mẫu đã vạch sẵn của cuộc đời ấy. Cô hàng cũng chẳng buồn được lâu đâu, sự tiếc nhớ những ngày trẻ đẹp rồi qua đi như một bóng mây mà lòng người rồi ra sẽ chứa chan một tấm tình nhân đạo: Người ta thấy được vui sướng bởi vì thấy có người vui sướng ở chung quanh

mình.

Ngày mai, ngày mai, sẽ hết cả, không còn gì nữa. ^[1]

TIÊU LIÊU

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 24
(11/8/1940)

In kèm với bài này có một minh hoạ của Mạnh Quỳnh, và 2 ảnh của Võ An Ninh và Nguyễn Duy Kiên, có ghi chú mô tả:

Ảnh 1: *Xuân tàn*. Cô hàng nước, - tuổi nay đã luống
rồi, - đang đưa mắt ra nhìn cây cỏ trước nhà như để
1 băng khuâng tiếc nhớ một vảnh dĩ vãng tươi đẹp đã
qua rồi...

Ảnh 2: *Bên đường dừng bước*. Quán nước của cô
hàng nước Ô Cầu Giấy đã làm ... mát lòng được bao
khách thừa lương...

MỤC

Một người bán bánh tây, chả trâu sống ở bên cạnh học trò đã ngoại ba mươi năm kể cho tôi nghe những cảm tưởng của anh ta trong những dịp khai trường và nói rõ những vụ khai trường ngày trước khác những vụ khai trường ngày nay ra thế nào?

Thế nào, độ này buôn bán có phát tài không bác?

Người bán bánh đương "mỏ bụng" một cái bánh tây ra để cho chả vào trong, thấy tôi đi qua hỏi thế bèn toét ngay miệng ra cười:

- "Te" lắm ông ạ, chán như cơm nếp nát.

Tôi chắc là người vừa trả lời tôi câu đó không

nhớ tôi là ai cả. Nhưng, tự nhiên, như có linh tính bảo, anh ta biết ngay tôi là một người học trò cũ trường Hàng Vôi nên nét mặt hứng lên như một người bạn đã hai mươi mấy năm trời nay không gặp mặt.

Mà tôi, tôi được gặp mặt người ấy, tôi cũng lấy làm thú lắm.

Nói riêng với các bạn đọc đây, các ngài đừng thuật lại với những ông giáo đã dạy tôi làm gì cho mất lòng, chứ thực lắm khi nghĩ lại đến hồi hãy còn đi học "trường nhà nước", người mà tôi nhớ nhất, có lẽ không phải là thầy học cũ mà cũng không phải là bạn cũ, nhưng chính là Mực, người bán bánh tây chả mà tôi vừa tươi cười hỏi ở trên kia.

Anh ta nay đã già. Mái tóc đã bạc rồi, gân guốc đã suy rồi, nhưng nét mặt sạm đen và đầy một vẻ "sừng kền" của anh ta vẫn vui tươi như hai mươi bốn năm qua, không lấy gì làm

thay đổi. Duy có đôi mắt thì kèm nhèm đi chút ít mà ở trên mặt thì có một cái gì như là sự chán nản, sự buồn rầu vậy.

Anh ta thở dài:

- Cái thời kiếm ăn kha khá này đã qua rồi, ông ạ. Bây giờ buôn bán chỉ là để trợ thời thôi, chứ tôi tưởng đến chết cũng không còn hồi nào làm ăn vui vẻ như hồi tôi bán ở trường Hàng Vôi nữa. Hồi ấy, ông tính, tôi mỗi ngày kiếm được đến dăm sáu đồng bạc một ngày. Ấy là chưa kể nhà tôi lại còn bán bánh tôm để thêm vào, hai vợ chồng hơn kém cũng "xoi" được bảy tám đồng là ít. Giá phải một người cần cù chịu khó thì có phải cũng đủ ăn tiêu và lại có tiền dành dụm cho con cái rồi không? Chết một cái tính tôi lại hay buồn, nên sẵn tiền đấy, đêm nào cũng đi đánh bạc thành thử cũng chẳng còn gì sót cả. Chỉ có được cái nhà. Vả lại, ông đã rõ, người ta giàu có là có số cả đấy chứ trời không cho mình

nhàn thì cựa lăm chỉ tổ sảy vẩy ra chứ lợi gì...

Nói đến đây, Mực ngừng lại bán một cái bánh khách và hai xu thuốc lá lẻ cho một người qua đường rồi lại nói với tôi:

- Bây giờ thì thôi, hết, ông ạ, tôi không đánh bạc nữa mà cũng không "ăn" ai cả. Mỗi ngày kiếm ăn già lăm chỉ được dăm bảy hào một đồng là may. Ấy chưa nói bây giờ học trò nghỉ hè, tôi chỉ bán quanh quẩn ở phố Bờ Sông, phố Phúc Châu này và khi nào có đá bóng ở dưới bãi thì lại dò xuống "làm một mẻ xoàng xoàng" chơi.

Nay mai đã khai trường rồi. Tôi cũng mong trời thương thánh độ cho năm học này được khá hơn năm trước, nhưng đó cũng chỉ là hy vọng, chứ tôi chắc cũng không ăn thua gì.

Ngày xưa, vào thời kỳ các ông khai trường tôi thấy lăm khi bán hàng tôi tắm cả mày mặt

lại, có khi vì chậm bán làm cho có ông đứng đợi lâu quá tức chửi rầm cả lên mà tôi cũng như thường, mà lại vui vẻ là khác nữa. Đằng này, bây giờ thì buôn bán con ruồi bậu mép cũng không thềm xua đi. Cái gì cũng đắt cả, bán một cái bánh tây chả, không có lợi. Ấy là nói về bọn các cậu học ở những lớp dưới đây, chứ các cậu "cua Suýt" bây giờ thì lại ít ăn lắm, bởi vì họ nhón, họ ăn quà ngay ở nhà. Và lại đồng tiền khó kiếm nữa, các ông bà sinh ra các cậu ấy lại thi hành lối "kinh tế tiết kiệm" bắt con ăn cơm rang ngay ở nhà rồi đi học chứ không cho tiền ăn "quà nhảm" như trước nữa.

Tôi hỏi đùa:

- Thế bây giờ có còn bán chịu nữa không?

Mục giờ tay lên vái tôi một cái mà kêu lên:

- Lạy bố nhé! Kiếm đã chẳng đủ mà lại còn

"chỉ" rộng cứ cho chịu bừa bừa như trước thì... phá sản ngay. Ấy nói thế mà chơi, chứ không cho chịu cũng không được, tôi hay nể lắm, vả lại ngày nào cũng gặp nhau tự nhiên là anh em phải có thân tình, tôi với các cậu ấy cũng như em trong nhà vậy, nên đôi khi vẫn phải bán chịu và bán chịu vẫn bị mất như ngày trước. Ngày trước, có năm tôi tính mất đến hơn trăm bạc nợ. Giờ ơi, tôi tức nhé, tôi đến mách nhà nhé, tôi bắt sách nhé, nhưng nói mách quẻ và dọa dẫm nhau chơi đó mà thôi chứ ông bảo mình thấy người ta van lạy, kêu xin, thì ai lại nỡ vì có mấy hào hay vài đồng mà xử nhỏ thế nó vô tình lắm ạ. Hiện giờ tôi có bán chịu cho ai thì chỉ bán đến một đồng mà thôi. Ấy, cái trò thế, không bán chịu cho nhau *một cái* là họ "tẩy chay" mình ngay. Một phần sự ế hàng cũng do đó mà ra vậy.

Hàng ế, không ăn thua gì, tôi thành ra chán không muốn buôn gì cả. Còn vài hôm nữa thì khai trường mà cũng chưa có tiền để buôn lấy

dăm đồng bánh khách đây. Hàng lơ chơ lổng chổng, chán bỏ bu... con chuột bạch. Những vụ khai trường ngày trước, ông phải biết, tôi bỏ hàng tuần ra để sơn xe cũng như những nhà buôn mới khai trương quét vôi và sơn tường cho choáng. Con tôi này, vợ tôi này, phải chát mát-tít vào mặt kính và lau chùi sạch sẽ; những cái ngăn hàng phải đem cọ rửa nhẵn như cừ. Tôi coi sóc cẩn thận lắm bởi vì mỗi vụ khai trường tôi có cảm giác như là mừng một tết, phải "tổng cựu nghinh tân" để lấy may, ngay như khi ra ngõ cũng phải xem giờ và nếu gặp gái thì lại lấy củi cháy đem ra mà... đốt vía. Bây giờ thì thôi rồi ông ạ. Vãng mạng cả. Đến tận hôm nay, tôi cũng chưa nghĩ đến khai trường, tôi mặc, muốn ra thế nào thì ra...

Tưởng lại những ngày qua rồi mà tiếc. Còn bao giờ các ông với tôi lại còn được họp nhau ở chung quanh cái xe bánh sơn vàng, có một cái chuông treo ở càng, khi nào tôi đến lắc cái

chuông ấy kêu vang lên thì các ông lại vui vẻ mà hò reo lên rằng: "À! đến đây rồi. Xe bánh tây kia rồi!" Thực là muốn bây giờ cũng không làm thế nào được nữa. Một góc người đời đã chết rồi. Hạnh phúc không còn nữa. Bây giờ, mỗi khi lại được gặp các ông, nhớ lại quãng đời đã qua, thì lại thấy buồn buồn, song cứ kể cũng thú, vì bây giờ các ông đã đi làm đi ăn cả. À, ông có biết ông T... không nhỉ? Nay, ông ấy làm quan rồi đấy. Hôm nọ, về chơi, gặp tôi ở Phúc Châu gọi mãi tôi và mua bao thuốc lá giấy xanh. Ông K, ông S, ông H, đều làm tham biện ở Thống sứ cả, danh giá ra phết, thế mà gặp "anh em" đâu, vẫn chào hỏi tử tế quá và có khi vẫn dừng lại mua bánh tây chả ăn như trước. Các ông ấy bảo tôi rằng: "Nhớ trường thì ít, mà nhớ bánh tây chả của anh Mục thì nhiều". Tôi có thể khóc được. Các ông tốt quá.

- Không, họ nói thực chứ không phải đùa đâu. Bánh tây của bác thì nhất, không có thể

ai độ kịp. Người ta ăn bánh tây bây giờ thường thường vẫn nghĩ thầm: "Ôi! bánh tây của Mực nó khác thế này lắm, nó còn ngon hơn nhiều". Bác có biết bánh của bác ngon tại vì đâu không?

- Ngon bởi tại các ông yêu tôi chứ gì!

- Cái đó đã hẳn rồi. Nhưng nói về tinh thần chơi với nhau một chút xíu đó thôi, chứ bánh của bác ngon về dấm. Dấm của bác pha tài, ăn không bao giờ chán. Mà cái chả ngâm dấm của bác mới lại quý hơn. Tôi còn nhớ cầm cái bánh tây nóng có chả, ngâm vào trong liễn dấm vùi nó xuống một lát rồi cầm lên mà ăn từng tí một thì có thể quên chết đấy nhé! Nào nhân tiện, bán cho tôi hai xu bánh và ba xu chả nào.

Mực cắt bánh tây cho tôi rồi nói:

- Bây giờ thì chẳng còn thể nào có dấm như

trước nữa. Đắt lắm ạ. Một chai dấm bảy hào, nếu cứ pha ra liền để người ăn bánh chấm bánh như trước thì chỉ bảy ngày "con" vỡ nợ!

Mực nói thế đoạn nhú mắt lại nhìn tôi một cách ranh mãnh:

- Vì không những giá dấm đắt mà thôi, tôi còn thiệt là khác nữa. Chả của tôi ngâm dấm, ông có biết không, có nhiều ông, ngày trước chỉ mua một xu bánh tây không mà khi chấm dấm... cập rập lên đến ba miếng chả trong khi tôi bán bán hàng cho ông khác!

Mực nói chuyện rất vui.

Tôi ăn bánh xong tự lúc nào không biết.

- Hết rồi à? Ngon quá, bánh tây ngon quá.

Hỏi tôi còn đi học, chính tôi, tôi là một anh nghiện, nghiện bánh tây của Mực. Hôm nào

không được ăn, tôi thấy ngứa ngáy cả người. Tôi nhặt mồm nhặt miệng và tôi không buồn nói năng gì cả.

Bây giờ, lâu lắm mới lại được nếm lại cái phong vị bánh tây chả của Mực, tôi thấy ở trong người như được nở nang ra, tôi thích quá bèn bảo gói luôn năm cái bánh tây chả vào trong một cái giấy nhật trình cũ đem về.

Đề ăn dần.

Và cũng đề, trong khi nhai bánh thì nghĩ lại những ngày cấp sách khai trường, tôi không nghĩ gì đến việc lên lớp mà chỉ xán vào cái xe sơn đỏ để mua bánh tây chả và chấm... oăng vào liễn dấm. ^[1]

VŨ BẰNG

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 27
(1/9/1940)

In kèm phóng sự này trên *TBCN* còn có 2 ảnh nhân vật được nói tới trong bài do Nguyễn Duy Kiên chụp với chú thích mô tả:

Ảnh 1: Mực. Đã hơn năm mươi tuổi chất nặng trên đầu, Mực, anh chàng bán bánh tây hơn 30 năm trời nay ở trường Hàng Vôi vẻ mặt tuy có già đi và buồn đi chút ít nhưng cách ăn mặc và cử chỉ vẫn còn "du" như thời kỳ oanh liệt xưa như thường. *Ảnh 2: Mực với xe bánh tây.* Một cái xe bánh tây đã gợi lại bao nhiêu kỷ niệm êm đềm cho các học sinh cũ của trường Hàng Vôi thừa trước.

NƯỚC NHẬT VỚI GIẢNG MÙA THU

Cũng như ở nước ta, mùa thu ở nước Nhật là mùa của ái tình, mùa nên thơ nhất bởi vì là mùa đẹp nhất

Các bạn đã biết mùa thu đối với Tàu và ta nó thi vị thế nào và thi sĩ đối với mùa ấy có cảm tình đến thế nào. Giờ ta cũng nên biết một nước đàn anh của ta ở Á Đông là nước Nhật, xưa nay vẫn có tiếng là thượng võ, đối với mùa ấy ra sao và mùa thu nó khác Tàu và ta những gì.

Thực vậy, các nước ở Á Đông ta, có lẽ nước Nhật là một nước yêu mùa thu nhất, và tuy là một nước thượng võ thực, nhưng đến văn thơ thì rất buồn, và "những ngày thu" và "những buổi chiều thu" vẫn là đầu đề rất thông dụng ở trong thi giới Nhật.

Người Tàu buồn về thu đã có thơ:

Lác đác rừng phong hạt móc sa,

Ngàn lau hiu hắt khí thu mờ,

Lưng trời nhạt liệng dòng sâu thẳm,

Mặt đất mây đùn cửa ải xa...

Khóm trúc như tuôn dòng lệ cũ

Con thuyền buộc chặt mối tình già.

Lạnh lùng giục kẻ tay dao thước

Thành Bạch gần xa, bóng ác tà...

Cái buồn như thế kể đã là sâu sắc và não nuột, nhưng thơ người Nhật cũng não nuột và sâu sắc một cách khác mà lại nhẹ nhàng hơn.

Giữa nơi thanh vắng,

Ở nhà bước ra

Ta nhìn quanh ta

Đó đây chỉ thấy toàn là chiều thu...!

Văn thơ Nhật, theo như ông Chamberlain đã nói, là một bài văn phong phú nhất. Thi văn Nhật, ta không nói tới thời thái cổ làm gì, cứ xét về thời đại cận kim thì quả có một linh hồn riêng khác hẳn của Tây phương.

Nhà thi sĩ Nhật có một cảm giác: cũng như nhà nghệ sĩ của Phù tang, nhà thi sĩ ghi cái cảm giác đó lại bằng vài nét mạnh mẽ hay du dương, rồi thôi, không cần diễn tả những cái mà họ nghĩ bằng văn xuôi. Cho nên văn thơ của họ rất ngắn và lối thơ đáng làm tiêu biểu cho thi ca Nhật nhất là lối tanka có 5 câu (5,

7, 5, 7, 5) vị chi là một bài thơ tất cả có 31 chữ.

Tả cái đẹp của giếng thu, nhà thi sĩ Nhật chỉ vắn vắn có mấy câu này, chúng tôi lược dịch sau đây:

Những khi tôi ngắm giếng thanh:

Dầu trăm nghìn vẽ cảnh tình không vui!

Thu đâu riêng một mình tôi,

Thu là của khắp mọi người thế gian.

Ánh giếng thanh với gió thu và mây thu, những đêm trời đẹp như ngày rằm tháng tám làm cho nhà thi sĩ xúc cảnh sinh tình:

Giếng thanh mọc giữa bầu trời

Qua mây, tia sáng rọi ngời trần gian

Gió thu đưa đám mây tàn.

Con chim gáy, lúc ấy cũng như người, cất
tiếng hót vang:

Nhìn vào cụm cây

Có con chim gáy hót

Ta chỉ còn thấy bóng trăng thu tàn.

Trai gái đợi chờ nhau ở dưới bóng trăng.
Chàng không lại, nàng buồn với bóng trăng
thu:

Không chờ anh ở chốn này

*Buồng hoa, em đã nhấp say giấc
vàng!*

Chao ôi, giăng đã gần tàn...

Và trăng thu sẽ trả lời ra thế nào?

Trong khi nặng tấm lòng sầu,

Phải chăng giăng đã bên lâu bảo ta:

- "Khóc đi người đẹp như hoa!"

Mặt buồn phút bỗng chan hoà lệ châu.

Thôi thế là mất cả một đêm rằm tháng tám:

Trên manh chiếu lạnh đêm thu,

Đế kêu như khóc ở bờ tường hoa,

Nằm lên trên mảnh khăn là,

Giác cô miên, đến với ta hỡi trời?

Muốn ngủ mà nào có ngủ được đâu. Từ phía xa xa đưa lại những tiếng vang của ngày hội, khách đa tình lại trở dậy trông trăng:

Theo ngọn gió thu

Lá bay tan tác

Vào chốn nào? Không ai biết!

Đối giăng ta thấy lòng ta âu sầu.

Một con thuyền đi qua khúc sông ở trước cửa sổ của cô con gái đa tình và ngừng lại:

Cái gì đã giữ mái chèo

Của con thuyền nhỏ đang vèo trên sông,

Phải chăng cây quế trắng trong?

Trăng lặn là cả một trời buồn. Nhà thi sĩ gửi tâm sự của mình ở trong người đẹp sầu trắng, cảm khái nên một câu tuyệt diệu đêm hôm rằm tháng tám:

Giăng thu lặn ở sau đèo,

*Lạnh lòng ngán nỗi sầu gieo bên
màn*

Chao ôi, ánh sáng giăng thanh,

Ước ao mãi với mình với ta.

TIÊU LIÊU

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 30
(22/9/1940)

NHỮNG CHUYỆN CỔ VỀ GIẢNG

Thăng Cuội

(cổ tích Tàu)

Có hai anh em nhà kia, một năm trời làm đói kém mất mùa phải rủ nhau đóng một cái bè nhỏ để vào rừng đẵn củi. Trong khi người anh mò mẫm vào rừng và lặn suối trèo đèo tới được chỗ nhiều cây thì người em ngồi ở bờ lau để canh bè và bỗng trông thấy một con hổ nhỏ. Con hổ đó, anh ta lại tưởng là con chó, bèn bắt liền và đem vật trụi lông để đem thui. Thì vừa may lúc ấy người anh đi kiếm củi về, biết đó là con hổ, anh ta bèn bắt em đem ngay lại chỗ bụi lau vớt đấy, kéo con hổ mẹ về thấy mất con nó oán thì nguy hiểm lắm.

Người em vâng lời anh dặn đem con hổ con giả lại bụi lau, thì ngay lúc ấy con hổ mẹ vừa về và trông thấy con nằm giãy chết mà lông

thì bị cạo. Lập tức con hổ mẹ bèn ngắt mấy cái lá cây xuống nhai rồi nhổ vào xác con con: một lát sau, con hổ con sống lại và hai mẹ con con hổ đem nhau vào rừng, để lại chỗ lá cây còn thừa ở đó.

Ngồi rình từ nãy ở trên một ngọn cây cao, người đàn ông kia để cho hai con ác thú đi rồi, bèn leo xuống và nhặt lấy chỗ lá cây kia, trở lại chỗ anh chờ nhưng tuyệt nhiên không kể lại một tí gì về những cái mà anh ta vừa thấy. Chiếc bè lại rẽ sóng mà đi, hai gã thanh niên nọ ra khơi và cứ thẳng đường mà tiến thì bỗng nhiên thấy ở trên mặt nước một con chó chết bập bênh trôi theo dòng nước trong xanh, mình đã trương lên mà lưỡi thì lè ra, xanh lét như là rêu nước vậy. Tức thì người em cho mấy cái lá cây vào miệng nhai, nhai rồi rịt cho con chó: con chó sống lại liền và theo hai anh em nhà nọ đi về nhà.

Con chó ấy là một con chó tinh khôn lắm.

Một hôm nó nghe thấy một ông lão phú gia than khóc một người con gái vừa mới mất, ông già ấy kể lể rằng nếu ai làm cho con gái mình sống lại thì bao nhiêu của cải sẽ đem biếu hết và gả con gái cho là khác. Con chó bèn về nhà tìm chủ và cắn cái tà áo lôi đến nhà ông lão nọ. Người con gái ông lão sống lại liền, và ông lão giữ lời hứa gả con cho anh chàng nọ và tặng hết cả tiền tài châu báu.

Anh ta bèn dắt vợ về nhà. Và ở giữa sân nhà anh ta, anh ta lấy chỗ lá còn thừa lại đổ giồng xuống đất. Chẳng bao lâu, một cái cây xanh tốt mọc lên, cái cây ấy chính tên là cây đa vậy. Anh ta dặn vợ phải chăm chút cây đa và ngày nào cũng phải tưới, nhất là những ngày anh ta có việc phải đi xa vắng.

Một hôm anh ta vắng nhà, hàng xóm láng giềng nhân có tính đố kỵ và vẫn thù ghét anh ta vì có cây đa thần cải tử hồi sinh được người đời, họ bèn bảo nhau đến giết vợ anh ta

để xem anh ta có cách cải tử hoàn sinh chính vợ mình hay không. Thì y như rằng, anh ta cải tử hoàn sinh được vợ anh ta thực; những người ở chung quanh đầy sợ thất đảm, bèn bảo nhau lánh cả đi, nhưng chẳng bao lâu, họ lại rình giết được người đàn bà khốn nạn đó lần thứ hai và lần này thì cẩn thận hơn lần trước, họ lại mổ bụng ra lấy cả ruột gan đem vớt một chỗ thâm sơn cùng cốc. Đến khi người chồng về thấy vợ chết một cách dữ dội như thế thì trơ ra không biết làm cách nào để cứu sống lại nữa, nhất là nghĩ mãi cũng không ra cách gì để thay gan ruột khác cho người bạc mệnh kia.

Sau cùng, anh ta gọi con chó lại mà rằng: "Chó ơi, tao nuôi mày và chăm chút mày như thể bố tao; tao cứu sống mày; tao có công ơn với mày. Bây giờ đây vợ tao bị chết một cách rất đau thương, gan ruột đều mất hết, vậy tao xin mày một điều này: mày nằm xuống để tao lấy gan ruột của mày để thay gan ruột của vợ

tao".

Con chó vâng lời chủ. Chủ nó lấy lá đa rịt cho vợ, làm cho vợ sống lại và viên đất thó giả làm gan ruột cho con chó giả làm gan ruột nó và làm cho nó sống lại cùng một lúc.

Một hôm người chồng lại có việc phải vắng nhà, anh ta lại dặn vợ phải tưới cây đa nhưng vợ anh ta lại quên băng mắt và đến tận khi chồng về, mới lấy nước ra tưới cây đa thần nọ. Chẳng ngờ từ khi mang bộ lòng của con chó, người đàn bà kia mất cả sự trong trắng ở trong người, thành ra ô uế, nên vừa ngồi xuống gốc cây một lát thì cây đa thần vù vù rě gió bay lên chín tầng mây thăm.

Thực là tai hại!

Người chồng không thể nào cứu vãn kịp cái tai nạn góm ghê kia. Anh ta lấy rìu ra định dẫn lấy vài cành đa để sau này giồng lại, nhưng

không được, cái rìu nọ đã mắc vào hắc thân cây mất rồi, mà chính anh ta cũng theo cây mà bay vút lên mây và hoá ra thành Cuội ngồi ở dưới gốc đa trong mặt trăng trên trời.

Từ đó thành Cuội đâm ra thù ghét người đời vì "cứu vật thì vật trả ân, cứu nhân thì nhân báo oán", anh ta cải tử hoàn sinh cho con chó thì nó đền đáp công ơn, còn một khi cứu vợ thì vợ anh ta làm mất cây đa thân nọ.

Anh ta tiếc cây đa vô cùng nên quanh năm ngày tháng chỉ ra công mà dẫn lấy vài cành để giữ. Cây đa đó vẫn cứ trơ với phong sương, duy mỗi năm vào ngày rằm tháng tám thì một chiếc lá lại rơi xuống bể và trôi vào miệng ông Hà Bá.

Con ngọc thảo

(cổ tích Tàu)

Ngày xưa, từ thửa chưa khai thiên lập địa, Hằng Nga ở cung trăng một hôm sai con chấy xuống dưới trần và mang cái hoả bài này cho người đời: "Người đời đến tuổi già sẽ lột xác và sống mãi không bao giờ chết cũng như là trăng vậy. Chỉ có giống rắn là lúc già không lột được mà phải chui tọt vào săng thôi".

Bất ngờ đi đến nửa đường, con chấy gặp một con thỏ, hai con vật ấy lân la trò chuyện với nhau một hồi lâu rồi ăn cắp cái hoả bài của Hằng Nga. Con chấy mù mịt không còn biết ăn nói ra làm sao cả, con thỏ bèn thông dong bảo con chấy rằng: "Anh cứ đi nói to với người đời rằng: Rắn già thì rắn lột, người già thì người không lột mà người chui tọt vào săng".

Con chấy cứ theo thế mà rao lên, cho nên từ đây con rắn sống thiên niên mà chỉ có giống người là chết.

Hằng Nga thấy vậy giận lắm cho hỏi cả khắp chư tiên ở trên trời thì lúc ấy con thỏ mới nhảy ra nói hết đầu đuôi tự sự.

Hằng Nga giận không để đâu cho hết, tiện tay có cái chén ngọc ném mạnh vào mõm con thỏ tinh khôn kia và bắt giam nó một chỗ không cho đi đâu nữa.

Từ đó cái môi trên con thỏ bị thương tích rách đôi ra và suốt đời cứ phải ở cung giăng không chạy nhảy đi đâu được nữa.

Tại sao giăng đêm răm lại sáng?

(cổ tích Ấn Độ)

Người ta kể chuyện rằng thuở trước có vợ chồng nhà kia sinh được một cô con gái rất đẹp và lấy làm yêu quý lắm. Họ định xây cho

cô ta một cái lầu rất thần tiên và họ sai người đi vào rừng đẵn những cây gỗ thật quý để cất cái lầu cao quý đó.

Chẳng may trong rừng đó lại có ba con chó chết: con thứ nhất trắng, con thứ nhì vàng, còn con thứ ba thì đen. Sau khi chúng nó chết rồi, giời hoá kiếp chúng nó thành ra một cái cây có ba thứ hoa, màu xanh màu trắng và màu đỏ.

Khi người nhà và cả hai vợ chồng người kia trông thấy cây gỗ ấy thì chồng bảo vợ rằng: Cái cây này quý lắm. Khi nào chúng ta cất xong lầu cho con gái quý của chúng ta rồi, chúng ta phải nhớ đánh nó về làm cảnh.

Hai vợ chồng người đó đánh cây ấy về làm cảnh thực, nhưng ác thay, cây đó lại đứt mất rễ cái nên chẳng bao lâu héo hắt đi rồi chết; người ta đành phải lấy gỗ cây ấy làm then cửa chính.

Bất ngờ trong cái then cửa ấy lại có một con tinh, nó hiện về và đem chỉ toan hiệp người con gái kia; cô ta hết sức cự tuyệt, nhưng con tinh cũng không chịu thôi, nó hớp hồn cô ta và chẳng bao lâu thì cô ta ốm nặng rồi lịm đi hơn một ngày. Đến khi tỉnh lại thì đành ép lòng để cho định mệnh nó muốn xoay ra thế nào thì xoay. Thân phụ cô nghe thấy tiếng động ở trong buồng con gái bèn rón rén bước lại phòng để xem sao thì con tinh kia lại bắt nốt lấy hồn ông lão và mãi tận lúc con tinh đi khỏi thì ông già kia mới tỉnh lại và kêu lên một tiếng. Nhưng mà từ đó trở đi, ông ta không dám bước chân vào phòng con gái nữa.

Ít lâu sau, có một thư sinh thi hỏng buồn tình dạo gót lẳng du đi lạc lối qua nhà cô con gái bị ma làm và xin ngủ đỗ lại một đêm. Chàng thư sinh ấy hoàn toàn có cái vẻ của con tinh đã bắt hồn cô con gái nọ nên chủ nhà thoái thác rằng nhà không đủ chỗ để người ngoài ở

đỡ. Chàng thư sinh bèn nói rằng:

- Tôi là người đây cụ ạ. Cụ đừng sợ.

Ông già xoa tay vội đáp ngay:

- Không, không, tôi biết, chính ông, ông đã giết tôi và lại làm cho tôi sống lại. Tôi hãy còn nhớ mặt ông, tôi không thể tiếp ông đêm nay được.

Chàng thư sinh lại nói:

- Tôi xin cam quyết với cụ, tôi là một học trò lỡ độ đường. Nếu cụ có việc gì muốn nhờ tôi, tôi xin hết sức giúp cụ, không dám mong gì lợi lộc.

Ông cụ già bèn kể lại đầu đuôi câu chuyện đã xảy ra ở nhà ông và đưa tay dắt chàng thư sinh nọ sang buồng cô con gái.

Lại nói chuyện về ba con tinh ở cửa nhà ông lão khốn nạn kia; con đen thì nằm dài ở lối đi canh giữ, con trắng thì hiện ra hình người mặc quần áo rất sang trọng và ở luôn trong buồng cô gái.

Thấy chàng thư sinh đi đến, con đen bảo con trắng: "Này, này, đây là một quý nhân đây, chúng ta phải liệu tìm đường tẩu thoát kẻo không có khó mà toàn tính mạng".

Ba con tinh nói thế xong bèn tìm đường tẩu thoát liền, nhưng chàng thư sinh nhanh mắt chém đứt chân được một con và đưa cái chân ấy cho ông cụ xem cho biết.

Ông cụ vui mừng khôn xiết, không biết lấy gì để đền đáp ơn chàng; chàng chỉ xin ông cụ cho cái then cửa và chàng lấy cái then cửa ấy dắt vào trong giây lưng đeo mình rồi cáo lỗi ra đi.

Tháng ngày qua đi được một ít lâu thì ba con tinh ở trong cái then cửa dất trong mình gã thư sinh thấy bức bối vô cùng, không chịu được bèn van lạy gã thư sinh tha tội và hứa nếu tha ra, chúng sẽ tạ gã thư sinh đó một cái mặt trời, một con ngựa và cái mặt giếng rằm thực sáng. Gã thư sinh bằng lòng và nhận ba cái tặng vật kia. Thì quả là ba vật quý.

Con ngựa ấy chạy nhanh như gió và đưa gã thư sinh đi khắp chợ thì quê, sau đến đế kinh để thi đỗ bằng vàng, xong lại đem gã về với vợ ở quê nhà để nghỉ ngơi chốc lát.

Chẳng may bố mẹ gã thư sinh đó ở một cái nhà xóm khác cũng gần ngay ở đấy không biết con về, lại tưởng rằng con dâu mình ở nhà đã bày trò trên bệc trong dâu với gã trai nào, ông cụ bà cụ kia bèn nộ khí lên chạy đến nhà con dâu vặn hỏi đầu đuôi và tuy rằng người con dâu ấy hết sức nói rằng người đàn ông kia là chồng mình, sáng hôm nay hẳn đã

phải từ biệt để về triều sớm. Tuy vậy ông cụ bà cụ vẫn không tin là sự thực. Nhưng đêm hôm ấy gã thư sinh lại phóng ngựa về nhà, ông cụ bà cụ thấy tận mắt con bèn hết cả nghi ngờ và hỏi con trai tại sao mà lại có phép về nhanh như thế được.

- Thừa cha mẹ, con có một con ngựa phóng như là gió vậy. Hồ ^[1] bảo nó đi đâu thì nó đã tới nơi liền. Con sung sướng lắm, con đã thi đậu rồi, hôm nay con về hầu cha mẹ và khao làng nước đây.

Người bố thấy nói con ngựa lạ muốn thử xem cho biết bèn trèo lên mình ngựa đi thử một lát. Còn bà mẹ, bà mẹ cũng muốn thử tài ngựa thế nào, cũng định trèo lên thì chẳng may đàn bà ô uế, con ngựa ấy mất hết cả phép thần, cứ đứng trơ ra đấy, không tài nào chạy được.

Vị tân khoa tiến sĩ lo sợ lắm bởi vì nếu không

có con ngựa thì chàng khó mà vào kịp để kinh bệ kiến. Chàng bèn cầm cái mặt trời mà con tinh đã tặng chàng rồi ra đi; cái mặt trời con còn ở trên tay chàng lúc nào thì ngày còn cứ kéo dài ra đến đó và vì thế, gã thư sinh nọ đến để kinh còn vừa kịp. Đến lúc ấy, chàng mới cất cái mặt trời đi và đến lúc ấy đêm mới xuống.

Tuy gã thư sinh nọ đến kinh kịp thực đấy, nhưng vẫn chậm. Nhà vua muốn phạt chàng, liền đem đầy chàng đến một cái làng cô quạnh kia vẫn có tiếng là có lắm tà ma lẫn lút. Những con tinh con ma ở đó làm hại những vị quan đến trọng nhậm ở đây, duy có vị tân khoa tiến sĩ này có phúc đức nhiều vả lại là một quý nhân nên những con tinh đó không làm gì chàng được.

Những người dân ở trong làng đem gạo bánh và hoa quả đến mừng rất đông, nhưng vị tân khoa đó không nhận của ai cả; chàng cho

một người đi theo rình xem bọn người dân kia sẽ xử sự ra thế nào.

Thì ra những người đó là tinh cả, chúng nó đi đến một cái giếng nọ và chui cả xuống. Người đi theo rình thấy thế vội về phi báo với vị tân khoa và ngay hôm ấy, vị tân khoa sai lính ra tát giếng. Bao nhiêu công trình đều vô ích; không những cái giếng ấy đã không tát cạn được mà thôi, trái lại trời lại còn thả đất lại còn sâu rồi khắp cả một vùng đó đều bao la một màu tang tóc, rồi đêm tối thăm thăm bao trùm cảnh vật với một giải màn đen dằng dặc.

Vị tân khoa tiến sĩ kia, nhớ đến bọn ba con tinh khi xưa đã tặng mình ba cửa báu, bèn gỡ cái vật thứ ba ra cầm ở trên tay; đó là cái mặt trăng.

Mặt trăng sáng như gương, vị tân khoa hồ hồ cầm ở trên tay thì bóng tối biến đi hết. Cảnh vật lại sáng sủa, nhưng sáng khác hẳn ban

ngày, một cái ánh sáng linh lung khả ái hơn, một cái ánh sáng nên thơ hơn và quyến rũ lòng người hơn.

Người ta còn nhớ đêm đó là một đêm rằm. Thành thử ngày rằm thì mặt trăng sáng rọi lên, nhất là ngày rằm tháng tám thì trăng lại càng sáng lắm, càng nên thơ lắm.

Bọn lính của vị tân khoa tiến sĩ, nhờ có ánh trăng sáng sửa nên hòa nhau lại tát nước giếng lần nữa nhưng cũng vẫn không được, họ bèn quay ra ngủ cả ở dưới ánh sáng giếng thơ mộng.

Một con tinh, nửa đêm, bèn hiện ra và báo mộng cho một tên lính rằng:

- Này này, tôi báo cho các anh biết nhé. Các anh không tài nào tát cạn được cái giếng nước này đâu trừ phi người nào cầm tinh con rồng và tên là Long mới có thể làm nổi công

việc ấy.

Bấy giờ vị tân khoa tiến sĩ lại tuổi thìn mà tên là Vương Long. Người ta bèn về báo với chàng như thế, và quả đúng như lời của con tinh đã nói lúc đêm khuya, Vương Long tát cạn giếng nước một cách dễ dàng và trông thấy ở dưới đáy giếng hai vợ chồng con rắn.

Hai con rắn ấy nói rằng:

- Lạy tiên sinh, tiên sinh tha chết cho chúng tôi, chúng tôi ngay ngày hôm nay chúng tôi xin đi nơi khác chứ không dám quấy nhiễu nơi đây nữa.

Vương Long nghĩ thương tình tha chết cho vợ chồng con rắn và từ đó, cái hạt ngải trọng nhậm không còn bị yêu tinh tác quái như trước nữa.

VŨ BẰNG kể

Trung Bắc chủ nhật, số Trung thu,
Hà Nội, s. 29 (16/9/1940)

1 Hò: (từ cổ, ít dùng) hễ, hễ mà.

CHIẾC ĐÈN LÒNG ^[1]

Sau mười năm đèn sách cần cù, Đại Thông Thái Lang đã chiếm được bằng vàng để có thể làm cho chàng sau này có một địa vị khá cao trong nước.

Chàng bèn vội vàng từ giã cái tỉnh nhỏ bé mà chàng ở bấy lâu để đến Yên-đô, cái kinh thành có trăm nghìn phù hoa sa vọng mà người ta có thể trông mong lập được những sự nghiệp lẫy lừng ở đó. Những ước mơ của Đại Thông Thái Lang thực không bờ: trẻ tuổi, xinh trai mà lại có tài học, còn có gì ở đời này lại cản trở được chàng? Những người đàn bà nhan sắc nồn nường say mê cái vẻ mặt khôi ngô tuấn tú của chàng lúc nào như cũng vơ vẩn một mối buồn não nuột; cái miệng của chàng mới dễ thương làm sao, nó đã làm cho bao nhiêu trái tim rung động và mắt chàng lúc nào cũng chói lọi sự hiên ngang, khí phách.

Chàng đến Yên-đô để tìm bước tiến thân nhưng ở đó, chàng đã gặp một mối tình là Ngọc Hân nương, một cô gái thơ ngây trong trắng như một đoá hoa đào chớm nở. Đại Thông Thái Lang, tức thì, không nghĩ đến chuyện sinh sống kiếm ăn. Ngọc Hân nương là con một của một vị đại thương gia được cha mẹ rất yêu mà vị đại thương gia ấy lại coi người tình của con gái như là con trai đẻ vậy.

Sau ngày cưới, cặp uyên ương đem nhau đi giấu hạnh phúc ở một cái làng hẻo lánh rất nên thơ, - làng Hốt Sứ, ở ven hồ Bình Hoa thơ mộng. Trong một năm tròn, cặp vợ chồng trẻ ấy yêu nhau như quên cả tháng ngày qua. Nhưng chao ôi, sang đến mùa xuân năm sau, thì Ngọc Hân nương bị cảm mạo và võ vàng đi, nhan sắc nàng tàn tạ và một đêm kia, nàng bỏ chồng ở lại, để sang bên kia thế giới.

Mọi người đều tưởng Đại Thông Thái Lang

phen này bị thất tình có lẽ đến điên. Suốt ngày chàng kêu khóc, và gục đầu xuống một cái áo dài hầy còn thoang thoảng hương thơm của người đàn bà bạc mệnh. Sự khổ não của chàng làm cho người ta tưởng rằng chàng yêu vợ lúc chết gấp trăm lần lúc sống! Chàng gọi những chuyện sầu thảm nào nùng đến với lòng như để xem sự sầu thảm nào nùng nó bao la đến bậc nào và ngày nào cũng như ngày nào chàng cũng ra ôm mộ vợ để kêu ca khóc lóc. Ngọn cỏ ở trên mồ vẫn chữa xanh. Bước một, cúi đầu, cõi lòng như tan tác, chàng đi ra cái bể đựng nước phép và lấy một cái gàu múc nước và kính cẩn tưới lên trên mộ để cho người nằm dưới đó được mát mẻ linh hồn. Đoạn chàng khóc than nước nức nở lên, cổ họng chàng như bị nghẹn, nước mắt chàng trào ra và như đốt cháy con người vậy. Nhưng sau những kỷ niệm êm đềm, những phút ân ái lúc vợ chồng còn sum họp dần dần trở lại với chàng và làm cho những sự đau lòng cũng êm dịu dần đi.

"Chao ơi, em ơi, chúng ta đã cùng dắt tay nhau đến đền Mỹ-đế ở trên hồ Bình Hoa để viếng mộ bậc trung thần và cả gã gian thần!"
- Đại Thông Thái Lang nhớ lắm.

"Hôm đó, Ngọc Hân nương, cũng như trăm nghìn người mộ đạo, đã toan rảy nước phép ở trên mộ bậc tôi trung. Nàng ra cái quán ở gần đó để mua nước, yêu kiều mỹ lệ làm sao! Tóc nàng, xức dầu thơm, bóng bẩy như là lông quạ, những cái trâm nạm ngọc của nàng và cái lược đồi mồi vén tóc nàng lên để lộ một cái gáy thành tân trắng nuột. Như thấy sự vuốt ve của tầm mắt của tôi, nàng quay lại mỉm cười và tôi nói với nàng rằng:

- Em ơi, em rảy nhiều nước lên trên mộ bậc tôi trung nghĩa kia đi, còn anh thì anh sẽ làm vấy bẩn cái mộ của gã gian thần bạc ác. Cái đó đã thành ra tục lệ: nước tốt thì để mà dùng cho linh hồn của những bậc anh tài mà cái gì

xấu thì giữ lại cho những người đê tiện.

Nàng quỳ xuống một cách rất nên thơ. Hai mắt đen lay láy như hột nhãn của nàng đầy một tình thương sót. Và nàng khẽ trách tôi:

- Không, anh ạ, những người ác cũng như những người hiền, một khi đã nhắm mắt, không còn khác nhau gì nữa. Linh hồn của những người tội lỗi, em tưởng ta lại cần phải an ủi hơn là linh hồn của những bậc sĩ hiền. Nếu đứng vào địa vị của anh thì em sẽ rảy một ít nước lên trên mộ này, anh ạ. Ta chớ nên đùa ở trước linh hồn của những người đã khuất.

Ngọc Hân nương ơi, em đã sống, em đã được mẹ cha chiều chuộng, em không hề bao giờ lại biết sự đau khổ và lòng thù hận nó thế nào. Em chính là một viên ngọc quý giá vô cùng, em mềm mại như một con chim vô tội, em đem một tấm lòng trong trắng để yêu cả

cuộc đời mà ta đã chung sống với nhau. Ở trong khung tóc đen lay láy như mun của em, hai cái đồng tiền lúc nào cũng làm tăng vẻ của đôi má đỏ như hoa đào vậy. Nhan sắc của em tươi thắm như là một buổi sáng mùa xuân. Chao ôi, người con gái của mùa xuân ơi, đời em vẫn vởi nào có khác gì cái mùa trẻ đẹp vui tươi ấy. Em hồ nở ra thì đã tàn quách mất rồi. Em chết. Không, không, cái hình dáng của em, cái kỷ niệm của em mãi mãi sẽ như một cành hoa, một mầm thắm, ở trong tay anh, em ạ!"

Cõi lòng đầy tiếc nhớ, thảm thương, Đại Thông Thái Lang đứng dậy, không nghĩ nữa và lang thang đi ở chung quanh hồ Bình Hoa mà nói một mình rằng:

"Hồ hời hồ, đã bao nhiêu thi sĩ đã ca tụng vẻ thần tiên của hồ; nào là những buổi chiều xuân, tiếng chuông chùa Mỹ Đế làm rung động cái không khí đầy hương đầy hoa và

tiếng chim hoạ mi ca hát ở trong những rừng
anh đào hoa nở tung bừng như một buổi bình
minh; nào là những đêm hè nóng bức mà
chòm thông cô độc ở trên đồi Kha-la-sỹ lại
còn ưa nhìn hơn những đoá hoa trăm sắc, và
khi người khách bộ hành, đi dưới chân dãy
Hoang-san, đưa tay ra vút quạt đi để tận
hưởng sự rạn rày của gió mát lùa vào những
cành cây bên hồ.

Hồ ơi, sau những bài thơ như bướm của nhà
thi sĩ Bảo Sơn Lang, còn ai lại dám nghĩ đến
sự đề vịnh những buổi chiều thu ở bên hồ
Diên Tá, những đàn ngỗng trời bay ở dãy núi
Cao Kha hay những đêm trăng đẹp ở trên Hỉ
Mã Sơn, những dải tuyết trắng tinh ở trên
đỉnh Huyền Sa kéo dài những ngày mùa đông
tháng giá ngán ngủi trong khi thuyền bè trôi
mất hút ở trên mặt nước mịt mù của Hải
Bang giang".

Đại Thông Thái Lang mến yêu những cảnh

hữu tình đó nó đã chứng kiến biết bao nhiêu kỷ niệm của chàng. Ngày nào cũng vậy, vào lúc mặt trời bóng xế, chàng cũng chấp tay sau lưng đi bước một ở trên hồ, mặt mũi sầu thương, làm cho người nào trông thấy cũng phải ngoảnh đi, không dám nhìn lâu nữa. Thế rồi chàng bỏ cái căn nhà mà chàng đã hưởng một năm trời hạnh phúc với Ngọc Hân nương, căn nhà mà mỗi đồ vật lại nhắc nhở một cách chua chát đến cái chết của người vợ quý: nào là cái bàn trang sức mà mọi khi nàng vẫn cố trau dồi nhan sắc để làm vừa ý người yêu, nào là những hộp sơn và những hộp đôi môi đựng phấn son; nào là những cái gương nàng đã soi; nào là những đôi giày da thỏ xinh xinh; nào là... nào là... tất cả những vật dụng mà tay nàng đã cầm hay là mắt nàng đã nhìn rồi; cả khí trời nữa cũng là khí trời nàng đã thở!

Đại Thông Thái Lang ở ẩn trong một ngôi nhà sơ sài, ngay trên đường cái đi từ Hốt Sủ đến

hồ Bình Hoa. Tuy vậy, ký ức của chàng vẫn không để cho tim óc chàng rời những chuyện đã qua.

Mùa xuân đã qua rồi, con chim cá, - mà trong văn thơ Nhật vẫn bảo là tiếng kêu thương của mặt trăng, - kêu ra máu. Cũng vậy, Đại Thông Thái Lang kêu khóc người vợ bạc mệnh của chàng và dần dần thất thanh đi. Cái cười và sự vui vẻ của chàng không đến với chàng nữa cho tới rạng ngày hội lễ Quần Tinh. Ngày mai đây, nếu trời đẹp thì Chức Nữ sẽ đi qua giải Ngân Hà để gặp Ngưu Lang. Đại Thông Thái Lang, lẫn lộn ở trên mồ vợ, nói với nàng như lúc còn ở trên trần:

- Ngọc Hân em ơi, ngày mai đây là ngày hội của Ngưu Lang, Chức Nữ. Năm ngoái, em nhớ không, em lo sợ vì mây úa quá và em đã cầu phật trời đừng mưa để cho đôi lứa ấy gặp nhau. Em đã dệt biết bao bài thơ thần ở trên giấy ngũ sắc và cắt những hình người hình

thú để treo lên ngọn tre trước cửa nhà để chúc cho hạnh phúc và trời đẹp! Thế mà... thế mà năm nay em không còn; số phận anh không bằng Ngưu Lang bởi vì Ngưu Lang Chức Nữ một năm còn gặp mặt nhau một lần, chứ như anh đây, thì mãi mãi, mãi mãi... Chao ôi, sâu khổ biết bao! Ngày và ngày, anh lại đến nơi này và chờ đợi em không nản cho đến mười năm nữa, anh cũng không mong gì được thấy em.

Tám lòng sâu khổ hơn thường nhật, Đại Thông Thái Lang đi thơ thần không thiết gì để ý đến thời gian. Sau rốt, chàng định quay về thì bóng tối lúc ấy đã rải rác ở dưới bóng cây, trên đồng ruộng. Con đường đất nằm dài ở trước mặt chàng như một dải lưng dính quần lấy người chàng. Chàng thấy những cây sòi ngả những bóng đen nặng nề ở vòm trời, như ở trên một bức tranh thủy mặc! Buổi hoàng hôn làm cho cảnh vật có một vẻ mơ hồ huyền ảo, ánh sáng còn sót lại của ban ngày đổi

khác hẳn thôn quê và làm thành một thế giới vô cùng rùng rợn. Những con dơi bay là là mặt đất và chạm cánh vào vai khách bộ hành đi chơi về khuya quá.

Hôm nay, chàng về hơi chậm hơn ngày thường. Mọi khi ở đây, chàng vẫn gặp một con sen ngồi rửa bát ở khe suối, dưới cây lê liễu, cạnh một căn nhà trắng bệch một cách phi thường. Hôm nay, nó đã về rồi, và chàng lấy thế làm sợ hãi, chàng ôm đầu chạy, chạy thực nhanh.

Không bao giờ đường về đối với chàng lại xa thẳm như thế này. Chàng chạy mãi, sau tới một cái miếu u uất mà chàng chưa hề thấy bao giờ cả. Hay là chàng nhầm đường rồi? Tuy vậy, chàng cứ tiến và sau cùng đi tới một cái cổng rất tiêu điều, cột kèo xiêu vẹo trông có vẻ thô lương gớm ghiếc. Những cái tường bằng đá xám, có rêu bám từng chỗ lại nứt ra một cách thô thảm, những cái cửa sơn đã một

dóc cả sơn rồi. Người ta lơ mơ nhìn thấy ba chữ đại tự này ở phía trên: "Tào Sơn điện" sơn son thếp vàng nhưng vì đã lâu ngày nên chỉ còn trơ những vết sơn then, một đục. Đại Thông Thái Lang nhìn vào trong, qua những cái liếp cửa ngang thì thấy cỏ hoang mọc khắp nơi, bìm sậy trèo lên mái mà đèn thì vắng ngắt, không có một tiếng động, không có một bóng người lui tới. Vừa rợn vừa lo, chàng thấy một cái gì ghê gớm ở trong cái điều tàn, cô quạnh, chàng bèn chạy, chạy ở trong bóng tối yêu ma, nó đuổi theo chàng và túm tóc gáy chàng lôi lại. Chàng tưởng như nghe thấy những tiếng động khẽ ở đằng sau, chàng quay vụt lại để nhìn xem cái gì đang đuổi mình ở trong cái cảnh tĩnh mịch đang say sưa trong giấc ngủ.

Một người đàn bà tuyệt thế ở trong bóng tối từ từ đi ra. ^[2]

Người đàn bà ấy đẹp một cách nào nùng và

mặc một cái áo dài rất chần thêu toàn những hoa lá mùa thu giống màu những hoa lá mà nàng đi qua, vừa hồng nhạt mà lại vừa xanh xám. Dáng điệu của nàng rất phong tình mà sắc đẹp của nàng thì không có một tí gì tỏ ra là cái sắc đẹp của người dương thế: mặt hoa da phấn hình như là đeo ở trong ngà, lông mày vòng nguyệt xinh xinh có một vẻ quỳên rũ lòng người lạ. Đôi mắt nàng như chan hoà những lệ và dầu thơm mà nàng xúc ở đầu chắt đã khô nên tóc nàng bay theo gió và xoà cả xuống cái trán thanh tân, trắng mịn.

Đại Thông Thái Lang như ngây như dại, đứng nhìn nữ lang kia không chán mắt: chàng thấy một mối lo sợ, sợ người đàn bà kiều diễm có cái nhan sắc vừa làm cho chàng hãi mà lại vừa làm cho chàng thêm đỏ tan đi mất! Sau cùng, chàng nghĩ thầm nếu cứ trăn trăn ra mà nhìn nữ lang như thế thì cũng có điều bất nhả nên quyết định phải hỏi một đôi lời:

- Thừa tiểu thư, kẻ này có lời xin lỗi tiểu thư. Chắc tiểu thư cũng ra tỉnh như tôi. Tôi đi chơi thơ thẩn ở bên hồ Bình Hoa và lúc về, tôi quá bước nên quên mất đường.

- Thừa ngài vâng, thiếp ra tỉnh với con hầu bởi vì ngày mai đây là ngày hội Quần Tinh, mẹ già thiếp sai thiếp đi mua vài thức cần để ngày mai nhà cúng.

Nói đoạn, nữ lang quay lại bảo con hầu:

- Đêm khuya mà đường vắng, cô cháu mình lại gặp được tiên sinh đây cùng đi, thực là may quá, may quá.

Rồi lại hỏi Đại Thông Thái Lang:

- Dám hỏi tiên sinh, như thế có tiện không? Tiên sinh bằng lòng để cho chúng tôi cùng đi một thể cho vui chứ?

Đại Thông Thái Lang thấy lòng mừng khắp khởi, và không khách sáo gì hết, chàng cùng với nữ lang đi song song ở trên con đường vắng vẻ kia, theo sau là đứa nữ tỳ mặc thanh y, trông in hệt một con búp bê bằng vải mịn, có một cái mặt không hồn, có cái miệng, cái mũi và đôi mắt như dẹt vào trong lụa.

- Thừa tiểu thư, tiểu thư ở gần đây?

- Dạ, thưa vâng, ở gần đây, sau cái miếu cổ này.

- Cái miếu cổ đìu hiu vắng vẻ này, chắc là không có ai ở cả?

- Thiếp không rõ nhưng hình như có một vị tăng già và một chú tiểu tu ở đó.

- Thừa tiểu thư, cái cảnh thôn dã này buồn day dứt cả ruột gan. Đối với một người đàn bà đẹp như tiểu thư, một cảnh trí như thế

thực là vắng vẻ quá, đều hiu quá.

- Chao ôi, thưa tiên sinh, ngài cứ dạy quá lời, chứ nhan sắc của tiện nữ này liệu đã được bằng ai. Thiếp biết: phu nhân ta ở nhà còn đẹp gấp trăm, gấp nghìn.

Đại Thông Thái Lang giật mình:

- Vậy ra tiểu thư cũng biết đến tiện nội sao?

- Sao lại không? Ở Hốt Sử này, còn người nào lại không biết Ngọc Hân nương và gia quyến của nàng. Thực là một người đàn bà tuyệt sắc, chỉ có thể đem ví với một cánh hoa mà thôi.

Người đàn ông khốn nạn cúi đầu xuống và nói lầm bầm rằng:

- Chao ôi, nàng đã chết giữa mùa xuân tươi thắm!

- Thiếp đã biết, và thiếp biết cả rằng ngày nào tiên sinh cũng ra mộ để cầu nguyện và than khóc. Tiên sinh thực là một người chồng thủy chung khả ái vô cùng. Ngọc Hân nương đã chết rồi, nhưng chắc ở dưới suối vàng, nàng cũng được ngậm cười sung sướng.

Tiếng nói của nữ lang rung động một sự ham muốn và một cái như là cái thích làm vừa ý người bạn đồng hành. Vốn không quen nghe những lời nói ngọt ngào tâng bốc, ^[3] Đại Thông Thái Lang thấy máu chạy mạnh ở hai bên gò má, chàng ngượng ngịu trả lời một cách rất du dương:

- Thừa tiểu thư, người đàn ông yêu kính tiểu thư, chắc còn sẽ làm vui lòng tiểu thư hơn là tôi đã làm cho Ngọc Hân nương nhiều lắm. Tôi chắc vậy.

Nữ lang dừng bước lại, nghiêng đầu: nàng có

về âu sâu hơn trước và cắn hai cái môi hồng lại, - hai cái môi điểm lệ mà phong tình thay, nó nhuộm một màu son phấn ửng nhìn, nhưng đã hơi khô một chút.

Đại Thông Thái Lang đoán chừng nàng kia đương có một mối sầu u ẩn trong lòng; chàng bần khoản và đổi câu chuyện chàng đương nói:

- Thưa tiểu thư, tiểu thư đoán ngày mai hội Quần Tinh có vui không? Và trời ra thế nào? Đêm nay, mây trời hơi vẫn đục. Chẳng biết đến mai, tiểu thư có lại còn đi ra tỉnh nữa không...

- Cái đó, thiếp không lấy gì làm chắc lắm. Bởi vì mẹ già thiếp ở nhà nghiêm khắc vô cùng, sở dĩ hôm nay thiếp được phép đi như thế này cũng là vì bà ốm, thiếp phải thay chân để đi mua đi bán những thức cần dùng vậy.

- Hôm nay, tiểu thư phải đi mua bán thế này thì tôi tưởng đêm mai tiểu thư rất có thể xin phép cụ "thưởng công" cho phép đi ra tỉnh bởi vì đêm mai là đêm hội của tất cả bàng dân trong nước.

- Vâng. Thưa tiên sinh, nếu ngộ thiếp được đi xem hội thì sao?...

- Thì tôi sẽ lại đưa tiểu thư đi, như hôm nay chứ gì! Tiểu thư bằng lòng không? Tiểu thư biết nhà tôi rồi thì phải. Nhà tôi ở trên đường, trước cửa là một rừng cây lệ liễu. Vậy, đêm mai, tôi có thể cứ chờ tiểu thư ở dưới bóng lệ liễu, phải không?

- Chẳng dám giấu tiên sinh, thiếp không thích đi xem hội bởi vì đông người quá.

- Nếu thế càng hay. Mời tiểu thư quá bộ lại nhà tôi chơi vậy.

- Ô! thiếp! thiếp lại đến nhà tiên sinh mà làm gì?

Nhưng nữ lang lại tiếp ngay:

- Nói thế mà thôi, chứ đến làm sao mà không được?

Đôi má nàng không đỏ lên vì máu động ở đó nhiều, nhưng đôi mắt huyền bí của nàng liếc nhìn Đại Thông Thái Lang thì đầy một vẻ tình tứ, dịu dàng và náo nức.

Sáng sớm hôm sau, Đại Thông Thái Lang dậy thực sớm và thấy cõi lòng thên thàng lắm, như đã lâu nay chàng chưa thấy bao giờ. Suốt một ngày, chàng quét dọn nhà cửa và xếp đặt những đồ vật ở trong nhà cho có vẻ thật ưa nhìn. Chàng đặt cái này, chàng xếp cái nọ đến hàng trăm bận mà vẫn như không bằng lòng. Đến chiều, chàng tắm rửa thực cẩn thận và chải đầu xức tóc cho thực đằm dáng, đoạn đi

ra mặc lấy một cái áo lông lấy nhất bận vào, cái áo mà từ khi vợ chết chàng chưa bao giờ nghĩ lấy đem ra mặc. Rồi chàng ra ở dưới gốc lệ liễu đợi người nữ lang tuyệt sắc mà sự tình cò đã cho chàng gặp gỡ đêm qua.

Giải Ngân hà in rõ ở trên nền trong xanh như một giải giây lưng dát bạc, phong cảnh hữu tình trong cái lặng lẽ đìu hiu của đêm khuya, những tiếng vang của hội hè đưa lại tung bừng rộn rịp: tiếng cười, tiếng nói, tiếng náo bạt, tiếng thanh la, tiếng chiêng, tiếng sáo hoà với tiếng đàn "sa-mi-sen" náo nức... Ở dưới mái nhà, trong một góc tường kia, - như báo một cái điềm bí mật, như báo một cái tai nạn vậy, - một con nhện lớn đương dăng tơ chăm chỉ lắm.

Ngay lúc ấy thì người láng giềng của Đại Thông Thái Lang là Kim Tứ Lang ở trong nhà đi ra, và hỏi đến sức khoẻ của người thanh niên goá bụa:

- Kính chào Đại Thông tiên sinh! Hôm nay tiên sinh ăn bận đom dáng lắm, chắc tiên sinh đi xem hội cho tiêu sầu thì phải. Tôi hoan nghênh ý kiến tiên sinh lắm lắm.

Kim Tứ Lang là một ông thầy tiên định đã lừng danh. Ông đoán vận hạn, xem tướng bói giỏi nhất thời bây giờ và có thể xem tay và lấy số để biết những việc cát hung bí hiểm nhất, nhiều khê nhất.

Ông mình hạc xương mai và râu ria đã bạc trắng cả ra rồi, nhưng đôi mắt vẫn tinh anh và quắc thước, một nụ cười luôn nở trên môi làm cho hai má nhăn nheo lại.

Kim Tứ Lang chăm chú nhìn người bạn láng giềng. Đại Thông Thái Lang trả lời rằng:

- Xin kính chào Kim tiên sinh! Kẻ hậu sinh này hôm nay không đi xem hội, kẻ hậu sinh

này hôm nay có một người đàn bà đến thăm.
Thế cũng là hội chứ gì?

- Kỳ thú! kỳ thú! Tiên sinh nghĩ chí phải. Phải, phải ta phải đổi cuộc đời đi chứ cứ sâu bi mãi thì bị ám ảnh hoài, chẳng làm được việc gì, tiên sinh ạ. Nói thực với tiên sinh, tôi rất lo sợ cho tiên sinh. Có một hôm, tôi xem tướng cho tiên sinh thấy tiên sinh sắp gặp một cái tai nạn đấy. Phải coi chừng một chút, rồi cũng qua khỏi được.

Nói đoạn, Kim Tứ Lang vượt râu thi lễ rồi đi xem hội, trong khi Đại Thông cứ đứng ở dưới gốc lê liễu để trông chờ vị nữ lang. Trên đường, thiên hạ kéo nhau đi tấp nập; từng đoàn trai thanh gái lịch xách đèn đi và cười nói huyền thuyên. Mãi tận đến khuya mới vắng người; cảnh thôn dã lại chìm vào trong bóng tối lặng lờ và tĩnh mịch. Chỉ còn có cái cửa sổ chiếu một thứ ánh sáng vàng xuống bóng tối của đêm khuya.

Đại Thông Thái Lang không ngừng mắt nhìn con đường mà vị nữ lang sẽ đến với chàng. Chàng thắc mắc và lấy làm nóng ruột. Đột nhiên, không nghe thấy một tiếng guốc nện ở trên mặt đất, Đại Thông thấy hiện ra ở giữa khoảng thình không một cái đèn lồng đỏ vẽ toàn hoa mẫu đơn rồi một tiếng người rung động nhỏ nhẹ ở bên tai chàng: "Xin kính chào tiên sinh!"

Dụi mắt, chàng nhìn thấy hai người thiếu nữ tiến lại phía chàng: người nữ tỷ cầm cái đèn lồng mắc vào một ngọn tre, và sau lưng thì là vị nữ lang, vẫn kiêu diễm như đêm qua, mà ăn mặc vẫn lộng lẫy như đêm qua vậy.

Thoạt tiên, Đại Thông cũng hơi lấy làm ngạc nhiên sao nàng không chọn một màu áo gì lạ để mặc vào ngày hội, nhưng sau vì sung sướng quá, thành cũng không nghĩ đến điều đó nữa. Chàng mời nàng vào trong nhà và rót

nước mời nàng, trong khi người nữ tỳ vẫn không nói một câu, xin phép chủ đi ra tỉnh. Những ngọn nến cháy rực rỡ và gió làm lay động những ngọn lửa chập chờn, bánh trái hoa quả xếp đầy cả những cái đĩa lớn và những cái khay sơn đỏ.

Sau khi đã bỏ màn màn xuống đầu giường cả rồi, chàng và nàng ngồi cạnh nhau ở trên chiếu rồi nàng kể cho chàng nghe về đời nàng:

- Em vốn sinh đẻ ở Na La và tên em là Giáng Tuyết. Thân phụ em vốn là nhà khoa cử mà lại giàu có nên chung quanh vùng em ở có nhiều đứa tiểu nhân nó thù hằn: một bọn người một hôm bèn cáo xưng thân phụ em đã giết người nên thầy em bị hình ngục và đã bỏ mình một cách khổ não ở trong chốn sâu thành đó. Em và thân mẫu em cực nhọc quá, không dám ở Na La nữa, đành phải bảo nhau về ở đây tự mùa xuân; mẹ em và em có ý định chọn nơi này bởi vì nơi này vắng vẻ, mẹ

em chắc chắn có thể sống một cuộc đời kín đáo, không bận rộn gì ai hết. Đến ở đây được ít lâu thì em gặp anh đi với vợ vào đền My Giang. Anh bận một cái áo như cái áo hôm nay, anh trông dễ thương quá và vợ anh thì đẹp và có vẻ vô cùng sung sướng. Chẳng dám giấu gì anh, em đã có lúc lấy làm ghen cái hạnh phúc của vợ anh lắm lắm...

Giáng Tuyết nói thế xong nhìn chàng một cách thơ ngây. Chàng nói:

- Em bảo gì? Đẹp như em sao em lại phải nói đến một câu như vậy?

Bằng lòng lắm, nàng cười:

- Em xin anh nhé. Anh đừng nên nói những điều anh không nghĩ.

Đẹp một cái đẹp say sưa, quyến rũ, Giáng Tuyết ngồi ở một chỗ tờ mờ tối sáng, cách xa

hắn ánh đèn mà hình như nàng có vẻ sợ sệt, có vẻ muốn xa lánh vậy. Cũng như đêm qua, vài sợi tóc loà xoà xuống mặt nàng. Đầu nàng hơi nghiêng nghiêng; nàng có vẻ tình nghịch; đuôi mắt của nàng rất êm dịu và chăm chú nhìn chàng trẻ tuổi như nói hết cả những điều mà nàng muốn giấu kín trong tâm. ^[4]

Nàng nói:

- Em đến chơi được với anh hôm nay thực cũng vất vả, gian truân quá.

Chàng hỏi tại sao.

- Em xin anh đấy. Em khổ tâm quá lắm rồi, anh đừng hỏi làm gì nữa cho em thêm đau đớn.

Nói đoạn, nàng đắm mình vào trong một giấc mơ não nuột, miệng lúu lại những câu không rõ, in như một đứa trẻ ngây thơ và lấy hai bàn

tay trắng như ngà ra vò nát cái áo nhẹ nhàng như mây khói.

Hôm nay, Đại Thông Thái Lăng có vẻ uống nhiều rượu "sa kê" hơn thường nhật nên hơi nóng bốc lên mặt bừng bừng và quả tim chàng đập mạnh; chàng chống tay vào cằm và chăm chú nhìn Giáng Tuyết có đôi bàn tay đẹp lúc ấy bắt đầu run bầy bầy. Nàng ngược mắt nhìn chàng và cười, trong khi chàng ngồi lại gần chàng mà khẽ nói dịu dàng rằng:

- Em ơi, anh yêu em ngay từ buổi gặp gỡ đầu tiên, ở bên ngôi miếu cổ. Chiều nay, anh trông đợi em không biết bao nhiêu và anh có cảm giác rằng nếu em lỗi hẹn thì... thì... Nhưng mà thôi, em đã đến với anh rồi, còn nói đến chuyện ấy làm gì nữa? Anh chắc rằng Trời đã run rủi cho anh được gặp em, hoặc chính là Ngọc Hân nương đã xui khiến ra như thế để gây lấy một mối hạnh phúc cho anh vậy. Áng chừng Ngọc Hân nương thấy anh thương tiếc

nàng quá nên đã muốn đem em đến để thay nàng. Nếu anh quả thực không có tư tưởng ấy trong đầu thì anh thề không bao giờ lại tiếp một người đàn bà lạ ở trong căn nhà này. Anh xin lỗi vì đã không thể thu xếp để tiếp em thực chu đáo, nhưng anh xin nói để em biết anh còn quý em hơn là anh đã quý Ngọc Hân nương nhiều lắm. Nay, em xem trái tim anh đập vì em.

Đại Thông Thái Lang cúi xuống và hôn vào cái cổ ngà ngọc của Giáng Tuyết lạnh lẽo như thể là băng vậy.

... Giáng Tuyết thở nhẹ nhẹ và ôm lấy chàng...

Đêm lúc ấy đã khuya. Xa xa, chỉ còn tiếng ếch ương và tiếng dế kêu sâu ở trong khoảng đồng quê vắng vẻ. Những tiếng vang dội của đám hội từ phương tây đưa lại nhỏ dần, nhỏ dần; thỉnh thoảng lắm người ta mới lại nghe thấy tiếng đàn "sa-mi-sen" náo nức như là

tiếng khóc.

Giờ này, chẳng hiểu tại sao con nữ tỳ vẫn còn ở ngoài tỉnh chưa về?

Cửa phòng khách mở rộng. Ở buồng bên, hé lộ một bức màn xanh diềm đỏ như chờ đợi, như sẵn sàng chờ đợi... Những cái gối xếp răn chắc cũng bọc lụa màu: đó là cái kỷ niệm cuối cùng của Ngọc Hân nương để lại. Ngọn nến để trên bàn sắp tắt, reo lên ở trong khoảng đêm khuya và Đại Thông Thái Lang ôm chầm lấy vị nữ lang kiều diễm. Nến tắt hẳn. Ở ngoài, cái đèn lồng mẫu đơn mà con nữ tỳ để lại chiếu căn buồng bằng một thứ ánh sáng đỏ tờ mờ...

Cặp uyên ương đứng dậy: người ta không thể nói trong hai người, ai đã đi trước đến những đệm êm chăn ấm và những cái gối xếp bọc bằng những thứ lụa êm mềm, mát dịu....

Sáng hôm sau, Đại Thông Thái Lang không ra nghĩa địa thăm vợ nữa và từ đó trở đi, cứ mỗi buổi chiều vào khoảng giờ Thân giờ Dậu thì Giáng Tuyết lại đến với chàng, bí mật và kỳ dị, theo sau vẫn có con hầu quái lạ trông giống hệt một con búp bê bằng vải và không bao giờ rời bỏ cái đèn lồng mẫu đơn...

Đại Thông Thái Lang bắt đầu một cuộc đời kỳ lạ, suốt ngày chỉ ngủ, ngủ những giấc ngủ nặng nề có toàn những ác mộng đến thăm. Chàng yếu sút trông thấy. Ông cụ bên hàng xóm, Kim Tứ Lang, nhận rõ điều này, hết sức để ý đến Đại Thông và một buổi trưa mùa thu nọ, đập cửa nhà Đại Thông mà gọi Đại Thông trở dậy.

Mặt trời đã lặn dần về phía trời tây, Đại Thông Thái Lang nằm nghỉ trong buồng kín. Nghe tiếng ông già gọi, chàng giật mình choàng dậy.

Mắt hãy còn nặng trĩu, chàng bước ra vườn ngồi bên cạnh Kim Tứ Lang. Giấu hết mọi lo âu, Kim Tứ Lang thản nhiên nói:

- Chào Đại Thông tiên sinh, cả ngày tôi không thấy tiên sinh đâu. Ngài làm sao thế?

- Tôi hơi bị mệt và trở nên lười tẻ.

Nhận thấy da mặt vàng như nghệ và kém sinh khí của chàng, Kim Tứ Lang nói tiếp:

- Đó là điều rất thường, khi người ta đã trở lại có nhân tình. Nhưng tại sao tiên sinh trông mệt mỏi và gầy thế? Tiên sinh hãy tha lỗi cho tôi đã đường đột nói đến chuyện riêng của tiên sinh nhưng vì tôi mến phục tiên sinh mà phải nói đến và xin tiên sinh hãy bảo toàn lấy quý thể.

Kim Tứ Lang hút một hơi thuốc. Chàng tin chắc có điều gì bất thường xảy đến bèn nói:

- Tôi gây lăm thực ư? Ông làm cho tôi sợ!

Tiên sinh sờ lên má bằng đôi tay xanh muốt như bàn tay kẻ chết rồi.

Kim Tứ Lang bỗng nói to lên:

- Thật là lạ! Tiên sinh để tôi bói một quẻ xem.

Nói đoạn, ông lấy ở túi áo ra những cái thẻ nhỏ bao giờ cũng mang theo đi, rồi ông cúi đầu xuống khăn, mắt nhắm lại vớt bó thẻ xuống đất. Rồi ông mở mắt ra, ngả người xuống, chăm chú nhìn như để tìm cho ra bí mật; rồi, với một điệu bộ thất vọng, ông giơ tay lên, rên rĩ:

- Trời ơi! một tai nạn lớn. Tiên sinh sẽ chết trong vài ngày, hay vài tháng nữa thôi.

- Ôi!... Đại Thông Thái Lang kêu lên được

một tiếng ấy, mặt tái đi.

Hai người bạn đều lặng yên hăi hùng, nhưng chỉ trong một khoảnh khắc.

- Nếu tiên sinh có quý đến sinh mệnh thì hãy trả lời rất thành thật những câu hỏi của tôi. Tôi biết rằng cứ đêm đêm thì lại có một người lên đến tìm tiên sinh. Có lẽ đó là nhân tình tiên sinh. Tiên sinh biết người đó đã bao lâu nay rồi.

- Trước ngày hội Quân Linh ạ!

- Có phải nàng đến với tiên sinh lần thứ nhất nhằm đúng hôm hội phải không? Tôi hãy còn nhớ nàng đến với tiên sinh đêm ấy với một chiếc đèn lồng?

- Vâng, nàng đi với một nữ tỳ đem theo một chiếc đèn lồng ạ.

Đôi mắt chàng mơ màng như nhớ đến cuộc gặp gỡ ban đầu.

- Tiên sinh gặp nàng ở đâu?

- Gần đền Mỹ Hoa mà tôi đi nhầm đường trở về lối hồ Bình Hoa.

- Mỹ Hoa?... Có phải cái đền ấy ở về một miền nhà quê hẻo lánh, chung quanh không có nhà cửa gì phải không?

- Thế tên nàng là gì vậy?

- Tên nàng là Giáng Tuyết. Hình như tôi đã nói cả với tiên sinh rồi thì phải. Phải, đúng đấy. Nàng nói với tôi rằng nàng vốn là con một nhà danh gia vọng tộc, nhưng mẹ nàng và nàng bắt buộc phải ở cách xa thành phố.

- Thật ư? Tiên sinh không lấy làm lạ một thiếu nữ dám bỏ nhà đi một mình mà chỉ đi ban

đêm chứ không đi ban ngày?

- Có chứ! Tiên sinh hãy nghe tôi kể chuyện nàng. Cha nàng là nhà nho. Nàng được nuôi dạy trong một nền giáo dục khuôn mẫu. Mẹ nàng rất nghiêm không cho nàng ra ngoài dù đi với một nữ tỳ. Vì thế nàng phải trốn đi ban đêm. Khi mẹ nàng ngủ, nàng trèo qua cửa sổ để ra đi. Đó là những điều nàng thuật với tôi khi gặp gỡ.

- Chao ôi! Nàng trèo qua cửa sổ, tiên sinh mê nàng quá. Với tôi thì thật là quái dị, gặp gỡ một thiếu nữ ở ngôi đền hoang tàn, rồi đến nhà người ta một cách dễ dãi ngay tối đầu! Tôi chẳng thấy đôi bàn chân nhỏ xíu ấy trèo qua cửa sổ, và thưa tiên sinh những điều ấy thật là bất thường. Tiên sinh hãy tả cho tôi biết mặt mũi nàng ra sao? Ăn mặc thế nào?

- Nàng đẹp một cách lạ thường, dù nét mặt có đượm một vẻ buồn triền miên. Nàng chỉ

bạn một thứ áo và không bao giờ thấy thay đổi... Quả thật, tiên sinh làm cho tôi phải suy nghĩ... Cho đến con nữ tỳ cũng chỉ mặc nguyên một thứ áo mà thôi. Hôm nào nàng và con nữ tỳ cũng đến đúng giờ ấy, mang theo cái đèn lồng ấy; và con nữ tỳ không hề mở miệng nói một câu. Tôi tưởng nó câm, tiên sinh ạ.

- Câu chuyện mỗi lúc lại thêm lạ lùng!

Kim Tứ Lang nghĩ đến sự bí mật ấy và tự hỏi không biết hai thiếu nữ ấy là ai? Còn Đại Thông tiên sinh cũng không tin được nàng Giáng Tuyết một nữ lang đẹp như thế lại có thể cầm được sinh mệnh mình ở trong tay.

- Đại Thông tiên sinh, bây giờ đã đến lúc ta phải quyết định rồi. Ta phải tìm cho biết ngay gốc tích nữ lang ấy, nếu không tính mệnh tiên sinh chẳng khác gì ngọn đèn trước gió. Vậy tiên sinh đã có ý kiến gì chưa?

Trán ông già răn lại vì suy nghĩ:

- Nhà tiên sinh chỉ cách nhà tôi có một bức tường thôi, phải không?

Chàng thanh niên gật đầu.

- Như thế thì tôi sẽ quay về nhà đục một lỗ tường để có thể trông sang xem cái người con gái đáng sợ ấy xem sao. Tôi van tiên sinh hãy xa ra. Thôi xin phép tiên sinh tôi về vì đã muộn.

Nói đoạn Kim Tứ Lang nhặt đũa, cầm điều thuốc ra về.

Ngoài vườn mây cụm hồng rung động dưới làn gió nhẹ. Đại Thông Thái Lang trở dậy bước nặng nề vào nhà trong.

Ngày hôm sau vừa mới bình minh, Kim Tứ

Lang đã sang gõ cửa ông bạn hàng xóm. Trông thấy chàng thanh niên, ông thốt lên một câu kinh ngạc:

- Ô, hãy còn sống! Mở toang cả các cửa ra cho ánh sáng vào.

Lần này Đại Thông Thái Lang tỉnh táo lắm.

- Thế nào, ông có trông thấy nàng Giáng Tuyết của tôi không? Nàng là ai? Hôm qua nàng đưa cho tôi một nhành hoa lê. Ông trông đấy, nàng có thật và tôi có bị hại gì đâu. Không sợ!

Nói câu ấy, ông cười có vẻ khoái trí và lấy tay trở nhành hoa để trên cái bàn gỗ gụ đen bóng như là mun vậy.

Kim Tứ Lang trông mà ngạc nhiên vô cùng.

- Tiên sinh ơi! hãy tỉnh ngộ lại. Ngủ nữa đi, và

tiên sinh thử ngắm mà xem. Tiên sinh há chẳng biết mùa thu thì làm gì có hoa lê, có chăng chỉ có hoa hoắc lê là cùng.

- Quả thế, khi nàng Giáng Tuyết biểu tôi nhành hoa, nàng cũng đã nói rồi: "Em đưa đến cho anh một đoá hoa buồn, em vẫn biết anh thích hoa đào hơn. Sau này anh sẽ gặp gỡ một bạn tình vui tính và chắc rằng anh sẽ quên em ngay". Rồi nàng ngả đầu vào vai tôi mà khóc. Tôi an ủi nàng xin nàng đừng có ngờ vực một điều nhỏ mọn, tôi yêu tất cả các thứ hoa mà bông hoa tôi yêu hơn cả thì là nàng vậy.

Nhưng có điều Đại Thông không nói ra và không nghĩ đến là trong tháng này thì chẳng vào vườn nhà nào lại có hoa lê nở. Một sự lo sợ hãi hùng xâm chiếm lòng chàng, hai tay chàng nắm chặt lấy ông thầy tiền định mà hỏi:

- Vậy ông có thấy cái gì khác thường không?

Ông làm tôi kinh khủng quá.

- Tôi phải nói cho tiên sinh biết cái sự thật hãi hùng ấy. Phải có can đảm mà nghe mới được, vì tôi muốn cứu tiên sinh. ... Thiếu nữ đến với tiên sinh chết đã lâu lắm rồi! Tay tiên sinh sờ vào thây ma, môi tiên sinh hôn thây ma!... Khi tôi trông thấy người yêu tiên sinh đưa biểu cảnh hoa lê tôi đã định kêu lên. Nhưng trấn tĩnh được, tôi muốn tìm cho ra cái bí mật, với cái tinh thần của tôi, tôi có thể cho tiên sinh biết được nàng Giáng Tuyết chỉ là ma hiện ở nghĩa địa lên. Tiên sinh si tình thấy nàng đẹp để duyên chuyển, tôi thì tôi thấy ghê sợ và kinh tởm.

Đại Thông hoảng sợ nín lấy áo ông già lạy van xin cứu cho sinh mệnh, nếu còn kịp thời giờ.

- Đêm ấy tôi không ngủ, tuy suy nghĩ lắm. Chắc chắn thế nào tôi cũng tìm cho ra cái bí mật ở ngôi đền hoang kia. Nhưng vì nghề của

tôi, bọn sư sẽ tìm cách làm khó dễ, thì tiên sinh đi thay tôi. Ngay hôm nay, tiên sinh đến dò hỏi người sư một cách khôn khéo để họ khỏi ngờ gì mình. Tôi chắc có một sự bí mật ghê gớm ở ngôi đền ấy. Tiên sinh phải vội đi ngay, làm thế nào vào đền được trước khi mặt trời lặn. Tôi nóng lòng chờ tiên sinh quay về, khi đã biết được tiên sinh thấy những gì, tôi sẽ tùy cơ cứu tiên sinh.

Đại Thông có cái cảm tưởng như mình không còn sống nữa. Dù sao chàng cũng cố sức sửa soạn ra đi thật nhanh.

Một bụi rậm gai góc chắn lối vào đền. Đại Thông không dám vượt qua, phải gõ cửa gọi. Một nhà sư già lắm, gầy đét, bận một cái áo đã bạc màu lộ mình ra ngoài cửa sổ và hỏi:

- Ông hỏi gì thế?

- Bạch cụ, cụ tha lỗi cho câu hỏi tò mò, ở đền

ta đây có bao nhiêu vị tăng ni?

Trông thấy bộ quần áo sang trọng của Đại Thông, nhà sư dịu dàng nói:

- Thừa tiên sinh, ở đây chúng tôi có hai người thôi, tôi và một tên tiểu. Ngài trông đấy, ngôi đền điêu tàn lăm, khách thập phương không hề để chân đến lễ.

- Thế có nhiều người làm ma chay gì không?

- Bây giờ thì không có nữa. Tuy vậy, cách đây không bao lâu cũng có một đám. Vâng, đúng hai tháng, đám ma một thiếu nữ. Mà nàng thì tôi cũng không thấy đến lễ bao giờ.

- Thế nàng không phải là người vùng này sao?

- Vâng, mẹ nàng nói ở mãi tận Nam Hải. Người con gái đi dọc đường bị ốm và khi đi

đến cái quán ở gần hồ thì chết.

Đại Thông nghe mà muốn tắt thở, cổ chàng khô lại. Chàng lại hỏi:

- Thế bạch cụ, cụ có còn nhớ được tên thiếu nữ không?

- Hình như tên nàng là Giáng Tuyết.

- Giáng Tuyết?...

- Vâng, thực về dòng họ Ngân Điền. Nếu ngài muốn biết rõ nữa, tôi sẽ chỉ để ngài biết quan tài nàng, vì hãy còn để trong đền này. Mẹ nàng giao cho tôi trông coi cái quan tài ấy mà đã hai tháng giờ nay rồi, họ hàng cũng không có ai đến nhận. Không được phép, tôi không dám chôn. Ông sẽ thấy ở ngay trên cái quan tài có treo một cái đèn lồng rất đẹp.

Đại Thông run lên như là ở trước gió thu, hai

hàm răng đánh vào nhau cầm cập, chàng muốn té xỉu xuống. Tuy vậy chàng cũng cố hỏi thêm được một câu.

- Cụ có thấy sự gì thay đổi lạ lùng ở trong đền hay không?

Vị sư già không hiểu gì, mở to đôi mắt sợ hãi, và nghĩ có lẽ người này điên chẳng, bèn giả lời một câu có vẻ đùa cợt:

- Không, không, chẳng có gì cả. Tuy vậy mà mỗi tối cũng mất một cây nến. Tôi chắc lại chú tiểu ăn cắp để bán lấy tiền mua bánh, nếu không phải là chú chuột gặm đi.

Nghe xong Đại Thông lạnh toát cả người. Chàng bỏ chạy quên cả chào vị tăng già đứng sừng sững ra đây vừa buồn cười vừa lạ.

Kim Tứ Lang mỗi chiều lại làm bùa yểm, tự đi dán ở các cửa ngõ nhà Đại Thông. Như

thể ma sẽ không đến trêu được. Ông lại cấm Đại Thông bất cứ vì một lẽ gì cũng không được ra khỏi cửa trong hai mươi một ngày, và cứ vào khoảng giờ Sửu phải đọc một bản kinh nhật tụng.

Linh hồn nàng Giáng Tuyết hẳn cũng có đến, nhưng chỉ lảng vảng ở ngoài không vào được trong nhà vì có những đạo bùa yểm rất linh nghiệm. Hai mươi một ngày vừa qua, Đại Thông đã quên dần nàng Giáng Tuyết và sức khoẻ đã hồi phục. Đông qua xuân đến, ngoài vườn sức nức mùi hoa thủy tiên, trên cây đào, hoa nở đỏ ối.

Trông hoa nở, Đại Thông lại trạnh lòng nhớ đến người vợ hiền xấu số và lấy làm hận đã chẳng được đi viếng mộ nàng.

Một hôm, người bạn thân, Bán Phúc tiên sinh, đến thăm chàng và rủ chàng đi du ngoạn.

- Ở nhà mãi làm gì? Cảnh trời sân lạn biết bao nhiêu. Cứ giam mình mãi thế này thì ốm mất. Chuyện ma làm ấy đã cũ lắm rồi.

Đại Thông khoác cái áo mỏng và bình tĩnh ra đi với bạn.

Người ta đã thấy cái khí nóng của tiết hạ. Ngoài đồng trăm sắc hoa đua nở; nhà cửa ẩn sau những bụi đào đỏ ối; chim hót riu rít trên nóc nhà; dưới bụi tre bên cái suối chảy như đàn, một con gà mái đang đi tìm ăn với đàn gà con. Chắc hẳn nàng Giáng Tuyết không còn hiện ra được nữa. Đại Thông lấy làm khoan khoái đã được dự một buổi du ngoạn thú vị bên bờ hồ.

Nước hồ lẫn lẫn gợn sóng phản ánh màu da gòiri xanh thắm. Đỉnh núi Hữu La thay vào tuyết trắng đã có lá xanh, dưới chân núi hoa anh đào đua nhau nở, hương thơm lừng. Trên hồ, thuyền xếp hàng cấm sào đợi du khách,

và trên cầu Bích San người qua lại ca hát, ném xuống dòng nước những bông hoa cho trôi đi, cho trôi đi...

Hai người bạn thân trong tay không có gì, như vô tình cùng với cảnh nhộn nhịp ấy, bỗng cùng hát lên một câu:

"Nếu không có rượu Hoàng Hoa..."

Rồi hai người rủ nhau vào một quán rượu ở bên hồ, ngồi xuống chiếu giải sắn, và uống hết chén này chén khác. Đến chén thứ chín thứ mười rồi, Bán Phúc tiên sinh đã ngà ngà say, nói huyên thiên. Chàng bỗng gọi một người ngồi bên, một bác lái buôn bông ở Ô-sa-ka lại để ngồi thuật chuyện nói tình duyên. Đại Thông lấy làm khó chịu, bèn bỏ ra đi thẳng. Chàng hơi chũnh choáng, chàng vừa theo dọc hồ vừa hát, rồi chàng lại quay về quán rượu, cự người bạn lắm nhời.

Thấy ở ngay đây có một cái thuyền bỏ không, chàng cũng bước xuống. Đại Thông xuống đây nằm nghỉ một lát cho đỡ mệt. Chàng nằm xuống sàn thuyền lấy tay làm gối, làm một giấc ngủ thật say. Bỗng mũi chàng ngửi thấy một mùi thơm thoang thoảng.

Trong khi ấy Bán Phúc tiên sinh vẫn nói chuyện không ngớt với bác lái bông. Họ tuyên nói về chuyện tình và ai cũng đều tự phụ là đã chiếm được nhiều trái tim của đàn bà, và đã trải qua nhiều đường tình đẹp dễ.

Cảnh hoàng hôn đã sập xuống. Du khách đã lả tả ra về. Khi bác lái bông quay chén rượu Hoàng hoa tử dẫu không uống nữa thì chuông chùa Nga Mi đã ngân vang.

- Ông bạn của tôi đâu rồi?

Bán Phúc tiên sinh hốt hoảng hỏi.

- Câu chuyện của chúng ta làm ông ta không được vui lòng, có lẽ ông ấy đi đã lâu rồi thì phải.

- Tuy vậy tôi rất lấy làm lo sợ cho ông ta.

Nói đoạn Bán Phúc vội trở dậy đi tìm quanh hồ và gọi ầm lên. Không một tiếng trả lời, có chăng chỉ có tiếng vang đáp lại như riều cọt. Chàng lại quay về chỗ cũ, trong lòng bối rối, trông thấy trong khoang thuyền mập mờ cái mũ đỏ của Đại Thông. Ở bên cạnh lại có một nhành hoa lê. Chàng nhảy xuống thuyền, cầm lấy nhành hoa toi tã rơi trên mặt nước.

Xa xa tiếng chuông chùa vẫn ngân rền rĩ. Như bị tiếng sét đánh, chàng tưởng như trông thấy trong bóng tối một ánh sáng đỏ của chiếc đèn lồng; chàng một tay cầm mũ, tần ngần... một tay cầm nhành hoa đã rửa đưa lên mũi nhưng có vẻ không còn dám tin đó là sự thực.

Sau này, người ta biết rằng Đại Thông và Bán Phúc tiên sinh cùng rủ nhau đến ngôi đền hoang tàn nọ và họ đã thấy cỗ quan tài đỏ trống hốc, chỉ còn có cái tà áo màu hoa hoắc lê và ngay cạnh đó có một con búp bê bằng vải, trên có treo một cái đèn lồng mẫu đơn. ^[5]

VŨ BẰNG (diễn quốc âm)

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 28
(8/9/1940); s. 30 (22/9/1940); s. 31
(29/9/1940).

Truyện này *TBCN* đăng với tiêu đề "*Liêu trai chí dị Nhật Bản*" và ghi chú: Foumiko Takebayashi thuật,
1 Georges Rageot dịch tiếng Pháp, Vũ Bằng diễn quốc âm, Nguyễn Huyền vẽ.

Vì truyện đăng 3 kỳ nên ở đầu kỳ tiếp theo (*TBCN* s. 30) có đoạn *Tóm tắt kỳ trước* như sau: *Đại Thông Thái Lang, từ khi vợ chết, không hôm nào là không ra mộ vợ để kêu ca khóc lóc. Một đêm*
2 *kia, chàng về khuya, lỡ bước đi đến một cái đền lạnh lẽo và gặp một người rất đẹp đi với một con thị nữ cầm một cái đèn lồng mẫu đơn*

theo hầu...

- 3 Bản gốc là "*ngọc ngà tây bắc*", có thể có lỗi in, ở đây tạm sửa là "*ngọt ngào tây bắc*".

Mở đầu kỳ đăng thứ ba (TBCN s. 31) có đoạn tóm tắt hai kỳ trước, như sau: *Đại Thông Thái lang thường ra ấp mả vợ, một hôm về khuya, gặp một nữ lang rất đẹp đi với một con thị nữ mang*
4 *cái đèn lồng mẫu đơn. Hai người quen biết nhau từ đấy, và Giáng Tuyết - tên nữ lang, thường đi lại luôn luôn với Đại Thông. Đại Thông mê nàng lắm bởi vì Giáng Tuyết đẹp một cách quyến rũ lạ thường.*

- Lưu ý: Theo giới nghiên cứu quốc tế, truyện này của văn học Nhật Bản, cũng như *Chuyện cây gạo* trong tập *Truyền kỳ mạn lục* (thế kỷ XVI) của tác giả Việt
5 Nam Nguyễn Dữ, - đều là dạng phóng tác từ (hoặc ít nhất là chịu ảnh hưởng của) truyện *Mẫu đơn đăng ký* trong tập *Tiến đăng tân thoại* (1378) của tác gia Trung Quốc Cù Hựu (1341-1427).

THÙ CHA

(võ hiệp tiểu thuyết Nhật Bản) ^[1]

TÓM TẮT CÁC KỲ TRƯỚC : Tôn Điền Thái Lang bị đẩy tứ là Tảo Kim Nghê giết chết và cướp lấy vợ đem đi. Tảo Kim Nghê làm nghề ăn cướp, còn Lệ Chi Nương thì bán nước chè. Tảo Kim Nghê sau hối hận bỏ Lệ Chi Nương đi tìm một nhà sư để sám hối các tội lỗi... Chàng đi tu và lấy danh là Lưu Cái thiền sư. Một bữa kia chàng đến vùng Ôt-sĩ-du-hôn để đào một cái hang. Bỗng con giai của chủ cũ đến tìm chàng để trả thù xưa.

Bao nhiêu phu phen, một loạt đều xông cả lại và giơ đao búa ra để che chở cho vị lão tăng kia. Mẽ Sa Bác

Đường không hoảng chút nào rút gươm khỏi vỏ và thét lên rằng:

- Tên này là kẻ thù của ta. Các người lui cả ra để ta lấy đầu hắn đem về tế thân phụ ta, đi!

Đám đông đông thanh kêu lên rằng:

- Vị này là một vị phật sống của chúng tôi. Cả nước đều kính trọng, anh không có quyền chạm tới.

- Im đi, hỡi các người. Dù hắn có là sư đi nữa, hắn vẫn là người giết cha ta. Nếu các người muốn chống đỡ cho hắn, ta sẽ giết hết cả lũ và ta thề phải lấy đầu hắn cho kỳ được mới nghe. Mễ Sa Bác Đường nói đoạn múa tít gươm và xông tới; thợ thuyền lùi lại rồi ném đá vào người chàng tua tủa nhưng Mễ Sa Bác Đường đỡ được cả. Lưu Cái

nói to lên:

- Anh em! Xin anh em nghe lời tôi.

- Chúng tôi không để anh kia giết vị phật sống của chúng tôi như thế được.

Lưu Cái nói:

- Anh em cứ hãy nghe tôi. Tôi xin anh em đừng có đứng vây cả lấy tôi như vậy. Các anh em còn phải làm việc khác cần hơn: đi mà đực hang đi. Còn tôi, đời tôi đã hết rồi, tôi bây giờ thuộc về quyền sở hữu của tiểu chủ tôi là Mẹ Sa Bác Đường.

- Không, không thể thế được. Chúng tôi quyết không thể nghe lời ngài được; nếu ngài có mệnh hệ nào, chúng tôi sẽ không còn đủ can đảm để tiếp tục cái việc làm vĩ đại kia, chúng tôi sẽ mất

một tấm gương sáng và không bao giờ
núi lại có thể đục thêm được nữa.

Mọi người đều kêu lên:

- Chính thế! Chính thế! Lưu Cái thiên
sư chí tôn chí kính không thể nào chết
được. Chúng ta cần phải có người!

Và mọi người lại giơ dao giơ búa lên
trời và bao vây lấy chàng võ sĩ, lúc ấy
run lên vì tức giận. Chàng đã định
xông vào giết hết lũ người kia thì bỗng
có một ông già rẽ đám đông vào nói:

- Hối hối người võ sĩ, xin hãy bình tâm
lại. Tôi đã biết rằng ngài rất nóng
chuyện báo thù, nhưng những người
này cũng không phải là không có lý.
Hiện đây chỉ có một đám này thôi,
nhưng ngài phải biết dân đinh ở bảy
làng chung quanh đây sẽ biết rõ hết

chuyện trong giây lát. Đối với họ, có hàng mấy vạn người, ngài sẽ tính làm ra làm sao? Xin nghĩ kỹ! Thôi, này tôi bảo võ sĩ, võ sĩ nên để cho Lưu Cái làm tiếp công việc đục hang kia và công việc ấy tôi chắc sẽ chóng vánh, không còn lâu la mấy. Ngài, ngài sẽ không chạy trốn đâu. Khi nào hang núi đục xong rồi, Lưu Cái sẽ thuộc quyền ngài định đoạt.

Mọi người lại reo lên:

- Ông cụ kia nói phải! Ông cụ kia nói phải!

Mẽ Sa Bác Đường cúi đầu và nghe theo lời đám đông. Chàng nói:

- Ta đợi, bởi vì hắn là một thầy chùa.

Ông cụ già nói:

- Như vậy thì tốt lắm. Vậy bây giờ, Lưu Cái thiên sư ơi, xin ngài trở lại làm việc với chúng tôi như cũ. Chúng ta cãi nhau mất nhiều thời giờ lắm lắm rồi.

Thợ thuyền và nông phu phải xóc ngài đi vào trong hang. Chàng võ sĩ thốt nhiên hỏi một câu rất buồn:

- Đêm hắc ngủ ở đâu?

- Xin ngài chớ sợ. Vị phật sống của chúng tôi chắc chắn là không bao giờ trốn đi đâu. Đối với ngài, không có ngày có đêm bao giờ. Ngài tựa vào hốc đá ngủ khi nào mệt quá. Thật không còn phải là "người" nữa.

Chàng võ sĩ trẻ tuổi đứng trầm ngâm nghĩ ngợi một mình và ở lại trọ trong quán nước.

Xa títt đằng xa, trong bóng tối có ánh lửa chập chờn mờ tỏ. Mẹ Sa Bắc Đường đưa bước tới chỗ có ánh lửa đỏ kia và bước đi chập chà chập chững trên mặt đất. Chàng dẫm phải những vũng bùn và hai tay chàng giá lại. Chàng nghe thấy tiếng dao tiếng búa đập đá ở đằng xa vọng lại và thấy cổ họng như tắc lại ở trong cái khe núi lạnh lùng kia. Nhưng rồi chàng gặp Lưu Cái đương ngồi đấy vừa làm việc vừa niệm phật. Ở ráp vách đá, người ta thấy một cái chiếu dùng làm giường và một mẫu gỗ để thay cho gối.

Chàng võ sĩ bước vào và hoa gươm lên. Tiếng niệm phật nghe đều và buồn như tiếng của trời. Thanh gươm của Mẹ Sa Bắc Đường đương hoa lên trên đầu Lưu Cái nhưng hình như có một bàn tay bí mật nào giữ lại. Mẹ Sa

Bác Đường ngạc nhiên, lại tra gương vào vỏ và đã định quay đi thì vị chân tu quay lại và nom thấy:

- Tiểu chủ ơi, sao tiểu chủ không giết tôi đi cho khuất mắt? Trước đây, ngài sở dĩ chưa giết tôi là bởi tại còn có nhiều người, chứ bây giờ thì không còn ai nữa, xin ngài hạ thủ, kẻo không có người ta lại thức. Tôi xin chờ một nhát gương cứu khổ của ngài, ngài ơi!

Mẽ Sa Bác Đường lùi lại, nói:

- Không, không, ta đợi cho người làm xong công việc của nhà người đi đã. Ta đây là võ sĩ, ta đã kiếm tìm người mất bao nhiêu ngày tháng, nhưng ta thấy không đủ sức để hạ thủ trước những cái đức hạnh của người. Việc làm của người có vẻ cao thượng làm cho ta quên cả thù. Nếu ta giết người,

ta sẽ mang tội là một tên sát nhân khôn nạn đã giết một người nhân đức như đức Phật. Ta run sợ vì xấu hổ, ta muốn trốn đi ngay bây giờ...

Lưu Cái niệm phật và rập đầu xuống đất:

- Tiểu chủ ời, tấm lòng đại độ của tiểu chủ làm cho tôi cảm động và tôi xin minh tâm khắc cốt. Tôi xin lỗi ngài đã làm cho ngài phải hoãn việc trả thù. Vậy tôi xin ra sức làm việc kỳ cho thân này hoá ra cát bụi thì thôi...

Cầm tay vị võ sĩ, Lưu Cái để lên đầu ngài tỏ dấu cảm ơn. Mẹ Sa Bắc Đường bèn nói:

- Lưu Cái thiên sư chí tôn chí kính ời, tôi sẽ đợi. Nhưng tôi không thể ngồi không hay đứng không làm gì. Tôi sẽ

lấy dao, búa ra và giúp ngài một tay kỳ cho đến khi nào xong việc thì lúc ấy tôi trả thù...

Lưu Cái khoanh tay lại và kêu lên:

- Nếu được ngài giúp một tay cho như thế thì còn quý gì bằng. Xin Trời Phật sinh phúc cho ngài.

Chàng võ sĩ trẻ tuổi lấy làm vui vẻ trong lòng lắm; chàng cầm một cái cuốc, quỳ xuống ở bên cạnh kẻ thù của cha mình và nói:

- Ta bắt đầu làm việc đi.

Tiếng búa tiến dao tiếng cuốc vang lên ở khe núi và đưa dư âm ra khắp gần xa. Sáng hôm sau phu phen lại đến làm, thấy hai kẻ thù đứng cạnh nhau làm việc như thế đều ngỡ là trong

mộng.

○ ○ ○

Hai kẻ thù ấy đứng cạnh nhau làm việc như thế đã được một năm tròn. Mùa thu đã đến và trời bắt đầu lạnh. Một đêm Lưu Cái bỏ búa xuống và nói rằng:

- Thôi, đã khuya rồi. Ta nghỉ.

Mễ Sa Bác Đường trả lời:

- Không! Không! Tôi lại thấy cứ làm việc về đêm thì khoẻ lắm.

- Hôm qua, ngài đã thức suốt sáng rồi. Hôm nay xin ngài nghỉ kéo mệt quá.

Mễ Sa Bác Đường không trả lời và Lưu Cái cũng không nài nữa. Đứng một hồi lâu, Lưu Cái thien sư hỏi:

- Có người thợ đá nói với tôi rằng hẳn ta có nghe thấy một tiếng súng ở trên đỉnh núi. Ngào có nghe thấy tiếng súng đó không?

- Không. Nếu tôi nghe thấy tôi đã nói cho ngài biết. Chiều hôm kia, tôi nghe thấy có tiếng nước róc rách kêu thì phải. Tôi lại tưởng tôi nằm mộng.

Lưu Cái trả lời:

- Tiểu chủ ơi, ngài ở đây chốc đã một năm trời rồi. Ngày tháng đi chậm quá. Tôi thấy mệt mỏi vô cùng; sức tôi mỗi ngày một yếu... Tôi cũng chẳng còn sống bao nhiêu lâu nữa. Nếu tôi có chết trước khi làm xong con đường thông qua núi, cái đó không cần lắm, nhưng tính mạng tôi, thì đối với ngài, chẳng biết nó thuộc về quyền sở hữu của ai? Tôi không còn sức nữa, tôi xin lỗi ngài. Ôi! Hang đá! Hang đá! Hãy nghe ta: nếu người biết cho ta nỗi khổ tâm thì hãy để ta làm xong việc

đã...

Nói đoạn, nhà sư lại cầm búa vừa đập đá vừa niệm phật. Bỗng ngài rên lên: ngài bị thương ở bàn tay.

Mễ Sa Bác Đường nhảy vọt lại, nhưng Lưu Cái mỉm cười và nói:

- Tôi đã thấy núi thông suốt rồi. Tôi đã thấy khí trời ở ngoài vào rồi!

Chàng võ sĩ đáp:

- Thưa ngài, ngài bị thương!

- Ôi, cái đó không quan hệ. Để tôi đục cái lỗ nhỏ cho nó rộng ra một chút...

Thu tất cả sức khỏe lại, Lưu Cái đứng vững dậy và chui đầu được ra ngoài và Mễ Sa Bác Đường cũng thò đầu ra:

- Chao ôi, sướng quá! sướng quá! Tôi đã trông thấy con sông rồi! Tôi đã nghe thấy những tiếng ở trong thung lũng rồi! Ngài nên mừng đi, Lưu Cái thiền sư. Ngài có thể tự phụ về cái công nghiệp 20 năm của ngài.

Ông già Lưu Cái không trả lời được nữa. Tiếng niệm phật của ngài bay bổng lên chín tầng mây thẳm. Khi ngài ngừng mặt lên thì mắt ngài đầm lệ, miệng ngài hé nở một nụ cười và nói lầm rầm:

- Tôi tưởng tôi lên đến cõi Nát Bàn. Tôi không nghe thấy gì nữa, tôi không trông thấy gì nữa. Tôi sướng quá và tôi tưởng tôi như nghẹt thở.

Lưu Cái thiền sư, tuy vậy không quên lời hứa với Mễ Sa Bác Đường. Ngài phủ phục xuống mặt đất và nói với một tấm lòng thành kính:

- Xin ngài sinh phúc cho tôi bây giờ. Tôi chết đi không còn ân hận gì nữa, tôi sẽ được lên Nát Bàn.

Thung lũng và núi non chan hoà ánh sáng trong trẻo của mặt trăng. Mẽ Sa Bác Đường cúi xuống nhắc Lưu Cái dậy và nói:

- Lưu Cái thiền sư chí tôn chí kính ời, trong bao nhiêu lâu làm lụng chung đụng với nhau, tôi xin thành thực nói rằng tôi kính phục cái đức nhẫn nại và can đảm của ngài, tôi niệm phật và tôi suy về giáo lý. Cái thù cũ đã chết rồi và tôi hiểu rằng sự trả thù chỉ có thể có giữa đám thế nhân thôi, còn ngài thì ngài đã ở một thế giới khác, một thế giới cao xa huyền bí.

Hai người đàn ông ấy khóc như mưa và ôm lấy nhau nghẹn ngào. Lưu Cái thiền sư cầm tràng hạt và niệm Phật:

- Hồi hồi vong hồn của chủ tôi ơi, xin người chứng giám cho tôi và tha thứ hết cả tội lỗi cho tôi đã đang tay giết người.

Mắt ngài mờ những lệ. Ngài khóc tưởng như không bao giờ nín nữa. Nhưng sau, những hạt lệ cũng thưa dần, và sau cùng, Lưu Cái thiền sư xúc động tâm hồn một cách lạ, vì vừa nhìn thấy ánh trăng, - cái ánh trăng ngài không được trông thấy từ hai mươi năm nay rồi.

○ ○ ○

Còn Lê Chi Nương thì chuyện sau không kể lại nàng ra thế nào. Có lẽ nàng đã chết một cách thảm khốc ở một chỗ đèo heo hút gió nào, và ma quỷ chắc đã tranh cướp lấy tám linh hồn tội lỗi của nàng để đem xuống Địa Ngục, bắt nàng phải chịu những cực hình ghê gớm.

VŨ BẰNG kể

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 40
(8/12/1940)

1 *TBCN* đăng tác phẩm này với ghi chú: Vũ Bằng kể lại;
 tranh vẽ của Trịnh Vân. Do sưu tập *TBCN* bị mất
 nhiều trang nhiều số, hiện tôi (L.N.Â.) mới chỉ tìm
 được kỳ đăng cuối truyện này.

XIÊN LÌNH

Từ "Ông Đồng Hà Nội", người đã xiên lình trong đám rước thánh từ Đền lên Nam Tào đến Nguyễn Văn H... một ông đồng già đã chán chuyện xiên lình xoay làm nghề bán quán ở hội đền Kiếp Bạc. Những chuyện xiên lình và những chuyện na ná thế ở dưới mắt người phương Tây.

I. Một người mặt to bằng một cái nắp tráp xiên một cái xiên lình nặng hai cân đi giật lùì trước kiệu

Đến tận hơn mười giờ, đám rước thánh mới cử hành. Thực ra, người ta đã sửa soạn từ lúc mặt trời chưa mọc. Cờ, lọng, kiệu, đèn, họ đã đặt đâu đấy ở trước đền rồi, trên một

bãi cỏ đã phất trụi và ngập ngựa những bùn lầy và nước mưa úng lại từ đêm trước.

Mấy tiếng trống. Đám rước bắt đầu đi. Kiệu thánh nung lên, bọn nhạc công vừa cất tay để kéo nhị với hồ thì từ ở trong đèn Kiếp âm thâm mù mịt những khói hương thỉnh thoảng lại để lộ vài ánh đèn ngọn nến lung linh mờ tỏ, một người đàn ông to lớn mặc quần xanh áo đỏ hét lên một tiếng rồi nhảy xuống thềm như một cơn gió lốc và từ từ tiến lại phía cái kiệu rước đức thánh Trần.

Bao nhiêu người đứng xem hội rạt cả ra. Những người trẻ tuổi ngừng nhìn bằng một con mắt ngạc nhiên, còn những bà cụ già, những đàn bà con gái thì cúi đầu nhìn xuống đất một cách kính cẩn vô cùng, miệng lầm nhảm những câu khấn vái nặng một lòng tín ngưỡng.

- Chạy cả sang một bên, không có lại chết

oan chết uổng bấy giờ.

Đám rước bắt đầu đi từ từ. Những người nhà quê chấp hai tay lại vái theo sau kiệu ngài; họ thì thâm to nhỏ với nhau bình phẩm đám rước năm nay to và từ từ chen chúc nhau để đi theo đám rước.

Những cô gái quê nhỏ tuổi mặc áo đỏ khiêng kiệu với một vẻ tự phụ ở cuối mành. Những người nào vừa ghé kiệu vào vai mà đã thấy mỏi rồi, chép miệng như lấy làm buồn cho sự vụng về không đáng có của mình. Những trai làng khoẻ mạnh thì cầm cờ quạt và thỉnh thoảng lại cúi xuống nhìn hai cái cánh tay gân chằng mạng nhện của mình mà mắt thì ngời lên một tia sáng như là hy vọng. Đám rước qua một cái cổng chào kết bằng lá chuối và găng tây. Đám rước đi vào phía chợ. Đám rước qua một dãy hàng bán bình vôi, lọ lộc bình, đồ sành, đồ sứ và những hàng quán để người đi trẩy hội vào ăn tạm. Thì tự nhiên,

như ngựa hí, một tiếng *hé hé hé hé...* kéo dài ra bỗng nổi lên, rùng rợn ở giữa đám rước và làm cho mọi người xanh mặt.

Kiệu quay đi một vòng như bay. Các cô gái xô cả tóc. Các trai đình hết sức vận nội công để giữ trật tự cho đám rước. Trong bùn, những người đi xem chạy tứ tung. Một tiếng kêu bỗng nổi lên: "Ông đồng Hà Nội!" Thì ra tiếng hé hé như ngựa hí kia là tiếng của ông đồng Hà Nội vừa kêu để truyền cho những người đứng xem nhường chỗ để ngài đi. Ngài đi như một người thất cổ chưa chết vậy. Những vạt áo đỏ xen lẫn với những cái áo xanh ngài mặc bay phấp phới; dải lưng nhiều điều tết thành một cái hoa thị thỉnh thoảng lại xoè ra; ngài đi một đôi dép quai một dây những bunn và ngài bước giật lùi như những người hiếu tử đi trước linh sàng bố vậy.

Người đàn ông trạc độ năm mươi tuổi đó có một màu da như đất sét. Cừu kè thì không có

cái gì đáng cho mọi người chú ý cả, nhưng cái mặt thì, chao ôi, trông mới gớm ghiếc làm sao. Tôi đồ ai nhìn cái mặt ấy mà không giật mình. Tôi xin thề không dám ngoa ngoét một tí gì, chứ cái mặt ông đồng Hà Nội của ta to vừa bằng cái tráp tròn, nó méo mó, nó xiêu vẹo, nó kinh tởm quá đến nỗi có người mới thoạt nhìn thấy phải giật mình tự hỏi mình đứng trước một cái gì, - quỷ sứ hay là người ngợm?

Cái mặt ấy có lúc xanh lúc đỏ, chỗ tím chỗ vàng. Búi tóc ngược lên, nó đã có vẻ cái đầu lâu mà ta vẫn thấy ở trong những bức hình chụp lúc bọn chân tay Đề Thám bị xử tử rồi, thế mà ở hai bên thái dương lại có hai cái trâm dài bằng cái cánh tay, đầu nhọn hoắt, đâm suốt vào hai má! Chỗ thịt ở hai má người đàn ông ấy, vì vậy, trông hết như bị véo và phồng lên, máu tụ ở đó và làm tím lại như hai quả bồ quân vậy.

Thế rồi thì một cái xiên linh góm chết như một thanh sắt chặn cửa, nặng ước chừng hai cân, xiên qua mồm! Những người yếu bóng vía không dám nhìn lâu cái cảnh tượng rùng rợn đó! Bởi vì người xiên linh trông có vẻ bị đè chũu xuống ở dưới sức nặng của thanh sắt góm ghê kia, tuy đã có hai người đi theo đỡ nó; y đi mà như tắt thở và mỗi lúc vẻ mặt của người đàn ông ghê gớm đó lại càng bành bạnh ra, lại càng trắng trợn ra, đến nỗi cái lưỡi thè lè ra ngoài hai cái môi đen sẫm như cũng không còn sức để mà co ra rút vào. Mà co ra rút vào làm sao được? Nó không phải là cái lưỡi nữa, nhưng mà là một đồng thịt thối nát đã bị xiên qua rồi: cái xiên linh nặng nề kia đã làm rách nó và đâm qua suốt má bên kia. Người đàn ông quái ác nọ muốn cho cái trò chơi của mình thêm phần mỹ thuật lại lấy một quả cau đâm vào cái đầu nhọn ở xiên linh, và cứ thế, cứ thế, hấn cứ giờ tay khoa một nắm hương đi giật lùi từng bước như một người không biết đau đớn là gì cả!

- Thực là một người quái gở.

Những người đi xem hội lè lưỡi và người nào người nấy cũng có cái cảm giác đau thay cho người đàn ông ghê gớm đã xiên linh hôm ấy.

Mà tôi, tôi cũng vậy.

II. Thưa ngài, chính ngài cũng có thể xiên linh được!

Chúng tôi vào một cái quán cơm lồi đi lên Nam Tào. Người chủ quán, một ông già đầu bạc phơ phơ, tên là Nguyễn văn H... dọn cho chúng tôi toàn thịt gà luộc rồi ngồi nhìn chúng tôi ăn mà hỏi:

- Thưa các ngài, các ngài còn ở lại xem hội hết đêm nay hay là về ngay bây giờ?

- Chúng tôi về ngay bởi vì xem chừng hội

không lấy gì làm thú lắm.

Một người trong bọn chúng tôi, uống xong một chén hạt mít rượu trắng, tiếp luôn:

- ...Chỉ trừ có cái ông xiên linh là làm cho chúng tôi chú ý một chút, còn ngoại giả thì hội cũng y như năm ngoái. Nói thế không phải bảo rằng mãi tận đến bây giờ chúng tôi mới được trông thấy một đám xiên linh như hôm nay đâu, nhưng thực quả, ông đồng hôm nay xiên linh đã làm cho chúng tôi chú ý hơn cả những đám khác, bởi vì ông ta xiên có vẻ ghê gớm quá, làm cho người mới nom thấy phát rùng mình sợ hãi.

Ông lão bán quán quay ra bán hàng cho khách một hồi lâu rồi quay lại chỗ chúng tôi mà trả lời:

- Nói vô phép các ngài, nghĩ như vậy mà thôi, chứ xiên linh, đại phạm thì ai cũng chỉ có thể

cả, không khác nhau mấy tí. Các ngài bảo rằng ông đồng Hà Nội hôm nay về xiên linh trong góm hơn những người thường. Xin phép các ngài cho tôi nói: tôi cũng đã được xem "ông đồng Hà Nội" hôm nay rồi; nói để các ngài tha cho chứ, thực quả, tôi, tôi xiên linh hơn ai thì chẳng biết chứ phải hơn đứt ông đồng Hà Nội. Không dám giấu các ngài, trước khi đi làm chủ quán ở đây, tôi đã làm ông đồng ở đền Kiếp Bạc này chán ra rồi. Đừng nói cả một đời tôi bắt tà ở đền Ghênh, đền Bảo Lộc, đền Sòng đã nổi tiếng làm gì, tôi ăn mày cửa thánh được thánh thương, nên chính những lúc kiêu ngài lên, tôi đã lăm phen xiên linh ghê lắm mà xiên không bịp bợm...

- Xin lỗi, xiên linh mà bịp bợm? Hình như ông lão có ý muốn bảo ông đồng Hà Nội xiên linh trong đám rước thánh sáng nay đã đánh lừa con mắt những người chung quanh mình phải không? Hắn đã dùng mưu kế để che mắt người phải không?

- Tôi không có ý nói hăng thế! Các ông, còn ai mà che nổi mắt các ông? Nhưng tôi chắc rằng các ông đã không để ý nhìn thực rõ đám xiên linh hôm nay, hay là các ông chỉ nhìn thoáng qua rồi thấy mặt mũi "hắn" tởm quá nên bỏ đi đi, không xem nữa. Sự thực, nếu các ông hôm nay chú ý một chút thì sẽ nhận ra rằng cái xiên linh nặng hai cân đó không xiên qua má hắn ta, nhưng chỉ đi sượt qua bên mép và chui xuống dưới lưỡi mà thôi. Cái lưỡi sở dĩ cứ cong lên và thò ra ngoài, ấy chính bởi cái xiên linh nó làm cộm lên, vả lại chính hắn ta cũng muốn làm như thế nữa để cho nó "quan trọng" thêm một chút. Thế rồi thì sao? Thế rồi thì cái xiên linh ấy cũng không xiên qua má bên kia đâu, thừa các ngài: nó lại chui qua sượt cái mép bên kia, và sở dĩ người ta cắm một quả cau vào đầu nhọn của cái xiên linh chính là để che mắt những người ngoài vậy. Những khi có cái nhìn chăm chú vào mặt người xiên linh thì hắn ta hé hé lên

mấy tiếng rồi cầm nắm hương khoa lên ở trước mặt, có khi lại chạy lên chạy xuống, và như thế, người đi theo đỡ xiên linh cũng phải chạy theo kéo không có cái xiên linh rơi mất!

Có mấy người khách vào ăn hàng. Ông cụ chủ quán lại chạy ra lấy bia, lấy com và bánh tây. Một lát sau, ông cụ lại vào ngồi với chúng tôi, nhấp một tợp rượu mà rằng:

- Xiên linh như thế, thì phải tội. Bịp bợm ở trước mắt thánh để lừa người trần như thế có ngày thì hộc máu ra. Tôi, tôi không bao giờ làm thế! Hồi tôi còn ăn mày cửa thánh, tôi xiên linh thực, nhưng tôi xiên những cái xiên linh bé hơn. Tuy vậy, to bé, cái xiên linh cũng như nhau cả mà thôi, mà tôi có thể nói chắc chắn với các ngài rằng tôi xiên linh như thế mà không lấy làm xấu hổ một chút nào bởi vì tôi không lừa dối ai. Buổi đầu tiên, tôi xin thú thực với các ngài, tôi cũng hơi ròn rợn, nhưng rồi sau cũng quen đi, mỗi khi có hội hè kiêu

cúng, tôi lại xiên linh mạnh bạo lắm mà không đau gì cả.

- Ông già nói lạ. Nếu quả thực cái xiên linh đâm suốt qua má thì làm sao lại không đau?

- Tôi không nói dối. Để tôi kể lại cả những cảm giác của tôi hôm xiên linh đầu tiên cho các ngài nghe tường tận: Mới đầu, tôi vốn là một người đi bắt tà. Bắt tà mãi cũng chán, một hôm kia tôi có một cái ý tưởng là làm tà cho người ta bắt. Các ngài đã xem bắt tà mãi rồi chứ gì? Ấy, chính thế, chuông trống người ta đánh ở bên cạnh mình dữ lắm, dù mình không tin đến thế nào, ngồi một lúc đầu mình cũng phải đảo đi, hướng chi lại còn hương nến mưng lung và chung quanh mình người ta lại xúm lại mà quát tháo, mà... bắt nạt! Vậy nói thế này các ngài cũng chớ cười, - tôi ngồi một lúc thì lão đảo rồi tôi thấy tâm hồn tôi mù hẳn đi, tôi thấy như mình nửa thức nửa ngủ bởi vì mắt tôi vẫn nhìn rõ mọi người mọi vật, nhưng

hình như có một thứ ánh sáng lạnh lẽo làm mờ nhõn tuyến của tôi. Tôi không lấy gì làm khó chịu: trái lại, tôi thấy tinh thần được nhẹ nhàng, hình như trong cơn say thuốc phiện vậy. Tôi có cái cảm giác đợi chờ một cái gì, tôi hình như có linh tính báo trước sắp có một cái gì xảy ra đây... Ở chung quanh tiếng đàn sáo, tiếng hò hét đều quá đến nỗi về sau tôi thấy ở chung quanh êm ả vô cùng, thế rồi thì... thế rồi thì bao nhiêu những người, vật, cửa nhà đều chìm cả vào trong bóng tối, duy chỉ có mấy cái trần nhà và vài cái chớp nón vàng là rõ mà thôi... Và tôi nhìn thẳng vào trong đèn, mù mịt những khói hương. Thì ở cái nền đen sẫm ở cái cửa bức bàn hé ngỏ, một con ma... một cái bóng trắng từ từ tiến lại phía tôi, đứng dừng lại một lát lâu... một cái mặt xanh xao, một chòm râu đen trùi trũi, một mớ áo xanh áo đỏ như cào cào, một cái khăn đỏ như máu vậy... Và tôi cố mở mắt nhìn rõ thì thấy rõ ràng hai má người đàn ông kia có đến ba bốn cái xiên linh nhỏ xiên qua, hàng

chục cái trâm đâm từ ở thái dương đâm xuống. Chao ôi... Tôi đứng dậy liền, tôi nhìn thực kỹ, tôi tưởng tượng như bị đóng xuống cái bục của tôi ngồi. Nhưng ngay lúc ấy thì người đàn ông mặt to bằng cái thúng kia nhột hấn đi, môi hấn mấp máy và hấn bảo tôi rằng: "Đồ khỗ! Mày cứ làm như tao xem..." Thì tôi làm chứ sợ gì? Tôi bèn gọi những người ở chung quanh đem một cái xiên linh hạng tư đến cho tôi. Tôi đưa qua lưỡi liềm mấy lượt cho thực trơn và, - tôi hãy còn nhớ rõ như việc vừa mới xảy ra hồi nãy - tôi run sợ giờ thực mạnh, nhưng xiên... khẽ vào má bên trái để cho chui vào trong miệng. Có thể nói là tôi gần như không có cảm giác gì. Tôi lại cầm luôn cái xiên linh ấy lựa chỗ mềm nhất, tôi xiên thông sang nốt má bên kia và tôi cứ ấn mãi... cho cái xiên linh thò ra ngoài đến một gang tay. Tôi xin thề với các ngài là tôi không thấy đau đớn gì: lúc tôi xiên như thế, tôi thấy không đau đớn bằng bị đứt tay; da tôi chỉ hơi khó chịu một chút khi cái xiên linh bắt đầu

đâm vào má. Tôi xiên linh như thế mà vẫn nói được như thường. Một lát sau, tôi rút xiên linh ra thì không có một giọt máu nào chảy theo. Tôi cầm gương soi thì chỉ thấy hai cái vết ở má mà thôi. Tôi vẫn không đau đớn gì cả, và nếu có ai bảo tôi xiên linh luôn lúc ấy thì tôi cũng cứ có thể can đảm mà làm lại.

Ông lão chủ quán nói thế xong, làm nốt cút rượu và nói với chúng tôi rằng:

- Ấy, cái nghề thế, các ông! Đứng ngoài mà trông thì tưởng là ghê gớm vô cùng, nhưng chính xiên linh, đối với tôi, thì chỉ là một trò đùa như trăm nghìn trò đùa khác. Sau lần ấy, tôi lấy làm giận những người xiên linh trước kia đã làm cho tôi nhiều phen nghĩ thầm rằng đó là một việc quan hệ có thể chết người như chơi được.

III. Nhân chuyện xiên linh, ta cũng nên nói đến vài chuyện khác cũng

na ná thế ở Ấn Độ và ở phương Tây của bọn *Fakir*, phù thủy

Câu chuyện của ông Nguyễn văn H. thực là một tài liệu vô giá với chúng tôi. Những cảm giác thực thà của ông lúc xiên linh đã tả rõ cả ra rồi, bây giờ thiết tưởng ta lấy những tài liệu về xiên linh của Ấn Độ và Tây phương ra xét thêm về "ca" ấy tưởng cũng không phải là vô ích vậy.

Thực thế, cái lối xiên linh, cái lối lấy những cái rừng rợn ra để bịp bợm những người mê tín đó, không phải chỉ ở nước ta mới có, nhưng từ mấy trăm năm nay rồi ở Ấn Độ người ta vẫn thực hành luôn, mà những người mang ra thực hành đó chính là bọn *Fakir* phù thủy. Bọn *Fakir* chắc bạn đọc đã nghe thấy nói tới nhiều lần rồi, nhất là từ khi các báo hằng ngày ở đây, trong mục "Tin tức Năm Châu" nói đến Uhu, biệt hiệu là "Cái đóm lửa" gây lên ở đất Ấn Độ cái phong trào bài Anh. Phải phải,

Uhu đó chính là một trong trăm nghìn phù thủy Ấn Độ vậy. Bọn này, theo như ở các sách Âu Tây thuật lại, thì còn làm hàng vạn thứ trò rùng rợn hơn nhiều. Họ chia ra hai hạng: hạng phù thủy thực và hạng phù thủy giả. Bọn thực xiên linh như cơm bữa, mà không những xiên một cái xiên linh mà thôi, nhưng có hàng mười mười hai cái và xiên suốt qua cả cuống họng là khác nữa. Thấy lạ, một giáo sư thôi miên ở Pháp là Paul Heuzé liền đề tâm khảo cứu rồi một hôm mời nhiều vị bác học có danh đến xem mình bắt chước bọn phù thủy kia. Paul Heuzé cũng lấy xiên linh đâm qua má thì quả cũng như Ng văn H. đã nói với chúng tôi, Paul Heuzé không thấy đau đớn gì cả, kể cả những cái xiên linh đâm qua cuống họng và đâm qua cằm! Theo lời Paul Heuzé nói thì những chỗ ấy và cả khuỷu tay và cánh tay nữa đều là những chỗ ít biết đau.

Đó là lời của nhà thôi miên học phương Tây.

Thực ra, ở Ấn Độ, thì những bùa phù thủy thực có thể xiên linh bất cứ chỗ nào trong người. Theo như những bức ảnh đã chụp được và in ở các sách khoa học thần bí của Tây phương thì có người phù thủy Ấn Độ xiên linh ở khắp người và có thể cứ ngồi tĩnh toạ như thế hàng năm. Nếu không muốn dùng xiên linh thì họ dùng kim, những cái kim dài thực nhọn. Chính mắt kẻ viết bài này đã được mục kích một người đàn bà có đồng làm thế ở đây, nhưng có kém đôi chút bởi vì không đâm kim được khắp người.

Người đàn bà ấy nguyên là một người đào hát tòng lương, lấy chồng đến 18 - 19 năm trời mà không có một mụn con nào cả. Bà ta bèn kiêu cúng lễ bái, nay đèn nọ mai phủ kia rồi không hiểu làm sao, một buổi sáng kia gặp tôi, bà ta cứ mù đi và luôn luôn giơ tay lên trán nắn nắn ở thái dương và hai mí mắt. Tôi hỏi thì bà cầm tay tôi để vào hai mí mắt bà: thì ra dưới làn da mặt của bà có đến trăm nghìn

cái kim cài đầu lẫn ở bên trong, lấy tay rờ vào thì thấy, mà nặn thì nó thò đầu ra, còn thì bình thường, người đàn bà ấy không có gì là khác người cả, mà lại béo tốt, vui tươi là khác!

Ở Ấn Độ, những hạng người có cái tài lạ lùng như thế rất nhiều, những đồng bào của Gandhi coi thường lắm.

Trong những bọn phù thủy thực, người ta còn thấy những trò lạ hơn nhiều: đại khái như dựng ngược người lên, đầu đâm xuống đất rồi lấy đất lấp đi hàng năm mà không chết; quanh năm chỉ cời trần mà ăn một hạt vừng; đăng vân giá vũ ở trên sa mạc...

Tôi chưa có dịp nói tới những phép "phong thần, kiếm hiệp" ấy bây giờ, nhưng cứ riêng ý tôi, thì gần giống lối xiên linh và đâm kim vào người ta, ở Ấn Độ còn có một thứ trò cũng na ná như thế: ấy là cái lối nằm bàn chông.

Paul Heuzé cũng đã bắt chước làm cái lỗi này rồi và kết quả mỹ mãn lắm. Ông mời hết thầy bạn hữu và viên bác sĩ Daminos Yves đến làm chứng thì viên bác sĩ chứng nhận cho Paul Heuzé rằng quả ông ta có cỏi trần nằm lên một cái gióng đóng toàn đỉnh 10 phân chống lên trời thực, và xong cuộc thí nghiệm ấy Paul Heuzé không đau đớn, không sét sọc gì, chỉ duy có vài chỗ đỏ hằn lên mà thôi.

Tôi sẽ không nói đến cái phép của bọn phù thủy Ấn Độ làm cho một cái đĩa bé dần dần đi rồi mất hẳn. Tôi sẽ không nói đến cái thuật tung dây lên trời rồi làm phép cho cái dây cứ lơ lửng ở không trung, người phù thủy trèo lên cái dây ấy kỳ cho đến lúc mọi người không trông thấy. Tôi sẽ không nói đến cả cái tài làm cho một cái cây bị bọn phù thủy niệm chú mà cao vồng lên trông thấy. Bởi vì, mỗi cái đó, những nhà thần học phương Tây, - như Paul Heuzé là một, - đều có giảng giải tường tận về những sự bịp bợm của bọn phù thủy Ấn

Độ cả, mà phạm vi bài này không thể để cho tôi nói hết.

Claude Farrère ở Hàn lâm viện nước Pháp đã nói rằng: "Một đời tôi tôi chưa thấy phù thủy bao giờ, dù thực hay là giả. Là một kẻ giang hồ nay đó mai đây, tôi cho rằng một cái phép lạ mà tôi được chứng kiến ở Bombay không khác cái tài của bọn làm xiếc đánh lừa mắt người đi xem ở thành phố Paris vậy".

Kipling, một đại danh sĩ của Anh-cát-lợi tả về những sự bịp bợm của bọn phù thủy trong truyện "*Ở nhà Suddhoo*"^[1] đã viết rằng:

"Sau khi đã làm cái trò mới lạ ấy xong rồi, y ngừng đầu thật cao lên và tia lửa ở hai lỗ mũi y ra."

Nhưng tôi, tôi biết cái lửa ấy tại sao mà có; tôi xét tôi rất có thể làm được nên tôi yên dạ lắm".

Trừ những lối xiên lỉnh, nằm bàn chông, gài kim vào thịt của bọn phù thủy ở Ấn Độ, ta còn thấy cái trò này cũng thường có ở trong bọn người buôn thần bán thánh của ta: là nhai cóc, bát, đĩa và nuốt lươn sống, cóc sống và ếch sống, có khi ăn đất ăn sỏi và ăn đá nữa.

Về sự ăn đồ sù và đồ thủy tinh

Đã lâu lắm, ở Đông phương cũng như ở Tây phương, người ta vẫn cứ tưởng rằng thủy tinh và đồ sù là những thứ thuốc độc có thể làm hại những cơ quan tiêu hoá. Chính cả Maupassant cũng tin như thế thì phải, bởi vì tôi nhớ có đọc của Maupassant một truyện một người đàn bà muốn hại em vì em chim tranh tình nhân của mình bèn nghiền thủy tinh vào bánh để cho em ăn cho chết. Hevin, Mahon, Fodéré, Crantz, Plenck, Le Clère và nhiều nhà bác học khác cũng nhận rằng thủy tinh đem nghiền nhỏ có thể dùng làm thuốc

trừ chuột rất nhiệm mầu. Nhưng Paul Heuzé và Franck đã thí nghiệm nhai thủy tinh rồi: sự thực, thủy tinh cũng như đồ sành đồ sứ nhai ở trong miệng rồi nuốt vào trong dạ dày không có gì là nguy hiểm cả. Chaussier cũng nhận câu nói ấy là đúng và thuật chuyện rằng có một thiếu phụ kia, chẳng là phù thủy gì ráo, một hôm tuyệt vọng về chuyện tình duyên đã nhai một cái cốc thủy tinh chủ ý là tự tử: những mảnh cốc vỡ đã đi qua ống thực quản và dạ dày và chẳng gây ra một biến chứng gì cả vì người đàn bà ấy vẫn sống như thường vậy. Người ta đã thử cho súc vật ăn đồ sành và thủy tinh: những con vật ấy đều không việc gì cả. Luôn ba ngày liền 4, 10, 11 Octobre 1808, con mèo của M. Le Sauvage có thể ăn tới 30 lạng thủy tinh: người ta mổ bụng con mèo đó để xem xét dạ dày và ruột của nó thì thấy chẳng làm sao hết. Năm sáu con chó đem thí nghiệm thì kết quả cũng thế và có rất nhiều vị bác sĩ: Godefroi, Nicolas, Raisin, Samfrène, Dumreil Laêmec, Dupuytren,

Delaroche đều có chứng kiến.

Ăn lươn, ăn ếch, ăn cóc

Thường thường những anh phù thủy Ấn Độ bịt mắt người ta chứ thực không ăn rắn rết cóc nhái nhưng đôi khi cũng có nhiều người phù thủy **thực** giống Aissaouas, ăn lươn ăn ếch sống. Thế tỏ ra làm sao? Theo lời Robert Houdin và Paul Heuzé thì đó chỉ là một cái thói quen ở trong sự ăn uống mà thôi, chứ không có gì là khác. Paul Heuzé kể ra một thí dụ tên Jean de Paris ăn ở trước mặt mọi người những thứ còn ghê tởm hơn nhiều. Riêng kẻ viết bài này thì rất có thể kể một thí dụ ghê hơn thế. Ai ai ở Thanh Hoá lâu ngày tất cũng đã biết một con quái vật là thằng Khởi, bạn thân của ông Phạm Văn Lược, quanh năm ngày tháng chỉ cời trần, uống nước cống, ăn cóc nhái sống và gà chết. Truyện ***"Nỗi thương tâm của một tên dân Hôi"*** do Châu Phong viết và xuất bản mấy năm

trước ở đây có nói rõ về việc ấy.

Lấy lửa đốt mặt

Bọn phù thủy ta lại còn cái lối này cũng giống bọn phù thủy Ấn Độ, là lấy lửa đốt mặt và đốt tay. Người phù thủy cầm một cái mồi lửa dí vào khắp mặt và hai cánh tay, ở cổ và có khi cả vào mồm. Lửa cháy bùng bùng lên một lúc rồi tắt dần dần đi. Ở các ngày hội tỉnh lỵ ở Pháp, người ta cũng vẫn thường "chơi" thế. Thực là một cái trò trẻ. Ở đây lửa ấy chỉ là *lửa rượu hoả thanh*, còn ở Pháp thì trước khi đưa lửa lên tay lên mặt, người ta xoa một thứ thuốc nước có phen chua mà những nhà bán thuốc khoa học huyền bí như nhà Caroly có bán!

Cứ kể về những "phép màu" của bọn phù thủy Ấn Độ thì còn nhiều: nào là dẫm chân không lên những mũi dao nhọn, nào là rửa mặt bằng dầu sôi, nhưng đại khái, phần nhiều

đều là bịp bợm cả, cũng như ở xứ ta vậy.

Duy có điều này ta cũng nên biết là: bất cứ ở nước nào cũng vậy, trong bọn phù thủy giả thế nào cũng có phù thủy thực, - cái bọn người có một lòng tin mãnh liệt không bao giờ loè người ta bằng những chuyện ngông cuồng như thế! Những hạng phù thủy thực ở Ấn Độ khi xét mình đã đến cùng cực của tài nghệ rồi thì tự tử. Người ta kể chuyện rằng có một người phù thủy thực kia xông vào lửa đỏ ở Najadi và lấy hai cái lưới kim bấm vào cổ cho chết, sau khi đã đập đầu vào sắt.

Paul Heuzé nói rằng: "Chính thế! Sao lại không tin được có những người phi phàm như thế?"

Riêng ở nước ta thì tôi thấy rằng bọn phù thủy chẳng bao giờ lại làm như thế cả, nhưng hầu hết chỉ *phản* người để lấy tiền thôi, hoặc giở những trò bịp bợm ra cho nhiều để loè nạt

những người mê tín.

Cho nên nhiều khi chính những người mê tín chưa bị "hồng thần kinh" thì chính họ, họ đã bị toi rồi, toi cả thần kinh mà toi cả tính mệnh nữa như những bằng có chắc chắn mà tôi tạm trích một ít ở trên những báo hàng ngày ở đây:

- Ở Ninh Bình, Phạm Thị Năng, 22 tuổi quán làng Cung Quế, tổng Thanh Quyết huyện Gia Viễn vốn có [...] ^[2]

Duyên do cũng chỉ tại quen như mọi lần, vì nhà có điện thờ, nên bác Nguyễn Trần Trinh sáng hôm ấy lại sắm sửa đồ cúng để làm lễ. Người đến lễ điện cũng đông. Thế rồi trước đèn nến sáng choang, hương bay ngào ngạt, bên tai cung văn giọng hát véo von, bác Trinh lên hết giá đồng nọ lại đến giá đồng kia không sao, không ngờ đến giá cuối cùng phải thất cổ, vì nút dây bác thít mạnh quá thành ngạt

hơi không thở và cũng không nói lên được nữa, thành thử bác Trinh gục xuống chết dần, những người xung quanh thoát đầu tưởng thánh giáng cứ kêu cầu mãi, sau hồi lâu không thấy bác Trinh nhúc nhích đâm ngờ lay gọi thì bác Trinh đã chết cứng từ bao giờ rồi. Nhưng những con công đệ tử thì vẫn cho là tại bác Trinh không tâm thành nên bị đức thánh ngài phạt giam!.

Những chuyện tương tự thế ít lâu nay ở nước ta, xảy ra rất liên liên. Đó chẳng qua cũng chỉ là do ở sự muốn bịp bợm mà ra, nhất là cũng bởi tại người mình một số lớn hãy còn mê tín quá, lấy những chuyện siêu linh, thất cổ, cắt lưỡi làm chuyện thực.

Về cái ca này, chúng tôi sẽ nói rõ ở bài "*Buôn thần bán thánh*" ở số này và chúng tôi xin đem cả một chứng cứ bịp bợm và lợi dụng sự cắt lưỡi để kiếm lợi một cách trực tiếp như thế nào. ^[3]

*Trung Bắc chủ nhật, (số đặc biệt về
buôn thần bán thánh), Hà Nội, s. 32
(13/10/1940)*

1 Simple conte des collines.(nguyên chú)

2 Chỗ này bản sưu tầm của tôi mất 1 trang *TBCN*
(trang 16) chưa tìm lại được.

Bài này có đăng kèm với một số ảnh chụp của Võ An
Ninh, có chú thích mô tả: *Ảnh 1: Ông đồng Hà*
Nội. Người đã xiên linh hôm hội đền Kiếp Bạc vừa
đây. Các bạn nhìn kỹ tất sẽ thấy cái xiên linh không
xiên gì cả! *Ảnh 2: Một đám rước...*những người xiên
3 linh. *Ảnh 3: Paul Heuzé*. Một nhà thần học người
Pháp đã thí nghiệm xiên linh và nhiều thuật khác như
nằm bần chông, rạch lưỡi. *Ảnh 4: Một bọn buôn thần*
*bán thánh...*làm việc. *Ảnh 5: Một con tà. Ảnh 6: Và*
một con tà khác.

VINH NHỤC CỦA MỖI MỐI

Vinh ít nhục nhiều, cái nghề mỗi lái, ông ơi, bạc lắm! - Đó là lời của bà ký Tám Mái đã nói với chúng tôi, trong một câu chuyện về những cái vinh cái nhục của nghề làm mối vợ mỗi chồng ở nước ta.

Người đàn bà ấy không còn trẻ nữa. Ở một mình với một đứa con nuôi học một trường tư thục lớn ở đây, bà nguyên là một người hàng xách đi khắp Hà Nội để bán buôn đủ hết các mặt hàng. Nhưng về sau, nghề đó không lấy gì làm lợi lắm, bà xoay ra làm mối nhà mối cửa ăn hoa hồng và từ nghề mối nhà mối cửa, bà đã bước sang nghề làm mối vợ mỗi chồng cho người ta.

- À, à, này chớ có cười nhau. Bà Nguyệt Lão

ở trên trần đây, chớ đừng có tưởng chơi đâu. Một câu nói của tôi, nhiều lúc có giá trị ngang một câu nói của ông Tổng thống. Tôi ưng một tiếng thì thành vợ thành chồng mà nếu ức tôi cái gì thì phải biết! mất vợ mất chồng đấy nhé. Có người đã nói cái mồm tôi là mồm mẹ mẹ. Nhưng biết làm sao được? Trời sinh ra mình bắt mình phải bán nói mà sống thì không làm, sao được? Có mà rã họng ra! Vả lại nói mà giúp ích được cho người ta, tôi tưởng cũng chẳng có hại gì. Người ta sẽ cảm ơn mình mãi mãi, đại khái như trong câu chuyện cổ nọ, một người gù lưng xấu xí, không nhờ nghề bán nói của chúng tôi, thì làm sao mà lấy được vợ một cách dễ dàng, mà chị chàng sứt môi kia, nếu không có chúng tôi tài nói, thì có mà đến già mới có kẻ rước đi... Để tôi kể cho ông nghe câu chuyện ấy: Ngày xưa, có một cậu trai muốn lấy vợ và một cô gái muốn lấy chồng. Cô thì muốn một gã trai giòn; còn anh, anh thì tất nhiên là mơ ước một chị chàng thực đẹp. Bởi vì cái tâm lý của người đời nó

thế, ai không vậy, thưa ông?

Cơm trắng ăn với chả chim

Chồng đẹp vợ đẹp những nhìn mà no!

Cơm hầm ăn với cá kho,

Chồng xấu vợ xấu những lo mà gầy!

Phải lắm. Chỉ chết một nỗi là hai anh chị lại cùng có mỗi người một tật nên chi cái hoài bão "đẹp đôi vừa lứa, phải vợ phải chồng, tốt đôi loan phụng" của hai anh chị khó mà thành được. Bởi vậy, phải đi tìm mụ mối.

Đã đành, sau khi nhận được ít tiền, mụ mối nhận lời ngay. Mụ chạy sang nhà trai bảo: "Thôi, hai cụ ạ, được chỗ này thì chẳng có đâu hơn nữa, hai cụ cũng được vui tuổi già. Không cần nói đến chuyện môn đăng hộ đối nó đã rõ rệt ra rồi, chỉ nói riêng về cô ấy thôi,

cháu tướng giá có phải chồng bạc lên cao bằng người để mua được cô ấy cũng không nên tiếc của. Rõ thực là được cả người cả nét, chỉ phải có một nỗi là "ít mồm ít miệng" mà thôi!". Thế thì còn gì bằng nữa! Đàn bà, người ta chỉ sợ đa ngôn; nay nếu lại được có nàng dâu "ít mồm ít miệng" về thì xin ký cả mười ngón tay tức khắc.

Mụ mới lại chạy sang nhà gái mà rằng: "Này này, cô tốt số không thể nào nói được. Sắp sẵn mà đi làm bà huyện đi thôi, bởi vì, quý hoá quá, cậu ấy đã được người lại được cả nét, duy chỉ có cái lưng cái lồi thì hơi kém người một chút!" Bà mới khéo nói nhún thì thôi! Ở cái thời đại cổ, mà bọn học trò vẫn mang tiếng là "dài lưng tốn vải ăn no lại nằm" mà lại được một người "kém lưng kém lồi" thì còn gì bằng nữa? Xin thuận ạ. Thế là cuộc hôn nhân nọ thành! Mụ mới làm tiền mấy chuyến nữa. Sau, đến ngày cưới, cô dâu che quạt và giấu miệng. Chú rể thì cứ lù lù nằm ở

trên cái võng vào nhà. Người ta lấy làm lạ, thì thăm bàn tán; thì ra sau mãi đến lúc động phòng hai anh chị mới hiểu biết rõ nhau: anh phải nằm võng là vì gù lưng, còn chị, chị sở dĩ cứ lấy quạt che miệng chỉ là vì chị sút môi. Thế nhưng ván đã đóng thuyền rồi, biết làm sao? Hai họ thông gia đều phải ngậm miệng vì mục mỗi chẳng đã nói rõ lúc ban đầu là gì? Chị kém mồm kém miệng thực, mà anh thì kém lưng kém lỏi đứt ra rồi, không nói vào đâu nữa nhé!

Bà ký Tám Mái nói đến đó, đứng dậy lấy coi trầu vừa xếp lại vừa nói tiếp:

- Đó là một câu chuyện cổ nhưng tả hết được cái tài khéo nói của những người mỗi vợ mỗi chồng, dù ngày trước hay ngày nay cũng vậy. Sự thực, chẳng dám giấu gì ông chứ ngày nay, theo ý tôi, thì cái nghề làm mối lại còn khó khăn hơn trước nhiều. Bởi vì người thì khôn của thì khó, thừa ông, nhất là bây giờ vì

các báo bàn luận về việc lấy vợ lấy chồng nhiều quá, nên trai gái họ kén nhau cẩn thận vô cùng ông ạ. Những vụ đào mỏ không được rồi bỏ nhau, những vụ nhị hỉ mà nhà trai cắt tai lợn để đem cho nhà gái rất nhiều, thành thử nếu khi trai gái họ lấy nhau, họ thuê mật thám đi dò, và vì thế, nghề mối thành ra khó khăn quá, nói cho xuôi được một lứa, già đi hơn mười tuổi!

Nói thế, ông đừng tưởng tôi khoe mình. Sự thực là thế, mỗi khi có người nào đến nhờ tôi "giúp hộ" thì đã đành là cũng vui vui vì sắp có tiền tiêu, nhưng cứ từ lúc họ bước chân khỏi bậc cửa nhà mình thì mình bắt đầu mất ăn mất ngủ vì phải nghĩ mưu kế để làm thế nào cho hai họ xuôi tai... Nói ông tha lỗi, mình phải xăng cũng có, ngọt cũng có, trăm thức bà dẫn. Nói tóm lại, mình phải thạo khoa tâm lý, mình phải đi guốc vào óc từng người một. Nhà lão Hàn K. kia thích có con rể cử nhân tuy lão mấy đời nay chỉ bán bánh giò ư? Thì

nếu ví dụ mình làm mỗi con gái lão cho một cậu trai nào chẳng có đồ bằng gì, mình phải nói phóng đại lên, nhưng nói thế nào cho khéo, tỏ ra rằng cái bằng cấp không "giết ai" đâu: *"Ờ đời, bầm hai cụ, chứ cô dâu chú rể mà ăn ở với nhau hoà thuận là quý nhất"*. Nhưng đến cụ Thương X. ở nhà Diêm có con trai làm tri huyện chỉ thích cho con trai lấy vợ giàu thì lại phải liệu làm sao? Thì ta cứ nói bừa là nếu cậu ta lấy được cô ấy cô nọ thì tha hồ mà ngả lên trên đồng vàng, *"cái của ấy gọi là cứ đến đời con đời cháu tiêu cũng không hết!"*

Tôi đã biết, thưa ông. Tôi đã biết rằng phàm người nào có con trai con gái sắp lấy vợ lấy chồng thì ai cũng để ý xét những lời mụ mồm nói. Hơn hai mươi năm lăn lộn ở trong nghề, tôi rút được một cái triết lý này: bà mồi nên nói rất nhiều, nhưng nếu thấy ở nhà người ta một vẻ gì "khang khác", thấy người ta ít nói, chỉ nghe mình, thì nên nói ít đi. Điều kinh

nghiệm đó, mới đầu tưởng không là gì cả, nhưng mà là "nhiều lắm". Có thể người ta mới tin mình. Mà từ sự tin nhau đến sự nhận lời chẳng cách nhau bao nhiêu đâu. Cho nên bạc đầu làm mới ra rồi, tôi ít bị có đám chối từ, trừ phi cái đám khôn nạn ở Hàng Bè, có một người đồng nghiệp với tôi nó hất cẳng tôi đem một đám khác đến, thành thử ra tôi thiệt chuyển ấy hơn hai trăm bạc.

Người làm mới, nói ông tha lỗi, lắm lúc phải biết sẵn đón, hứng đỡ như một bà phù thủy. Lắm khi, phải bày mưu lập kế cả cho chú rể nữa. Chắc ông còn nhớ câu chuyện năm nọ có một anh chàng phơ phất mà lấy được con gái một vị đại thương gia ở Hàng Đào đấy chứ? Đó cũng là tại mới. Nhưng tôi xin nói ngay rằng người mới đó không phải là tôi; nhưng mà là con mẹ Ba ở Cổng Đục. Cũng như con mẹ này, mẹ ký H., mẹ huyện V. không biết đã làm hại biết bao nhiêu con trai con gái. Đây này câu chuyện mới lái làm hại

cô dâu ở Hàng Bè: chú rể ở H. K. thì xấu mà lại "mít", thế mà cứ nhất định phải lấy cho được cô dâu ở H.Đ., mà nhà cô dâu thì chỉ thích con rể học ở trường Cao đẳng.

Ông có biết mục mỗi, con mẹ Ba Công Đức, nó làm thế nào không? Nó dò biết nhà cô dâu hay đọc báo X., nó bèn đến nhà chú rể bày mưu mượn người viết cho mười cái truyện và mấy bài thơ khổ và ký tên chú rể vào, ở dưới không quên chưa một chữ "Sinh viên trường Cao đẳng".^[1] Báo đăng rồi, nó ngẫu nhiên đến nhà gáiướm nhò: làm gì mà chẳng nhận? Thưa ông, chú rể ấy kỳ thực chỉ làm ở nhà đo... đo giường!

Cũng như thế, còn bao nhiêu đám nữa: trai thì bắt rệp mà mới đến nhà gái dám nói xưng xưng lên là đồ cử nhân và nay mai sắp thi... tú tài tây; gái thì hai con đẻ ở tỉnh xa mà vẫn già mồm ca tụng là tường cao cổng kín. Chao ôi, nhiều chuyện lắm, nói làm sao hết. Kiếm ăn

thì kiếm ăn được thực đấy, nhưng mà ác lắm, thừa ông: mình phúc đức được là bao mà làm những chuyện nghịch địa oán thiên như thế?... Tôi, tôi không làm thế!

Câu chuyện "bồ nhân nghĩa" nói đến đấy, tôi nghe không thể nhịn cười được; bà ký Tám Mái, lúc ấy vừa nhai trầu bồm bồm, vừa lấy nét mặt nghiêm nghị, "làm y như là thực" vậy. Khôn lắm, bà ký đỡ lời ngay:

- Nói thế mà thôi ông ạ, chứ "ở với bụt thì mặc áo cà sa, mà ở với ma thì mặc áo giấy", ở cái đời này cứ nhân đức mãi có khi thì chết đói. Vậy nói nhỏ với ông, ông đừng có hại tôi mà đăng toẹt cả lên trên báo nhé. Tôi, tôi cũng vài phen phải làm "khổ nhục kế" như thế, nhưng không tệ quá đến nỗi làm hại cả một đời ai bao giờ...

Đám cưới do tôi làm mối mà tôi hối hận đến tận bây giờ là đám cậu S. ở H. X. lấy cô gái

thứ nhì bà ảm T. ở H. T. Nói của đáng tội, tôi biết rõ hai nhà lấm lấm rồi: cậu thì nghèo rớt mùng tơi mà cô thì hay khoe của, thích đi Gô-đa "sắm sửa những đồ gì thực đắt vào" và có độ một chục bạc trong người thì "trưng tướng" là có hàng nghìn hàng vạn. Cậu S... đến lay lục tôi giúp hộ. Tôi phải giở tài ra, và sau ba tháng trời đi lại, cô thì thuê mật thám đi dò mà cậu thì đem hết sức ra bung bít, cô cậu mê nhau và chính tôi, tôi bày kế cho chị mắc vào trong lưới tình. Còn ba hôm nữa thì cưới. Chị ngã ngửa ra vì biết là cậu nghèo rớt mùng tơi, nhưng biết làm sao? *Con chim khôn đã mắc phải lưới hồng...* Chị đành nuột bỏ hồn làm ngọt và tòi tiền ra để sắm tất cả... giường nệm, chăn màn, tủ áo, sà-lô, - à quên sà-lông, - cho anh chàng...

Những cuộc phối hợp như thế, có sự lừa lọc, bịp bợm nhau từ buổi sơ đầu, cố nhiên không bền chặt. Chú rể về khảo của vợ không được nhất định không ra Đốc lý làm phép cưới. Và

sau những trận đánh nhau chửi nhau đến mấy đời, hai anh chị bỏ nhau và... chửi tôi - tôi, mụ mồi - không biết bao nhiêu mà kể và còn doạ đánh là khác nữa! Ấy là tôi nghe đồn thế, chứ chửi thế, doạ nữa tôi cũng chẳng cần. Tôi như một nhà triết học, thừa ông ạ, bởi vì đi làm mồi mình phải can đảm hứng lấy tất cả sự vinh và sự nhục như các nghề khác vậy.

Tôi hỏi:

- Bà nói phải. Nghề nào cũng có nhục thì mới có được vinh. Thế nhưng mà nghề làm mồi thì tôi chắc có nhiều vinh lắm? - Sợ nói thế làm cho bà ký Tám Mái hiểu lầm chẳng, tôi phải nói thêm rằng: - Phải, những lúc thành vợ thành chồng, người ta kính phục bà mồi lắm. Một lời bà mồi nói, có thể làm gió làm mưa được!

Bà ký Tám Mái cười gằn:

- Nói thế cũng không phải là nói ngoa đâu, ông ạ. Vinh cũng có chứ chẳng phải không. Riêng tôi thì cái đoạn đời làm mối đáng kể nhất của tôi, vinh nhất của tôi, có lẽ là hồi tôi làm mối cho hai con ma lấy nhau ở Hải Phòng. Trước khi kể lại chuyện này, tôi xin nói để ông biết tôi không phải là người đàn bà An Nam hoàn toàn. Tôi là Khách Minh hương đấy. Vì vậy nên tôi vẫn đi lại ở nhà ông C. và ông bang H. Hai ông này vẫn chơi bời buôn bán với nhau, xảy đầu năm kia thì con trai ông C. chết và con gái ông H. cũng chết, hai cô cậu chết cách nhau vài tháng.

Theo phong tục nước Tàu thì hai người chết vẫn có thể lấy nhau như thường; tôi bèn ngỏ ý cho hai con ma ấy lấy nhau, và hai họ đều ưng thuận. Hai họ ăn uống linh đình và cũng nhận đồ mừng y như một đám cưới người sống vậy. Duy có lúc đón dâu, thì nhà trai rước một cái... bài vị của cô dâu về nhà. Thú lắm. Êm lắm. Tôi được một số tiền khá to và

cũng thú, cũng êm như thế, không còn sợ lỗi
thôi gì cả. Vì hai con ma ấy lấy nhau dù "com
chẳng lành canh chẳng ngọt" hay dù cậu
không đào mả được cô mà tống cổ cô về, hai
con ma ấy cũng không bật nắp áo quan dậy
để mà đòi tiền lại hay là chửi rửa tội kia mà!
Chết thay, những vụ cưới êm đêm như thế,
một đời người mới thấy có độ một lần, còn
cái "sự" mè nheo, chửi bới thì nhiều lắm, điếc
cả tai hàng xóm. Nhưng mà cần gì? Tôi cứ
đầy đủ với nghề thì thôi. Họ bạc thế chứ bạc
nữa tôi cần gì? Ông tính, vợ chồng mà hoà
thuận, sinh con đẻ cái đầy đàn thì hỏi họ có
nhớ tôi không? Không, không, họ không nhớ
mụ mới lấy một phút đâu, ông! Lắm khi đánh
chấn đánh cạ thua, có lại xin họ vài đồng thì
chồng đưa mắt cho vợ, vợ đưa mắt cho
chồng và từ chối, đến hay! Cái đời này nó
bạc lắm, ông ạ. Mà nghề, thì tôi tưởng cũng
chẳng có nghề gì bạc béo đến thế. Thực là
giời hại! Ngay như tôi đây, gần trải một đời
người đi làm mới vợ mới chồng rồi, mà nói

ông đừng cười tôi, tôi vẫn... phòng không lạnh lẽo!

Bà ký Tám Mái nói đến đấy rồi gục đầu xuống ngực như một cây cổ thụ gập con... giông tố. Đôi mắt bờ câu hơi... toét của bà xoắn đuôi lại như con tôm, một ít nước mũi thò lò ra, bà méo cái miệng lại cười nhạt mà tưởng như là... mếu.

Tôi an ủi:

- Chao ôi, đời nó thế, cũng là số kiếp cả, thừa bà...

Bà ký Tám Mái trả lời:

- Ấy, nói thế, ông đừng tưởng không có ai hỏi tôi đâu. *Nói để ông mừng cho, chứ em ông* trông cũng "đường được" đấy chứ, có bao nhiêu ông tham ông phán hỏi rồi đấy, nhưng "*em ông*" vẫn chưa bằng lòng... *Nếu*

không thể thì "em ông" đã chết từ đời "tám hoánh" nào rồi (?) ông ạ. Em ông chỉ nghĩ một điều là: thôi, cứ để mặc cho "người ta cưới đông cưới tây" đi, em ông cứ ở nhà nuôi mẹ già và phụng dưỡng mẹ lúc mặt trời bóng xế thì đi lấy chồng cũng chẳng lấy gì làm muộn... Chỉ trừ khi nào có người nào coi mẹ em cũng như mẹ người ta, và cho em nửa tháng độ một trăm bạc để nuôi mẹ thì hoạ em mới bằng lòng thôi...

Nhời nói nghe mà cảm phục! Nhưng chết một cái là bà ký Tám Mái lại nổi tiếng là một người đàn bà coi mẹ hơn vú già...

Bà ký Tám Mái nói thế xong thở hắt ra như nhẹ được một phần người, nhưng chỉ một lát thì bà lại sâu rũ ra và chép miệng luôn luôn than thở cho cái nghề bạc béo:

- Tôi cứ thấy người ta than thở cái nghề làm báo bạc béo nhất đời. Chẳng hiểu làm sao

chứ cái nghề làm mối của tôi thì thực bạc bẽo không bút nào tả nổi. Tôi thường nghe thấy mấy ông ở gần nhà tôi vẫn nói chuyện rằng bên Nhật, cái nghề tôi không đến nỗi bị coi thường quá. Trái lại, người mối vợ mối chồng^[2] ở Nhật lại được đặt lên một địa vị rất cao, như một vị quan xử án giữa hai bên chồng vợ.

Người ta kể chuyện rằng khi có nhà nào muốn cưới con, thì việc đầu tiên ở Nhật là phải đi tìm người mối, thường phải là một đôi vợ chồng. Đôi vợ chồng người mối sẽ là hai người chứng: người mối không thể là một người goá hay chưa chồng, chưa vợ. Họ phải là những người đứng đắn và phải thu xếp tất cả công chuyện, hỏi dò tin tức và an bài cho ổn thoả của hồi môn. Họ đưa cô dâu, chú rể về nhà cưới và khi nào họ vào phòng tân hôn, thì chính tay người mối dắt họ vào.

Đừng tưởng thế là xong: đôi vợ chồng ấy không phải là không còn bao giờ không gặp

người mỗi nhà. Trong tất cả thời kỳ hôn phối mà họ đã giúp tay, họ đứng ra khuôn xử tất cả những cuộc cãi lộn có thể xảy ra ở giữa cô dâu chú rể. Nếu đôi vợ chồng ấy ly dị, ít khi họ phải nhờ pháp luật đem ra phân xử. Sau khi cưới xin xong, cô dâu chú rể phải đem quà cáp và đồ vật để kính biếu người mỗi, những đồ biếu ấy thường là bông và gai tức là biểu hiệu của thọ phúc an toàn vậy. Đôi khi là gấm, vóc, quý giá và có thể là tiền bạc. Nghĩ đến người mà thềm ông ạ! ^[3]

VŨ BẰNG

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 36
(10/11/1940)

¹ Cái lỗi chưa chức nghiệp ở trên báo bây giờ đã bỏ rồi.
Ngày trước thịnh hành lắm. (nguyên chú)

² Ở bên Nhật, người làm mỗi gọi là *Nakodo* (V. B.)

Bản gốc *TBCN* đăng bài này với 1 minh họa của Mạnh Quỳnh và 2 ảnh của Võ An Ninh, có ghi chú

mô tả: **Ảnh 1: Một đám cưới nhà quê.** Cạnh những
đụn rơm cao nhón, ông chủ hôn mặc áo thụng xanh
3 tay cầm một bó hương to đang cháy đi dẫn đầu đám
cưới cho cô dâu về nhà chồng. **Ảnh 2: Đám cưới
nhà quê.** Dưới lũy tre xanh êm mát, từng đôi một,
nào cô dâu, nào chú rể, nào họ nhà gái, nào họ nhà
gái, đang thong thả bước đi trên con đường đất gồ
ghề...

NGHỆ THUẬT HÁT BỘI Ở PHÙ TANG TAM ĐẢO

LTS. - Như độc giả đã biết, hai ngày 17 và 18 Novembre vừa rồi ban hát *Umejima Gekidan* của Nhật đã diễn hai buổi đặc biệt tại Nhà hát Tây Hanoi để trưng tài nghệ ca kịch của Phù Tang tam đảo nhưng mục đích của ban hát thì là để tiêu khiển cho quân lính những lúc xa nhà xa cửa. Theo như lời viên bầu gánh đã nói trước khi khai diễn thì cuộc vui này không định trước nên gánh *Umejima Gekidan* chỉ có tất cả mười bốn người thôi. Mười bốn vai nghệ sĩ này lãnh cái nhiệm vụ an ủi những quân lính ở Tàu và Đông Dương này, đi không có đồ đạc, không có người theo sau, không có người để trang điểm cho tài tử và không có cả nhà dàn cảnh nữa.

Viên bầu gánh có nói rằng: "Buổi diễn hôm

nay bình dị quá, xềnh xoàng quá. Sự thực, muốn hiểu thấu cái nghệ thuật hát bội của Nhật Bản, thì người ta cần phải có một cái rạp hát ở Đông Kinh, có một sân khấu thực rộng mà ở trên đó có thể là chỗ hoạt động cho 130 hay 150 tài tử và những người phụ việc".

Nhân hai buổi diễn đó, phái bộ Nhật chỉ mời các quan chức Pháp và mấy tờ báo hàng ngày ở đây đến dự, nên người ngoài không được xem tài nghệ của tài tử Nhật ra thế nào. Vậy cho nên chúng tôi lúc nào cũng muốn là một người bạn nhanh nhẹn và giúp ích cho bạn đọc, chúng tôi lấy làm vui mừng mà thuật rõ lại hai buổi hát đó lên đây và luôn thể chúng tôi lại tìm hết cả các tài liệu về nghề hát bội của người Nhật đem viết ra đây để các bạn cùng xem và một khi xem xong rồi, các bạn tất phải lấy làm kinh ngạc cho cái nghề hát bội của người Nhật và ta sẽ nghiệm thấy câu nói của viên bầu ban *Umejima*

Gekidan nói trên kia quả là đúng sự thực và buổi hát ngày 17 và 18, mà mọi người cực lực hoan nghênh và coi là một sự lạ chưa từng thấy đó, mới chỉ là một buổi đóng kịch để vui chơi thôi chứ chưa phải là thực vậy. - T. B. C. N. ^[1]

○ ○ ○

Hai hôm 17 và 18 Novembre vừa rồi, những người nào được ban ca kịch **Umejima Gekidan** mời đến xem diễn ba vở tuồng Nhật ở nhà hát Tây tất đều nhận thấy như tôi rằng cái nghệ thuật hát bội của người Nhật đã lên tới một độ rất cao, chẳng kém gì Âu Mỹ.

Cao về nghệ thuật, nghề hát bội ấy lại cao cả về tinh thần nữa, mà chỗ ấy mới là chỗ chính. Kẻ viết bài này đã từng được đọc ít nhiều hài kịch và thảm kịch của Nhật rồi: hầu hết các vở kịch của họ đều có một cái tinh thần đặc

biệt Á đông; người Nhật không có cái lối biểu dương "nghệ thuật vì nghệ thuật", nhưng nghệ thuật, ở phạm vi kịch hát của họ, phải chủ trương một cái gì, phải giúp ích cho người đi xem về phương diện gì, cho nên ở vở kịch nào của họ cũng có một cái then chốt: hoặc ca tụng lòng can đảm, hoặc chế riễu những anh tham tiền bỏ nghĩa, v.v... Cũng như cái lối tuồng cổ và chèo cổ của nước ta, thể nào cũng phải biểu dương hay ca tụng bốn cái đức này: trung, hiếu, tiết, nghĩa, và mạt sát những kẻ không giữ được trọn bốn cái trụ của nền luân lý đó.

Nghề hát bội của Nhật vì vậy không thể coi như là một trò giải trí, nhưng nhà hát Nhật Bản thực quả là một cái trường học hoạt động, mỗi ngày một đi tới chỗ hoàn toàn.

Muốn rõ lịch sử và nghệ thuật hát bội của người Nhật, ta phải quay lại thế kỷ thứ chín: Hội ấy, ở dưới triều Thần Vũ thiên hoàng, tỉnh

thành Yết-ma-tô bị động đất ở gần phía Nã-la (chỗ ấy hiện nay vẫn còn là một chỗ danh thắng lưu truyền tiếng tăm lại đời đời vì những thành quách và miếu đài lộng lẫy) núi lửa phun khói và giết hại không biết bao nhiêu người mà kể.

Muốn yên lòng các đảng thần minh giận dữ đã sát hại sinh linh hồi ấy, những vị hoà thượng có tiếng ở trong nước bèn nghĩ ra một cách là bày ra một cái đàn để múa hát ở trên bãi cỏ, ngay chỗ xảy ra nạn động đất quỷ khốc thần kinh kia, và cầu được ước thấy, vừa cúng tế múa hát được vài hôm thì ngọn lửa tắt hẳn và nạn động đất cũng thôi hẳn, không hoành hành nữa.

Theo như sự tích truyền kỳ thì hát bội Nhật Bản bắt đầu từ đó. Hiện nay, ở nhiều nhà hát của Phù Tang tam đảo, trước khi chơi một tích hát gì người ta vẫn còn cho biểu diễn lối múa đó, tục gọi là *sambasho* để kỷ niệm

cái kỳ tích ở Nã-la và thường thường người đứng ra biểu diễn lối múa đó vẫn ăn mặc lối hoà thượng ngày xưa vậy.

Dân gian từ đó bắt đầu làm quen với những cách biểu diễn có tính cách tôn giáo đó. Những cách biểu diễn đó, khởi thủy rất bình dị; phái thần đạo về sau dựa vào đó mà làm nên những hài kịch câm và hoạt động. Trong những kịch câm đó, vở có tiếng nhất là vở *Tama-Tori*, trong đó người ta có nói đến một người đàn bà thành tiên, lúc ra trò, tay rung lia lia một thứ nhạc khí tiếng kêu sang sảng, tay thì cầm một quả tròn bằng pha lê quý giá biểu hiệu sự thực và sự trong sạch ở đời, không ai làm mờ đi được, dù là quỷ sứ.

Cứ xem như thế thì ta biết rằng cái khởi nguyên của nghệ hát bội Nhật cũng giống những khởi nguyên của nghệ hát bội Pháp. Ở Pháp vào thời trung cổ người ta cũng diễn những trò huyền ảo và phô trương những

chuyện huyền bí ở nhà thờ, sau dần dần lan ra đến những biệt thự của các vị quân chủ, quốc vương, sau mới đến những chỗ công cộng để cho dân chúng đến xem cho thích mắt. Nghề hát bội của Nhật và của Pháp có nhiều chỗ giống nhau và nghề hát bội của hai dân tộc ấy đã trải nhiều chặng để đến sự tiến bộ ngày nay vậy.

Những tuồng rối *Joruri* và *Ningyo-Tsukai* bắt đầu đặt ra tự thế kỷ thứ XVIII.

Hiện giờ, ở nước Nhật, một cái cửa rạp hát bao giờ cũng treo đèn kết hoa và dán nhiều tranh ảnh thực rực rỡ tả những đoạn hay nhất ở trong vở kịch mà người ta đem ra diễn.

Cửa rạp có chấn song bằng gỗ sơn đen và ngăn ra từng ô để riêng cho những người bán vé và soát vé. Có một cái buồng để chứa áo khoác ngoài, ô, mũ và những đôi guốc một quai. Chính nhà hát thì phần nhiều chỉ có hai

từng: từng dưới nhà và từng gác.

Trong một cái ngăn ở trước sân khấu, một người đàn ông, mà người Nhật gọi là *guidayu* ngồi xếp bằng tròn và đánh đàn tam *shamisen*. Người ấy lúc màn bắt đầu mở, đứng ra nói bằng một giọng buồn thảm và nhịp nhàng về toát yếu vở kịch đem ra diễn và đôi khi vui miệng lại tả cả những tình cảm, những bộ điệu mà những tài tử sắp đem chơi trên sân khấu nữa.

Dưới người "giáo đầu" đó, có một người *amatetake* cầm hai cái sênh bằng gỗ đập vào sàn, những khi nào có một vai rất sâu khổ ra trò, nói lên những lời rất bi đát; người *amatetake* đánh nhịp rất mạnh và làm đình tai người đi xem.

Trên trần nhà hát, có kết hoa và chằng những vòng xúc xích bằng vải đủ các màu, cùng những tấm lụa sắc sỡ có đề chữ viết thoáy:

đó là những cái áo của những tài tử có danh tiếng. Cho nên, ở Nhật, mỗi khi ai nói tới một kịch sĩ lành nghề nào, họ thường bảo: "Kép hát ấy đã đóng đến 36 cảnh".

Sự giữ trật tự ở trong nhà hát không phiền phức như ở xứ ta: chỉ cần một người cảnh sát thôi cũng trông cả một rạp hát được; xem thế thì ta đủ biết những người đi xem hát ở Nhật Bản biết trọng trật tự như thế nào.

Tùng dưới thì làm ra không phải để ngồi mà cũng không phải để đứng: khán giả ngồi xôm ở trên chiếu và như thế họ không lấy gì làm mỏi mệt bởi vì cái lối ngồi xôm ấy dân Nhật quen đi rồi.

Rạp hát chia ra làm từng ô vuông cao độ ba mươi phân một, và phân ra thành từng ngăn đều nhau như thể những cái "loges" ở rạp hát ta. Những ngăn ấy bề ngang khá rộng để cho người ta có thể đi lại tự do được; những

người bán chương trình, bán quà bánh và nước trà đi lách qua chỗ khán giả để vào bán hàng, có khi họ lại dọn cả cơm để bán cho khách nữa, bởi vì ở Nhật có lắm khi người ta diễn kịch từ sáng sớm cho đến đêm khuya mới tan. Ở trong mỗi cái ngăn như thế, có một cái que lửa, một cái bùi nhùi, - *hibashi* - để cho người đi xem châm thuốc, và muốn nhỏ, người nào người nấy đều có sẵn một cái ống phóng làm bằng một cái ống tre.

Ở chung quanh người dàn cảnh, có hai cái "phông" chính: một cái vẽ cảnh biển, ánh sáng lung linh và một cái vẽ cảnh một phòng trà xinh xắn như một thứ đồ chơi vậy.

Ngoài những cái lối đi có giải thưởng mà tôi vừa nói ở trên kia, rạp hát Nhật Bản lại có hai lối đi khác rộng hơn ở bên phải và ở bên trái và cao bằng sân khấu. Những tài tử sẽ do hai lối đi này mà vào diễn kịch: như thế, lối trung diễn sẽ có vẻ tự nhiên hơn mà những tài tử

không cứ là phải đi ra đi vào do hai cái lối từ xưa đến nay vẫn có là hai lối đi trong sân khấu. Một trong hai lối đi nói trên kia khá rộng, có thể cho xe và thuyền vào cũng vừa. Khi có một vở kịch nào cần có nhiều "phông" nhiều cảnh thì ráp hát để hai cái phông ráp vào nhau, trên một tấm biển quay được. Lúc nào cần đến, một bọn tài tử đi vòng theo lối cái biển quay và một bọn tài tử khác sẽ lộ ra ở trước một phong cảnh khác.

Trên sân khấu Nhật, đứng riêng biệt hẳn bọn tài tử, lại còn một bọn người mặc quần thâm áo thâm tên là *Kuromango*: bọn này đi lại, chạy nhảy, và thấp đèn, dụi nến. Họ ra trò lúc nào có những chuyện vui đặc biệt hay để giúp đỡ những tài tử khi có chuyện sầu khổ quá, hoặc đưa cho tài tử một chén trà, một cái khăn tay chẳng hạn. Trong một "sen" tả một võ sĩ sắp giết người tình, một tên đứng quạt và một tên giơ một cây nến dài lên ngang mặt tức giận và sầu thảm của người đóng vai võ

Những kịch Nhật phần nhiều là soạn theo lịch sử và sự tích thần kỳ. Trong những gánh hát rong thì những tuồng hay kịch đem diễn không dài lắm nhưng vì nó gần sự thực về mặt phong tục hơn nên vẫn được dân gian chú ý hơn. Ở đó, người ta thường diễn những bản hài kịch và những bản tục dao kịch có tính cách thời sự. Phần nhiều người ta hay đem diễn những cuộc đời hàng ngày và những cái lỗi bịch do cuộc văn minh vật chất gây nên và thường được dân chúng hoan nghênh lắm.

Dưới đây là một thí dụ mà chúng tôi lược được trong một vở kịch thường diễn ở một rạp hát rong quanh năm ngày tháng thường đóng ở Đông Kinh vậy:

"Một người đàn ông kia goá vợ. Có một nhà sư đến lên đàn và tụng kinh để cho linh hồn người vợ được siêu sinh tịnh độ. Ông sư đó

nói chuyện với người đàn ông góa vợ kia, người góa vợ hỏi phải làm những gì và tiêu phí hết bao nhiêu tiền. Cãi lộn, nói đùa, trào phúng, người chồng nọ khôì hài. Kịch đến đoạn hết: người chồng nọ thấy phải tiêu nhiều tiền quá, đâm hoảng và lấy làm tiếc sao vợ mình lại chết đi như thế để cho mình phải khổ thân như vậy".

Nói đến nghệ thuật hát bội của người Nhật, ta không thể không nói đến bọn kép võ và bọn ca múa được. Bọn kép võ được dân chúng Nhật quý lắm; quý đến nỗi họ được mang binh khí là những thứ mà chỉ phái võ sĩ thực, bọn quý phái được mang theo trong mình mà thôi. Họ làm nghề này, đời nọ nối đời kia và có những cách luyện tập riêng của phái *sumo*, một phái đứng riêng biệt ở trong xã hội và có một sức khỏe không có ai bì kịp. Bọn kép võ này, hay nói nôm là bọn đô vật này, chia ra làm ba hạng: hạng tập sự (*Komosobi*), bọn "thày" (*Maigashira*) và

bọn "chúa" (*Ozéki*). Lên được đến chức thứ ba này, là đến tột cùng của nghệ thuật vậy.

Họ không có một rạp hát riêng cho họ. Hết gánh này sang gánh khác, họ mỗi khi đi diễn ở đâu thì làm cho dư luận ở trong nước xôn xao lên: vài ngày trước hôm biểu diễn, có một người đứng ở trên một cái tháp đánh trống dừ dội và rao lên âm âm. Phố xá có treo cờ kết hoa rộn rịp, không thể tả hết sự tung bừng náo nhiệt.

Ở giữa một bãi đất rộng, người ta dựng lên một võ đài, chung quanh có những bụi gỗ để cho người ngồi xem: những người ngồi xem đó đánh cá với nhau những ai thua ai được, y như đánh cá ngựa vậy.

Đứng ở giữa bụi là viên trọng tài, viên trọng tài này theo dõi cuộc đấu từng tí một như ở trong một cuộc đấu gươm. Cái công việc viên trọng tài xem thế không phải là một công việc

đễ dãi như ta tưởng đâu, nhưng là một công việc cha truyền con nối vì người đứng trọng tài cũng phải giỏi võ và biết hết các môn quyền thuật.

Những viên trọng tài có tiếng nhất ở Nhật là những người ở dòng họ *Kimura*, một dòng họ lâu đời nhất, bây giờ người ta không còn biết ông thủy tổ là ai cả.

Còn về ca múa. Nội cái gì có tính cách ca múa, ở Nhật, người ta cũng đều hoan nghênh cả. Ở Đông Kinh, chánh phủ Nhật có xuất tiền ra lập một trường dạy ca múa giống như Nhạc hội ở Anh và ở Pháp.

Nội tất cả những lối múa, cái lối làm cho người ta chú ý nhất là lối *Dai-Kagura* hay là lối múa "Cao Ly Mãnh hổ", nó nhắc người ta nhớ đến sự tích bà nữ vương *Zingo-Kogo* đã chiếm được đất Cao Ly.

Một cái thí dụ hay nhất về nghệ thuật nhảy múa của người Nhật là bản *Matsu-Odori* hay là "Khiêu vũ cây tùng", người đàn bà ra múa làm những bộ điệu mềm dẻo như là cành tùng cành bách là một thứ cây quân tử quanh năm xanh tốt. Trong lối múa này, cây quạt là một vật quan hệ vào bức nhất, hơn cả các lối múa khác. Phàm lối múa nào của người Nhật cũng cần dùng đến quạt. Người Nhật cầm quạt múa dẻo lảm và mỗi một lối múa thì cây quạt múa lên lại có một tính cách riêng: mỗi một bước, mỗi một cái uốn éo người đều là để *trả lời* một tư tưởng, một cảnh ngộ. Người đi xem diễn kịch tưởng như mình được đọc một bài thơ mà bao nhiêu nhân vật ở trong đó đương sống ở trong cõi cao cả nhất của nghệ thuật tư tưởng.

Người Nhật Bản là một dân sản xuất ra được nhiều nghệ sĩ có biệt tài và những người nhảy múa có tiếng lẫy lừng trong thế giới. Những văn sĩ, trước tác gia cũng đáng được người ta

cổ võ hoan nghênh như những người ca múa
và những tài tử biểu diễn ở trên sân khấu vậy.
[2]

VŨ BẰNG

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 38
(24/11/1940)

1 Đây là lời toà soạn *Trung Bắc chủ nhật*, hẳn cũng
do Vũ Bằng viết.

2 *TBCN* đăng bài này kèm ảnh của Võ An Ninh, chụp
cảnh võ diễn nói tới ở Lời toà soạn. Ngoài ra còn có
một ảnh nhan đề *Đánh vật sumo của Nhật*. Hai võ
sĩ to lớn Nhật đang trở tài trước trăm ngàn người xem.

GEISHA

Yoshiwara, một "hoa thành" của Phù tang Tam đảo bị thiêu sạch và vớt 10 vạn Geisha ra cuộc đời

Các bạn đọc báo, kỳ trước đọc bài tường thuật hai buổi diễn kịch của gánh *Umejima Gekidan* ở nhà hát tây Hà Nội tất hãy còn nhớ rằng ở giữa hai vở *Zembu Selshin Ijoari* và vở *Yamato Damashii*, ban tài tử Nhật có trưng một cuộc "múa quạt" rất đẹp do một người đàn ông ăn mặc giả làm thiếu nữ Nhật múa theo tiếng đàn *samishen*. Người Nhật ấy đã làm cho nhiều người lính Nhật đi xem hôm ấy chú ý: chú ý vì thân hình, vì điệu múa "như cánh bách cánh tùng" đã đành rồi; nhưng sự thực, họ chú ý một phần là vì người ta nhớ tới một hạng thiếu nữ múa quạt ở Nhật, các cô *geisha*, một hạng đàn

bà kiều diễm tài hoa, đã tô điểm cho nước Nhật và làm cho thế giới ưa đến thăm nước ấy.

Thực vậy, người ta có thể bảo rằng những người đàn bà này gần như là một thứ tinh hoa của Phù tang. Cho nên một người đàn ông Nhật bị đẩy ải đến nơi quan tái hay là bỏ cửa bỏ nhà mà đi lập nghiệp ở dưới những phương trời lạ, - theo lời của một danh sĩ biết nhiều về Nhật bản Paul Louis Couchoud - thì người đàn ông Nhật nhớ họ như là hình ảnh của quê hương vậy.

Sự thực, từ xưa đến nay rất nhiều người đến chơi đất Phù tang đã hiểu lầm bọn người này cũng như từ xưa đến nay nhiều người đã không thận trọng những danh từ trong khi du lịch. Người ta có cái ý muốn gán cho những chữ những tiếng một cái ý phong tình, đại khái như những chữ *sérail* và *harem* chẳng hạn. Chính thực chữ *sérail* chỉ có nghĩa là lâu

đài và *harem* chỉ có nghĩa là nhà (ở chữ Anh *home* mà ra) như hiện giờ người ta nói tới hai chữ ấy thì đều hiểu theo một nghĩa không đúng đắn.

Cũng vậy, người ta bây giờ mỗi khi nói tới chữ Nhật *geisha* thì đều có cảm giác rằng *geisha* là bọn gái phong tình của đất Phù tang, nhưng sự thực *geisha* cũng như *mousmé* ở Nhật đều là hạng người mà tính hạnh không có gì đáng làm cho ta sợ cả. *Mousmé*, ở nước Nhật, chỉ có cái nghĩa là người con gái ở trong gia đình, người chị cả; còn như *geisha* thì là... đó, chính ở đó ta cần phải nói cho rõ ràng đôi chút.

Geisha là hạng thiếu nữ sa cơ, làm nghề lấy nhan sắc ra tô điểm cho đất nước. Hạng người này, như trên kia, tôi đã nói, thực là cái tính hoa của Phù tang cũng như những nhà võ sĩ là danh dự của Phù tang vậy.

Những dây lưng đẹp, những gấm vóc lụa là hào nháng, những đồ nữ trang thay đổi kiểu luôn luôn chế hoá ra là để bọn này dùng; họ có thể đem ví với những ngôi sao (in partibus), những ngôi sao không bao giờ lên sân khấu để diễn kịch cả mà cũng chẳng đóng trò chiếu bóng, nhưng mà là những ngôi sao để cho vương tôn công tử bỏ tiền ra mời về nhà thưởng thức cái đẹp, cái tài, cái khéo và cũng là để chuốc lấy sự khổ não cho thân mình, bởi vì những *geisha* uốn éo, nũng nịu và thích làm khổ lòng người ta lắm. Tuy vậy, ta đừng vội tưởng những cô *geisha* này là một hạng lầu xanh hay là những con "gà mái lịch sự" của ta đâu: họ du dương tình tứ, họ có những điệu bộ khéo tình thực, nhưng... nhưng họ không phải là những hạng người bán cái dâm đi nuôi mình.

Khởi thủy, những cô *geisha* chính là những con đồng cái bán ở phái thần đạo; họ đứng làm tiêu biểu cho cái chủ nghĩa khoái lạc là cái

luân lý của nước Nhật khi xưa vậy.

Vào thời ấy, những nhà quý phái ở nước Nhật không biết làm gì cả, ngoài hai bữa cơm ra; họ đọc phú ngâm thơ mãi cũng buồn nên thường thường vẫn hội họp nhau ở những nhà như nhà cô đầu bây giờ để đề trăng vịnh gió, ngắm tuyết trong mây và, cũng như lớp người cũ ở nước ta, họ phí thời giờ vào những việc không ra đâu cả.

Một vài "cái phòng trà" bắt đầu mở: những người chủ phòng trà, muốn cho những ông thi sĩ, văn sĩ một mùa kia có bạn, bèn mộ dăm ba ả đến để mài mực, rót rượu hay ngâm ngợi dăm ba câu thơ cho đỡ buồn.

Nếu người ta cần phải đem các cô *geisha* ra ví dụ với một hạng người nào ở nước ta, tôi xin ví họ với bọn cô đầu hát cũ, cái bọn người ở sau màn màn hát ra để quan khách nghe chơi, cái bọn người cùng lớp với vai chính ở

trong truyện "*Thê non nước*" của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu vậy.

Những cô *geishas* Nhật Bản khởi nguyên cũng thế. Họ là những con nhà gia thế cả nhưng vì chẳng may gặp bước sa cơ thất thế nên phải tạm dấn mình vào một chỗ dập dìu xa mã công khanh. Tôi đã đọc một vở kịch Nhật mà trong đó người ta thuật chuyện một người đàn bà Nhật đã có chồng, nhưng vì chồng cần tiền để hội họp anh em lại trả thù cho chủ cũ, người đàn bà ấy không ngần ngại gì cả, đã tự bán mình lấy 100 đồng tiền vàng và đến ở một cái phòng trà trong ba năm.

Quả vậy, những người đàn bà dấn thân đi như thế không phải cứ để ở suốt đời như thế! Họ có giao ước với chủ phòng trà sẽ ở trong một thời hạn là bao nhiêu ngày, bao nhiêu tháng, bao nhiêu năm; ngoài cái thời gian ấy ra, họ sẽ có tự do của họ, mà trong khi ở đó, không có thể có một thế lực gì bắt họ phải

theo ý muốn người khác được.

Ở những phòng trà ấy, người *geisha* được hưởng một thứ giáo dục hoàn toàn: họ thêu thùa may vá, học cách cắm hoa (*ikebana*) và học cả chữ nữa, để mỗi khi có khách thì có thể xướng họa được với họ, hoặc nếu không thể thì ít ra cũng phải biết ngâm vài bài thơ để làm vui lòng khách những lúc trà dư tửu hậu.

Mỗi nhà có riêng một người đàn bà đứng tuổi chỉ ròng dạy bọn này: họ dạy bọn *geishas* những bài thơ của các danh sĩ mà chúng tôi tạm dịch nghĩa một vài bài ra đây:

Một con chuồn chuồn

Định đậu lên trên

Một ngọn cỏ

Nhưng không được.

*

Dù mi đã đậu rồi,

Đôi cánh mi còn vẫy,

Bướm ơi!

*

Một đàn ngỗng giòi

Ở đỉnh núi bay đi

Dưới ánh giăng thanh.

*

Một cánh hoa rơi

Và lại bay lên cành.

À! ra con bướm...

Những bài thơ ấy đại khái như vậy cả, (người Nhật gọi là *hai-kai*) phần nhiều mỗi câu chỉ có một hai chữ vớ vẩn thế thôi, nhưng bài nào cũng nhẹ như bướm cả. Bọn *geisha* người đã nhẹ lại ngâm những bài thơ nhẹ như thế, tưởng đã thần tiên lắm lắm rồi, không ngờ người Nhật vẫn cho thế là chưa đủ nên lại còn tập cho bọn *geisha* biết nhảy múa nhẹ nhàng cũng như dáng điệu của họ và thơ của họ ngâm nga vậy.

Về những lối múa này, như trong bài "*Nghệ thuật hát bội của Phù tang Tam đảo*" mà tôi đã viết trong số trước, lối nào cũng dùng đến cây quạt cả. Mỗi bước đi một điệu, mỗi sự uốn éo lòng là để "trả lời" một tư tưởng, hay một vẻ riêng của nghệ thuật nhưng đặc biệt và được *geisha* Phù tang Tam đảo

ura nhất và lấy làm khó nhất có chăng là lối múa cây tùng cây bách (*Matsu Odori*). Hai tay người *geisha* múa như lá tùng lá bách rơi ở chung quanh bộ xiêm phục lệ làng như gió xuân.

Xem như vậy thì ta có thể bảo bọn *geisha* chính là một hạng nghệ sĩ của đất Phù tang, mà sở dĩ bọn người này được thế, chính là vì ở Nhật, sau cái phong trào xu hướng về khoái lạc, phong trào Khổng giáo kế tiếp luôn và đưa người ta đến chỗ tận thiện tận mỹ của đạo đức và nghệ thuật.

Hiện nay, phong trào Phật giáo có lẽ không rộng được bằng khi xưa nữa, nhưng Nho giáo lại gây cho óc người Nhật sự cương cường, làm cho cả đàn ông lẫn đàn bà đều biết trọng nhân cách vậy. Vì thuở nhỏ, người ta đã dạy cho con trai cũng như con gái cái "nghệ thuật giữ mình" nghĩa là giữ từ cách đi đứng cho đến cách kiểm chế lòng dục lại làm

cho mình tự chủ mình.

Những cô ***geishas***, vì vậy, lúc mới bước vào đời đã học được cách cầm nước mắt, biết giữ để không tức giận, không sợ hãi.

Paul Louis Couchoud kể chuyện rằng chính mắt ông, hồi bắt đầu cuộc chiến tranh Nga - Nhật, ông đã được mục kích có tới hơn hai mươi bận những quân lính Phù tang từ biệt đất nước để ra nơi trận địa. Bao giờ cũng vẫn một lời nghi tiết ấy: những cô ***geishas*** - phần nhiều có chồng hay nhân tình ở trong số quân lính đó - ăn bận thật diêm dúa: áo lụa sa tanh mỏng thêu hoa sắc sỡ như một công viên Nhật; dây lưng (***obi***) vàng lấp lánh một thứ lụa thiên thanh, hội họp nhau ở các nhà ga nhỏ để dựng chén trà cuối cùng cho quân lính: các cô ***geishas*** đi vào các hàng quân, đầu cúi, nụ cười không lúc nào quên nở trên môi cả. Họ không hôn nhau mà cũng chẳng ôm lấy nhau như ở các đô thị lớn trên thế giới; họ

cúi rạp xuống chào "những kẻ sắp đi" và cười, không một giọt nước mắt hay một câu than vãn. Không phải là họ không đau đớn ở trong lòng đâu: các cô *geishas* cố cầm nước mắt đấy, theo như một câu đồng dao Nhật "chỉ có cái gôi mới có thể biết nước mắt người ta được".

Những lúc ôm gôi mà đau đớn một mình như thế, các cô hay gảy đàn *samishen* vì trong khoa giáo dục của các cô nhận được, môn âm nhạc là một môn cần thiết nhất, cho nên đã nói đến *geisha* là người ta nghĩ đến đàn *samishen*. Ngoài những món ấy ra, người *geisha* lại còn phải học cả những lối uốn éo ru lòng người, nói tóm lại là những cách "làm ái tình" như ta học một cuốn mẹo về giác quan. Những cô này càng khéo bao nhiêu càng giỏi bao nhiêu, càng kiếm ra tiền bao nhiêu thì càng được chủ chiều chuộng bấy nhiêu, sắm sửa cho nhiều thứ và rút ngắn cho cái thời kỳ trong hợp đồng ví dụ ký sáu năm

thì rút xuống chỉ còn ba, ký 25 năm rút xuống mười tám năm hay kém thế nữa...

Những nhà *Ochaya* hay phòng trà của Phù tang Tam đảo dựa vào bọn *geisha* mà sống rất nhiều. Họ bán cái vui, cái cười của bọn người kia cho khách du và thỉnh thoảng những nhà lịch sự vẫn cho đón bọn người này về gảy đàn và hát vào bất cứ giờ nào cũng được; - cũng như ở Huế, ta có thể mời các cô ca về để ca lý và gảy đàn tranh để quên sầu những lúc đêm thanh và giá cả bọn *geisha* thì cũng y như bọn ca lý Huế, nghĩa là tùy theo thứ bậc, tùy theo danh tiếng của từng người một, chứ giá cả không nhất định, và một phần nữa cũng tùy theo lối múa của chủ nhà bảo múa. Trên kia đã nói đến lối múa *Matsu Odori*, nhưng từ cuối thế kỷ thứ XIX thì bọn *geisha* thường múa khúc "Múa anh đào" rất được hoàn nghê ở Đông Kinh, chia ra như sau này:

Miyako Odori, múa ở Kyoto từ 1 đến 30 tháng Tư;

Naniwa Odori, từ 1 đến 24 tháng Tư;

Azuma Odori, múa ở Tokyo từ 1 đến 20 tháng Tư.

Cũng như ở nước ta hãy còn tục mê tín, bọn *geishas* đeo vàng dát ngọc cũng tin ở thần linh nhiều lắm, nhưng tin nhất có chẳng là vị Miêu thần vậy. Bất cứ nhà *geisha* nào cũng có một con mèo bằng sứ hay bằng sành, người ta hương hoa cúng lễ cẩn thận lắm, hoặc nếu không thế thì có một con cáo, tức là thần Inari mũi bị xỏ.

Irène Bechar có một lần đã hỏi một người *geisha* rằng:

- Có thật các cô tin rằng có Trời không?

- Có, chúng tôi tin có Trời. Nhưng chúng tôi không tin rằng Trời là con cáo, tuy vậy, chúng tôi vẫn cứ phải thờ cáo bởi chúng tôi nghĩ rằng cái giống cáo nó chạy nhanh, vậy tất sẽ mang những lời cầu khẩn của chúng tôi lên Trời mau hơn...

Vào khoảng đầu thế kỷ XX, nghề *geisha* ở Phù tang Tam đảo bành trướng một cách dữ dội; riêng ở Đông Kinh đã có tới 100.000 *geishas* rồi. Những cô gái này, theo sự tiến bộ do văn minh nước ngoài đem lại dần dần nhãng bỏ hết cả những bài múa hát của đất nước đi mà xông cả ra tập nhảy đầm. Những nhà *ochaya* vì vậy biến thành cả ra tiệm nhảy, phong trào nhảy có lẽ cũng dữ dội như ở nước ta độ nào, có lẽ lại dữ dội hơn thế nữa... Người ta thuật chuyện rằng vào hồi ấy có nhiều cô *geisha* mê nhảy quá đến nỗi cứ nghe thấy tiếng kèn là bắt trái bốn cái chiếu *tatami* ra nhảy đại, đến nỗi sau chính phủ Nhật thấy thế, không thể chịu được, - và lại

thấy nhiều thanh niên tự tử quá, - phải hạ lệnh đóng cửa tất cả các nhà *geisha* lại và xóm *geisha* ở Nhật, Yoshiwara, - một đô thành có mười vạn *geishas* - bị đốt không để một di tích gì lại hết.

Lệnh này ký từ năm 1936 đến năm 1938 thì thi hành: năm ấy cũng là năm mà thủ tướng Saito (Ý Đảng) Nhật bị người ta ám sát.

Đến nay, thì bọn *geisha* Nhật không còn nữa, - hoặc có còn thì cũng là chỉ để ca hát hay nhảy múa những bản đàn, bản múa của riêng đất nước mà thôi. Những bậc phụ huynh túng đói hay những gia đình thất thế phải bán con, bán em, bán vợ đi mỗi ngày vì vậy cũng đỡ dần; *geisha*, một tinh hoa của Nhật Bản, tuy có kém sáng đi đôi chút, nhưng người Nhật cũng không lấy thế làm buồn bởi vì chánh phủ Nhật đã kiếm công ăn việc làm khác cho bọn người giải nghệ này và làm người đàn bà Nhật thành những phần tử

có ích cho nước hơn, để đối phó với ngọn
sóng thực tế hiện đang tràn lan trên thế giới.

VŨ BẰNG

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 39
(1/12/1940)

VỤ ĐI THỀ Ở ĐỀN BẠCH MÃ

Sáng 2 Décembre 1940

Trước một con gà bị cắt cổ nằm rẫy chết trên sàn gạch, M. Kim Sơn quỳ ở "nhà tế" đền Bạch Mã thề rằng: "Nếu tôi nói dối, tôi xin chết!"

... Mà thề như thế chỉ vì một sự lầm lẫn nhỏ ở trong sự buôn bán giữa M. M. ^[1] Đỗ Văn Tấn tức Quảng Thành ở 89 phố Hàng Bồ và Nguyễn Văn Kim tức Kim Sơn ở 14 phố Hàng Ngang Hà Nội.

Ông Kim Sơn nói rằng: Tôi với ông Đỗ Văn Tấn vốn là anh em bạn. Năm ngoái, ông hỏi mua của tôi mấy cái tủ. Giá cả

là 298p32. Hàng, ông nhận rằng sẽ mua ở Hàng Ngang. Tôi có đủ giấy má như thế. Tự

nhiên đánh đòn một cái ông kiện tôi vì ông không thuê được cái nhà của ông Đốc Ngọc ở 53 Hàng Đường. Cái nhà này, tôi cũng thuê của người ta. Người ta cho ai thuê tùy ý, tôi có quyền gì vào đây?

Đó là tiếng chuông thứ nhất.

○ ○ ○

Tiếng thứ hai

"Cái chuông thứ hai" cũng đứng ở cạnh tôi và lên tiếng:

- Thế sao không nói thế ngay lúc đầu? Anh dở lắm. Anh có hứa với tôi thuê hộ cái nhà, - nghĩa là 298p32 ấy là kể cả tiền tử và tiền mua lại hợp đồng thuê cái nhà đó, - thì tôi mới thuê, chứ 298p32 có mấy cái tử một thì hoá có là thằng điên. Nói gần nói xa, chẳng qua nói thật: tôi cả tin bạn quá. Nếu quả là người

thường thì giấy tờ cẩn thận, đâu có phải dặt nhau đi thề như hôm nay.

○ ○ ○

Hôm nay

Từ tám giờ sáng, đền Bạch Mã đã đông người đến lễ. Người ta đến xem hai người thanh niên mới (ấy, cứ nói thế, bởi vì hai ông cùng trẻ và cùng mặc quần áo tây) đem nhau thề trước cửa thánh.

Cửa thánh uy nghiêm lắm. Từ sáng sớm, người ta đã thấp nhang nghi ngút và đốt đèn ở ban thờ. Phía trong, một bóng tối bao phủ và gây một vẻ thần linh bí mật. Cửa đền mở rộng. Người ta thấy ở chính giữa một cái hoành phi lớn "*Bạch Mã tối linh từ*" và hai bên hai biển nhỏ đề mỗi bên bốn chữ "*Vĩnh tạ an khang*". Ở lối đi ra đi vào, hai câu đối đề 10 chữ: "*Thiên nam thượng đẳng*

thần; Long đở nhất vọng tự". Sáng hôm nay hình như rõ chữ hơn lên. Cũng vậy, cờ, biển, trống chiêng, rùa, hạc hình như cũng được lau chùi cẩn thận hơn một chút.

o o o

Giờ H

Giờ H, giờ quan trọng, là tám giờ rưỡi. Tám rưỡi, đèn chập ních. Người ta nghe thấy ở đèn trong có người đàn bà nói ra:

- Tôi thì đến 2000 bạc, tôi cũng không đi thề.

Ồn ào... Một người lại nói:

- Thề, chứ sợ gì? Tôi đã được xem bản biên lời thề rồi. Không có gì là chặt chẽ hết; vu vơ lắm. Thề như thế thì chẳng làm sao cả, tôi thề đến mười lần như thế mà cũng không sợ gì!

- Nói gì lời thôi. Tôi thề như thể từ thuở nhỏ mà có khi thề độc hơn nữa mà cũng chẳng làm sao hết. Chứng cứ là tôi vẫn sống nhăn ra đây này. Huống chi lại thề như lời thề hôm nay.

○ ○ ○

Lời thề

Vậy thì ta xem lời thề hôm nay ra thế nào.

Một bọn năm sáu ông già đạo mạo,- cụ dân -
đương nhúng... râu vào việc ở một cái bàn kê
cạnh đây.

Các cụ hút thuốc Lào, uống nước và chờ
chứng kiến cuộc thề với ông lý trưởng đương
thứ vậy.

Họ cho M. Kim Sơn xem trước lời phải thề.

Lời M. Kim Sơn phải thề như thế này:

"Hà Nội, ngày hôm nay là mừng bốn tháng một năm Canh Thìn tức là mừng 2 tháng Chạp Tây năm 1940, tôi là Nguyễn Văn Kim tức Kim Sơn. Tôi xin thề rằng:

Hôm 7 tháng 6 năm 1939 tôi bán những tủ kính và hàng hoá cho Đỗ Văn Tấn tức Quảng Thành giá 298p32 là chỉ bán những thứ ấy thôi, chứ không phải là nhượng quyền cho Đỗ Văn Tấn tức Quảng Thành thuê cái nhà 53 Hàng Đường mà tôi dùng để buôn bán. Tôi mà nói dối, tôi xin chết!"

○ ○ ○

Con gà, cái chén, cái bát và con dao phay

Ở nhà tế trong đền, giữa những cờ quạt và biển lọng uy nghi, một cái vòng tròn bằng cái nong kê vôi trắng đã vạch sẵn để đợi người bước vào thờ.

Trên ban thờ, một cái tách con. Dưới, một con gà sống bây giờ có lẽ bán đến đồng bạc, đã bị buộc sẵn ở đấy dây dựa và đưa đôi mắt lơ lơ nhìn một cái bát úp xuống gạch và một con dao phay sắc bén. Mọi người chen nhau nhòm vào.

Tiếng lao xào bông im bật; tiếng trống tiếng chiêng vang động và người ta thấy khác ở trong người: đền Bạch Mã trở nên uy nghiêm lạ.

Ông lý đương thứ mặc áo thụng xanh, lấy tay che râu và che kính quỳ xuống một cái bục ở đền trong, suyt một tràng rồi khấn:

"... Lạy thánh vạn bái, có hai tên Đỗ Văn Tấn

và Nguyễn Văn Kim..."

o o o

Máu kêu

Cuộc thè bắt đầu. Ông từ đèn vớ lấy con gà và cầm dao cắt tiết. Máu phun ra. Người ta lấy chiếc chén nhón hứng lấy. Chỗ máu thừa bắn tung toé trên sàn gạch và... kêu lên!

Thấy máu, tâm hồn người ta đổi khác.

Tôi thấy rợn tóc gáy lên.

Máu kêu?

Chứ không ư? Máu nói cho người ta nhiều chuyện lắm. Ở đây, tiếng kêu đó là tiếng con gà, hết máu, kêu chết vậy.

Nó dẫy. Mắt nó trừng trừng lên. Nó chết.

Trước cái chết ấy, M. Kim Sơn quỳ xuống giữa cái vong vôi, cầm cái giấy chép lời thề: "Nếu tôi nói dối, tôi xin chết" và đọc lên. Đọc lên khe khẽ... Một người kêu.

- Chẳng nghe thấy tiếng gì cả.

Biết họ thề ra thế nào?

Một người khác trả lời:

- Mà sao ông Đỗ Văn Tấn không phải thề? Ông ta bắt M. Kim Sơn thề vì ông cho là M. Kim Sơn gian xảo, thề nhưng ngộ chính ông ta nói vu cho người ta thì sao?

Mọi vụ thề khác, - thường thường hai bên cùng thề.

Cái bát vỡ

Người ta chờ đợi xem thề trong hai tiếng đồng hồ, M. Kim đến lúc vào thề, chỉ một phút là xong.

M. Kim nhấp một tí máu.

Trong khi mọi người ngơ ngác chờ đợi một cái gì khác lạ thì nghe thấy đánh choang một cái.

Con dao mới đánh, ông Kim cầm chém đánh chát vào cái bát úp trên sàn gạch.

Thế là hết!

○ ○ ○

Ra về

... Và mọi người kéo nhau ra về. Mặt M.

Kim hơi tái. Tay ông run run nhưng ông cười. Ông cười vì ông đã được kiện ở trước pháp luật chẳng? M. Tấn có vẻ không được bằng lòng. Ông không bằng lòng về chuyện gì? - Không bằng lòng vì có một người anh em nhiều sự? - Không bằng lòng vì ông tốn về việc thề này tới 100 đồng? - Không ai biết rõ cả. Người ta chỉ biết rằng hai ông ấy đều là người tử tế. Họ đi song song nhau ra ngoài.

- Chào ngài!

- Chào ngài!

Riêng mắt tôi trông, thì cả hai ông Kim Sơn và Quảng Thành đều có vẻ thành thực cả.

o o o

Chán lắm, đời ạ!

Hai ông cùng trẻ, hai ông cùng đẹp cả. Thế

mà tự nhiên một ông bắt ông kia phải đi thề... sẽ chết. Thế mà tự nhiên một ông nói rằng mình sẽ chết nếu mình nói dối! Thế có chán đời không? Chao ôi, đời nào có vui gì! Sống với nhau, khổ lắm hay sao mà lại muốn cho nhau chết? Tôi, cũng như các bạn ở trong số báo này, không tin rằng người ta có thể chết vì một lời thề được. Nhưng quả, sáng nay, xem việc hai ông Kim Sơn và Quảng Thành, tôi thấy rợn tóc gáy và buồn mang mang trong lòng.

Cái đời này, thực thế, nếu không biết thương yêu nhau một chút, trái lại, lại cứ rình ghét nhau và lừa nhau thì chẳng nên vui thú gì. Như thế, chết lại hơn. Mà nói đến chết thì, tuy không tin lời thề có thể chết được người, tôi cũng cứ xin kể một chuyện này mà tôi được biết hồi tôi còn bé.

Hai người đàn bà buôn gạo với nhau ở chợ Hôm. Một người bảo trả tiền rồi. Một người

bảo chưa. Hai người ấy đem nhau xuống miếu H. C. và cùng thề. Không có nghi lễ gì cả. Họ cầm con dao bổ xuống gạch và thề nếu ai nói dối thì sẽ chết như thề này như thề nọ... Nửa tháng sau, một người chết gần đúng như lời thề ấy... Và một người nữa, một tháng sau cũng chết theo người đã cùng mình đi thề ở miếu H.C.

o o o

Cẩn thận!

Những ông khó tính xin chớ vội kết án người thuật chuyện trên kia. Tôi đã nói tôi không tin rằng người ta có thể chết vì lời thề được. Nhưng tôi cứ đem câu chuyện này ra kể để bạn đọc cùng nghĩ ngợi xem câu chuyện thề này ra thế nào.

Câu chuyện thề không bịa đặt một tí nào đâu. Tôi được biết rõ lắm. Không tin tôi xin

thề: "Nếu tôi nói sai một chút gì thì ông cầm
cờ xanh, ông cầm cờ đỏ, hỏi cho tới ngõ, hỏi
rõ tới cái tên này mà bắt nó đi!" [2]

VŨ BẰNG

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 40
(8/12/1940)

Do chịu ảnh hưởng cách trình bày của báo chí chữ
Pháp, báo chí tiếng Việt trước 1945 ở Việt Nam cũng
1 thường dùng chữ cái M. (viết tắt của từ *monsieur* =
ngài) đặt trước tên riêng, hoặc dùng 2 chữ cái M liên
nhau (M. M. = các ngài) khi kể tên từ 2 người trở lên.

Bài này đăng ở một số *TBCN* gần như chuyên đề, nói
về "lời thề". Ở các trang đăng bài này có in kèm một
số ảnh do Võ An Ninh chụp, có ghi chú mô tả. **Ảnh**
1: Trước đền Bạch Mã. Thiên hạ kéo đến xem ông
Kim Sơn và ông Quảng Thành thề ở trước sân đền
2 Bạch Mã. **Ảnh 2: Hai vai chính trong vụ thề.** Bên
trái là ông Kim Sơn bị ép đi thề, bên phải là ông
Quảng Thành, người đòi đi thề. **Ảnh 3: Kết quả của**
vụ thề: một con gà bị chết. Người thề chẳng thấy
chết đâu! Ai gian ai ngay chưa biết, chỉ biết một con

gà vô tội bị chết quay trên sàn gạch.

THỜI KỲ THỨ NHẤT

VIỆT NAM LẤY BA TỈNH Ở CHÂN LẠP

Cứ theo sử ta và sử Tàu, từ quãng thế kỷ thứ VI và thứ VII trở về trước, cả miền tây nam sông Cửu Long (Mékong) đều gọi là đất Phù Nam.

Vào cuối thế kỷ thứ VII, đất Phù Nam chia ra làm hai: nửa về tây bắc thì người Thái từ miền đông bắc Ấn Độ và miền tây nam nước Tàu tràn xuống ở, gọi là nước Xích Thổ; nửa về đông nam thì người Phù Nam ở, gọi là nước Chân Lạp tức là xứ Cao Miên ngày nay.

Vào quãng thế kỷ thứ XI và XII, nước Xích Thổ lại chia ra làm hai nửa, một nước gọi là La Đấu, một nước gọi là nước Tiêm. Vào thế kỷ thứ XIII và XIV, sử Tàu có chép hai nước

ấy sang công nhà Nguyên. Về sau nước La Đấu gồm cả nước Tiêm, mới gọi là nước Tiêm La Đấu. Đến cuối thế kỷ thứ XIV, vua nước Tiêm La Đấu sang cầu phong nhà Minh bên Tàu, vua Thái tổ nhà Minh mới phong là nước Tiêm La, tức Xiêm La, hay Thái Lan bây giờ vậy.

Tiêm La lúc đầu còn yếu, thường bị nước Chân Lạp áp chế. Sau cường thịnh dần dần lên, rồi vào khoảng năm Vạn Lịch nhà Minh (1573-1620), nước Tiêm La lại đánh lại nước Chân Lạp, bắt được hoàng thân Chân Lạp là Srey-Sauryopor đem về nước. Srey-Sauryopor về sau lại phục hưng lại Chân Lạp, dời đô về đóng ở Lovéa-Êm, ngay chỗ Phnom-Penh bây giờ (1604).

Năm 1618, vua Chân Lạp Srey-Sauryopor truyền ngôi cho con là Chey-Chetta II và đến năm sau thì mất.

Chey-Chetta II năm 1620 dời đô về đóng ở Oudong và hỏi con gái Nguyễn Sãi vương về làm hoàng hậu. Chân Lạp được ta bắt đầu biết đến tới được từ đó.

Trong khi ấy, vua Tiêm La là Phra Naroì dòng dõi nhà Ayouthia dùng một người Hy Lạp tên là Constantin Fauthon làm tướng. Người ấy xui vua Tiêm La giao thiệp với nước Pháp. Bởi vậy năm 1656 mới có bốn sứ thần Tiêm La sang bái yết Pháp hoàng Louis XIV ở điện Versailles.

Năm 1623, người Tiêm La lại sang đánh Chân Lạp. Vua Chân Lạp sang cầu cứu chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn giúp cho quân tướng, phá được Tiêm La. Nhân việc đó, chúa Sãi thấy nước ta thường hay mất mùa, dân tình đói khổ, vả lại đương vào lúc đánh nhau với chúa Trịnh ở Bắc, nên yêu cầu vua Chân Lạp Chey-Chetta II là con rể cho phép người Nam được vào khai khẩn làm ruộng ở Mộ

Xoài (Bà Rịa) và Đồng Nai (Biên Hoà).

Người Nam ta sang ở Chân Lạp bắt đầu từ đó, và cũng từ đó bắt đầu cuộc tranh nhau đất Chân Lạp giữa ta và Tiêm La:

Nhà bè nước chảy chia hai,

Ai vào Gia Định, Đồng Nai thì vào

Đó là câu hát của người Nam ta rủ nhau vào khai khẩn đất Chân Lạp.

Năm 1628 vua Chân Lạp Chey-Chetta II băng hà, hoàng đệ Préah Outey lên cầm quyền giám quốc, đến năm 1629 thì trả ngôi lại cho Thái tử. Thái tử Chân Lạp lên ngôi tức là vua Ponhéa-Saur. Năm 1630 vua Ponhéa-Saur tranh nhau một mỹ nữ với hoàng thúc là Préah-Outey rồi bị giết chết ở Kanchor. Em Ponhéa-Saur là Ponhéa-Âng-Tong lên nối ngôi anh từ năm 1630 đến năm 1640 thì mất.

Triều đình Chân Lạp tôn một người con hoàng thúc Préah-Outey lên nối ngôi, tức là Préah-Âng-Non I (1641). Con tiên vương Ponhéa-Âng-Tong là Ponhéa-Chan (Nặc Ông Chân) nổi loạn, bắt được Préah-Âng-Non I, và lên làm vua từ năm 1642 đến năm 1659.

Ponhéa-Chan (Nặc Ông Chân) vốn tính đã tàn bạo, lại tuyển hoàng hậu là người Mã Lai, nên lòng dân không phục.

Những hoàng đệ của Préah-Non liên lợi dụng cơ hội mà nổi loạn để báo thù cho anh, nhưng bị thất bại, phải cầu cứu với thái hậu Chey-Chetta II là công chúa Nguyễn Sãi vương. Thái hậu khuyên bọn hoàng đệ sang cầu viện chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn bấy giờ là Nguyễn Hiền vương, được lời của chị, năm 1658, sai quan đem 3000 quân sang đánh ở Mũi Xuý (Biên Hoà) bắt được Ponhéa-Chan (Nặc Ông Chân) về giam ở Quảng Bình mất

mấy tháng, về sau tha cho về nước, bắt phải triều cống và bênh vực người An Nam sang làm ăn ở bên ấy.

Ponhéa-Chan (Nặc Ông Chân) về đến nước thì chết (1659). Em vua Préah-Âng-Non II lên thay tức là vua Préah-Sô, trị vì từ năm 1659 đến năm 1672.

Năm 1672, Thái tử vua Préah-Âng-Non I nổi lên cướp lại được ngôi của chú vua, tức là vua Chey-Chetta III. Sang năm 1673, Chey-Chetta III bị người ám sát. Triều đình tôn một người con vua Préah-Sô lên nối ngôi tức là vua Âng Chey (1673). Nhưng một người con thứ hai của vua Préah-Âng-Non I sang cầu viện được quân ta, về bắt Âng-Chey giết đi mà lên làm vua, gọi là Âng-Non II, đóng đô ở Oudong (1674). Con Âng-Chey chạy sang cầu cứu nước Tiêm La, đuổi được Âng-Non II đi, lên làm vua, là Chey-Chetta IV (Nặc Ông Đài).

Âng-Non II lại sang dinh Thái Khang (Khánh Hoà) cầu cứu với chúa. Nguyễn Hiền vương bèn sai quan Cai cơ đạo Nha Trang là Nguyễn Dương Lâm cùng với tham mưu là Nguyễn Đình Thái chia quân làm hai đạo kéo sang đánh Chey-Chetta IV, phá được đồn Sài Gòn và kéo quân lên vây thành Phnom-Penh (Nam Vang). Chey-Chetta IV phải ra hàng. 1] Chúa Nguyễn bèn chia cho Âng-Non II làm vua ở Sài Gòn và Chey Chetta IV làm vua ở Oudong (Long Úc), bắt cả hai vua mỗi năm phải triều cống.

Năm 1679, các quan nhà Minh là Dương Ngạn Địch, Hoàng Tiến, Trần Thượng Xuyên, Trần An Bình, không chịu làm tôi nhà Thanh, đem 3000 quân cùng 50 chiếc thuyền sang xin làm dân An Nam. Chúa Hiền muốn khai khẩn đất Chân Lạp bèn cho vào ở đất Đông Phố (Gia Định). Bọn Ngạn Địch chia ra ở đất Lộc Dã (Đồng Nai và Biên Hoà), ở Mỹ Tho (Định Tường), ở Ban Lân (Biên Hoà), khai khẩn làm ruộng, lập ra phường phố.

Lúc ấy là lúc nhà Nguyễn đã lấy hết đất Chiêm Thành, bắt đầu lần sang đất Chân Lạp. Nước Tiêm La có ý muốn ngăn trở để giữ lấy đất Chân Lạp làm của mình, nhưng

thấy chúa Nguyễn mạnh hơn đành phải nhượng cho chúa Nguyễn bảo hộ đất Chân Lạp. Tuy vậy, nước Tiêm La thường hay dung những người phản đối với vua Chân Lạp, giúp cho binh lực dễ về làm loạn.

Từ năm 1674, nước Chân Lạp chia ra làm hai phái: Âng-Non II được chúa Nguyễn giúp và Chey-Chetta IV được nước Tiêm La giúp.

Năm 1682, Âng-Non II kéo quân lên đánh Chey-Chetta IV song bị thua, vì Chey-Chetta IV có Tiêm La giúp. Năm 1684, Âng-Non II lại kết liên với cả Tiêm La để đánh Chey-Chetta IV, nhưng lại bị thua, phải chạy về Srey-Santhor. Năm 1688, Âng-Non II lại bị Chey-Chetta IV đánh thua phải trốn về Sài Gòn.

Tuy hai vua Chân Lạp vẫn đánh nhau, nhưng vẫn phải thần phục nhà Nguyễn.

Năm 1688, những người Khách ở Mỹ Tho nổi lên, Hoàng Tiến giết Ngạn Địch, đem quân đóng đồn ở Nan Khê. Vua Chân Lạp Chey-Chetta IV thấy vậy có ý không chịu thần phục nhà Nguyễn nữa. Chúa Nguyễn bấy giờ là Nguyễn Phúc Trăn sai quân dùng mưu giết được Hoàng Tiến. Chey-Chetta IV lại phải thần phục như cũ (1690).

Năm 1691, Âng-Non II băng hà, cả Chân Lập lại thuộc quyền Chey-Chetta IV. Năm 1692, chúa Nguyễn đem 5000 dân Chiêm Thành cho vào ở Loréa. Đến năm 1695, Chey-Chetta IV truyền ngôi cho cháu gọi bằng chú là Ponhéa-Yâng tức là Ponhéa-Outey I^{er}.

Năm 1699, một viên quan Chân Lập là Êm nổi lên làm loạn, được quân ta giúp đuổi được quốc vương Ponhéa-Outey I^{er} đến Kompong-Chnang. Nhưng về sau vì thiếu lương thực, quân ta và Êm bị thua. Chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc Chu tức giận liền sai ông Nguyễn Hữu Kính làm Kinh lược Chân Lập, chia đất Đông Phố ra làm dinh làm huyện, lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phúc Long và xứ Sài Gòn làm huyện Tân bình. Lại đặt Trấn Biên đình (Biên Hoà) và Phiên Trấn đình (Gia Định) sai quan cai trị. Những người Tàu ở đất Trấn Biên thì lập làm xã Thanh Hà, những người Tàu ở đất Phiên Trấn thì lập làm xã Minh Hương.

Nhân việc lôi thôi với nước ta đó, vua Chân Lập Chey-Chetta IV lại về lên ngôi và công nhận sự đô hộ của chúa Nguyễn (1699).

Nước Tiêm La bấy giờ còn yếu thế đành phải lặng im.

Lần thứ nhất nước ta thành công trong công cuộc thôn tính nước Chân Lạp. ^[2]

VŨ BẰNG

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 42
(22/12/1940)

Sử ta chép Chey-Chetta bỏ thành chạy vào trong rừng, nhưng theo sử Chân Lạp thì Chey-Chetta vẫn sống và còn lên ngôi mấy lần nữa (nguyên chú).

TBCN số 42 này, với trang bìa in ảnh một thiếu nữ Thái Lan, như là số chuyên về đất nước này, có đề cập đôi sự việc liên quan lẫn nhau thuộc lịch sử hai nước. Bài này của Vũ Bằng nằm trong loạt 3 bài được toà soạn chia nhau viết; sau bài này (tr. 14-15) là các bài: *Thời kỳ thứ hai, sáu tỉnh Chân Lạp vào tay nước ta, sự thành lập của Nam Kỳ* (tr. 16-17) do Tùng Hiệp viết; *Thời kỳ thứ ba, đánh bại Thái Lan để giữ vững quyền đô hộ ở Chân Lạp* (tr. 18-20) do Văn Thu viết.

Năm 1941

NĂM 1940 ĐÃ HẾT

Thế là đã hết một năm dữ dội. Dữ dội vì nó là một năm 40. Năm 40, trong óc người Âu, vẫn chẳng là một năm tốt đẹp gì, chẳng cứ bây giờ nhưng đã tự lâu năm. Vì thế cho nên "năm 40" đã vào trong thành ngữ Pháp, mỗi khi có chuyện gì bất mãn thì người lại xoa tay mà rằng: Thôi ta cũng coi như năm 40 vậy chứ biết làm sao được".

Các bạn đọc báo chắc hãy còn nhớ cách đây mười năm, báo chí ở Pháp đã riều năm 40 mấy tháng thường không ngớt. Nguyên vào đầu thế kỷ thứ XI có một đức cha, không nhớ rõ người Pháp, người Anh hay người Đức, một hôm lớn tiếng đồn đại rằng đến năm 1040 thì thế giới sẽ hồi kiếp, loài người chết hết không còn lại lấy một người. Bao nhiêu nhà giàu ở Pháp, những chúa tể địa

phương, bán cả đất đai nhà cửa để lấy tiền ăn chơi, để ngộ có chết cũng không ân hận. Chẳng ngờ việc ấy lại làm. Kết quả, những đại gia quý phái bị tai hại, bởi vì năm 1040 thế giới không hồi kiếp. Người ta chỉ thấy cái chế độ phong kiến bắt đầu đến hồi tàn cục từ năm ấy mà thôi. Mà cũng từ năm ấy "năm 40" đã thành một năm tai hại: Năm 1140, năm 1240, năm 1340, năm 1440, năm 1540, năm 1640, năm 1740, năm 1840, theo như một bài của báo *Hữu thanh* thuật lại thì không năm nào lại không có chuyện tai hại xảy ra cho thế giới. Chữ "40" từ đấy thành ra một chữ đáng sợ như con số 13, và người ta thường thấy chữ 40 ở trong thành ngữ Pháp, như trên kia đã nói. Nó gọi cho óc người ta một vẻ riêng. Tuần chay "Carême" dài tới 40 ngày. Bên đạo, lễ giải tội cũng kéo tới 40 ngày. Vào thời trung cổ, những người bị bệnh dịch hạch phải giữ 40 ngày ở nhà thương. Dưới triều vua Saint-Louis, người ta gọi một lệ luật của chế độ phong kiến là "Quarantaine

le roi": trong ngày ấy, một người bị nhục không được phép rửa nhục. Trong tất cả thành ngữ có con số 40, chúng ta đã biết chuyện "40 người ăn trộm và Ali-Baba", các bạn tất còn nhớ chuyện "40 vị chúa tể đã tạo nên nước Pháp". Các bạn cũng chưa quên cái "luật bốn mươi giờ", một cái luật xã hội đã làm đổ mất bao nhiêu mực đã làm hại nước Pháp vô cùng vậy. Con đường "40 xu" nối liền Saint-Germain đến Poissy sở dĩ có cái tên như thế là vì những thợ thuyền làm ở trong quốc gia công xưởng năm 1848 mỗi người được 40 xu một ngày.

Ở Venise ngày xưa có toà án Bốn mươi người. Tỉnh Sébaste (hiện giờ là Sivas) ở Tiểu Á-tế-á, đã được chứng kiến cái chết của 40 đứng tử vì đạo được Giáo Tông tôn lên làm bốn mươi vị thánh.

30 và 40 lại là một cách chơi may rủi; 40 lại còn là một lối tính điểm trong cách chơi đánh

cầu.

Khi người ta nói đến "40 vị bất tử" người ta hiểu ngay rằng đó là 40 vị bất tử ở trong toà Hàn lâm Pháp. Fontenelle, một vị trong bốn mươi vị đó có câu thơ rằng:

Ba mươi chín, người ta trọng mình,

Bốn mươi, thiên hạ ra tình chê bai...

Xem thế, ta biết rằng con số 40, đối với người Pháp, không lấy gì làm tốt đẹp. Người ta đoán rằng chữ 40 sẽ không tốt đẹp mãi cho đến năm 2040. Ấy thế mà ta vừa mới trải qua một năm mà hai số cuối cùng là con số 40. Không phải tin dị đoan chúng ta cũng đã thấy đó là một năm không ra gì. Nạn chiến tranh thảm mục đã gây nên. [...] ^[1] Người chết không biết bao nhiêu mà kể. Sự thất vọng đã hoàn toàn. Tôi không chịu rằng lời nói của ông cố đạo ở thế kỷ XI nói rằng

năm 40 thế giới hồi kiếp, nhưng quả năm 1940 vừa rồi, người ta quả đã sống một giấc mơ dữ dội "có mùi đất, có mùi đất thó và có mùi số mệnh!"

Đầu năm 1940, ông Hàn François Mauriac ^[2] đã viết rằng: "Năm nay, mùa xuân đến hơi sớm quá. Tôi không thích thế, bởi vì có những mùa xuân đem sự chết chóc đến cho cõi đời".

Năm 1940 đã hết. Chúng ta bắt đầu năm 1941. Không hiểu mùa xuân năm nay có đến sớm quá hay không, nhưng chúng ta biết chắc rằng sự Tái Tạo năm nay mang cho ta sự Hồi Sinh chứ không phải sự chết chóc, bởi vì chúng ta đã ở trong cảnh góm ghê ấy rồi. Ta có thể tin cậy được ở số mệnh mà bước vào một năm mới tốt đẹp và chứa chan hy vọng.

VŨ BẰNG

(5/1/1941)

1 chỗ này báo gốc để trắng 1 dòng.

2 François Mauriac (1885-1970) nhà văn Pháp, thành
viên Hàn lâm viện Pháp, giải Nobel 1952.

Năm 1941

CHÉN TRÀ TÀU ĐẦU XUÂN

Có một điều này nói ra mà tôi không sợ người nào cải chính, là trong ba ngày Tết vừa qua, không ngày nào chúng ta không uống ít ra là một chén nước trà tàu.

Nước trà tàu cũng như miếng trầu là đầu câu chuyện ở đất Việt Nam này, mà không cứ phải thế, nhưng là đầu câu chuyện ở hầu hết khắp xứ ở Á Đông, nhất là Tàu và Nhật. Báo *Le Corespondant Chinois* ở Trùng Khánh vừa đây nhân dịp hết năm cũng nói chuyện về chén trà tàu. Bạn đồng nghiệp Tàu cũng như chúng tôi, phải nhận là chén trà tàu có thể đặt lên trên hết cả, không phải riêng ngày Tết hay ngày lễ, nhưng bất cứ ngày nào, giờ nào trong một năm. "Những nhà ngoại giao trên thế giới đều biết rằng bao nhiêu việc

đều có thể giải quyết được ở trước một chén trà, nhất là dân Trung Hoa thì lại càng biết thế lắm, biết hơn cả các dân tộc khác".

o o o

Chuyện cổ tích trà Tàu

Theo như truyện ký truyền tục lại thì trà tàu cũng có một sự tích riêng mà ta cũng nên biết, mỗi khi cầm một chén nước trà tàu để uống.

Một vị ẩn sĩ, Đạt-ma tổ sư, có tiếng là một bậc chân nhân siêu thoát ở Tàu và ở Nhật xưa nay vẫn được nhiều người kính trọng vì lòng đạo đức và tính cương quyết của ngài, mà trước khi cương quyết với người khác thì ngài hãy cương quyết với ngài trước đã. Ngài ngồi nhập định trong mười bốn năm liền, đến khi xem lại thì mới biết chân mình đã nát rồi. Không nản chí, Đạt-ma tổ sư nhất định không cho phép mình được ngủ, thế nhưng một đêm

kia ngài bỗng chộp mắt mất một hồi lâu, đến khi tỉnh giấc thì trời đã gần hừng sáng. Tức giận vô cùng, ngài bèn xẻo hai cái mi mắt của ngài đi và ném ra xa, bởi vì hai cái mi mắt ấy đã cám dỗ ngài, đã làm hại đến cái lòng cương quyết xả thân vì đạo của ngài. Một sự rất lạ lùng bỗng xảy ra: hai cái mi mắt của ngài mọc rễ xuống dưới đất và chẳng bao lâu thì đâm ra một cái cây và cái cây ấy đâm chồi và mọc lá. Dân quê ở chung quanh vùng đó ngắt những lá ấy về nhà đun nước pha uống và cứ uống nước ấy vào thì người ta không ngủ được.

○ ○ ○

Trà tàu ở Tàu

Đó là chuyện cổ tích về trà tàu ở Nhật. Theo truyền kỳ kể lại thì người Tàu đã tìm ra được trà từ 46 thế kỷ nay, 12737 năm trước Thiên Chúa giáng sinh. Hai nghìn năm trăm năm sau,

vào thời đại mà các nhà quý phái Anh còn ăn bận những da thú vật và dùng những khí giới bằng hoả thạch thì người Tàu đã phát huy cái "nghệ thuật ngoại giao" và tìm được những sự liên lạc mật thiết và nhã nhặn giữa nghệ thuật ấy với trà tàu ta uống.

Từ đời Hán (206 năm trước Thiên Chúa giáng sinh) những vị vua chúa đã mang thực hành "cách ngoại giao chén trà tàu" để trị vì đất đai của mình. Những dân ở biên thủy thấy người Tàu uống trà và nghiện trà tàu cũng bắt chước và từ đó, kỹ nghệ trà tàu bành trướng một cách rất mau lẹ, nhiều dân tộc man di ở chung quanh đó thường đến đổi trâu, bò, gà, ngựa lấy từng bánh trà và lấy trà làm một thứ đồ ăn cần thiết nhất. Về sau triều Hán lấy đó để mà dọa các nước chư hầu bởi vì nếu những nước chư hầu giờ trò gì thì triều Hán sẽ không bán trà tàu cho nữa.

Ngoại giao chén trà tàu

Một thí dụ xác đáng nhất về chuyện "ngoại giao chén trà tàu" là một câu chuyện vừa xảy ra mới đây giữa nước Tàu mới và xứ Tây Tạng. Vào hồi cuối thế kỷ trước, dân Tây Tạng vẫn bị coi là một dân tộc tán mạn, để chủ nghĩa cá nhân lên trên hết, sống một cuộc đời cơ khổ vô cùng ở dưới triều một vị bạo chúa. Vào thời ấy những thương gia và những dân thuộc địa Anh ở Ấn Độ say sưa vì lợi, đã làm cho dân Tây Tạng kinh sợ, đành phải chạy sang liên kết với Nga; cũng vào thời ấy xứ Tây Tạng lại bị phiền nhiễu bởi dân Mãn Châu quốc nữa. Dân Tây Tạng cùng đường quá đâm liều bèn ám sát viên tỉnh trưởng ở Bà Tang. Triều đình Bắc Kinh bèn cử Triệu Ích Phong sang hoà giải và ông tướng có bàn tay sắt đó đã dẹp yên hết cả những sự rối ren vào khoảng 1905. Đến 1910 thì Triệu Ích Phong tiến vào tới Lhasa và lập ở đó một

chính phủ bản xứ. Triệu Ích Phong rất đanh ác, đến nỗi bây giờ những người đàn bà ở bộ lạc người Mãn lấy tên Triệu Ích Phong ra dọa trẻ cũng như ta dọa ông ba bị vậy. Tuy vậy, Triệu có tiếng là một vị quan rất có tài, Triệu cấm dân xứ không được trồng trà tàu trong khắp xứ Tây Tạng. Cái lệnh ấy tách riêng hẳn Tây Tạng ra không cho dính dáng gì với triều đình và mỗi ngày lệnh ban ra một thêm nghiêm lên, Triệu biết chắc rằng những nhà trồng trọt và viên chức Anh-cát-lợi không thể làm cách gì mà áp chế dân Tây Tạng bằng trà tàu nữa.

Nói thực ra thì bao nhiêu việc ngoại giao giữa Tàu và Tây Tạng vào khoảng đầu thế kỷ thứ hai mươi đều ở những bánh trà tàu mà ra cả!

○ ○ ○

Uống trà tàu

Ban sơ, người ta cho những lá trà tàu vào nước đem đun lên rồi vớt những cái lá trà đem phơi. Trà ấy, người Nhật gọi là *udeahor*. Đến năm 1570 thì có một người lái buôn nghĩ ra một thứ chảo để rang trà, cái máy ấy gọi là *hairo*, mãi tận về sau mới có nhiều người biết mà dùng. Bây giờ vì việc xuất cảng trà mỗi ngày một bành trướng, người ta pha trà theo lối Tàu vừa tiện vừa đỡ tốn. Người lái buôn nghĩ ra cái chảo *hairo* lại phát minh ra những cái giàn để che sương tuyết cho những cây trà tàu.

Uống trà tàu, đối với người Tàu là cả một nghệ thuật của những đại gia quý phái. Các ông già ở nước ta uống trà tàu từng tí một ở trong những cái chén nhỏ như cái vỏ hến, đó là bắt chước lối người Tàu. Người Tàu uống trà rất sành, uống có phương pháp, mà cũng rất nhiều thứ trà lạ, có thứ rất đắt, có thứ rất quý, có thứ rất lạ, đại khái như thứ *lệ chi hồng trà*, thứ *nhất phiến bạch tuyết* chỉ

cho vào ấm một cánh trà mà thơm ngát và đặc như cả một ấm trà khác vậy. Mỗi thứ có một hương vị riêng. Trà tàu xuất cảng sang Âu châu, người ta không phân biệt hương vị lắm nhưng cũng được ưa thích lạ lùng nên ở Anh và ở Pháp, những nhà giàu thường có lệ uống trà tàu vào khoảng năm giờ chiều (five o'clock tea). Họ uống từng ấm to và nhiều khi pha rượu Rhum, Martell, Kuminel hay Cointreau vào thành thử mất cả cái hương vị của trà đi, họ không tận hưởng được cái thú của trà tàu vậy.

Duy ở Á Đông, ta phải nhận rằng người Nhật uống trà tàu rất mực sành; chính tôi, trước hồi chiến tranh Trung-Nhật, đã thấy có mấy ông già người Tàu cũng nhận như thế. Ở Nhật, bất cứ người nào cũng uống vài bần trà tàu trong một ngày. Trà tàu, có người Nhật đã nói, cũng cần như là cơm gạo vậy.

Người Nhật uống hai thứ trà: một thứ trà lá

và một thứ trà bột. Pha nước trà là một khoa giáo dục riêng mà người đàn bà nào có học cũng đều phải biết. Những đồ dùng để pha trà, họ làm bằng những thứ đất hay những đồ sành đồ sứ cổ do những nghệ sĩ có biệt tài chế tạo ra. Trà bột đựng vào bọc nhút, chỉ khi nào nhà có tiệc tùng long trọng gì thì mới giở ra thôi. Người ta ướp chè vào trong một cái lọ hai nòng, một cái nòng để trà thường còn một cái thì để trà bột. Mỗi khi uống nước trà, họ ra một chỗ riêng ở ngoài vườn, chung quanh toàn cây cỏ, ở trong một gian phòng gọi là *midzu-ya*. Không một tên gia đình nào được giúp chủ trong cái công việc long trọng ấy, chính chủ phải tự thân làm lấy.

○ ○ ○

Bộ đồ trà

Trước hết, vị chủ nhân lấy ở phòng *midzu-ya* ra tất cả những thứ cần dùng. Kể ra thì

hiều lắm, chúng tôi chỉ nói đến vài thứ chính:
1/Hộp hương (*ko-babo*); 2/Hộp đựng giấy
và nghiên mực; 3/Một giỏ than đã lựa chọn
thứ tốt; 4/Một cái bàn chải để lau lại các thứ
đồ dùng; 5/Một cái quạt lông (*mitzu-ba*) để
quạt than; 6/Mấy cái môi lửa (*hibachi*);
7/Một cái bình gio nóng để đốt trầm (người
Nhật đốt trầm là để cho mất mùi than khét);
8/Mấy cái vòng để cầm quai ấm nước nóng;
v.v...

Thường thường, tiệc trà không quá hai giờ, và
trong lúc đó, không ai được nói chuyện về
tôn giáo, về chính trị, nhất là những câu
chuyện xấu xa bị cấm rất ngặt và mọi người
đều rất mực bình đẳng, không kể chi tước vị.
Những khách mời đến dự tiệc trà không bao
giờ được quá số sáu người, và những khách
bắt đầu phê bình hương vị trà, rồi khen chủ
nhân về mỹ thuật và sự tinh xảo của những
hộp đựng các thứ dùng. Theo mùa, những
hộp này làm bằng gỗ sơn then hay bằng sứ,

có lẽ là để giữ được lâu hương trà thứ đựng bên trong. Chủ nhân trước hết lau lại những chén tách, lau bằng một vuông lụa rất đắt gấp trong một cái ống hay một cái hộp sứ cổ và gọi là *tukusa*. Đến cái bàn để sửa soạn những việc ấy cũng phải đóng bằng gỗ dâu và cao đúng sáu mươi phân. Chủ nhân đặt lên cái bàn đó một ấm nước trong sôi (*midzu-vié*), một cái ấm pha trà (*tcha-van*) hoặc bằng sành hoặc bằng sứ nhưng bao giờ cũng phải là một thứ cổ và đắt, rồi đến cái *tha-vié*, nghĩa là một cái bình nắp bằng ngà để trong một cái hộp gấm cũ, đựng trà bột, lấy ra bằng một cái thìa tre. Chủ nhân lấy trà ra, cho vào một cái bát, rót nước sôi lên trên, khuấy lên bằng một cái đũa gỗ, đoạn đưa mời vị khách thứ nhất. Người này lấy một ít, bát trà lại đưa sang người thứ hai, rồi người thứ ba... Trong cách pha trà này, trà bột uống hết cả.

Đến những thầy tu *Tcha-jin* dùng trà thì mỗi

người có một cái hộp bằng gỗ sơn then gọi là *hassumé* trong đựng những thứ dùng riêng cho người ấy nghĩa là một vài thứ trong những thứ đã kê trên. Khi nào người ta mời một thầy tu *Tcha-jin* đến chủ toạ tiệc trà thì chủ nhân lại hoá ra như là một vị khách, không phải làm gì hết, song cứ kể ra tiệc trà được quý hơn và những khách cho là được vinh hạnh hơn nếu chính chủ nhân chủ toạ lấy. Những thầy tu *Tcha-jin* mỗi khi đến chủ toạ một tiệc trà, thường được đãi rất hậu, nhưng đãi một cách kín đáo bằng tặng những đồ quý giá tùy theo gia phong của chủ. Thường thường, trà của họ pha một cách khác. Người ta cho trà vào ấm đã cẩn thận giữa nước sôi, người ta rót lên trên trà ấy một ít nước sôi mà không sủi bọt lên, đoạn cầm đũa quấy lên, rồi đổ lượt nước trà thứ nhất đó đi cho trà mất mùi hăng. Bấy giờ người ta lại rót vào bình một lượt nước sôi thứ hai nữa và để cho trà ngấm trong năm phút.

Ta uống trà tàu

Tôi không lập dị như ông bạn Nguyễn Tuân, cố động người ta mỗi khi uống trà tàu phải làm những bộ điệu rất nhiều khê, nhưng tôi nhận rằng mỗi khi pha trà tàu uống mà làm như lối các ông "phổ ky" ở các tiệm bánh buổi trưa thì thực là tọc tần, bỉ ổi, người ta không còn biết hương vị trà tàu là gì cả.

Người ta uống trà, người phải biết nghệ thuật uống trà. Mà biết cái nghệ thuật uống trà, pha trà, một chén trà đầu xuân ướp thủy tiên pha rất khéo tôi tưởng quả cũng là một thứ tiêu khiển sung sướng nhất cho đời người ta vậy. Chẳng thế người xưa đã có câu:

Bán dạ tam bôi tửu,

Bình minh sở trản trà.

VŨ BẰNG

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s.46
(2/12/1941)

Năm 1941

HỘI LIM ĐÃ MẤT, HỘI LIM VẠN TUẾ

Hằng năm, cứ vào khoảng hôm nay, đi khắp các nơi trong thành phố ta thường thấy bọn thiếu niên rủ nhau đi hội Lim để đuổi liều tìm hoa.

Hội Lim? Đó là một hội lập ra không biết từ bao giờ, nguyên là để cho trai gái một vùng trong tỉnh Bắc gặp gỡ nhau và ca hát với nhau để vui xuân. Cảnh trời về vụ này thường đẹp, cỏ xanh, hoa đỏ, lại điểm thêm mấy hạt mưa bụi trắng như sương, - cảnh trời như thế tưởng đến thế đã ngoạn mục lắm rồi, ấy thế mà cứ đến ngày hội, trên đồi Lim lại xen vào những cái má hồng, môi đỏ, áo nâu non, thắt lưng cá vàng thì quả thực vẻ đẹp ấy lại càng hoàn toàn, càng đầy đủ, càng nên thơ lắm.

Năm nào cũng vậy, cứ vào ngày 13 tháng giêng thì ở trên đồi Lim tấp nập những trai gái ở những vùng Đình Bảng, Chợ Dầu, Tam Sơn... trai thì nón dứa, khăn lượt, kính đen, áo the kép, quần ống sớ, giày Gia Định; gái khăn nhiễu tam giang, yếm đào, áo nâu non, váy sồi dài chấm gót, lại điểm vào những dây lưng hoa lý nhũn nhặn hay màu cá vàng chói lọi. Trên những con đường làng và chung quanh sườn đồi, họ rủ nhau đi lễ tự mờ sương ở ngoài đình rồi ngoạn cảnh. Đoạn, xúc cảnh sinh tình, họ dất nhau lên những chỗ cao nhất ở trên đồi để ca hát những điều họ nghĩ ở trong chỗ sâu thẳm nhất trong tâm hồn của họ.

Không có gì cao siêu đâu! Họ không làm văn gì cả. Họ chỉ nghĩ thế nào thì nói thế, nên câu hát của họ có vẻ chất phác thực thà làm cho ta thương hại và kính phục: cái tình của họ thực là một cái tình cao quý, trong sạch và thanh cao vậy.

Bước sang năm mới, anh mới đi chơi,

Xuất hành nói chuyện, mấy nhời thủy chung,

Được nhời như cởi tấm lòng;

Giở kim thoa với khăn hồng trao tay.

.....Nhác trông thấy bóng nàng ngồi

*Con người phong thể luống tôi ưa
thâm.*

.....Đôi bên bác mẹ tương tề,

Anh đi làm rể em về làm dâu.

Bao nhiêu câu hát tình tứ lả loi, dằm thắm,
say mê mà trai gái chất chứa ở trong lòng,
gặp buổi đầu xuân, họ đều đem ra hát, - ăn

cũng hát, tiễn biệt nhau cũng hát: rõ thực là cái tinh thần rõ rệt của người mình, tấm lòng chất phác thực là có một mà tình thương yêu đến thành ra yếu đuối thật cũng rất mênh mông. Người ta gọi lối hát ấy là lối hát quan họ vậy.

Theo như tục truyền thì tục hát quan họ sinh ra bởi sự giao hiếu của hai làng: Lũng Giang (Lim) và Tam Sơn. Làng Lim thuộc huyện Tiên Du và làng Tam Sơn thuộc huyện Đông Ngàn, nhưng hai làng ấy cũng thuộc cả về vùng Bắc Ninh. Hai làng ấy thân nhau lắm. Người ta kể chuyện rằng, trước đây, cứ vào khoảng tháng giêng, làng Tam Sơn vào đám thì không bao giờ làng Lũng Giang không cử mười ông quan họ sang thăm. Dăm bảy cụ cô, vài bà lão và trai gái trong làng Tam Sơn ra đón tận đường cái. Chè chén xong, trai gái hai làng bắt đầu hát với nhau suốt sáng, đến lúc chia tay nhau vẫn hát; giọng hát nỉ non, cao thấp, tả tất cả sự nhớ nhung khi chia rẽ

và như ngụ tất cả một cái muốn được tái ngộ năm sau vậy.

Một ngày hội như hội Lim có cái tinh thần như thế, cao thượng như thế, vẽ được hết cả tính tình dân tộc mình là biết thương yêu nhau, biết cố kết với nhau, thăm nom săn sóc nhau từng ly từng tí một, lúc thường có khi không đồng ý với nhau, nhưng đến giờ quan trọng thì một triệu người như một người... - đó, một cái tinh thần như thế, thiết tưởng đem phổ vào một ngày hội, thực là cao quý vậy, thực là đáng trọng vậy.

Ấy thế mà không ngờ ít lâu sau tiếng hội Lim đồn đại đi khắp mọi nơi, những người ở gần Bắc Ninh, - nhất là người Hà thành - về quấy nhiễu dữ quá, thành thử hội Lim dần dần mất cả vẻ thiêng liêng của nó!

Nó thành ra một ngày hội trai gái, - nói thế chưa đúng; ta phải gọi là một ngày hội trai

đuôi gái thì đúng hơn. Thực vậy, mười năm trở lại đây, bạn nào đã để chân đến hội Lim tất đã nhận thấy như tôi rằng những bọn công tử Hà thành, những đồ vui vẻ trẻ trung ở Hà thành về dự hội đã làm nhiều điều chướng tai gai mắt quá. Họ đi thấy hội chỉ có một mục đích: xông ra vồ gái. Họ không biết một tí gì là cái cao thượng trong ngày hội; họ chỉ có một ý muốn: nhẩy ra vồ gái; tuồng như những cái má, những cái ngực [...] của các cô gái Đình Bảng Chợ Dầu là cơm gạo của họ, là mối sinh sống của họ, thậm chí họ đánh nhau, đâm nhau, kéo bè kéo đảng để hại nhau vì được một cô gái nào hay không được một cô gái nào...

Tôi không hiểu, với con mắt một người ngoại quốc nhìn vào thì người mình ở trong hội sẽ bị liệt vào hạng gì? Nhưng cứ như con mắt những người có đôi chút học thức ở nước ta thì quả người ta đã gây ra ở hội Lim nhiều chuyện nhơ nhớp, xấu xa mọi rợ, thành thử

những người đứng đắn không còn dám đề chân đến hội Lim nữa là vì thế.

Các thân hào và bô lão trong làng thấy vậy đã khổ công tìm cách tiêu trừ bọn quỷ đã bôi nhọ hội Lim. Các bạn tất còn nhớ năm năm trước đây, người ta cứ vào khoảng tháng giêng này thường đọc ở trên báo thấy công tử X. bị bắt [...] công tử Y. bị trói [...] vì gheo gái; công tử Z. bị trai làng đánh [...] ^[1] vì đã định ép liễu nài hoa một cô gái làng Lim trên đồi...

Mới năm ngoái đây, [...] ra lệnh cấm chụp ảnh và treo lên đồi Lim nên suốt ngày 13 tháng giêng năm ngoái hội đã đỡ những được ít nhiều. Tại hội, có lính gác và ở chân đồi Lim lại có biển đề cấm chụp ảnh rất nghiêm ngặt. Trên đỉnh đồi và phía sau đồi lại có một toán lính đóng để canh gác vùng này. Tuy vậy, ở ngoài phía chân đồi ở gần đền trông ra đường vẫn có nhiều người ở Hà Nội về chơi và trong

số đó vẫn còn nhiều những con quỷ [...] hội họp vui đùa và đôi lúc cũng còn giữ những trò khả bỉ ra với những cô gái chất phác quê mùa ở hội Lim. Thấy tình hình như thế, người ta không thể không xử thẳng tay. Năm nay, các quan đầu tỉnh đã đồng ý với thân hào xã ấy bỏ hẳn hội Lim đi. Thật là một tin mừng vậy.

Cố nhiên là mừng cho những người còn có chút lương tâm, còn biết nghĩ đến danh dự của quốc gia, nhưng tất là một tin buồn cho bọn "vui vẻ trẻ trung", cho bọn "tài hoa son trẻ" vậy.

Những cử chỉ ngông cuồng, rồ dại và lỗ lỉnh của họ, bây giờ họ đã trông thấy kết quả rồi, chắc hẳn họ mát lòng! Cả một ngày hội có một ý nghĩa cao thượng là thế, thanh tịnh là thế, vì họ mà bị tan nát, mà bị đình lại hẳn, những người hữu tâm với giống nòi, với tục quán của nước Việt Nam tất còn nhớ mãi mãi đến "công" của bọn tài hoa son trẻ, vui vẻ trẻ

trung của Hà thành!

Ta nên nhớ mãi cái tinh thần hội Lim, những cái đẹp cao thượng ở hội Lim mà thiết tưởng cũng chẳng nên tiếc nó làm gì vậy. ^[2]

VŨ BẰNG

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 47
(9/2/1941)

Các chỗ đặt chấm lửng trong ngoặc vuông này, ở bản
1 gốc bị bỏ trắng những đoạn khoảng vài ba từ hoặc trên
dưới 1 dòng, có lẽ do toà soạn bỏ.

TBCN in kèm bài này ảnh của Võ An Ninh: *Hội Lim*.
Cậu trai then thùng che miệng hát những câu
2 hát tình tứ và ngây thơ; mấy thiếu nữ lắng tai
nghe, sẵn sàng chờ đợi để hát trả lời. Đây là
hình ảnh đặc biệt của hội Lim, cực tả cái tâm
hồn chất phác của dân quê Việt Nam.

CÔNG DỤNG LỚN LAO CỦA CHIẾU BÓNG

Trong một bức thư của nhà dàn cảnh ^[1] André Lang gửi cho bạn là ông chủ báo *Cinémonde* ở Pháp, chúng tôi có đọc thấy một đoạn này: "Anh ơi, những nhà đạo đức râu dài trong thế giới chỉ lo sợ hão huyền đó mà thôi. Thực ra, như anh đã biết đấy, - bởi vì kỳ nào tôi chẳng viết ý kiến của riêng tôi trên mặt báo? - tôi không tin rằng chiếu bóng lại có một hiệu lực gì đâu. Tôi nhìn điện ảnh giới như Somerset Maugham nhìn văn giới vậy, nghĩa là rất bi quan. Theo ý riêng tôi thì chiếu bóng chỉ là một trò giải trí trong chốc lát. Xem một phim khôi hài, người ta có thể cười rung bụng; xem một phim cảm động, người ta có thể khóc như mưa; nhưng đó chẳng qua chỉ là những cơn sốt rét mà thôi, ở nhà chớp bóng ra, người ta lại bình tĩnh trở lại với cuộc sống hàng ngày, người ta làm việc hay là lại

trở về với những cốc rượu khai vị ở cao lầu tửu quán.

Bảo rằng những người đi xem chiếu bóng sẽ học được điều hay là lắm. Mà cho rằng họ xem những phim mạo hiểm thì một khi trở về với cõi đời thực tế, họ sẽ bắt chước những tay tướng cướp rút súng ra bắn *pan! pan!* cũng là lắm nốt. Những người đi xem chiếu bóng không bắt chước gì cả. Có bắt chước chẳng là bắt chước lối ăn mặc của Robert Taylor, Albert Préjean hay Gary Cooper, là bắt chước lối vẽ lông mày của Marlène Diétrich, là bắt chước lối tô môi của Joan Crawford, Mae West mà thôi vậy. Tôi nghiệm ra rằng khi nào ở Mỹ châu tung ra ở thị trường điện ảnh một cuốn phim nào mới thì ở các hiệu cạo, ở các hiệu bán len, bán dao cạo, bán giày, bán cravate, bán mũ, bán khăn san ở Nữ Ước từng đội quân trẻ tuổi và lịch sự xông vào để mua hàng hoá".

Lời nói của nhà đàn cảnh đượm một vẻ buồn yếm thế thay! Nhưng nếu ta xét kỹ thì không phải không có đôi ba phần sự thực. Vâng, tôi cũng nhận như André Lang rằng kỹ nghệ chiếu bóng quả cũng có giúp ích nhiều lắm cho kinh tế, bởi vì cái kỹ nghệ đó không nói thì tất ai cũng đã biết rằng nó nuôi sống bao nhiêu là nghề, bao nhiêu là người. Nhưng tất cả một đoạn trên bức thư của nhà đàn cảnh có tiếng kia không khỏi làm cho nhiều người phải nghĩ ngợi phân vân và nghi ngờ về công dụng của chiếu bóng. Sự thực, đó chỉ là ý kiến của một người ở trong nghề mà thôi. Mà đã ở trong nghề thì bao giờ chẳng vậy, người ta cũng chỉ nhìn thấy cái thấp kém, cái chưa đạt được của nghề! Vậy những ý kiến của nhà đàn cảnh ở trên kia không thể hoàn toàn đúng cả và cứ theo ý riêng của kẻ viết bài này thì lại còn lầm lẫn là khác nữa.

Chiếu bóng, phàm một người nào bình tĩnh nhìn nó mà phê bình, có ai lại không thấy

công dụng của nó hiện nay tràn lan trên thế giới? Một phần công dụng đó, các bạn đọc đầu số báo này ^[2] của bạn tôi, anh Văn Lang, tất đã hội ý được đôi phần và biết qua ảnh hưởng của nó đối với các dân tộc trên thế giới.

Trong phạm vi bài này, tôi chỉ xin nói về công dụng của chiếu bóng trong phạm vi xã hội thôi, một phạm vi tưởng cũng chẳng lấy gì làm hẹp.

Trước hết, trước khi nói về công dụng của chiếu bóng, thiết tưởng ta cũng nên biết cái dụng ý của hai anh em ông Lumière là hai ông tổ sinh ra chiếu bóng.

Cũng như các vị bác sỹ, kỹ sư trên thế giới, hai ông Lumière lúc nghĩ ra chiếu bóng không ý gì là giúp ích cho đời, đem sự ích lợi phổ vào sự giải trí; chứ không bao giờ lại muốn xây đắp một triều đại của sự ngông cuồng lố

lĩnh, ấy là chưa nói đến những sự quá đà mà sau này người ta thường dựa vào chiếu bóng đem cho người ta mục kích những cảnh, chao ôi, bỉ ổi, ghê sợ, đáng nên chê trách.

Vậy cho nên khi ta nói về chiếu bóng, ta nên tìm biết ý chính của người phát sinh ra nó, chứ không nên dựa vào những người đã làm hỏng nghề mà bình phẩm, mà chê bai; cũng như với nghề báo cũng vậy, có ai lại dám rồ dại đem những con chiên ghẻ lở trong trường văn trận bút ra bình phẩm rồi kết luận một câu rằng: "Nghề báo là một nghề xấu xa đê tiện?"

Biết thế rồi, chúng ta bây giờ nên tìm cho biết những công dụng của chiếu bóng trong xã hội.

Thực vậy, trong một xã hội, sau vấn đề báo chí, thực không còn vấn đề nào đáng cho ta chú ý bằng vấn đề chiếu bóng. Ảnh hưởng

của nó rất lớn, ảnh hưởng nhất cho những người đã biết nghĩ, mà nói riêng ra thì ảnh hưởng vô cùng đến thanh niên, cái bọn người mà ông linh mục Fénelon đã bảo là trí óc y như một cục sáp dễ nặn và dễ in hình ảnh những cái gì thâm thái được.

Ở nước ta đây chiếu bóng chưa được mở mang lắm cho nên ảnh hưởng của nó chưa được rõ ràng và mạnh, chứ ở xã hội văn minh như Pháp, Anh, Đức, Ý, Nhật, v.v... chiếu bóng có một ích lợi thiết thực mà người ta trông thấy rất rõ là nó đã lôi kéo được bao nhiêu người ra khỏi những nơi trác táng rẻ tiền, rượu chè be bét... Những người bình dân, những người giai cấp thấp kém trong xã hội vì chiếu bóng sẽ bắt chước được trong phạm vi của họ những người ở giai cấp trên, và thử hỏi còn cách nào cổ động vệ sinh, lịch sự và danh dự của nòi giống hơn là ở nhà chiếu bóng?

Chiếu bóng với công việc giáo dục

- Những ảnh hưởng ấy rõ rệt nhất là đối với trẻ con, cho nên đã lâu, ở khắp các nước văn minh người ta đã nghĩ cách đem chiếu bóng làm một môn giáo dục. Bởi vì phàm trẻ em nào cũng vậy đều muốn học muốn biết, vì vào cái tuổi thơ ngây, người ta vẫn giàu tính tò mò. Cái ảnh hưởng về tinh thần của chiếu bóng đối với trẻ em, vì đó, rất sâu xa, cho nên những nhà soạn truyện phim và những nhà sản phẩm thường phải tính khôn lăm và tìm cách hiểu biết linh hồn của trẻ em một cách thấu đáo vô cùng vậy.

Ở Pháp về loại phim giúp ích trẻ em này chia ra làm hai thứ: một thứ phim chuyên dạy học và một thứ phim giáo dục nhi đồng; hai thứ này lại còn chia ra nhiều loại khác, nhưng đại khái thứ nào cũng chỉ quy vào có một mục

đích là mở rộng linh hồn của học sinh.

Phim dạy học chỉ chuyên dùng trong lớp học. Các ông giáo dạy học trò đến đoạn nào cần phải có hình vẽ thì cho chiếu ngay lên màn ảnh những cái hình đó ra. Những cái hình đó cố nhiên là phải đẹp và rõ để có thể gây trong trí óc của học trò không những là sự khoái lạc mà thôi, nhưng còn khiêu về thẩm mỹ nữa bởi vì cái tính của trẻ con là vậy, bao giờ cũng thích tranh ảnh trong sách hơn là những chữ, những chữ rỗng tuếch và đen trùi trùi.

Phim giáo dục thì có thể chiếu không những chỉ riêng cho học sinh xem mà thôi đâu, nhưng mà là cho tất cả mọi người, bởi vì những loại phim ấy diễn tả tất cả những vấn đề về xã hội, về đạo đức, về luân lý về vệ sinh. Ở nhiều nước châu Âu, người ta lại còn soạn riêng một loại phim gọi là "phim vệ sinh" (film d'hygiène) dạy người ta ăn ở cho sạch sẽ, khoẻ mạnh: nếu người ta khoẻ mạnh

người ta sẽ yêu đời vậy. Khi người ta yêu đời, người ta sẽ không có tư tưởng bầy bạ, đón hèn. Chiều bóng vì vậy có một cái trách nhiệm ngang với sách vở, báo chí; mà có khi hơn thế nữa: nó bày ra trước mắt khán giả những cảnh dịu lòng, những đoạn hy sinh, một cuộc đời cần lao, phần thưởng đích đáng tặng những người có công sáng chế; cái đẹp của vũ trụ, của cuộc đời ta sống.

Những phim như loại này, tiếc thay, lại hiếm lắm. Muốn đem một phim ra làm chứng cứ, chúng tôi xin kể phim *La Maternelle* của Jean Benoit Lévy, tác giả thực đã thâm hiểu linh hồn con trẻ. Những phim có giá trị như thế, không phải ai cũng làm được, cho nên hiếm là phải lắm. Ở đây, chúng tôi nên lấy làm buồn mà nhận rằng những nhà chiếu bóng của ta không để ý đến nhi đồng, thấy trẻ con thích lạ chỉ ra công mà chớp cho học sinh xem những phim ăn cướp, bóc lột, v.v..., và còn với hạng thanh niên nam nữ thì hầu hết đều

tặng những phim tình cảm; mà đàn ông thì mê gái đến không xấu hổ, mà đàn bà thì bao giờ cũng có vài người nhân tình trẻ tuổi.

Trong khi ấy thì ở khắp thế giới, nhất là nước Nhật, người ta tìm hết các cách khuếch trương việc sản xuất những phim có tính cách giáo dục người dân trong nước. Bà Dreyfus Barney trưởng ban tuyên truyền giáo dục điện ảnh về vấn đề này đã tuyên bố với ông Clara Simon, bình bút báo "*Vu*" của nước Pháp như sau này:

"Từ năm 1928, ở La-mã, kinh đô nước Ý, người ta có lập ra một "Quốc tế giáo dục điện ảnh viện" và lấy đó làm cơ quan chính thức của Hội Quốc Liên. Vấn đề bảo hộ nhi đồng đã gây cho người ta cái ý tưởng "bảo hộ" chiếu bóng và hội Quốc Liên nhất định mở ra một "Điện ảnh viện". Chính phủ Ý- đại-lợi có một cái ý rất tốt là đem biếu ngay "Điện ảnh viện" một toà lâu đài lớn nhất ở kinh đô La-

mã, ngay ở sát biệt thự của thủ tướng Mussolini. Hiện nay, toà "Điện ảnh viện" đó đã có bóng vang đến khắp hoàn cầu vì hiện nay ai ai cũng nhận thấy những công dụng lớn lao của chiếu bóng với việc giáo dục và ảnh hưởng to tát của chiếu bóng với thanh niên và quần chúng.

Bao nhiêu vấn đề có quan hệ đến chiếu bóng đều đem ra khảo xét ở viện này; một quyền kê khai những thứ phim giáo dục và dạy học nên xem, viết ra bằng năm thứ tiếng; các nhà mô phạm và bác học lại chung lưng đấu cật viết những bài bình phẩm nữa".

Hội Urania ở Áo, chuyên về chiếu bóng giáo dục hiện nay có 50.000 hội viên. Hội quán có tất cả tám buồng chiếu bóng và diễn thuyết. Không ngày nào không chiếu phim giáo dục trong học đường.

Ở Bỉ, có một hội chiếu bóng giáo dục quốc

gia. Ở Chili, ở Brésil, người ta dùng chiếu bóng để dạy học và cử một ban sang Tàu để chấn chỉnh và mở mang việc học của Trung Quốc. Ở Hoa Kỳ, bao nhiêu cao đẳng học đường đều dùng phim chiếu bóng trong việc học.

Tây-ban-nha cũng để ý đến việc giáo dục học sinh bằng chiếu bóng. Ở Barcelone, có một lớp học chuyên dạy về chiếu bóng. Ở Đức chiếu bóng giáo dục bành trướng lắm, cũng như ở Anh và ở Nga. Riêng ở Anh, chính phủ cho phát 2000 cuốn phim giáo dục và trong năm 1932, người ta tính đồ đồng thì mỗi tuần lễ có tới 10.000 trẻ con đến xem chiếu những phim giáo dục, những phim tài liệu.

o o o

Chiếu bóng với công việc y học

- Về y học chiếu bóng cũng giúp ích cho

người ta vô cùng, nhất là về khoa mổ xẻ. Giáo sư Gosset công nhận rằng chiếu bóng là một phương pháp thần diệu nhất trong việc dạy về khoa mổ xẻ. Những nhà mổ xẻ tương lai đều phải xem diễn những phim mà trong đó có ghi những việc mổ xẻ quan hệ của những nhà bác học lừng danh. Những vị mổ xẻ tương lai đó sẽ học và sẽ thấy người ta phải làm như thế nào, bởi vì chiếu bóng chỉ cho người ta xem cả những chỗ sai lầm, chẳng bao lâu những vị đó sẽ có một nền học chắc chắn và chẳng mấy lúc có thể đem cái học ấy ra thực hành.

○ ○ ○

Chiếu bóng với công việc mỹ thuật

- Theo ý chúng tôi thì chiếu bóng và mỹ thuật đều có một nguồn gốc chung. Người ta không bao giờ lại có thể quan niệm được một

phim chiếu bóng hay mà không đẹp: cái đẹp nhiều khi lại là phần cốt yếu trong phim nữa. Chiếu bóng là một cái gì hoạt động, là cái gì in cái vẽ sống của cuộc đời, vì vậy, âm nhạc cần cho nó lắm. Về mặt mỹ thuật, chiếu bóng lại còn ảnh hưởng lớn đến cách xếp đặt và đến cách trang điểm nữa. Nó gây cho người ta, nhất là cho đàn bà, một lòng yêu mỹ thuật rất tha thiết và thử hỏi thế không đủ rồi hay sao.

Theo ý chúng tôi, thì mỹ thuật là một vấn đề cần thiết lắm. Biết yêu cái đẹp đã, rồi muốn nói gì hãy nói. Bao nhiêu tính tình cao thượng đều là do ở lòng biết yêu cái đẹp mà ra, xem ngay như tổng thống Đức Hitler, nếu không biết yêu cái đẹp, trọng cái đẹp thì chưa chắc đã làm nên những sự nghiệp lớn lao trên đời.

Bao nhiêu công dụng của chiếu bóng về phương diện xã hội, kinh tế và mỹ thuật, tôi thiết tưởng nói thế đã tạm tạm đủ rồi. Chắc

các bạn không thể không nhận rằng chiều bóng hiện nay là một động lực mạnh nhất cho sự tiến bộ vậy. Nếu ta có một đôi điều phàn nàn thì chỉ có thể phàn nàn rằng người ta đã lợi dụng chiều bóng nhiều quá, thành ra ít lâu nay nó dở đi, những người có trách nhiệm tưởng cũng nên nghĩ cách "tẩy uế nó, làm cho nó thoáng khí" - như lời của ông André Brann Larrieu đã nói. ^[3]

VŨ BẰNG

Trung Bắc chủ nhật, số đặc biệt về
chiều bóng, 1941.

1 "Nhà dàn cảnh": như từ "đạo diễn" đang dùng ngày nay.

2 Số báo *TBCN* này là số đặc biệt về chiều bóng; lưu ý: tôi chụp lại qua vi phim nên không rõ số và ngày tháng ra số báo này; chỉ tin chắc số này ra trong năm 1941.

In kèm bài này có 2 ảnh. *Ảnh 1: Autant en emporte le vent* [Cuốn theo chiều gió], một cuốn phim Mỹ rất

dài và hay nhất năm ngoái chiếu ở Mỹ. Clark Gable,
3 đóng vai chính, cùng bà Margaret Michell, người viết
truyện, đang dắt tay nhau đến khánh thành buổi dạ
hội chiếu phim này. *Ảnh 2: Diễn viên Dorothy
Lamour.*

NGÀY MAI CHIỀU BÓNG SẼ RA SAO?

(thay cho lời kết) ^[1]

Trong những bài mà các bạn đã đọc ở trên kia, chúng tôi mong rằng các bạn đã tìm thấy một ít cảm tưởng về chiều bóng. Mục đích của số báo đặc biệt này, trong một phạm vi, mong có thể thôi. Chúng tôi mong rằng một chút ít cảm tưởng kia sẽ làm cho các bạn nghĩ ngợi giây lát và biết đâu sự nghĩ ngợi đó lại chẳng giúp được đôi phần bổ ích cho nền chiều bóng tương lai vậy?

Ngay tự ở đây, chúng tôi đã thấy các bạn ngạc nhiên trước sự tiến bộ vô cùng của chiều bóng trong thế giới. Những công dụng của nó về đủ các phương diện đã rõ rệt lắm, một số ít nhà đạo đức, nhà văn hay nhà báo, đứng về mặt đối phương có công kích và mạt sát nó

cũng không thể làm cho nó mất cái thể rất vững vàng trong xã hội.

Chiếu bóng là chúa tể. Cũng như báo chí! Vì vậy cho nên cùng với xây dựng quốc gia, nước văn minh nào trên thế giới cũng nghĩ đến chiếu bóng ngay; có điều nước nào đem chiếu bóng ra thực dụng việc cải tạo trong nước thì lợi ít mà nước nào khôn thì gây được nhiều cái lợi rõ rệt và đầy đủ hơn.

Trong những nước mà chiếu bóng giúp một tay quan trọng nhất trong sự tiến bộ, ta phải kể trước tiên nước Đức và Nhật là hai nước mạnh nhất ở Âu châu và Á đông.

Hai nước đó để ý khảo sát và cẩn thận từng ly từng tí một trong việc sản xuất phim. Nước Đức chú trọng nhất về những phim ca ngợi lòng thương và tôn thờ sức khỏe. Nước Nhật để ý nhiều đến những phim giáo dục và phim cổ động.

Kiểm duyệt bỏ

trong một bài đăng trong số báo *Craponillot* 1937.

Hiện lúc tôi viết bài này, cuốn báo có giá trị kia không có ở dưới tay tôi, nhưng tôi nhớ rằng những lời xét đoán của nhà dàn cảnh Pháp hiện bây giờ đem ra xét nghiệm, vẫn hãy còn đúng lắm.

"... Chính thế, người ta đã không để chiếu bóng lên chính cái địa vị của nó; những nhà xuất sản phim chuyên chú về lợi hơn nên họ chỉ rình đánh vào cái thị hiếu của người xem. Họ có biết đâu rằng một cuốn phim chiếu ra nào có phải chỉ trong phạm vi một nước mà thôi, nhưng mà là cả cho thế giới. Đó là cách quảng cáo cho cả một quốc gia, một dân tộc, vậy ta không thể để

cái kỹ nghệ ấy ở trong tay một bọn người bất lực..."

Những lời nói đó, chúng tôi đọc đã bốn năm rồi nhưng tưởng như mới nghe đầu tối hôm qua. Nhà dàn cảnh thiết tha với nghề của mình thay! Nhưng nghề chiếu bóng nước Pháp vẫn cứ đứng một chỗ như thế, cho đến khi chánh phủ Petain lên cầm quyền nước Pháp.

Phải cải tổ lại nước! Phải cải tổ hết, kể cả chiếu bóng nữa... Những lời nói sắt đá kia làm thức tỉnh bao nhiêu thanh niên, họ bắt đầu có những ý tưởng tươi đẹp hơn, nhất là về môn chiếu bóng thì cái quan niệm họ lại thay đổi hẳn. Họ như biết chiếu bóng không phải là một chỗ để thoả con mắt, để cho con mắt được nhìn những điệu nhảy khiêu khích, được nghe thấy tiếng hát gợi tình hay được trông thấy những trò mơn trớn của một bà quý phái, thân thì chỉ có một mà nhân nghi nhân ngãi thì

dăm bảy người.

Ông Paul Reboux, một nhà báo có tiếng của Pháp, rập vào cái ý của chánh phủ Pétain vừa đây lên tiếng hô hào trong nước mở *những nhà chiếu bóng có trợ cấp* để lấy chiếu bóng ra làm việc cho quốc gia. Ý đó thực hay, nhưng ông Galtier Boissière, chủ báo *Craponillot* và trợ bút đặc lực của báo *Canard Enchaîné*, không hoan nghênh; ông Boissière này muốn rằng trong nước Pháp sẽ lập thêm *một* nhà chiếu bóng thôi, nhưng một nhà *chiếu bóng tự do (cinéma libre)* không do ai kiểm soát hết, làm việc cho quốc gia đã đành rồi; nhưng hoàn toàn độc lập được phụng sự nghệ thuật, không phải khuất phục một mệnh lệnh nào của đảng phái nào hay người nào. Và chúng tôi nghĩ rằng:

"Nếu bây giờ đây, chúng ta được mong muốn một điều gì về mặt chiếu bóng, thì điều mong

muốn trước nhất của ta hẳn phải là một nhà chiếu bóng như nhờ ông Boissière đã nói, cạnh những nhà chiếu bóng tổ chức theo ý ông Reboux, vì được như vậy, vừa lợi cho đất nước vừa ích cho nghệ thuật".

Vâng, cũng như độc giả, chúng tôi đã biết rằng về mặt chiếu bóng nói đến nước ta là nói đến số "không" (0).

Những phim: *Toufou*, *Bà Đế*, *Kim Vân Kiều*, *Làm rở* chẳng qua chỉ là những cuộc thí nghiệm rở tiền mà thôi. Những người xuất sản phim đó yêu nước yêu nghề đã đành rồi, nhưng không đi tới một cái gì cả. Họ chán nản và gây cho những người đi sau những sự lo âu, trừ ra mới đây mấy bạn chúng tôi: Văn Lang, Lê Huyền, Nguyễn Dương, v.v. không nản chí, quyết sang Hongkong đóng phim *Cánh đồng ma*, một truyện phim của Đàm Quang Thiện viết.

Tôi đã biết hết cả những nỗi khổ tâm, của bọn tài tử An Nam đó từ khi chưa bước chân xuống tàu bẻ đi tới viễn châu kia. Tôi biết hết những nỗi buồn bức của họ, thiếu thốn của họ, nên tôi chỉ yêu họ mà không trách họ một điều gì. Họ, họ là những người yêu nước, yêu nghề, nên những cái kém cỏi ở trong phim đó, - mà ai lại có thể thành công ngay được từ bước đầu? - những cái kém cỏi trong phim đó, mắt tôi đều không trông thấy: tôi chỉ thấy sáng ngời lên, những quả tim, những khối óc trẻ trung, hoạt động muốn đem cái nước hầu như bị bỏ quên này ra nhắc với Á Đông. Ý đó đã tốt nhưng họ còn một cái ý tốt hơn là *đánh thức cái tinh thần chiếu bóng của dân ta dậy, nó đã ngủ liệt sau những phim Bà Đế, Kim Vân Kiều, vân vân.*

Tôi thành thực khen họ và tôi nghĩ rằng: "Việc làm đó của họ, nếu cứ như hiện nay, nghĩa là không có bóng vang gì cả, thì ta cũng nên lấy làm buồn. Những hàng tiền đạo trong một

đám quân giờ ngực ra chịu đạn cũng phải mong có một cái gì theo tiếp chứ?

Công việc của anh em đóng *Cánh đồng ma*, chúng tôi không mong kết quả nhiều; thực chúng tôi chỉ mong rằng những người hữu tâm đến chiếu bóng sẽ thường thường nghĩ đến họ rồi sẽ làm những cái gì hơn họ.

Biết đâu do những ý kiến đó, chúng ta sẽ chẳng có một nhà chiếu bóng tự do nói trên kia, và nghề chiếu bóng sẽ chẳng vì đó mà có một địa vị trong xã hội Việt Nam ta vậy?

Cái điều khó nhất là những tài tử và những bực có địa vị gì trong xã hội sẽ đứng ra lãnh cái trách nhiệm cầm đầu cái nhà chiếu bóng tương lai của chúng ta.

TIÊU LIÊU

*Trung Bắc chủ nhật, số đặc biệt về
chiếu bóng, 1941*

1 Ý nói bài này mang tính chất bài sơ kết cho số *TBCN* này, chuyên bàn về chiếu bóng.

Hôm vừa rồi, một thiếu phụ Hoa kiều 37 tuổi, tên là Hà Thành Y, nhà ở phố chợ Đũi, thấy đau bụng, sau khi có mang đã đủ tháng, liền xin vào nằm chờ đẻ tại nhà Hộ sinh Trần Thị Sanh ở đường Chasseloup Laubat. Khi chuyển bụng lâm bồn, thiếu phụ sinh ra một thai con gái quái lạ có tới bốn tay và bốn chân; hai tay trước như thường, thêm hai tay mọc sau lưng, hai chân ở bụng và hai chân dưới háng. Sau khi đẻ, sản phụ vẫn lành mạnh, duy cái quái thai ấy, thấy ánh sáng mặt trời được hai giây đồng hồ thì chết liền. Có tin đồn một nhà khoa học đã xin cái thai ấy về ngâm thuốc để nghiên cứu những quái trạng của sự sinh sản".

Câu chuyện quái thai này, sự thực, không phải là có lần đầu tiên ở nước ta. Từ đã bao nhiêu lâu nay ở khắp trên mặt báo chí, ta chẳng thường vẫn thấy đăng nhan nhản những

tin tức và tranh ảnh về những quái trạng như thế này, chỉ tiếc rằng, hầu hết chỉ biết đăng lên báo mà thôi, còn nguyên nhân của những quái ấy không mấy người nói đến.

Sự thực, trong đám trí thức, thì một số đông cũng đã biết tại sao lại có quái thai đó. Chỉ tiếc một nỗi là ở trong đám dân chúng rất nhiều người hãy còn óc mê tín dị đoan lại theo dết ở chung quanh những cái quái kia những chuyện không thể nào tưởng tượng được, thành thử dân ta, một số đông, vẫn coi những của quái đó là "cái oán" nó về nó báo hại người... Họ không hiểu cái nguyên nhân thực của những quái thai, nên, những cái hại nhiều người nhà quê chẳng những không tránh được mà thôi, có người lại đang tay làm việc càn rỡ vì ngu muội, vì mê tín là khác nữa.

Chúng tôi sẽ không kể nhiều thí dụ ra đây làm gì; nhưng độ vào khoảng ba năm trở lại đây, chúng tôi nhớ có đọc thấy một cái tin như sau

này, xin đàn cử ra làm thí dụ:

"Một người nhà quê kia ở Nam Kỳ có tính nghiện rượu đã lấy hai đời vợ rồi mà không có con. Đến người vợ thứ ba thì trong năm sáu năm giờ ăn ở với nhau, người đàn bà ấy sinh ba lần cả thảy, nhưng hai lần trước hữu sinh vô dưỡng. Còn đến lần thứ ba thì đẻ ra một cái quái thai: ba mắt, rốn ở ngực và đằng sau lưng đứa trẻ lại nổi lên một cái bướu to bằng bàn tay mà có lông.

Khác những quái thai khác, đứa trẻ quái gở kia sinh ra đời lại sống nhăn và nhón lên mau lắm. Nhưng cái bướu có lông ở đằng sau lưng nó, chắc làm cho nó đau đớn, nên đứa bé kia kêu khóc suốt ngày đêm và bố nó vốn tính nghiện rượu nặng, lấy thế làm sốt ruột lắm, một hôm bèn uống rượu thật say, mài một con dao thực sắc hoa lên mà bảo rằng:

"Này tao bảo cho mày, mày là cái quỷ cái

quái nó vào nó hại tao đây chứ không không phải là người. Tao đây, tao đây mày ẹ, chứ không phải ai đâu, tao bằm vằm mày ra làm hàng nghìn vạn mảnh để mày không thể đầu thai được nữa".

Nói đoạn người bố khốn nạn kia

Kiểm duyệt bỏ

rồi đương đêm một mình đi ra ruộng chôn đứa bé khốn nạn, không ai biết. Chuyện sau phát giác ra, nhà chức trách đã cho anh bố say kia vào khám và chịu tội".

Chịu tội, cái anh bố say kia chịu tội, phải lắm rồi, xem việc trên đây thì ta thấy rằng một phần cái án mạng khốn nạn này cũng do ở lòng mê tín dị đoan mà ra vậy. Mà cái óc mê tín dị đoan đó, ở nhà quê, ta thấy nhiều lắm lắm.

Theo như một số đông người nhà quê ít học của ta, thì những đứa trẻ quái gở, những quái thai đó là tà ma nó báo hại người ta, đó là quỷ sứ nó oán thù người ta từ kiếp trước, từ kiếp trước nữa, nay đầu thai lên vậy.

Có khi họ cho những quái thai ấy giống như cái người ba đầu sáu tay ở trong các chuyện thần quái, dù là chuyện bịa đặt nhưng họ cứ tin, rồi họ lắc đầu lè lưỡi bảo nhau: Nếu mà nó sống... Có khi họ tiếc nếu quái thai này hay quái thai nọ mà sống được thì nó sẽ làm được nhiều việc phi thường ở đời. Chứ chẳng không. Một số người dù không có cái óc mê tín ngổ nghĩnh ấy, nhưng đối với những cái quái này họ lại có óc hoài nghi rồi buông ra một luận điệu trách đời, cũng có một phần đúng. Hãy nghe họ nói:

- Quái! Đời này loài người ma quỷ thế nào, mà thường xảy ra có những chuyện ma quỷ như thế, nào người đẻ ra trứng, người đẻ ra

khí, chẳng mấy lúc là không có những chuyện quái thai như thế đã đăng ở trên báo, ngoài ra còn những chuyện mà nhà báo không biết, chắc còn nhiều nữa.

Đời các cụ ngày xưa chất phác thực thà, chẳng nghe nói có những chuyện quái quỷ như thế bao giờ.

Phản đúng về cái luận điệu trách đời này là ở chỗ đời xưa quả không có hay có nữa cũng chỉ hoạ hoằn mới có mà thôi. Nhưng họ cũng còn cái óc dị đoan, cho chỗ khác nhau của người xưa và người nay là về lẽ ma quỷ chứ họ không xét về đạo đức và sinh lý của người vậy.

Vì theo sự nghiên cứu kỹ càng của các nhà sinh lý học đã xét rõ, thì loài người sở dĩ có những cái quái thai như đứa trẻ bốn tay bốn chân kể trên kia, một phần là về sinh lý, về thể chất của kẻ làm cha mẹ yếu đuối, không

được đầy đủ, một phần về đạo đức, kẻ làm cha mẹ đã không giữ gìn, về sự quá buông thả về tình dục, nhân đó mà bị những tật bệnh nguy hiểm, nhất là bệnh hoa liễu, làm cho cơ quan sinh dục bị thương. Một hột giống gieo vào đám đất đã kém màu, lại có sâu kiến đục cắn, hột giống ấy còn nảy mầm sao được, mà nếu có nảy nở ra nữa cũng là khẳng khiu, chẳng bị dập gãy cũng bị chết khô.

TIÊU LIÊU

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 52
(16/3/1941)

Những chữ "quái thai" dùng ở trong số báo này đáng lẽ chỉ nên dùng khi nói đến những bào thai, những đứa trẻ khi còn ở trong bụng mẹ mà thôi. Nhưng bởi vì ở xã hội ta, ta vẫn thường dùng luôn hai chữ đó để chỉ 1 những quái vật, quái nhân (phénomènes humains) nên chúng tôi cứ dùng chữ quái thai cả cho dễ hiểu. Xin độc giả biết cho. Chúng tôi chắc các bạn đã phân biệt quái vật, quái nhân với quái thai rồi nên không muốn nói về hai chữ đó (nguyên chú của Vũ Bằng).

Xỏ chân lên lỗ mũi, đi hút máu và ăn dơ, giống ma cà rồng là giống ma có khắp thế giới, chẳng cứ gì nước ta.

Hôm 11 Avril mới rồi, một bạn đồng nghiệp xuất bản ở đây có thuật cho ta một tin này nhiều người cho là ghê rợn lắm và người này truyền cho người nọ, cái tin ấy chẳng mấy lúc đã lan ra khắp chỗ. Đó là một cái tin ở Quảng Nam. Một người đàn bà đã có tuổi bị bệnh trầm trọng nằm hấp hối trên giường chết. Bà nằm như thế đã bao nhiêu lâu rồi, không biết, chỉ biết rằng trước khi bà cụ kia chết vài ngày thì có một con bướm lớn lắm cứ bay liệng chung quanh giường bà cụ rồi đậu vào mũi kẻ bất hạnh kia. Cả nhà xô đuổi con bướm nọ, nhưng con bướm đó hồ bay đi thì lại quay trở lại liền, nó lại lượn, nó lại bay, mà lần này thì

không những nó bay luôn mà thôi, nó lại lẩn vào người hấp hối nọ mà bậu lên trên... mũi nữa. Bệnh bà mỗi lúc một nặng thêm, thân nhân bà cộ chở bà cộ đến nhà thương thì con bướm cứ theo luôn vào bậu vào người bà cộ. Thế rồi bà cộ chết. Con bướm quái ác kia vẫn không rời cái xác chết nọ, đến đổi cả nhà thương đã tìm cách đuổi nó đi mà kết cục vẫn không được. Sau rồi, viên bác sĩ coi nhà thương bữa đó phải bắt nó tiêm thuốc vào người nó, nó mới chịu bỏ bà cộ mà bay đi phương khác.

Bạn đồng nghiệp hằng ngày ^[2] thuật tin này không cho ta biết vì những lẽ gì mà người nhà kẻ bất hạnh lại không kiếm cách mà đập cho kỳ chết con bướm nọ đi. Bạn cũng không nói tại sao viên bác sĩ nọ đã bắt được nó rồi tại sao lại không giữ nó lại làm "con-léc-sông" ^[3] quái vật" mà lại tiêm thuốc (thuốc gì?) rồi lại thả nó đi như vậy.

Dù sao câu chuyện này cũng được nhiều người bàn tán dữ, như trên kia tôi đã nói. Họ cho đó là một chuyện lạ như trăm nghìn chuyện lạ thế giới, và bàn tán, và nghi ngờ, nhưng hầu hết đều không rút được một lý do gì khả dĩ gọi là chắc chắn để làm kết cục cho những điều họ nghĩ.

Duy có điều này đáng để ý là trong số những người đó có một số đông vì đó nhắc tới những chuyện ma, chuyện ma cà rồng là một giống ma từ xưa đến nay vẫn có tiếng là hay hút máu người bạn thủ, hồi thời hay đã chết.

Theo như ý kiến những lời người này thì con bướm kia chỉ là hiện thân của người có ma cà-rồng: nó ngửi thấy mùi chết chóc nên bám lấy kẻ chết để mà hút máu ăn dơ vậy. Nếu cái tin con bướm mà bạn đồng nghiệp hằng ngày đã đăng kia quả có thực, có những người suy con bướm ra là một thứ ma cà-rồng như thế, không phải đã là vô lý hẵn đâu!

Đối với việc này, thực tình chúng tôi không muốn ngỏ riêng một ý kiến gì cả, hoặc quyết định ra sao hết, nhưng chúng tôi muốn nhân chuyện này nói tới giống ma cà-rông mà người ta đem ra nói luôn luôn ít lâu nay và chúng tôi muốn đề độc giả hiểu biết một ít về giống ma đó, tự độc giả, sau khi đọc hết bài này sẽ tự xét lấy xem những người đã cho con bướm kia là ma cà-rông, những người đó nói có lý hay chẳng.

○ ○ ○

Ma Cà-rông ở Âu Mỹ

Hồi 1935 hay 1936 gì đó, tôi cũng không nhớ rõ, tôi có viết dưới cái tên Trạng Bạch một cuốn sách nhỏ cho một nhà xuất bản kia; cuốn sách đó bán đã hết rồi, nhưng hiện nay trong bè bạn vẫn có nhiều người hỏi tôi về chuyện đó; nó đại khái như sau này (tài liệu ở

báo *Paris-soir Dimanche*): ở một tỉnh thành Anh-cát-lợi (tôi hiện không nhớ rõ là tỉnh gì) có một người gác nghĩa địa kia xét thấy rằng cứ hằng đêm thì trong nghĩa địa lại thấy có một cái mả bật lên, mà lạ những mả đó phần nhiều là mả đàn bà con gái mới chết, xét ra thì những người bất hạnh đó bị mổ bụng và bị lôi mất ruột. Sở trình thám Anh-cát-lợi hỏi đó (*Intelligence service*) ra sức điều tra thì một đêm kia, một viên trình thám đại tài thấy lồm cồm ở trên tường nghĩa địa một bóng người: người ta đổ xô lại bắt thì đó là một gã thanh niên và thanh niên đó thú nhận trước mặt các nhà chức trách rằng y quả đã đào mả, mổ bụng những xác chết mà lấy ruột moi gan đem về ngâm rượu để mỗi ngày lấy ra ăn dần.

Nhiều người thấy tôi thuật câu chuyện đó hỏi tôi rằng đó có phải là ma cà-rông ở Âu Mỹ không?

Tôi xin trả lời rằng, theo như sự biết của tôi và lời nhà phóng viên của báo *Paris-soir Dimanche* thì đó không phải là ma cà-rông, người thanh niên đào mả kia chỉ là người bị một thứ bệnh thần kinh lạ mà thôi. Ta có thể biết rõ như thế vì báo *Paris-soir* có thuật rằng sau một thời kỳ được các bác sĩ có danh chăm nom săn sóc, người thanh niên nọ lại khoẻ khoắn và khỏi cái bệnh đào mả người chết lên. Sự thực nếu phải là ma cà-rông thì không có thuốc nào chữa khỏi hết, người nào có giòng ma cà-rông thì là ma cà-rông suốt một đời và sẽ chết một cách rất khôn nạn, như nhời nhà phóng viên Alexis Tolstoi ở báo *Marianne* đã nói.

Alexis Tolstoi có viết ở trong báo *Marianne* một chuyện phóng sự về ma cà-rông, ta xem thì biết rằng ma cà-rông chẳng cứ ở nước ta mới có, nhưng có cả ở Mỹ (như bạn Nguyễn Xuân Khôi đã nói ở trên) và ở Âu châu nữa.

Câu chuyện của Alexis Tolstoi xảy ra trong một cái làng rất hẻo lánh. Một người khách một hôm đi ngựa đến chơi đó, xảy gặp đêm tối, ông phải ngủ trọ lại một nhà kia. Gia đình nhà đó có một ông già, một cô gái và hai người con trai. Hai người con trai và người con gái đó là con ông già nọ. Theo như những lời ở chung quanh đó kể chuyện lại thì nhà ông già nọ có ma cà-rông (*vampirisme*) mà ông già đó thì chính đương bị cái bệnh quái ác đó: ông ta đã hút máu chết chính ngay con trai mình. Lúc bắt đầu câu chuyện này thì người con trai thứ nhì đương ốm, nhưng thập tử nhất sinh thì là người con gái. Người con gái đó mỗi đêm cứ hoảng kêu lên. Người khách trọ lấy làm lạ lắm, về gần sáng hôm đó bèn nhìn qua khe cửa phòng cô con gái nọ thì thấy ông già hoá ra một làn ánh sáng xanh chui vào buồng mà hút máu con. Ngay lúc ấy người con trai cũng biết, ngất đi. Trời hửng sáng, người thanh niên đó tỉnh giấc thì cái làn ánh sáng xanh cũng

mất, ông già nọ lại như người thường. Nửa đêm hôm sau, công việc hút máu lại "tiến hành", người khách kêu lên những tiếng thất thanh, nhảy lên ngựa chạy thì cứ thấy ở sau lưng cái ánh sáng xanh vun vút đuổi theo mình, đến sáng bạch thì người khách kia thoát nạn. Vài hôm sau, cùng với mấy người bạn nữa quay trở lại xem tình hình cái gia đình có ma cà-rông nọ thì có tin người con gái đã cạn hết khí huyết chết rồi. Người con trai thù bố đã ném một cái giáo vào giữa trái tim ông bố có ma cà-rông và ông già đó cũng chết theo con gái.

Ở nước ta, vào khoảng từ 20 đến 25 Janvier 1940, *Eden Cinéma* có chiếu cho dân chúng Hà thành xem một chuyện ma cà-rông khá rùng rợn rút ở một chuyện phim mà kẻ viết cho là dựa vào những tài liệu xác thực: *La fille de Dracula*.

Đó là một chuyện xảy ra ở thành Withbry

nước Anh, kết cục ở một nơi cách xa đó có hàng vạn dặm, vùng Transylvanie, một chốn nước non hiểm trở bên nước Lỗ. Bá tước Dracula, một con ma cà-rồng, hại không biết bao nhiêu người, gieo sự kinh khủng trong khắp cả một vùng đó, sau nhờ có bác sĩ Helsing bắn một mũi tên vào giữa ngực Dracula mới trừ được hẳn.

Cách đây không lâu, báo *Paris-soir* lại còn cho ta nghe một câu chuyện này cũng hay lắm, nó cũng có tính cách ma cà-rồng. Nhà phóng viên P.S. thuật rằng ở một vùng nọ phía Mexique bên Mỹ châu có một giống khi ngày thì là người mà đêm khuya hoá ra chó sói (*loup garrot*). Giống này có một sức khoẻ ít có giống vật nào bì kịp (giống ma cà-rồng khoẻ lắm, độc giả đọc dưới đây sẽ biết), nó toàn quật xác người chết lên ăn thịt rữa nát, ai vào lúc đó nó sẽ cắn chết tất. Sau mãi có một vị võ quan người Mỹ một hôm tìm cho được một con chó sói (*loup garrot*) để săn. Sau

những cuộc đấu sức rất kịch liệt giữa vật với người, con chó sói *garrot* nọ bị bắt; vị võ quan Mỹ đem về nhà giam con chó sói kia lại, nhưng chẳng bao lâu thì vị võ quan bị chết một cách vô cùng thảm khốc.

Thật y như những chuyện ma cà-rông ở nước ta. Những tài liệu về ma cà-rông ở Âu Mỹ còn nhiều lắm, tôi không thể kể hết ví dụ ra đây được. Ta chỉ nên biết rằng chẳng cứ ở nước ta mới có ma cà-rông đâu, nhưng ở khắp thế giới này đều có, nhưng mỗi chỗ nó hiện ra một cách khác nhau, nghĩa là ma cà-rông tùy thời tiết, tùy địa thế mà biến thể vậy.

○ ○ ○

Ma cà-rông ở xứ ta

Ở xứ ta, thường thường những vùng thượng du, như Sơn La, (Bắc Kỳ) Cao Lãng (Nam Kỳ) và nhiều chỗ nữa, không cần kể ra làm gì

cho dài, người ta vẫn thường nói tới ma cà-rông. Nhiều người không tin là có. Nhưng sự thực thì giống ma cà-rông quả là có thực. Độ vào khoảng mười mười hai năm trước đây, một bạn ở trên thượng du đã viết rõ về giống này. Tiếc thay, sách đó lại hết, hiện bây giờ khó mà kiếm được nên những chuyện ma cà-rông tôi thuật ở dưới đây đều không dựa vào sách nào cả, nhưng mà chính là do những việc tôi đã thấy tận mắt, những cái tôi đã nghe những người rất thành thực rất thân tín kể lại và xét nghiệm.

a) Giòng giống ma cà-rông.- Ma cà-rông ở những vùng thượng du nước ta không phải là một giống mà ta vẫn thường nghe kể lúc nhỏ tuổi đâu. Không, ma cà-rông chỉ là người như ông và tôi vậy, đi lại, ăn uống và làm việc như thường, không có gì là khác. Chỉ duy có ban đêm họ là ma mà thôi. Họ biến tướng đi và bay đi ăn những vật hôi thối hay hút máu người, máu vật. Những giòng

giống ma cà-rồng như thế chính mình không biết việc mình làm lúc đêm khuya. Nhưng cả làng cả xóm, hễ thấy nhà nào, họ nào có ma cà-rồng thì biết ngay, họ xa lánh, khinh bỉ cái họ có ma cà-rồng đó, và những người có ma cà-rồng nhục lắm, nhưng không làm thế nào khai được, vì như trên kia đã nói thì khi người ta có ma cà-rồng người ta sẽ mắc chúng đó suốt đời, không mong có một phương pháp gì cứu thoát.

b) Tướng người có ma cà-rồng.- Lúc tôi viết bài này thì một sự tình cờ đưa đến cho tôi một ông bạn vong niên: đó là Nhì Lùng tiên sinh. Là một nhà tướng số có tài đã đi nhiều từ Nam chí Bắc, cụ Nhì Lùng hồi vào trong Nam có ở lại chơi nhà bạn tôi là Nguyễn Xuân Khôi, nhân vui câu chuyện cụ Nhì Lùng và bạn Nguyễn Xuân Khôi có nói tới giống ma cà-rồng, nay viết đến giống này, tôi không bỏ lỡ cơ hội lại tìm đến tìm cụ Lùng để hỏi thêm ít nhiều chuyện về ma cà-rồng,

nhất là hỏi cụ cho biết tướng những người ma cà-rồng này ra sao. Thì, theo như lời cụ, những người có ma cà-rồng này có một cái đặc biệt nhất là mũi to, đỏ, có thể đút ngón tay cái vào vừa. Mắt họ rất trong. Thế thôi. Còn bảo rằng ma cà-rồng cổ to gấp đôi cổ người thường, cái đó là đùa, không có gì làm chứng cứ.

Cụ Nhì Lùng nhìn chúng tôi, nghĩ ngợi trong giây lát rồi chậm rãi nói rằng:

- Tôi là một nhà tướng số, thích xem biết về khoa học huyền bí; cái gì vì vậy đối với tôi cũng thuộc về lẽ huyền bí hết. Cho nên về ma cà-rồng, nếu cần phải có một ý kiến gì thì tôi chỉ có thể xin thưa với ông rằng: đó là một nghiệp chướng nó hại người ta, nó hại một giòng họ nào đó, không thể nào tránh được. Theo như chỗ biết của tôi thì cái giống ma cà-rồng này là cha truyền con nối, người có giống ma cà-rồng yêu thương người nào thì

truyền ma cà-rông cho người ấy, mà truyền lắm khi không biết. Người mới bị truyền ma cà-rông, đương khoẻ khoắn chẳng làm sao, bỗng bị một cơn sốt rất dữ dội, có khi hàng tuần hay nửa tháng, thịt sút đi trông thấy. Đến khi khỏi sốt thì người ấy vàng hắc mắt đi, thê rồi cái mũi đỏ lên; đêm đêm vì xuất tinh ra mãi, nên lỗ mũi to lên. Người có ma cà-rông cũng dễ phân biệt với người thường: bởi vì người có ma cà-rông thường xuất hồn ra đi ăn những vật thối tha bẩn như cóc chết, ếch chết, những mụn ghẻ lở, và máu người, và vật cả sống lẫn chết, nên cái hơi những người có ma cà-rông rất nặng, người đứng bên cạnh có cảm giác rằng đứng bên cạnh một đồng dơ, một cái xác chết, một con cóc chết.

Hồi đó tôi không nhớ rõ là năm nào, - lời cụ N. L. - tôi nhân vì đi phúc đất cho một nhà giàu ở tỉnh kia, có lần mò lên chơi gia huynh ở châu Văn Chấn, phố Nghĩa Lộ. Anh tôi và những người ở lân cận, một hôm có chỉ cho

tôi một người đàn ông đã có tuổi và bảo rằng đó là ma cà-rồng. Thoạt đầu, tôi không tin, nhưng sau họ kể chuyện cho tôi thì mới biết rằng những người có ma cà-rồng có nhiều khi ăn trên ngói tróc ở trong thôn, trong xóm; ngay ở quanh vùng đó có người có ma cà-rồng mà làm đến chánh tổng và lý trưởng!

Hồi đó, ở châu Văn Chấn, phố Nghĩa Lộ có một đôi vợ chồng kia ăn ở với nhau mười tám năm trời chẳng làm sao, tự nhiên một ngày kia người vợ đổi hẳn tính hẳn nét đi, suốt ngày đêm chửi mắng chồng và sau mấy hôm thì bị bệnh liệt giường liệt chiếu. Người đàn bà ấy sốt rất dữ dội rồi mặt mày cứ bợt đi, người chồng đêm đêm thức để thuốc thang cho vợ có cái cảm giác rằng vợ mình bị ma cà-rồng hút máu. Anh ta để công rình thì một đêm kia thấy có một cái bóng đen tự trần nhà bay xuống, anh định nhón nhìn kỹ thì trong bóng đêm bao phủ gian buồng, tịnh không có một cái gì cả, trừ người đàn bà ốm đau hốc hác

nằm ở trên giường thỉnh thoảng lại nói mê, và cứ vào khoảng gần sáng, thì lại thét lên những tiếng rùng rợn như có vẻ hãi hùng đau đớn lắm. Anh chồng tức lắm, lúc mờ sáng bèn đi lục khắp gian phòng. Anh ta tìm khắp: vẫn không có gì lạ cả. Chỉ thấy một con chó đen nằm ở tít gần giường chui ra nhìn người đàn ông với đôi mắt ngạc nhiên, cắn một tiếng rồi tìm đường chạy trốn. Người đàn ông có vợ ôm rùng mình từ đầu đến gót chân. Anh ta hiểu hết, hiểu hết; vội vàng vớ lấy một con dao *sì păn*, - một thứ dao rất sắc của dân rừng vẫn thường dùng, có thể chém đứt đôi một đồng xu, anh ta chạy đuổi con chó và giáng hết sức chém vào cổ nó. Con chó chạy nhanh như bay, con dao chém trượt thành thử chỉ sượt vào cổ nó và làm rơi mấy giọt máu trên nền gạch. Thì ra con chó đó, - các bạn tất đã đoán ra rồi, - con chó đó là ma cà-rông hiện hình ra. Người ta sở dĩ biết thế là vì, ngay buổi sáng rạng đêm hôm đó, ở trong lối xóm gần đó có một người đàn ông khi không

bị sả một vết ở cổ rất to, máu me đã đông lại, trông thật là gớm ghiếc. Theo như lời những người đã ở lâu năm vùng đó kể chuyện lại thì người đàn ông có giòng ma cà-rông: Anh ta vẫn thường đi hút máu và ăn dơ về đêm khuya. Đã mấy đêm nay rồi, anh ta thường đến hút máu người đàn bà ốm đau kia, và hiện hình ra làm con chó đen như các ngài đã biết, chẳng may bị chém. Từ đó, con ma cà-rông sợ và không dám bén mảng đến nhà người nọ nữa: người đàn bà khỏi bệnh.

Người ta thường kể chuyện rằng ở trên những miền thượng du Bắc Kỳ, cái giống ma cà-rông biến hoá thiên hình vạn trạng.

Lúc mới có ma cà-rông, người có ma chỉ có thể hoá thành một cái bóng người thôi. Nhưng mỗi ngày một quen, một thạo đi, ma cà-rông có thể xỏ hai ngón chân cái lên hai lỗ mũi mà bay đi lơ lửng ở lưng chừng trời. Lúc đã bay được rồi, ma cà-rông rút hai chân ở

hai lỗ mũi ra và tự nhiên ở hai lỗ mũi tòi ra hai cái tia xanh to bằng ngón tay, dài độ 15 phân, ánh sáng chập chà chập chòn như thể cái lửa ma trôi vậy. Hai cái tia sáng xanh đó trông có vẻ ghê lạnh và kỳ quái: nó lên, nó xuống. Những người đi đường rừng và đã từng biết nhiều về ma cà-rồng lại còn nói rằng mọi khi cái tia sáng xanh đó động đập nhiều, ấy tức là ma cà-rồng đã kiếm được mồi, nó đánh hơi thấy máu, mủ, thịt thối, cóc chết hay rau đàn bà đẻ vậy. Chúng thích ăn những vật dơ bẩn đó và chỉ có thể ăn những vật dơ bẩn đó mà thôi. Có lẽ ma cà-rồng cho những vật dơ bẩn ấy là ngon nên không đêm nào chúng không đi kiếm ăn cả. Chúng có nhiều khi chỉ hoá ra có một lần xanh, có khi là con bò cạp. Có lẽ vì những biến thể đó mà có người cho con bướm ở Quảng Nam là ma cà-rồng hút máu bà cụ già sắp chết chăng?

Ma cà-rồng một khi đã kiếm được mồi thì bay là là xuống cái mồi, và lượn chung quanh

một lúc. Khi đã xét rõ đó là những vật hôi thối hoặc phân bò, phân lợn, cóc chết, trâu bò chết hoặc rau đàn bà để rồi thì hai cái tia sáng dài ra. Có người đã từng mục kích một bữa "chén" của ma cà-rông thuật lại cho tôi nghe rằng khi ma cà-rông ăn như thế thì hai cái vôi xanh thò vào thụt ra như cái bễ lò rèn. Trong khi chúng ăn như thế thì chúng không trông thấy người đi lại ở chung quanh, nhưng người ta thì người ta trông thấy nó rất rõ ràng. Những lúc ấy nếu ai trông thấy mà nhảy ra bắt nó thì con ma cà-rông vụt bay đi. Những lúc ấy, sức nó rất khoẻ, nó bay rất nhanh, nó kéo người bám lấy nó đi qua đồng ruộng, đi qua rừng núi. Người ta bảo rằng nếu người nắm được nó cứ bám hoài, không để cho nó bỏ rơi mình thì khi nào có ánh sáng mặt trời mọc, con ma cà-rông tắt chết.

Nhưng chuyện ấy ít khi thấy lắm, hay nói cho đúng thì không bao giờ có cả. Phần nhiều người ta bị bỏ rơi ở giữa đường, hôn mê bất

tỉnh và nhiều khi những người đó bị ma cà-rông truyền nọc cho là khác.

o o o

Hai chuyện ma cà-rông ghê gớm

- Lúc tôi đang viết bài này thì có một bạn, M. Nguyễn Thụy T. hiện giờ buôn bán ở Hàng Đường, - đến chơi nhà báo và trong khi vui chuyện có thuật lại hai chuyện ma cà-rông, - hai chuyện mà ta có thể tin chắc lắm vì chính hai chuyện này ông T. đã sống một và ông đã nghe thấy một ở Sơn La là chỗ ông làm vậy.

- Hồi ấy, - lời ông N.T.T., - tôi đang làm thư ký ở Sơn La. Hằng ngày vì công việc bắt buộc tôi vẫn phải mặc quần áo tàu và cầm dao đi khám xét hàng hoá của những khách đi qua đó. Những người làm ở dưới quyền tôi hồi đó có nhiều người Thổ; trong số những

người Thổ đó, có một anh thỉnh thoảng vẫn vào xin quét vườn cho tôi, anh ta thường hầu hạ luôn luôn ở quanh tôi. Nhiều người quả quyết rằng anh ta có ma cà-rông và chắc có ý định gì đây, nhưng bao nhiêu lời bàn tán, tôi đều không để ý, mà tôi chỉ nghĩ rằng anh chàng ấy sợ đi lại nhà tôi luôn như thế chỉ là vì anh ta muốn xin hạt giống rau cải và các thứ rau khác để về giồng giọt. Một tháng, hai tháng qua, không xảy ra chuyện gì lạ hết, tôi vẫn làm ăn như thường, nhưng bởi vì cuộc sinh hoạt hàng ngày của tôi chật vật quá nếu không muốn nói là nguy hiểm, một buổi kia tôi bị cảm và luôn một tuần lễ tôi sốt mê sốt mệt không biết gì hết cả.

Tôi hỏi ấy thuê một cái nhà nhỏ ở chung với một bạn đồng sự, anh L. H. T. Hai anh em ở với nhau, tôi ốm, chỉ có một mình anh L. H. T. trông nom săn sóc. Mãi về sau này khỏi bệnh, những khi nhàn rỗi ngồi kể lại chuyện cho nhau nghe, anh thuật cho tôi hay rằng

trong bảy ngày sốt nặng, cứ về đêm, tôi thường nói lảm nhảm luôn miệng và thỉnh thoảng lại hét lên kinh khiếp lắm. Ngay lúc ấy, tôi vẫn không lúc nào nghĩ đến ma cà-rông, mà cả anh L. H. T. nữa. Cho nên bây giờ tôi vẫn chịu rằng tà ma nó làm u mê ám chướng người ta là đúng lắm. Tôi, chính tôi, tôi đã bị u mê ám chướng suốt trong một thời kỳ, cái tên thổ kia hằng ngày vẫn được tự do đi lại nhà tôi. Tôi không nghi nó, duy tôi có nghiệm thấy một điều này là mắt tên Thổ nọ rất gian, hay nhìn trộm. Nó cứ đi đi lại lại quanh chỗ tôi nằm, nó nhìn những vết lở ở người tôi, - bởi vì tôi sốt dữ dội quá nên cả người phát lở lên, - với một sự thèm muốn không tả được. Như thế, một thời gian ngắn. Xảy một đêm kia, bạn tôi anh T. nửa đêm sức tỉnh giấc bỗng hét lên một tiếng: anh ta vừa thấy ở trong gian phòng tôi ngủ một cái bóng đen đi đi lại lại ở chung quanh giường nằm của chúng tôi.

Cái bóng ma đó vụt biến đi, nhưng đêm sau,

đêm sau nữa, vào đúng giờ đó, cái bóng ma đó lại hiện lên ở gian phòng; anh T, thu hết can đảm vào hai tay, đến đêm thứ ba rình lúc cái bóng ma đó hiện lên cầm lấy con dao *Sì pần* ở đầu giường ném thực mạnh vào cái bóng. Tôi tỉnh giấc. Ngay lúc ấy, chúng tôi bật diêm đốt nến lên soi thì thấy con dao đâm qua màn làm rách một mảng rất to và bỏ xuống một cái đèn hoa kỳ mà chúng tôi vẫn rong lên để đêm; cái đèn ấy vỡ tan ra từng mảnh. Không còn hồn vía nào nữa, anh T. kể lại cho tôi nghe. Thì ra anh lại vừa thấy cái bóng đó hiện lên và chắc chắn, chắc chắn lắm, không mơ hoảng gì hết, anh nhìn rõ ràng thấy con dao đó đã đâm vào cái bóng đen nọ, nó đưa tay ra đỡ.

Hôm sau, chúng tôi đem việc đó thuật lại với y sĩ L.V. T. và tin đó lan khắp vùng. Y sĩ L.V.T. không tin lời nói của chúng tôi, nhưng sau nghe thấy câu chuyện của anh L.H.T có vẻ quả quyết lắm, y sĩ T. cho gọi ông thổquet

vườn của tôi lại, thì, - bây giờ tôi hãy còn nhớ rõ như việc vừa xảy ra khi nãy - tên thổ đớ giờ cho y sĩ T. xem một bàn tay có một vết dao chém, hãy còn máu đọng! Lúc đó, chúng tôi mới ngã ngựa người ra, nhất là tôi, vì đến tận lúc đó tôi mới thực biết rằng tên thổ kia là ma cà-rông. Hắn đi lại nhà tôi chắc là để xem xét địa thế vậy. Bao nhiêu lần nó đã định hại tôi, nhưng sở dĩ không thành công, cứ phải quanh quanh quẩn quẩn ở cạnh giường là vì cái lệ tôi nằm ngủ bao giờ cũng vậy, tôi cũng để dao kéo ở trên đầu giường tôi.

Ma cà-rông có một cái sợ nhất đời: đó là những đồ kim khí vậy! Theo lời những người ở những chôn đèo heo hút gió về kinh ta kể chuyện lại thì giống ma cà-rông này còn sợ một thứ nữa: Đó là cái vó. Cho nên ở những chỗ nào có ma cà-rông, những người thực cẩn thận thường mua vó để luôn luôn trong nhà: Hễ trong nhà chẳng may có ông già bà cả bị đau hoặc trẻ con giở trời trái gió thì họ

căng vó ra ở trước cửa nhà vì họ tin chắc rằng nếu ma cà-rồng có muốn vào nhà chẳng nữa mà thấy vó căng ra như thế cũng phải tìm đường tẩu thoát.

Ông N. T. T. lại nói tiếp:

- Sau khi đã khỏi bệnh, một hôm, tôi nhân có việc vào chơi cụ quản đạo C.V.O. ở châu..., cụ có hỏi thăm tôi về việc ma cà-rồng làm. Tôi nhất nhất kể lại những việc đã qua mà tôi tưởng như mới xảy trong một cơn ác mộng. Sau khi chè nước, cụ O. nói với tôi một câu chuyện trăm phần trăm đúng sự thực:

- Tôi ở trên này đã mấy đời cho nên những chuyện ma cà-rồng như thế, tôi biết lắm. Ma cà-rồng, nói cho thực ra, ít dám làm hại những người có oai danh, kể cả những quan chức làm ở các công sở nữa. Chắc ông mới lên màn việc ở đây không biết rõ chúng nó đó thôi. Chẳng lâu gì, nửa năm hoặc vài tháng,

ông sẽ có dịp chứng kiến một cuộc bắt ma cà-rồng của tôi. Tôi sẽ để cho ông xem nhiều cái lạ về ma cà-rồng lắm, nhưng hôm nay, nhân lúc hai ta cùng nhàn rỗi, tôi xin kể cho ông nghe một chuyện ma cà-rồng ở châu đây mà người *anh hùng* trong chuyện ấy, - nói thế cho vui! - người *anh hùng* trong chuyện là tôi vậy.

Không lâu đâu. Chuyện mới xảy ra cách đây bốn, năm tháng trời thôi. Đó là về tháng chín, tháng mười gì đó, gió ở rừng thổi lạnh lắm mà cả ngày chỉ tối, mưa phùn rét căm căm như thấm đến xương tủy người ta vậy. Nhà X.B. đã mấy hôm nay nặng một bầu không khí ủ ê buồn: vợ chồng X.B. khóc ra khóc vào, vì đưa con một của lão, lên tám tuổi, đương yên đương lành chẳng làm sao bỗng lên một cơn sốt rất dữ dội rồi cứ mê man đi đã hơn một tuần lễ nay. Thuốc thang chữa chạy đều vô hiệu. Thật đứa bé róc đi trông thấy; đêm đêm nó lên chứng kinh hoàng và khóc thét lên. Đã

đến lúc thất vọng hoàn toàn, X. một hôm khóc lóc lên trình tôi rằng nó nghi rằng con nó bị ma cà-rông làm và nội trong thôn ấy, nó nghi nhất cho con mụ N.T.S. vì mụ này, cả thôn ai cũng biết mụ là ma cà- rông. Nghe lời khai của X. xong, buổi chiều hôm ấy, tôi cho gọi con mụ N.T.S. lại. Thì vừa hỏi một đôi câu, mụ đã giãy dụa đẩy lên và thề sống thề chết rằng đó là người ta thù ghét mụ nên mới đồ vấy đồ vá cho mụ vậy. Mụ khóc lóc, mụ kêu ca, nhưng thoáng qua tướng mụ, tôi đã biết rằng mười phần mụ không phải bị nghi oan cả mười. Tôi bèn quát lính trói giật cánh khuỷ mụ lại, buộc vào một cái cọc tre và tôi truyền cho đánh mụ kỳ cho đến lúc mụ khai thực tình.

Cuộc khảo ma cà-rông bắt đầu.

Ông quản đạo C.V.O. hút một mồi thuốc, gật đầu một lát rồi nói tiếp: Vâng, thế là cuộc khảo ma cà rông bắt đầu.

Hơn hai tiếng đồng hồ ra sức khảo đả, những người lính của tôi vẫn không thể nào làm cho mụ N.T.S. khai một lời nào ích lợi. Tôi đã bắt đầu chán nản, nhưng không lẽ lại chịu thua nó hay sao? Tôi bèn hét quân lính hãy trói nó lại bỏ vào nhà giam để sau này định liệu. Tôi truyền không cho nó ăn gì để xem lúc đói nó có biến hình chẳng. Trong khi ấy, tôi chỉ cho uống nước và bắt phân nhật dạ, lúc nào cũng có hai tên lính đứng ở cạnh nó để coi và hễ có gì lạ thì phải báo cho tôi tức khắc. Như thế luôn trong ba ngày. Vẫn không có gì lạ. Tôi vẫn không cho nó ăn và không cho nó ngủ nữa, hồ nhắm mắt thì tôi lại cho người đánh. Đợi mãi, đợi mãi như thế luôn trong năm ngày liền, con mụ N.T.S. vừa đói vừa mệt là ra. Người ta vẫn thường nói ra phàm đã là ma cà-rông thì lúc đói, mệt thường không giữ gìn được, nó phải xuất hiện nguyên hình. Tôi cho thế là đúng nên đến ngày thứ sáu thì tôi thi hành mưu kế. Hôm ấy tôi còn

nhớ là một đêm mùa rét, gió bắc lạnh lùng lại có mưa phùn ẩm ướt rét cắt da cắt thịt. Cái giống ma cà-rông nó vẫn thế, gặp những đêm trời tối, gió rét mà lại mưa phùn thường vẫn biến hình để đi ăn. Tôi lợi dụng thời tiết hôm đó, vả lại đã thấy nó mệt lả ra rồi, bèn truyền riêng cho hai người lính canh nó để thấy nó chợp ngủ thì cứ để cho nó tự nhiên, đừng náo động. Về phần tôi thì tôi đã dự bị sẵn sàng rồi: một tay cầm con dao, một tay cầm cái vó, tôi đứng rình ở phía ngoài. Độ vào khoảng nửa đêm, điều tôi dự đoán đã thành ra sự thực. Trong bóng tối dày đặc của phòng giam, một tia sáng loé lên, rồi một tia nữa, hai tia dài, xanh và động đậy lập loè trong bóng tối. Tôi cứ đợi và cố giương to mắt ra nhìn thực kỹ thì thấy mục N.T.S. từ từ giờ hai bàn chân lên trời. Tóc mục xoắn ra và có điều này khá lạ là người mục cứ thu nhỏ dần dần lại, nhỏ mãi nhỏ mãi sau rốt nó chỉ còn nhỏ bằng một con búp bê thôi. Lúc ấy, chắc người nó đã nhẹ lắm thì phải, nó cứ cao lên

khỏi mặt đất dần dần, nó bay là là rồi bay cao lên vừa tầm tay người thường... Mụ N.T.S. đã biến hình ra ma cà-rồng. Không trì hoãn, tôi bèn ra hiệu cho ba người đứng ở quanh tôi quăng vó ra chung quanh sân để cho ma cà-rồng không thể thoát thân được. Thì đúng như thế, con ma cà-rồng chỉ có thể lượn quanh quần ở trong vó mà thôi, tôi bèn nắm can đảm vào hai tay nhảy lại phía nó và hết sức bắt nó, lôi nó lại.

Thưa ông, ông trông tôi đây. Tuy tôi đã già rồi, nhưng chắc ông không thể bảo tôi là một người yếu được. Ấy thế mà lúc tôi lôi kéo con ma cà-rồng lại thì tôi tự nhiên thấy tay chân tôi run cả ra, con ma cà-rồng kéo tôi chung quanh sân và tôi tưởng nó còn kéo tôi mãi. May, sau tôi định trí lại được, hết sức bình sinh kéo nó lại, và lại có một tên lính phụ giúp nữa nên con ma cà-rồng không động đậy được, đành phải đứng yên và tỏ vẻ tức giận thêm thường lắm lắm vì nó ngửi thấy mùi

phân,- tôi đã để sẵn một đồng phân ở giữa vườn để nhử nó, - mà không được đổ xuống ăn. Lúc đó, nó mới lòng lộn lên và đáng chừng nó thấy vương ở mình nó, nó mới nói, - vâng, bằng tiếng người, nói rất nhỏ, - nói một câu mà tôi không hiểu ý nghĩa ra sao hết. "Mày đi ăn, tao cũng đi ăn. Món này của tao, tao tìm thấy trước, có sao mày lại tranh cướp của tao như vậy?" Mãi đến sau này tôi mới vỡ nghĩa câu nói đó: thì ra con ma cà-rồng của tôi nó không biết là nó đã bị bắt. Trái lại, nó vẫn tưởng nó đi ăn đêm như thường lệ, và cái bàn tay bắt nó, nó cho là có một bạn đồng sự với nó trên nó, cướp mồi của nó.

Tôi lại nói lại cái lúc tôi bắt được ma cà-rồng trong tay. Lập tức, tôi cho thắp đèn đuốc sáng rực lên khắp cả vườn, bao nhiêu người vây cả lại chung quanh nó và đến tận lúc đó con ma cà-rồng vẫn chưa tỉnh hẳn. Đến tận mười lăm phút sau, nó mới chịu định thần, nó hình như đã biết rõ hết cảnh ngộ của nó, nên

bắt đầu lên tiếng lay van râm rĩ.

Bây giờ tôi hãy còn nhớ nét mặt và giọng nói của con ma cà-rông lúc bấy giờ: tóc nó xoã, mồm nó sùi bọt, mắt nó đỏ ngầu, nó có vẻ ghê rợn như những con tà mà ta vẫn thấy nhan nhản ở trong những ngày hội Phủ Giày hay Kiếp Bạc.

Lau mắt, vắt mũi, nó khóc lóc kêu van như thế này: "Lạy quan lớn, ngài tha cho, ngài tha cho. Con quả có ma cà- rông. Quan lớn xét tình cho, đó thực là tiền oan nghiệp chướng chứ thực tình chúng con có bao giờ muốn thế đâu. Thưa quan lớn, đưa bé con con X.T. con quả có đến "quấy rầy" thực. Nhưng trước khi con khai hết cả đầu đuôi, xin quan lớn cho phép chúng con được rửa mặt đã. Ông quản đạo C.V.O. sai người lấy một thau nước thì con ma cà-rông vội xua tay. Thì ra muốn hiện lại nguyên hình nó không cần nước lã để rửa mặt nhưng cần một nồi nước vo

gạo. Người ta kể chuyện rằng muốn cho nó thực tỉnh hẳn cho hai cái vôi xanh chui vào trong lỗ mũi thì phải rửa như thế, nếu không, hai cái vôi xanh kia không thể chui vào lỗ mũi được. Trong khi hai cái vôi xanh đó chưa chui vào hai lỗ mũi thì ai đứng gần đó phải coi chừng vì nhiều khi rình lúc bất ngờ ma cà-rông nó thường hại người đứng chung quanh nó, truyền cái nọc độc trong vôi xanh ra cho người nó định hại và người đó sẽ bị truyền nọc ma cà-rông.

Ông quản đạo C.V.O. lại nói tiếp:

- Vậy trong lúc rửa mặt, tôi có ý đứng xa nó ra mà nhìn thì thực lạ! Nó vừa rửa mặt bằng nước vo gạo xong, hai cái vôi xanh đó vụt biến đi mà cũng từ lúc ấy người con mụ N.T.S. cứ lớn dần dần lên và chỉ trong giây lát nó lại cao lớn như người thường vậy. Nó bèn nói thế này: "Thưa quan lớn, thực tình chúng con có quấy rầy thẳng bé con con mụ

X.T. trong xóm thực. Nguyên hôm đó con có việc phải sang chơi nhà nó, có việc cần, con muốn hỏi giật bố nó vài hào bạc. Đứa bé mồm mồm làm sao, vậy mà thương thay nó lại bị một cái nhọt mạch lươn rất to ở cổ thành thử người đứa bé cứ xanh nhợt hẳn đi vì ăn bao nhiêu lại ra mủ máu cả thì còn béo tốt làm sao cho được. Thoạt đầu, con lấy làm thương đứa trẻ, nhưng vì sau cái mùi máu mủ trong cái nhọt của nó "nịnh khứu giác" con, - đây là lời ông quản đạo thuật lại, - nên con thấy thèm muốn một cách lạ và ngay đêm hôm đó con đến hút máu nó và hút máu nó như thế đã được bảy tám hôm nay rồi. Đứa bé đó hiện nay chưa chết; vậy con rập đầu xin quan lớn cho chúng con trả lại máu nó và lạy quan lớn, quan lớn tha tội chết cho chúng con, chúng con xin cảm tạ và quyết làm thân khuyên mã để đền ơn quan lớn".

Trả máu

Đây, chúng ta bước vào một đoạn ly kỳ nhất, ghê sợ nhất trong cuộc khảo ma cà rồng. Mụ N.T.K. vừa nói đến chuyện trả máu thì ông quản đạo ưng thuận ngay; ngài hỏi nó muốn gì, cần phải có những đồ cần dùng gì thì nó bảo chỉ cần một cái chậu con là đủ.

Chưa đầy một phút, một tên lính đã bung một cái chậu ra để ở bên cạnh nó. Mọi người nhìn thờ, để ý trông và đều hồi hộp trong lòng một cách lạ. Con ma cà-rồng chẳng nói chẳng rằng gì cả, xỏ cái búi có ở trên đầu xuống, xoắn tóc che kín mặt để cho mọi người không trông thấy. Đoạn, nó trợn mắt lên, giơ tay cho vào mồm! Nó làm gì? Người ta càng hồi hộp. Thì ra con ma cà rồng móc họng: nó nôn rục lên một lúc rồi thì, - thật là lạ lùng rùng rợn vô cùng, - ở miệng nó, người ta thấy mửa ra tất cả thấy năm cục máu tím ngắt như những quả bồ quân vậy. Nhả máu xong rồi, nó mới

ngẩng nhìn ông quản đạo, nước mắt giàn giụa mà nói bằng một giọng nghẹn ngào: "Thưa quan lớn, đây là những cục máu mà chúng con đã hút được mới đây. Đây, về phần đứa con mụ X.T. cháu mới chỉ hút được có hai cục thôi, cháu xin trả lại nó"...

Ông quản đạo thấy vậy tức thì trợn tròn mắt lên mà rằng: Quân này ra lão thực! Mà y mửa ra cả thấy năm cục máu hãy còn rành rành ra đây, vậy mà y lại dám giữ lấy ba, chỉ giả có hai thôi? Vậy ra ý y nhất định không muốn cho đứa trẻ kia được sống?

Nước mắt con ma cà-rông bỗng chan hoà ra, nó nghẹn ngào một lát lâu rồi mới run sợ đáp rằng: "Bẩm lạy quan lớn, chúng con không dám giấu. Xin quan lớn tha tội chết cho con, con mới dám nói, thực quả ba hòn máu này không phải là của đứa con mụ N.T.K, nhưng là của một người đàn bà khác trong châu bị chúng con hút máu nhưng vì quá yếu sức nên

đã chết từ hơn một tuần lễ nay". Nói đoạn, con ma cà-rồng rập đầu lạy ông quản đạo.

Nghĩ một lát, ông quản đạo hỏi rằng: "Thế bây giờ, nghe tao hỏi! Mày trả máu đứa trẻ đó, nhưng mày bảo phải làm thế cho nó hồi lại được?" - "Bẩm quan lớn, không khó khăn gì cả. Quan lớn cứ cho mang đứa trẻ lại đây. Trước mặt chúng con, quan cho đứa trẻ đó nuốt mấy hòn máu này, nó tất sẽ hồi lại và chẳng bao lâu sẽ bình phục như thường vậy".

Y theo lời của con ma cà-rồng nói, N.T.K. lập tức chạy về ẩm con đến, thì lạ thực, đứa trẻ không tỏ vẻ kinh hãi gì cả, nuốt luôn hai hòn máu.

Vài hôm sau, trong xóm nhao lên kháo nhau rằng đứa trẻ ấy ăn lại bữa và đã đi lại được như thường vậy.

Ông quản C.V.O. nói chuyện với tôi về ma

cà-rồng mãi đến lúc lên đèn mới thôi.

o o o

Đây là một "chuyện đã sống" xảy ra ở làng Mường Q.M.:

cả mâm thịt tự nhiên xám xịt lại vì một con ma cà rồng bay qua!

Xin thú thực với độc giả, câu chuyện của ông quản đạo C.V.O. đã có lúc làm tôi rợn người. Chép lại câu chuyện trả máu, tôi hãy còn thấy cái cảm giác vừa ghê vừa tởm thì một câu chuyện dưới đây lại gửi đến cho đầy đủ tập tài liệu này: đó là một bức thư của ông bạn ở Yên Bái mà chúng tôi tiếc rằng chữ ký thoáy quá nên không trông rõ. Bức thư đó cam đoan với chúng tôi rằng đây là một chuyện thực trăm phần trăm, một chuyện mà chính ông đã sống cách đây đã sáu năm nay.

Cách đây sáu năm nay, - lời ông bạn nói, - tôi vì doanh thương nên thường qua lại những làng lân cận tỉnh Y.B.

Hôm ấy, tôi tới làng Mường Q. M. Chúng tôi, tôi và tên đầy tớ, đi luôn ba tiếng đồng hồ, đã thấy hơi mệt. Tôi xem đồng hồ thì bốn giờ rưỡi chiều. Trước hết tôi tìm đến nhà viên lý trưởng vì chúng tôi thường giao dịch buôn bán với nhau. Khi nhìn thấy chúng tôi còn ở xa, ông Lý đã vội vàng chạy ra đón tiếp và mời vào trong nhà. Sau vài tuần nước chè và mấy câu hỏi thăm thông thường, thầy Lý gọi người nhà làm cơm. Tôi từ chối vì hãy còn đồ nguội đủ trong hai ngày nữa.

Mấy phút sau, có viên Chánh hội (tôi cũng quen), chắc biết tôi đến đây nên chạy lại, mời tôi cùng viên Lý trưởng đến nhà ông uống rượu cưới con gái ông ta. Tôi kiêu không được, phải đi vậy.

... Đến nơi, tôi thấy có tới bốn mươi người ngồi chung quanh những mâm cỗ. (Nói mâm cỗ thì ngoa quá! Có ra gì cỗ của người Mường). Người ta bày những miếng thịt trâu to bằng nắm tay một lên trên lá chuối. Thịt thui chưa chín nên còn đỏ hoe. Cạnh đồng thịt là đồng xôi trắng với chai rượu bố. Tôi ngồi cùng mâm với viên Chánh hội, Lý trưởng và Phó lý. Mâm cỗ chúng tôi còn "sang" hơn vì có cá, thịt gà và hai bát canh thịt trâu nấu với bí.

Trong khi tất cả đang ồn ào mời nhau và chúc tụng cô dâu, chú rể, tôi thấy hơi lạnh lạnh và... một luồng khói đen từ ngoài bay vào trong nhà, qua trên đầu mọi người rồi biến mất. Tôi ngơ ngác không hiểu gì, các người xung quanh cũng ngơ ngác và họ hỏi nhau bằng tiếng Mường của họ làm tôi lại càng ngơ ngác thêm. Tôi đã "lạnh bụng" mất rồi. Tôi chưa biết là gì nhưng... tôi đã đánh mất ít nhiều "vía" rồi.

Những người ấy sau một hồi bàn tán một cách không vui, lại trở lại bình tĩnh và cười nói, nhưng có vẻ gượng gạo lắm. Họ không muốn cho tôi hiểu!

Viên Chánh hội cầm chén rượu mời tôi, tôi đỡ lấy và đặt xuống. Mắt tôi nhìn xuống chiếu: tất cả những mâm thịt trâu đỏ hỏn lúc này thì bây giờ đã xám xỉ cả rồi. Thú thực, tôi thấy rợn tóc gáy lên.

Tôi vội vàng kêu đau bụng và cáo lui về nhà Lý trưởng. Họ biết giữ tôi ở lại cũng không được nào, nên để tôi về. Hai nhà này cách nhau độ 500 thước nhưng đường khó đi (đường leo sườn núi). Đi được quá nửa đường tôi gặp mẹ đàn bà độ gần 50 tuổi, quần áo lôi thôi lếch thếch, mặt rỗ chằng rỗ chịt trông xấu xí quá chừng. Có cái mũi thì chằng chịt những mạch máu tím bầm.

Mụ ấy hỏi tôi rằng: Ông ở đẳng ông Chánh hơn về đây à? Tôi đáp: Phải, và cứ rảo bước đi mau. Về tới nhà Lý trưởng tôi cứ nghĩ ngợi loanh quanh mãi. Nửa giờ sau thì viên Lý trưởng cũng về và hỏi thăm tôi đã đỡ đau bụng chưa? Tôi thú thực là chẳng đau bụng đau gan gì cả. Vì trông thấy tự nhiên thịt thà xám xịt lại nên không dám ăn mà phải cáo lui. Hấn cười bảo tôi: Cứ việc ăn tự nhiên, chúng tôi ăn hết cả, có làm sao đâu nào! Tôi nhớ lại lúc gặp con mụ đàn bà kia liền nói cho hấn nghe. Hấn ngồi nghiêm chỉnh lên rồi nói: Thôi đích rồi!!! Con mụ ma cà-rồng đấy, lúc có đám khói đen bay vào trong nhà ông Chánh hội là nó biến vào để hưởng cỗ bàn của ta đấy. Nó có ăn thật nhưng không mất một miếng thịt nào đâu, chỉ có thể làm xám đi và mất vị ngon thôi. Rồi hấn kể rành rọt cho tôi nghe về đời con mụ ấy. Thì ra nó đã lấy bốn đời chồng, anh chồng nào ăn ở với "nó" được vài năm thì lại chết. Hiện nay "nó" còn anh chồng thứ năm, có lẽ cũng sắp "tịch" đến nơi

rồi. "Nó" thì đêm nào cũng thả hồn bay đi quanh làng để tìm những con vật chết thối tha ỉn. Ai bị đứt chân tay, hơi rỏm máu thôi nhưng gặp nó, cũng đủ được đau đớn hàng tháng không chừng. Dân làng chúng tôi ai cũng ghê tởm nó lắm nhưng không làm gì được.

o o o

Phì còong cọi? Đó là một thứ ma cà rồng

bên kia dãy Hoàng Sơn

Ở bên kia dãy Hoàng Sơn, ma cà-rồng, - người Lào gọi là phì-còong-cọi, - cũng chẳng khác gì ma cà-rồng bên ta, nghĩa là nó "giống" người, như ông và tôi vậy, đi lại, ăn uống như thường. Chỉ duy có ban đêm mới thành ma. Họ biến tướng và bay đi ăn những vật hôi thối hay hút máu người, máu vật. Những món ăn

mà phì-coòng-cọi thích nhất là bộ ruột của người. Đêm đến, chờ cho thật khuya, mọi vật đều yên tĩnh nghỉ ngơi thì lúc ấy nó mới đi kiếm ăn. Nó chỉ "thoát" ra khỏi người có bộ ruột nó và hai chân: chân để đi, ruột để đựng thức ăn, thế là đủ rồi. Ăn no xong, chân và ruột lại về tự lắp vào thân thể. Người nào bị nó ăn mất ruột thì đành là chết, không còn cách gì cứu được.

Nhưng muốn trừ thứ ma này, người ta đợi lúc nó mãi đi ăn, ở nhà cứ việc quay xác nó cho khác chỗ, lúc về nó quên mất đường để cho chân và ruột vào, thì nó phải chết. Thế mới biết người còn "ma lạnh" hơn ma, và câu: "nhất quỷ nhì ma", chưa hẳn là đúng vậy.

Tục truyền rằng: ngày xưa có một ông vua An Nam đi sang chơi đất Lào, bắt gặp được một con phì-coòng-cọi. Không hiểu tại ngài có thần oai hay tại con ma đâm ra sợ trước mặt "con giời", mà bị ngài bẻ quặt hai bàn chân ra

đăng sau và cấm không cho hại người An Nam. Cho nên thứ ma cà-rồng này có cái lạ là hai chân bị quặt ra đằng sau, thành thử lúc nó đi tới mà ta xem vết chân nó đi giật lùi, và chỉ hại người Lào thôi, chứ không bao giờ dám động đến ta sang ngụ cư ở bên ấy. Quả thật thế, chính người Lào họ cũng bảo vậy.

Bên Lào lại còn có ba thứ ma cà-rồng khác nữa. Thứ mà họ gọi là *phỉ bọp* không những giống hệt như người, mà còn hơn người nữa. Theo lời người Lào kể chuyện thì thứ ma này khác thứ ma trên là ăn ruột người xong, nó lại còn bóp nát cả xương cổ người ta nữa. Nó chẳng cần phải thoát ruột thoát chân gì cả, vì nó đã có phép tàng hình. Người nào bị thứ ma này làm, thì tự nhiên đau bụng rồi bị nghẹn cổ là chết. Nhưng người ta còn có cơ cứu nạn nhân được, chứ không đến nỗi phải đi đứt như bị phỉ-coòng-cọi làm. Nạn nhân bị *phỉ bọp* làm phải đi mời một pháp sư giỏi đến chữa ngay. Ông thầy trừ ma bèn lấy

chiếu cuốn nạn nhân vào trong, chặt một cành dâu làm roi, rồi vừa quật vào người ốm, vừa... niệm thần chú! Nếu ông thầy cao tay hơn, đánh đuổi được con ma đi thì người ốm khỏi ngay, nếu không, người ốm đã đành phải chết mà lại bị đèo thêm một trận đòn nữa.

Hai thứ ma sau cùng người Lào gọi là *phỉ-phông* và *phỉ-phai*, dấu sao cũng không nguy hiểm bằng hai thứ kể trên.

Những điều vừa kể chắc nhiều bạn không tin, chúng tôi lại xin thuật lại một chuyện ma cà-rông có thực trên cây gỏi - Tôi không biết có nên liệt hạng ma này vào với ma cà rông hay không, nhưng cứ ý riêng tôi nghĩ thì sao không thể gọi là ma cà-rông được.

Như trên kia đã nói, ma cà rông là *vampirisme*, nó chuyên đi hút máu người. Thì cái hạng sau này cũng hút máu, nhưng

ngoài ra lại còn rút hết cả sinh khí của người ta nữa, kỳ cho đến chết. Các bạn từng đọc chuyện *Liêu trai*, tất đã nhiều phen thấy chuyện những người đàn bà đẹp đêm đêm hiện đến buồng học những thư sinh. Đó, theo như chúng tôi nghĩ thì đó chính là ma cà-rông vậy. Mà những chuyện *Liêu trai* tả những chuyện ma như thế, chưa hẳn đã phải là chuyện hoàn toàn bịa đặt đâu.

Ngay như bây giờ, vào thời buổi văn minh, những chuyện đó vẫn có thể xảy ra được. Một thí dụ: ở Phi châu hiện nay vẫn có cái hạng ma cà-rông ấy mà có người chính mắt trông thấy nữa, chính tay sờ thấy nữa.

Xin ông nào đó chớ vội kêu lên rằng tôi lôi chứng cứ viễn vông. Các bạn đọc tôi tất đều biết rằng ông Paul Reboux ở báo *Paris-Soir* và *Voilà* không phải là một nhà văn không có tín nhiệm trong báo giới Pháp hồi mười năm trở lại đây.

Lần này, tôi cũng không có mấy số báo *Voilà* xuất bản vào khoảng 1936 đến 1940 ở dưới tay lúc viết bài này, vì các ngài cũng dư biết, tôi cũng như các ngài, chúng ta không phải là một hạng chơi hết cả các thứ báo mà báo lúc nào cần đến cũng có ngay bên cạnh. Nhưng tôi tin ở trí nhớ tôi lắm và tôi quyết rằng trong báo *Voilà*, ông Paul Reboux đã có viết một tập phóng sự về hạng ma cà-rông này. Ai có cái may mắn hơn tôi là giữ được báo *Voilà*, xin cứ tìm và nói cho tôi biết những điều tôi thuật ở dưới đây có đúng không. Nếu bài ấy không có đăng (tranh ảnh kèm theo nhiều lắm) xin tha hồ công kích, tôi sẽ không dám có một lời nói lại.

Vậy, trong báo *Voilà*, ông Paul Reboux có làm một thiên phóng sự về loại ma cà-rông này. Theo như sự mắt thấy tai nghe của ông ở Phi châu, thì ở một vùng rất hiểm trở kia, có một vài dòng họ có ma cà-rông, đàn ông thì

đi hút máu, ăn dơ, mà đàn bà con gái thì đêm đêm biến hình đi, bay bổng lên trời và tìm đến những nhà có con trai xinh đẹp để mê hoặc, để làm cho người ta kiệt quệ.

Ông Paul Reboux sang làm phóng sự ở Phi châu có quen một người bạn bản xứ hãy còn trẻ tuổi mà mặt mày xanh xao, thân hình gầy còm một cách đáng thương. Ở luôn luôn bên cạnh nhau, Paul Reboux gạn hỏi dần dần xem tại sao người bạn đó lại ốm đau như vậy. Vì khí hậu ở đó độc quá? Vì người bạn trác táng nhiều? Hay vì những nguyên nhân gì khác? Thì người bạn ấy, biết rằng cũng chẳng nên giấu giếm lâu làm gì nữa, buồn rầu trả lời rằng:

- Tôi xin thú với ông rằng tôi đến ở thuê cái nhà này mới độ nửa năm thôi. Tôi không có cha mẹ vợ con, tôi có một thân một mình ở trên đời. Và xin cam đoan với ông rằng từ trước kia và cả từ khi tôi bắt đầu dọn đến đây nữa, tôi không có nhân tình nhân ngãi với

một người đàn bà nào hay một cô con gái nào. Vậy mà, sau khi tôi đến ở đây độ chừng đầu nửa tháng thì, thực là một chuyện kỳ lạ, một người đàn bà tuyệt đẹp đến chỗ tôi ở và nói rằng đã gặp tôi nhiều lần... Tôi kinh ngạc, nhưng không lẽ nói thế nào. Tôi ngồi lại và từ đó... từ đó... đêm đêm nàng thường đến phòng tôi và cái việc phải xảy đến đã xảy đến, như những cặp trai gái khác. Tôi thấy người con gái ấy cũng như thường vậy. Duy có khác một điều này là tôi không thể biết trước nàng sẽ đến thăm tôi vào giờ nào và sáng sớm nàng sẽ đi giờ nào. Tôi lấy thế làm băn khoăn lắm, bèn đem ra hỏi nàng. Nàng chỉ cười. Sau thét mãi, nàng mới nói cho tôi biết rằng nếu muốn biết nàng đến vào lúc nào, chỉ cần ra đứng ở dưới cây gồi ở sau vườn nhà tôi.

Tôi làm theo y như lời nàng. Chiều hôm ấy, sau bữa cơm chiều thường thường vẫn là lúc nàng vẫn lại thăm tôi, tôi khéп cửa ra sau

vườn và bắc một cái ghế nhỏ ngồi để ngắm cảnh hoàng hôn xuống và cũng để đợi nàng đến nữa. Cái ghế của tôi đặt ở góc một cây gồi, cây gồi kia kia (người bạn ông Reboux vừa nói vừa chỉ tay về cái cây cổ thụ). Bóng tối xuống trầm trầm: tôi gần không trông rõ chính ngay bàn tay tôi nữa, thì, thưa ngài tôi không làm, vâng, không thể nào làm được... Một hơi gió lạ, khác thường hất vào người tôi một hương thơm ngào ngạt. Lá gồi, tự nhiên rung động một hồi lâu, hương thơm càng ngát, tôi có cảm giác rằng mùi hương đó giống như hết mùi hương của người bạn gái tôi vẫn bơi trên tóc và trên mình vậy. Thì ra tôi đã không đoán lầm: chưa kịp nhìn lên, tôi đã thấy ở cạnh tôi cái hơi thở rất quen ôm lấy cổ tôi: người ấy là người bạn gái đêm đêm vẫn đến ở gian phòng tôi vậy.

Bắt đầu từ đây, tôi hiểu dần dần nhiều chuyện lắm. Tôi nhớ đến những chuyện ma quỷ mà dân cư ở đây vẫn nói đến tai tôi nhưng tôi

chưa hề tin bao giờ cả, tôi nghĩ đến những cái chết khô sở ở trong nanh vuốt những con yêu tinh hút máu, xa những bạn bè thân thích, không một ai biết cả.

Nhưng tôi không làm cách gì để xa tránh được người đàn bà đã thân với tôi quá một người bạn: trái lại, tôi lại thấy trái tim tôi đập mỗi ngày một nhanh thêm ở trước tiếng gọi của tình yêu, tôi mê mẩn, tôi có thể chết đi được nếu người yêu của tôi bảo chết. Tôi sẽ không giấu ngai rằng cái tình yêu ấy một nặng thêm, một cảm dỗ tôi thêm, không phải hoàn toàn do ở tinh thần đâu, nhưng một phần lớn chính là do vật chất, của người đàn bà mang lại. Mỗi đêm, tôi cùng với người đàn bà ấy sánh vai. Cứ đến gần sáng, nàng lại đi mà đi bằng cách nào, tôi cũng chẳng biết, nhưng tôi thấy có điều này lạ là nàng ra không cần mở cửa. Thoạt đầu, tôi ngờ rằng tôi đã sống ở trong những giấc mơ.

kiểm duyệt bỏ

Song, tôi suy mãi ra thì không phải: đó là sự thực, thực như ông với tôi. Sáng nào, thưa ông, lúc tôi trở dậy tôi, cũng thấy hằn lên ở nệm giường của tôi cái hình dáng người đàn bà nằm đó đêm qua và sáng nào tôi cũng thấy tiết ở chỗ đó ra một mùi hương đúng như mùi hương trên cây gôi: đó chính là mùi hương của người bạn gái của tôi những lúc đêm khuya vậy.

Mãi mãi sau này, tôi mới tin chắc rằng đó là ma cà-rồng. Con ma cà-rồng ở trên cây gôi. Không phải nó ở trên cây gôi đâu. Cứ theo như lời dân bản xứ ở đó xét nghiệm và bình phẩm truyện này thì ở Phi châu có những dòng họ có ma cà- rồng như thế. Những người có ma cà-rồng, nửa đêm, xuất hình bay đi lơ lửng ở không trung. Có khác một điều là giống ma cà-rồng này không hút máu, ăn dơ (như ma cà-rồng ở Lào ^[4] ở Bắc, ở Nam)

nhưng chỉ hay lang thang tìm những nhà nào có trai đẹp gái đẹp thì đổ xuống những cây cối gần đây biến thành người và liệng xuống để quén rũ và làm cho thân thể người ta bại nhược.

Câu chuyện của ông Paul Reboux đến đây là hết. Nhưng có đọc hết toàn bài phóng sự của ông, người ta mới có thể biết rằng loại ma cà-rông này tai hại đến bậc nào, nó ghê nhất vì không những nó đã hút tuỷ hút máu người mà lại còn làm mê hoặc người ta nữa. Có lẽ những con hồ ly tinh mà ta vẫn thường thấy ở trong *Liêu trai chí dị* chính là hạng ma cà-rông này vậy.

Trong *Liêu trai*, tôi không nhớ rõ rằng những con ma, khi ở nhà có cái gì khác lạ không, chứ phàm giống ma cà-rông hiện nay, tôi biết chắc có một điều kiêng kỵ nhất: đó là cái gương soi mặt. Nhà nào có dòng ma cà-rông còn sợ những đồ kim khí và những cái vó,

như trên kia tôi đã nói. Nó sợ người ta lấy mất vôi hay người ta bám được nó cho tới khi sáng bạch.

Ngoài mấy điều đó ra, chẳng thể gì làm cho ma cà-rông chết bất đắc kỳ tử. Riêng có ở bên Âu và đất Phi, thì tôi xem có một cuốn sách nói rằng muốn cho ma cà-rông bị giết chết, người ta phải có một cái dao thực nhọn và nhằm thế nào cho thực đúng vào tim con ma cà-rông. ^[5]

VŨ BẰNG

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 53
(23/3/1941), s. 54 (30/3/1941), s. 55
(6/4/1941),
s. 56 (13/4/1941), s. 57 (20/4/1941).

1 Bài này Vũ Bằng viết chung với Nguyễn Xuân Khôi

2 "Bạn đồng nghiệp hằng ngày" ở đây được hiểu như là nhật báo, báo ra hằng ngày

3 "con-léc-sông" = collection (chữ Pháp): sưu tập, bộ sưu tập.

4 Chúng tôi xin lỗi ông bạn nào ở Lào đã cho chúng tôi tài liệu về giống phi-coòng-cọi. Trong thư không đề tên mà cũng chẳng có địa chỉ, nên chúng tôi không biết.(nguyên chú của Vũ Bằng).

Lưu ý: Tuần báo **TBCN** khá nhiều lần ra những số về các đề tài chống mê tín dị đoan, tác giả Vũ Bằng là người góp khá nhiều bài vào các số báo ấy; tuy vậy ở đề tài về ma cà-rồng như ở đây, ông cũng tỏ ra ngây thơ tin các chuyện do những người khác kể lại như là 5 những điều có thực, và ông đã kể lại những tình tiết các chuyện ấy như là những chuyện thực! Cũng phải nhận rằng, đương thời ấy, ngay một số nhà báo ở phương Tây cũng thể hiện một tình trạng tương tự; tất nhiên cũng có thể là do người làm báo muốn câu khách bằng các chuyện kỳ lạ khó tin.

MỘT VÀI SÂN VẬN ĐỘNG NỮA!

MỘT VÀI BÊ BƠI NỮA!

(những cảm tưởng nhỏ sau ngày hội thanh niên) ^[1]

Thật, nước ta, từ xưa đến nay chưa bao giờ hề có một ngày hội thanh niên như thế. Suốt một tập báo này, các bạn đã thấy đại khái cái tinh thần ngày hội ấy trong những bài của các bạn tôi, tôi không cần phải nói lại làm gì. Hàng mấy vạn người ở trên Stade Mangin như một, hôm ấy, đều chung một cảm tưởng: vui vẻ và sung sướng vì được thấy cái tinh thần thượng võ đã trở lại với thanh niên ta. Thanh niên ta, trông gương của nước Pháp hiện nay, đã thức tỉnh và thấy rằng mình là những phần tử quan trọng trong công việc xây đắp tương lai cho đất nước. Công việc ấy không phải là một việc nhỏ nhoi. Trái lại, nó là một sự chiến đấu không ngừng với cuộc đời

đầy rẫy những chông gai, mà muốn chiến đấu, muốn sống như vậy tất hẳn người ta không thể là những người hèn nhát hay những người yếu đuối. Như nhà triết học xưa đã nói "Một linh hồn thanh khiết trong một tấm thân mạnh khỏe", thanh niên bây giờ đã biết rằng cuộc đời là ở trong tay họ, họ phải cướp mà lấy chứ không nài mà xin được, họ phải phấn đấu, họ phải hoạt động, mà sự hoạt động từ xưa đến nay chẳng phải là một đặc tính đáng quý nhất của thanh niên là gì?

Đó cũng là vì trời phú cho thanh niên một cái mong muốn kín đáo yêu thương và niềm nở. Thực là một của quý nhất và thanh cao nhất vậy. Trong một bài diễn văn của ông André Maurois về "Thanh niên và tương lai" đọc ngày 6 Décembre 1933, ông hàn lâm André Maurois đã nói rằng: Trong việc tạo tác một thanh niên, ta thấy rằng cái anh dũng, cái hùng khí đã luôn luôn dự một phần quan hệ.

Rupert Brooke khi xưa chàng đã phác họa mãi cho ta thấy những trang thiếu niên, bước qua ngưỡng cửa đời như là những phong lưu mã thượng gươm đeo dao vác đứng ở ngưỡng cửa lâu đài của họ đó ru? Tôi cho rằng không có cái hình ảnh nào giống hơn câu ví dụ của Rupert Brooke: hằng ngày, ở trước mắt ta, ở chung quanh ta, ta há đã chẳng thấy biết bao nhiêu người trẻ tuổi bước vào đời với một tâm hồn lãng sĩ hùng anh, lúc nào như cũng muốn *làm lại cõi đời* và diệt khốn phò nguy cho đất nước?!

Chúng ta, chúng ta đã biết rằng thanh niên phần nhiều là nóng nảy là sôi nổi, bởi vì cũng như một cái cây, người ở vào tuổi thanh niên có một sức nhựa thừa.

Bởi vậy, từ xưa vẫn thế, thanh niên cần phải hoạt động mà hoạt động lắm khi không được chín. Nhưng ta đừng nên vì thế mà bài bác thanh niên: thà thế còn hơn, chứ thanh niên

mà lại chín thì có lẽ nguy hiểm mất. Muốn chín chần người ta phải già, người ta phải là người đứng tuổi. Người đứng tuổi thường thành hay đa nghi, bởi vì khi mà tuổi đã đứng ấy là người ta đã mang những ý tưởng của người ta ra thực hành nhưng chẳng may đã thất bại hay gần như thất bại. Và lại người đứng tuổi, nói cho thật đúng mà không lo mất lòng ai hết, người đứng tuổi thường ít khi làm việc vô tư, nhiều lúc họ giữ gìn thái quá và không mấy kẻ hợp tác làm việc mà không nghĩ đến những chuyện lợi riêng cho mình. Trái lại, người thanh niên thì thấy có cái cần phải sống công cộng, phải hợp tác với bạn bè ở chung quanh (collaboration collective). Bởi vì người thanh niên có cả một cuộc đời và hy vọng ở trước tầm con mắt, người thanh niên khi đã làm một việc gì thì thành thực, thì đem hết tâm lực ra mà làm việc ấy, người thanh niên giao phó hết cả đời mình cho một người lãnh tụ hay cho đảng phái của mình. Người học sinh cũng như một người lính trẻ tuổi

thường được trời phú cho cái thiên tính biết quên mình để làm lợi cho toàn thể có họ ở trong đó. Ta xem cái thí dụ ở ngày hội thanh niên hôm 11 Mai ở Stade Mangin thì đủ biết: một nhà lực sĩ đứng chơi cho trường mình không hề nghĩ đến sự đau đớn có thể xảy tới cho mình, đến sự mệt nhọc sau một buổi đem dùng nhiều sức quá; lực sĩ nhà đó chỉ nghĩ có một điều là sự thắng của nhóm mình, của đoàn mình và y rất có thể gây những cảm tình mật thiết, những dây thân ái ở ngay trong gánh áy mà không có ý định gì là lợi dụng.

Tuổi thanh niên là tuổi hăng hái. Xem như vậy, thì người thanh niên rất có thể liều, cũng như khi họ đã yêu mến điều gì vật gì hay lý tưởng gì họ rất có thể thành thực, tận tâm với điều ấy, vật ấy, lý tưởng ấy.

Tuổi thanh niên, như trên kia tôi đã nói, lại có nhiều sức nhừa thừa, vì vậy cho nên lúc nào họ cũng phải tìm cách đem ra dùng nếu không

muốn nói là đem ra phao phí.

Đó, những cái lẽ chính về vật chất và về tinh thần nó đã làm cho thanh niên hoạt động và ưa chuộng thể thao vậy.

Thanh niên và thể thao, vì vậy, không thể gọi là một phong trào. Theo như tôi nghĩ thì phàm đã gọi là phong trào thì nó có thể đến và nó có thể qua đi. Chớ như thể thao thì nó đã không đến thì thôi, chớ đã đến thì chỉ có ở mà cứ bành trướng lên mãi mãi. Cái tinh thần thể thao, của nước ta, theo như ý muốn của chúng tôi, thì chính lúc này là lúc ta phải làm cho bành trướng lên: một hai vạn thanh niên trong nước chuộng thể thao và dự vào ngày hội thanh niên chưa đủ, ta còn mong rằng rồi đây toàn thể thanh niên trong nước ta được dự vào những ngày hội như thế, mỗi năm toàn quốc thanh niên sẽ họp nhau (như kiểu họp bạn ở Huế vừa đây) trước là để kết dải đồng tâm sau là để ganh tài thử sức về đủ các môn

vận động. Mấy năm gần đây, ta thường thấy tổ chức những cuộc đấu bóng tròn, đua xe đạp để giành tài Bắc, Trung, Nam.

Thanh niên ở ba Kỳ được có những cơ hội tốt gặp gỡ nhau, thắt chặt dây thân ái với nhau, ước ao rằng từ đây những người có trách nhiệm về dân nước xứ này sẽ nghĩ cách mở những ngày hội thanh niên hằng năm hay từng sáu tháng một, như kiểu ngày hội thanh niên hôm 11/5/1941 mà làm thế nào cho đủ hết cả thanh niên ở khắp các tỉnh Đông Dương về dự, cũng như lối Quốc tế vận động hội mời tất cả các nước trên thế giới về dự vậy.

Ý tưởng này không khó thực hành một chút nào. Nếu quả tình những nhà có trách nhiệm muốn săn sóc đến thanh niên ta thành thực muốn cho thanh niên ta trở nên những người khoẻ mạnh có thể giúp ích cho nhà cho nước, thì tưởng nên để ý ngay tự bây giờ.

Chắc ai ai cũng đã biết thừa rằng những sân vận động của nước ta ít lắm. Nói riêng một kinh thành Hà Nội rộng lớn là thế, áp ủng nhiều thanh niên là thế, thử hỏi có đủ sân vận động cho thanh niên và cho học sinh chưa? Chưa. Chúng tôi xin nói là chưa đủ. Chưa đủ ở Hà Nội mà lại càng chưa đủ ở các tỉnh Bắc Kỳ. Ở Trung Kỳ và cả ở Nam Kỳ cũng thế. Học sinh chưa đủ chỗ để chơi, để tập luyện mà đã nói đến chuyện tập luyện thân thể ta không thể quên được món bơi lội là món thể thao được thanh niên nam nữ hiện giờ ưa chuộng nhất.

Đó, về cái môn đó, người ta cũng không thể cứ ra bất cứ hồ ao nào cũng có thể tập được đâu, nhưng phải có bể bơi riêng, mà nói đến bể bơi cứ như con mắt kẻ này thì hiện nay bể bơi ở Đông Dương, nhất là các tỉnh ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ thì lại càng thiếu thốn lắm, có khi thiếu thốn hơn cả các sân vận động là khác

nữa.

Vậy, muốn đi đến những ngày hội thanh niên toàn quốc nay mai, ngay từ bây giờ người ta hãy nên khuyến khích thanh niên bằng đủ mọi phương diện, mà trước hết, nên lập ngay cho thanh niên thêm sân vận động và bể bơi đi đã.

Khuyến khích người ta tập thể thao mà thiếu chỗ để bơi lội tập tành, ấy tức là như ta nói, đặt cái cày ở trước con bò vậy, kết quả không bao giờ được như ý ta vẫn thường mong mỏi.

VŨ BẰNG

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 61
(18/5/1941)

Ngày hội thanh niên ở Hà Nội, ngày 11/5/1941; số 1 báo *TBCN* này có nhiều bài nhân ngày hội này; cùng trang đăng bài này còn có ảnh chụp lễ hội nói trên.

SAU NHỮNG NẠN GIẾT NGƯỜI BẰNG THUỐC

hạng lang băm bỏ đó nếu không trừ được
thì cũng đáng buồn cho dân ta!

Trong một tuần vừa qua, các bạn đọc báo
hàng ngày đã được thấy ba vụ giết người
bằng thuốc xảy liên ở ba nơi:

Ở Phủ Lý, vợ chồng tên Tạc có một đứa con
bị cam, mời thầy về bốc thuốc cho con. Đứa
bé uống thuốc vào khỏi miệng thì trợn mắt
giật chân tay và chết liền. Dem mấy viên
thuốc của đứa trẻ vừa uống mà chết đó thử
cho chó ăn xem có phải là thuốc độc không,
con chó khoẻ là thế, cũng lăn đùng ra không
sống làm gì nữa. Bác Tạc, bố đứa bé bị ông
lang thuốc giết oan, tưởng như không thể
sống được, quyết liều sống chết phen này với
lão lang băm. Và lão lang băm sợ phen này

sống thì thành tàng mà chết thì thành tật, bèn nghĩ không có cách gì hay hơn là cúi xuống mà làm cái việc mà ta gọi nôm là lạy. Y lạy bố mẹ đứa trẻ hai lạy sống mà xin đừng đi trình báo.

Ở Thái Bình, ba đứa trẻ chặn trâu trời nắng, ăn bậy sinh đau bụng. Một ông lang hay một bà lang bắt đắc dĩ nào đó chỉ cho chúng uống nước vỏ xoan, chúng cũng theo con bác Tạc mà sang bên kia thế giới.

Lại ở Hà Nội, Nguyễn Văn Ruộng cũng làm thầy thuốc mà thầy thuốc chữa răng, hôm mới đây chữa thuốc cho một người đàn bà ở ngõ Tân Hưng: con bệnh không những đã chẳng đỡ đau được phần nào lại còn sưng u mặt mũi và lâm bệnh trọng.

Đó là chúng tôi chỉ mới kể có vài việc xảy vào mấy hôm gần đây nhất. Nếu bây giờ đi ngược lại thời gian ta kể thêm mấy việc mà ai

ai cũng hãy còn nhớ thì có những vụ này: ở Hưng Yên, một ông lang cho một người đàn bà nọ thuốc dưỡng thai mà làm cho... đoạ thai ra; ở Nam Định, cô Huệ bị bệnh sán; một thầy lang truyền cho ăn pháo xiết, bà đội Vũ Thị Cúc ho hậu sản, ông lang của bà, không cười, cho uống dấm thanh thuốc phiện để cho bà suýt chết nhưng nói rằng để bà khỏi ngứa cổ và nghe đau, theo như sự học sự biết của ông này thì thuốc phiện dấm thanh có cái công dụng hạ đàm mà bổ phế!

Còn bao nhiêu chuyện nữa, còn bao nhiêu chuyện nữa không tài nào nhớ hết, những chuyện giết người vô đạo kiêu chỉ bởi vì một bọn người đã coi rẻ mạng người ta, dám làm những chuyện can rở nhất, ở ngoài trí tưởng tượng của những người biết nghĩ.

Tôi nhớ đến những chuyện như thuốc thánh đèn Bia, tôi nhớ đến những người mà mỗi khi thấy nhà nào có người đau ốm thì hốt hoảng

chạy lại mách những môn thuốc mà chính họ chưa bao giờ dùng cả; tôi lại nhớ đến những hạng học không hay cày không biết, một buổi xầu trời kia, khăn gói gió đưa ra thành thị mở một ngôi hàng thuốc!

Thuốc, đã đành rằng có nhiều thứ, mà ông lang, có nhiều hạng; không thể gói chung vào một gói như sà-lát với rau mùi để tắm. Nhưng ta không thể không nhận rằng trong cái số thầy lang hiện nay, những ông có thực học thực hiếm lắm mà những kẻ bịp đời lại rất nhiều. Mà trớ trêu thay là số phận! Cái hạng sinh sống được vì nghề lại không phải là hạng nói trên, nhưng trái lại, lại là hạng thứ hai, cái hạng mà ta gọi là lang băm, giỏi bịp hơn giỏi thuốc.

Bịp, những ngón bịp của hạng này sẽ là đầu đề một chương báo đặc biệt của *T.B.C.N.* xuất bản nay mai; đây chúng tôi chỉ nói tới cái hạng thầy lang không biết qua về y học một

chút gì mà cũng dám công nhiên mở hiệu bốc thuốc để giết người như kiểu ông lang đã chữa bệnh cho đứa con bác Tạc.

Những hạng này hiện bây giờ nhiều lắm. Họ giết người không biết bao nhiêu, và dọa người ta như kiểu làm "săng-ta" ^[1] vậy: ai đã mời họ xem mạch mà không uống thuốc của họ không xong, họ làm đủ tam khoanh tứ đốm và bóp nặn không biết bao nhiêu mà kể.

Chính kẻ viết bài này, một hôm ngồi chơi với hai ông lang trẻ tuổi ở hàng X. đã được tai nghe mắt thấy một chuyện mà bạn đọc đọc đến sẽ có nhiều người cho là bịa đặt, nhưng xin cam đoan 100%, nếu tôi nói vu oan giá họa thì xin trời phạt cứ bắt tội phải uống thuốc của họ (đó là một câu thề độc nhất đời của tôi).

Vậy, hai ông lang trẻ tuổi ấy mới nghĩ ra một thứ thuốc ho chữa lao mà lại chữa cả cho

những bà hậu sản. Tôi không biết thuốc nên chẳng hiểu thứ thuốc ho ấy có những vị gì, những chất gì. Nhưng thực tình, tôi đã nghe thấy họ bàn với nhau rằng vốn mỗi lọ chỉ có bốn năm hào bạc.

Một ông nói: Thế bây giờ ta bắt đầu quảng cáo ngay trên báo mới mong được nhiều người biết. Vậy ý bác, bác đặt giá bao nhiêu một lọ? - "Hai đồng!" - "Năm đồng!" - Họ nghĩ ra cái cách làm tiền và sau rốt họ khám phá được điều này mà họ cho là sự thực trên đời: Mình có hàng, càng nói rẻ thì người ta càng coi thường. Bởi vậy, muốn cho người ta không coi thường thứ thuốc "ho lao kiêm hậu sản" ấy, hai ông lang băm kia sau cùng nhất định đặt giá mỗi chai là 17\$ - vâng mười bảy đồng không hơn không kém.

Đó, cái lối ăn sâu cay ngấp ngà của các ông lang vườn.

Đói no miễn được đồng tiền tốt,

Sống chết bao nài họ chửi mình.

Mà thực thế, họ không cần chuyện sống chết của con bệnh thực. "Làm một lần là đủ" - đó, câu sấm thiêng liêng của họ; họ chỉ cần tiền, họ có biết đâu rằng trong khi họ kiếm được đồng tiền một cách giả dối, hèn mạt, phi nhân loại như thế thì nhiều khi tử thần cướp mạng người nhà người ta là cái mà tiền của cũng không mua được, gây ra bao nhiêu cảnh tan nát, đau lòng người sống.

Những kẻ làm lang như thế có tội ngang với kẻ giết người. Thêm vào đó lại còn tội đi bịp đồng bào nữa, họ coi người ta là một cái trò chơi, họ trào lộng với cuộc đời một cách thâm hiểm và gian ác.

Đến đây, tôi không khỏi không nhớ tới một người thanh niên xưa kia cùng học một

trường với tôi, bị bệnh xấu hổ, phải giấu người nhà, ăn cắp cả ba tháng tiền học ngót trăm bạc nhờ một người bạn khác sành sỏi đời hơn mua dùm thuốc, mỗi bận tới năm mươi đồng bạc. Cứ mỗi lần nhận năm mươi đồng bạc thì ông sành sỏi đời lại về lấy đất thó viên lại, phơi khô, rồi tráng một lần mực tàu, đem đến cho bạn và bảo uống. Uống như thế cho hết ngót trăm đồng bạc. Có nhiên là không khỏi bệnh. Sở dĩ tôi nhắc lại câu chuyện có thực trên này là vì chính mắt kẻ viết bài này đã được mục kích, ít lâu nay, ở thành phố ta có một bọn người đi bán thuốc bổ huyết, âm ỹ thì âm ỹ lắm, nhưng cảm tưởng thì đem cho tôi một cảm tưởng na ná câu chuyện đất thó tráng mực tàu trên kia. Máy người bán thuốc bổ huyết này đánh phèng phèng, quát tháo om lên ở các bãi chợ, ở các cửa ô; họ nuốt lửa, ăn vỏ chai, làm đủ các trò dữ tợn và quỷ thuật. Thấy mọi người xúm đông xúm đò lại xem đã đến lúc mê rồi, họ giở ra một cái chum chẳng thùng rất kiên

cổ (sao lại phải chẳng thừng như vậy?) giở ra các thứ xương (chắc hẳn có xương trâu, xương bò, xương chó, xương thỏ và biết đâu lại không có cả xương người trong đó?) mà bảo đó là hổ cốt. Họ chồng cả lên như cái mả, đánh rớt xuống đất, rỏ cả mồ hôi vào... thế rồi họ lấy một cái gáo dừa bần nhất múc ra một thứ rượu: đó, cái rượu bổ huyết một đồng một chai to!

Tôi đã biết rằng nhiều người, - nhất là người Khách - có tài buôn bán lắm. Tôi lại biết rằng những lời hò hét quảng cáo của họ đi thẳng ngay vào quần chúng bởi vì toàn là lời dễ hiểu, ai cũng biết; nhưng tôi không thể tưởng tượng được rằng cái chất nước đục lờ, hung hung đỏ ấy, chứa không biết bao nhiêu sự bần thiêu, có cả mồ hôi nữa, lại có người bỏ đồng bạc ra mua về để uống.

Tôi đã tưởng lầm. Lời quảng cáo vừa dứt, ba người giơ tay lên vây người bán rượu đòi

mua. Tôi đã đứng ngót hai tiếng đồng hồ để xem cuộc mua bán ấy thì thấy cái buổi bán hàng đó, người bán rượu bỏ huyết "làm" được tới... ngót hai chục bạc, - là cả tiền bán cả chai lớn lẫn chai con. Nhiều người lấy làm tiếc không có tiền ngay lúc ấy. Sự thực, chỉ nửa giờ sau, tôi đã biết hết cả bí quyết của sự đắt hàng kia: những người xông vào mua rượu trước nhất bữa ấy là những tay sai của bọn bán hàng, như cái kiểu *supporter* ^[2] ở nhà hát hay bãi đá bóng. Tuy vậy, sự hiểu biết đó của tôi vẫn không thể làm thay đổi cái ý tưởng này: người mình, một phần lớn, dễ tin người quá, thậm chí, có nhiều kẻ nói rất lớn thì được người ta nghe còn bình lặng thực thà thì bị bỏ quên hay bị coi thường vậy. Có lẽ vì tâm lý số đông người mình như thế cho nên, về mặt thuốc, mới xảy ra những vụ ngộ thuốc, uống lầm phải thuốc "bổ vờ", những vụ thầy lang thuốc giết người một cách thảm hại như những tử dụ tôi đã kể ở đầu bài này vậy.

Theo ý chúng tôi nghĩ, thì người ta chưa trị những kẻ gian xảo, lọc lừa, giết người kia với một hình tội xứng đáng với tội họ. Thành thử những kẻ vô học sau cứ làm bừa bừa đi, những hiệu thuốc bịp bợm không bao giờ ngót mở cửa mà những ông lang tự nhận ở những phương trời xa lại (và nói có tới bao nhiêu bằng cấp!) hằng ngày vẫn ngồi lù lù ở cửa hàng lấy những bộ mặt rất nghiêm trang đợi khách đến nhờ khám bệnh.

Ôi thôi, biết rằng cái lối kêu gào âm ỉ của các ông đành phèng phèng làm xiếc "ăn thua" lắm, họ rập kiểu làm âm hơn, không có một việc gì là họ bỏ. Nào nói truyền thanh, nào treo biển, nào trưng bằng, nào ống tiêm, móc, máy nghe bệnh, ống giác, bông, gạc, máy điện, hình nhân bằng bột; tranh vẽ gan ruột lòng thông và tim phổi; nào ghế máy, nào đèn cồn v.v... Những thứ ấy dễ làm cho ta, nhất là người nhà quê, tin lắm và sợ nữa. Thêm vào những cái đáng sợ đó lại còn cái mặt của những ông

chủ bà chủ hiệu; không có ai làm hại gì họ mà mặt họ lúc nào cũng làm ra cái dáng khó đăm đăm. Không, họ đăm đăm suy nghĩ đấy, - hay làm ra dáng suy nghĩ những điều rất cao xa về y học, về khoa học, nhưng quyết là họ không suy nghĩ đến sự thực thà hay tính mệnh của người ta đâu. Họ suy nghĩ cách làm tiền và suy nghĩ để có vẻ suy nghĩ, - vì những người có vẻ suy nghĩ thì người ta sợ lắm, - cũng như người ta sợ những con rắn trắn ngâm đeo kính nằm nhìn đời với đôi mắt bí mật, những con rắn mà họ trưng bày ở trong cửa hàng của họ. Đôi ba khi, con khỉ thay con rắn bịp khách đi đường; và nếu những thứ ấy quá nhàm thì chính thằng người sẽ thay những con vật ấy làm cho khách bộ hành hết vía.

Một buổi tối thứ bảy, đương đi chơi nói chuyện với bạn bè ở giữa phố đông đúc kia, bạn sẽ hoảng sợ vì một vài thằng người trong bọn đó sẽ dẫn điệu ra làm trò trước cửa hiệu và quát lên những bài hát mà một đứa trẻ béo

tốt nhất cũng có thể đâm sài được!

Đó là nói về cách bịp bợm bề mặt, đến bên trong mới thực lại chán hơn. Họ chẳng biết thuốc là gì cả mà cũng lấy điện ra chữa cho những người đau mắt; họ gắp sâu ở mắt ra như là những con sâu gạo; họ chữa bệnh bằng nhân sâm ba bốn chục một cây, - mà chao ôi! các ngài có biết cây sâm ấy là gì không? Đó là đu đủ gọt, hay là rễ bèo Nhật Bản...

Tôi không thể kể hết được những sự dối trá của bọn người này ở đây. Số "Bịp bợm" của *T.B.C.N.* xuất bản nay mai sẽ có dịp nói rõ hơn. Duy ngay tự bây giờ, trước những vụ giết người bằng thuốc, ta không thể không nhắc ngay cho những người có trách nhiệm về y học, [...] bọn lang băm này, bọn người coi mạng người rất rẻ, "nhét đất thó vào lỗ mũi" người ta lấy tiền mà không kỳ quản đến việc sống hay chết vậy.

Cái nạn lang băm, dưới con mắt kẻ viết bài này, ít lâu nay bành trướng một cách gớm ghê. Biết là ăn được, họ rủ rê nhau làm nhiều lắm. Những nhà tốt nhất ở những phố đông đúc chẳng mấy lúc bị họ chiếm hết, người ta lo rằng rồi đây không lâu những phố ấy sẽ thành ra phố bịp cả để cho quân bịp ở hết để làm công việc bịp bà con ta.

Người ta đương khát khát một cuộc bài trừ nạn ấy.

VŨ BẰNG

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 63
(1/6/1941)

¹ có lẽ là từ "chantage": sự đe dọa tố giác, đe dọa để lấy của, để buộc người ta làm theo mình.

² *supporter* (chữ Pháp): người ủng hộ, cổ động viên.

TRỪ NẠN LANG BĂM LANG BỎ

Mắt người đâu phải là cái mụn, muốn rắc
vào gì thì rắc!

Lúc ngồi viết bài này, ở trên bàn của tôi có bức thư của bốn ông bạn gửi về hưởng ứng bài thứ nhất ^[1] của *T.B.C.N.* về việc bài trừ nạn lang băm bịp bợm mở phòng khám bệnh nhan nhản ở trong thành phố.

Số thư gửi về tôi chắc sẽ còn nhiều bởi vì tôi biết đích rằng ít lâu nay bà con ta bị chúng bịp bợm tai hại quá. Bịp bợm để lấy tiền, cái đó đã là quá lắm rồi; đằng này chúng lại bịp bợm về cách chữa nữa; cái đó mới lại đáng ghê lắm lắm. Ông Nguyễn Sĩ Khoa cho tôi biết rằng chính ông, ông có một người em gái từ năm 18 tuổi đến năm nay đã 25, nghĩa là trong bảy năm liền, không lúc nào mắt cô được trong trẻo, nhìn được rõ ràng. Dù sao,

mắt cô vẫn mở được như thường, chỉ hơi dại và mờ mờ một chút mà thôi; ông đưa em ông đến chữa một hiệu kia ở một phố đông đúc nhất Hà thành, người ta cam đoan sẽ chữa khỏi với tám đồng. Tám đồng không khỏi, tám đồng nữa; người ta tìm hết các cách nói dối quanh; quanh quẩn hết nội trị lại ngoại đồ, hết cặp mắt lại phun hơi vào mắt, cô em ông Khoa hồng hấn một mắt, để bàn tay trước mặt hiện giờ cũng không trông thấy gì. Đó là một. Thứ hai là bức của một ông vô danh ở Hải Phòng lâu ngày mới lên chơi, ngạc nhiên thấy mấy phố chính ở Hà thành hiện nay nhiều quân bíp bọm chiếm được những căn nhà tốt nhất. Bức thư ba chỉ ngỏ ý tán thành ý kiến của chúng tôi. Nhưng đến bức thứ tư thì chúng tôi thấy có một vẻ thảm thiết, đáng thương vô cùng; một người thợ máy ở Hàng Bọt ăn không được, thỉnh thoảng lại sốt về chiều. Những lúc lên cơn sốt như thế, mắt ông ta mờ đi, chân tay mỏi mệt và lợm giọng; ông ta bèn đến kể bệnh ở một phòng khám

bệnh trên kia thì một "nữ y sĩ" truyền bằng tiếng "Coong-tổng" rằng ông thận thuỷ hư suy, hoả vượng, bao nhiêu bệnh tật đều do ở hai con mắt cả (?) nếu không chữa, chỉ độ dăm tháng nửa năm thì mù. Người thợ máy đáng thương, cũng như chúng ta đây, "giàu vì hai con mắt, khốn khó vì hai bàn tay", thấy thế hoảng sợ bèn xin "phòng thuốc" chữa giúp ông ta. Phòng thuốc chữa giúp ông thực: chín ngày một, lấy bốn đồng rưỡi; chưa khỏi, lại chữa chín ngày nữa cũng với giá tiền như thế; kỳ cho bao giờ khỏi thì thôi. Người thợ máy theo đuổi trong ba tháng trời liền, hại có đến ngót trăm đồng mà kết quả thì "lợn lành chữa lợn toí": đôi mắt của ông ta trước chỉ mờ, bây giờ đâm ra ướm và không hiểu tại làm sao, lại sinh ra sưng húp lên, và hồng cả lòng trắng, thầy thuốc bảo phải mổ thì mới mong chữa được.

Đó, một bài báo vừa ra mà có tới bốn bức thư gửi về phản nản như thế rồi, không biết ở

trong chỗ tối tăm, ở những chốn quê mùa heo lạnh mà tờ báo không được phổ thông cho khắp còn bao nhiêu người nữa bị thiệt thòi mà không thể nói được, mà không ai biết tới.

Chẳng phải nói, ai đi qua những phố kia nhìn vào những phòng thuốc kia tất đã thấy rằng mỗi buổi "khám bệnh" của họ, có tới hàng mấy chục người, nam phụ lão ấu, ngồi lổn nhua lổn nhón cả ở ngoài cửa như những người xin bố thí. Những phòng thuốc ấy cho một đứa trẻ kêu ầm lên rằng chữa không lấy tiền, chữa giúp, nhưng kỳ thực thì chẳng người nào thoát khỏi; họ dọa đủ các cách để phải mua thuốc của họ; hễ ai "chây" lắm nhất định cứ xin không thì họ bắt đắc dĩ cũng phải cho, nhưng vớt cho một gói con con bọc giấy vàng rất khả nghi, trong đựng một thứ bột sờ lạo rạo rạo như thể mài mực Tàu vậy. Đó là thứ gì, chất gì hay cái gì? Không ai biết. Vì chỗ không ai biết đó, chúng tôi đã có lúc nghĩ rằng trong thứ thuốc đó thể nào lại chẳng có một đồng

cát, một đồng bụi hay một con xén tóc, con bọ dừa bị tán lẫn vào? Những thứ thuốc như thế, tôi không hiểu nó chữa được cái gì hay là chỉ có cái công dụng làm hỏng mắt người ta, mà những ông bà chữa thuốc kia chính là những "người làm hỏng mắt có môn bài" vậy. Bởi vì còn ai lạ gì, con mắt của chúng ta nó cũng như hai hòn ngọc trong sáng cần phải giữ gìn từng ly từng tí, nhiều khi chỉ một hạt bụi nhỏ rơi vào cũng làm cho ta khổ sở rồi. Muốn lấy được hạt bụi ra, người ta phải dùng đến nước thực trong ngâm mắt để lấy hạt bụi ra, mà đau mắt, cố nhiên là người ta phải dùng những đồ chữa rất tinh khiết đã đành; ngay đến thuốc, thuốc chữa cũng phải dùng cái gì đun thành hơi để đắp vào hay đồ vào, chứ đâu lại có cho bột vào mắt một cách không tiếc tay như thế được? Mà nào thứ bột đó chế hoá có vệ sinh gì cho cam: người ta, áng chừng đã cho rằng con mắt cũng như cái mụn loét, cái vết sâu, muốn rắc gì vào thì rắc, nên đã để toàn quyền cho một lũ "tí nhau"

chưa hết rám nắng ở thôn quê đứng ra làm. Một buổi sáng chủ nhật mới đây, đứng xem họ chế thuốc đau mắt chữa người, tự nhiên tôi sức nhớ ra rằng ít lâu nay có những người bán "sì-cốc-bểu" ở Hà thành cho thịt chuột vào nhân bánh để bán cho người ta ăn. Thịt chuột, ăn vào bụng, cái đó đã là ghê rồi; đằng này lại còn có thể có bao nhiêu thứ khác khiếp tởm hơn thịt chuột, mà lại cho vào mắt là một cơ quan nên gìn giữ nhất thì cứ nghĩ đến cũng đủ làm cho chúng ta rùng mình biết bao nhiêu!

Tôi trông thấy những người ngồi chờ chữa thuốc mà không khỏi có một tấm lòng ái ngại. Về thực thà lộ ở trên nét mặt, họ trông ở những ông chủ hiệu, bà chủ hiệu sự tái tạo, sự hồi sinh như trông vào một đấng tối cao. Có biết đâu rằng, một phần lớn họ đã thất vọng, hay tuyệt vọng, - nếu có hy vọng chẳng nữa thì chẳng qua chỉ là một cái bóng hy vọng mà thôi. Bởi vì tôi đã biết rằng lắm khi một người

bệnh vào chữa lần đầu ở những hiệu kia khỏi hẳn đi một nửa. Ai ai cũng tưởng thuốc họ hay, có biết đâu rằng đó chỉ là bịp bợm nốt; ta đau mắt, chẳng cứ phải tìm đến họ, cứ ở nhà lấy một ít thuốc "lông ngỗng" hoà với nước rửa vào tự nhiên cũng nhẹ hẳn và mắt ta sẽ quang ngay. Nhưng quang như thế chỉ độ một buổi thì lại hết ngay; nào có thể mà thôi, bệnh đau mắt, trái lại, lại nặng ra là khác. Cái lối chữa đau mắt bịp bợm này thật đúng như cái lối chữa đau răng của những thầy vườn đi rong phố, cấp cái hộp kêu: "Chữa răng... chữa răng ê!", nhờ răng người khác đến nổi đứt cả mạch máu làm cho người ta chết. Cái thí dụ mà tôi kể ở đầu bài thứ nhất trong *Trung Bắc chủ nhật*, tên Nguyễn Văn Ruộng bị bắt vì làm cho một người đàn bà ở ngõ Tân Hưng suýt chết, chính là cái hạng thầy vườn vừa nói đó. Người ta chỉ mới nghe thấy những thầy vườn đó bị bắt vì chữa thuốc giết người chứ chưa nghe thấy có một ông hay bà thầy vườn nào có cửa hiệu bị bắt

vì đã làm mù người ta, cái đó cứ kể cũng là lạ lắm, - lạ nhất là những người bị họ làm hại, sau khi đọc bài một lúc đã có tới bốn người gửi thư về chúng tôi.

Sự đó truy nguyên ra cũng là chỉ tại bẻ răng đứt mạch máu, người có bệnh có thể chết ngay. Chứ về cái con mắt, ví gặp phải thuốc dở nó làm mù người ta, thì nào nó có mù ngay cho đâu, nhưng mà lại mù ngày một ngày hai, dần dần, chứ không nỏ con mắt hay hoá ra mù trong vài ngày. Người có bệnh, đến lúc bệnh nặng rồi, chép miệng cho tại số "người ta chữa đúng một vệ sinh lắm, nhưng ác cái là bệnh mình nặng thì làm thế nào được chứ?"

Thành thử tiền mất tật mang mà người có bệnh cứ phải cắn răng mà chịu. Người ta thấy rằng cái tính mệnh của những người lương thiện về phương diện ấy, không có ai bảo toàn cho; chỉ chết những người thực thà choáng lên vì những lời hò hét quảng cáo, vì

những dụng cụ họ trưng bày ở cửa hàng, đã chẳng biết thế, hàng ngày cứ kéo nhau vào những phòng thuốc khả nghi, giờ con mắt ra để cho họ làm đủ tình đủ tội.

Tôi cũng mong rằng trong số những thầy lang bịp bợm ấy cũng có vài môn thuốc gia truyền công hiệu. Tôi cũng mong rằng nếu họ không chữa được bệnh người ta thì ít ra cũng đừng giết người ta, đừng làm cho người ta mù loà tàn tật. Song có ai đã có lúc đứng trông một buổi chữa bệnh của họ, một người rất bình tĩnh cũng không khỏi thấy buồn lòng. Là bởi vì, muốn nói cho thực đúng, ta phải nói rằng cái lối chữa bệnh của họ vô cùng quái ác. Tôi đã xem một buổi chữa bệnh ấy và tôi đã thấy chán nản trong lòng quá.

Một người thanh niên, khoảng từ 30 đến 35, uể oải đi vào một hiệu ở một phố gần Hàng Gai. Một cô độ 18 - 20, mặt đánh phấn môi bôi son ngồi nghiêm nghị, đưa ra một cái gối

con bảo con bệnh để tay lên đây bắt mạch, - vừa nói chuyện với người làm sa sả vừa bắt mạch. Bắt mạch cho người ta không hiểu thấy cái quái gì, cô nữ y sĩ nói xì xà xì xồ một chấp tiếng ngoại quốc, - mà lạ, sao lại không nói tiếng Việt Nam? bởi vì trước lúc ấy nửa tiếng đồng hồ tôi đã nghe thấy cô nói tiếng Việt Nam tài như ông và tôi vậy?

Cái đó là một chuyện bịp, bởi vì cái tâm lý những người thực thà vẫn thế, người ta vẫn sợ những cái họ không hiểu hơn là những cái họ hiểu, - nhưng đến chuyện bịp này mới lại đáng ghê hơn. Cô nữ y sĩ của chúng ta nói, người thông ngôn dịch ra tiếng Nam, ông trẻ tuổi của chúng ta đau mắt. Đau mắt mà các ngài có biết cô thầy thuốc của chúng ta truyền cho người làm chữa cho con bệnh thế nào không? Cô truyền lấy ống giác giác vào lưng và bảo mở mắt ra phun khói ở trong một cái đèn còn vào mắt. Rồi bảo: "Mắt của ông có nhiều cục máu ở đằng sau lòng trắng, nó làm cho mắt

ông ướt luôn có phải không? Ông phải rỏ thuốc này (người làm giờ một lọ thuốc nước ra); rồi ngày thứ ba lại đây đắp thuốc riêng biểu không; ngày thứ tư ông lại rỏ thuốc trong chai; chín ngày liền như thế (sao cái gì cũng cứ phải chín?) rồi lại đây lấy những viên máu kia ra mới có thể qua khỏi được!

Lấy từng cục máu ở trong mắt người ta ra. Nghe thấy thế có đủ rùng mình chưa? Tôi nhớ đến những ông lang gấp sâu ở mắt, lấy ríp nhỏ lông quặm, và cắt màng mù mắt người ta...

Đó cái lối lấy máu ở mắt người ta ra là làm mù mắt người ta chứ còn gì nữa? Đó, cái lối cho thuốc bột bậy bạ là làm hỏng mắt người ta chứ còn làm sao nữa?

Chúng tôi không muốn cho người ta "chơi" với tính mệnh người bệnh nữa. Chúng tôi không muốn để cho hạng bịp bợm đó hoành

hành nữa. Chúng tôi không muốn người ta "nhét đất thó vào mắt mũi" người ta và cười người mình ngu dại nữa. Một lần nữa, những nhà có trách nhiệm nên để tâm đến điều này và nên lập cuộc điều tra xem những cái lỗi chữa bệnh của tôi vừa kể trên kia là thực hành theo cái học nào, ở sách nào.

Chữa thế là giúp ích quốc dân?

Hay là bịp bợm để làm hại?

Nếu quả là hại, người ta còn chờ gì không cho những ông chủ hiệu, bà chủ hiệu ấy cùng đi chơi một thể với tên Nguyễn Văn Ruộng, ông lang giết người, vừa bị bắt mới đây?

VŨ BẰNG

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 64
(8/6/1941)

1 Tức là bài báo của Vũ Bằng về nạn lang băm, đăng
T.B.C.N. số 63 (1/6/1941)

PHÊ BÌNH

PHƯƠNG TÂY TRẢ LỜI

Chúng tôi vừa nhận được cuốn sách ấy, cuốn sách mong đợi, bởi vì trước khi tác giả cho phát hành, chúng tôi đã nghe thấy nói rằng đó là bộ tục "*En s'écartant des ancêtres*". "*En s'écartant des ancêtres*" được nam nữ thanh niên hoan nghênh thế nào thì cuốn "*La réponse de l'Occident*"^[1] của hai bà Marguerite Triaire và Trịnh Thục Oanh vừa xuất bản mới đây chắc cũng sẽ được hoan nghênh như thế, mà có khi hơn nữa, bởi vì nhân vật trong truyện vẫn là nhân vật cũ, nhưng bây giờ họ đã đứng tuổi rồi, họ "chín chắn" hơn và những sự nhận xét về đời của họ cũng tinh vi và chua chát hơn lúc trẻ. Người ta phần nhiều thích sống với những cuộc đời đau khổ, trải nhiều. Người viết văn có những kỷ niệm nào nùng

thường được hoan nghênh khi những kỷ niệm đó được diễn lại một cách ý nhị và tinh vi. Đó là một tâm lý chung vậy, không những ở nước ta mà ở nhiều nước trên thế giới nhất là nước Anh, một nước sản xuất nhiều nữ sĩ, trong số đó ta phải kể trước nhất nữ sĩ Rosamonde Lehmann viết nhiều chuyện thương tiếc những kỷ niệm thiếu thời rất hay. Trong truyện *"Phương Tây trả lời"*, những nhân vật cũ của chúng ta: Mai, Dần và Gaby cũng nhớ tiếc lại thời hoa tuế, cũng như một nhân vật của Lehmann đứng ở dưới gốc cam nghe tiếng rìu chặt cây vọng đến bên tai mà nhớ tiếc lại hồi hầy còn nhỏ chơi ở trong vườn hoa vậy. Nhưng nhớ tiếc cho mấy, còn làm gì được nữa? Thời tươi đẹp đã qua rồi, số mệnh đã định đoạt, họ bây giờ đều có mỗi người một con đường đi khác hẳn nhau, tuy họ cũng bắt đầu cùng chỗ: chỗ đó là chỗ xa lánh tinh thần có hữu của tổ tiên đất nước.

Cô con gái dút dất, e lệ ngày xưa là cô Dần,

bây giờ đã yên vui ở trong cảnh gia đình. Nghĩa là sau khi theo mới một đạo, cô đã tỉnh ngộ vừa kịp lúc, cô lại quay trở về với phong tục tập quán của ta, làm bà mẹ tốt, làm một người mẹ hiền, cuộc đời không suy suyễn, không thăng trầm, yên lặng mà chứa chan hạnh phúc, nói tóm lại, cái đời của những bậc mẹ hiền vợ thảo nước ta. Son (tức là Gaby) bây giờ thì trái hẳn. Cô thất vọng nhiều rồi. Tưởng là lấy Lâm thì họ sẽ âu yếm nhau đời đời, hai màu da tuy khác nhưng ái tình chỉ một, nhưng ác thay, Gaby chẳng bao lâu thấy cuộc đời của mình cô độc một cách đáng thương; Gaby luôn luôn bất mãn về cuộc đời, lấy thuốc phiện để quên đời, cãi nhau luôn với chồng và một ngày xấu trời kia nàng đánh nhau chửi nhau với Lâm, chồng nàng, Lâm tức giận vì bị mang tiếng là đào mỏ (bà Triaire và Trịnh Thục Oanh dịch là *coureur de mines*) nhất định bỏ ra đi, nhưng ngay lúc ấy Gaby hối hận ngay và van Lâm ở lại. Hai người này lại kéo dài cuộc đời bất hoà ra. Họ

đều là những người đáng thương cả: Lâm đáng thương vì vợ thị của và không hiểu tình mình còn Gaby thì đáng thương bởi khổ sở vì đời, thuốc phiện làm cho nàng cau có, đa nghi và yếm thế.

Thế còn Mai? Mai từ khi bỏ chồng thì về ở với cụ Huyện, ngày ngày chữa bệnh người ta để cho người ốm đỡ đau khổ ở trong bể trầm luân. Ngoài ra, nàng yên vui với cảnh gia đình: trên thì thờ mẹ, dưới thì nuôi con, sống một cuộc đời đôn hậu, tuy không than thở sự sinh sống của mình, nhưng những lời nói những cử chỉ của nàng cho ta thấy một tâm hồn đầy những kỷ niệm buồn thương ngày cũ. Ngày cũ đã qua rồi: con nàng bây giờ đã lớn; còn chồng nàng thì, sau một thời kỳ lấy đằm, hiện đang sống một cuộc đời cô độc, hình như luôn luôn trác táng. Người bạc tình cũng buồn khổ chứ cũng chẳng sướng gì vì mộng tưởng của ông cũng tan vỡ, người vợ Tây phương mà ông tưởng cùng chung sống đến bạc đầu

đã chán nản trở về nước Pháp.

Bắt đầu chuyện "*Tây phương trả lời*" ta thấy Son, Mai và Dần đang sống ở trong những tâm trạng ấy. Cụ Huyện, tiêu biểu cho tinh thần văn hoá Việt Nam, đứng lên cực lực mạt sát cái văn hoá của Tây phương mang lại. Cũng như trăm nghìn cụ già khác, cụ luôn luôn thương tiếc cái "tuổi vàng" cái thời dân ta sống chất phác thực thà, không có nhiều dục vọng mà cũng chẳng làm những cái lỗi lằng thối quá như tám biển như nhảy đầm chẳng hạn. Giá thử còn trẻ, thì Mai đã phản đối rồi, nhưng bây giờ Mai đã trải đời rồi, Mai đã khôn rồi, nàng chịu đựng số mệnh và chỉ muốn trông thấy các con khôn lớn. Những lúc nhàn rỗi Mai thường đi lại thăm nom Son và Dần và những khi Son đau ốm nàng hết lòng săn sóc như một người trong gia tộc. Thấy hạnh phúc của gia đình nhà Mai rồi ngậm ngùi nghĩ đến cảnh ngộ mình, Son chán chồng và như có vẻ khinh chồng, chỉ một chút thì đôi

lừa ấy chia rẽ nhau trên đường đời. May lúc ấy Mai đến vừa kịp lúc và mang lại hoà khí cho gia đình nhà ấy. Sau một cuộc đời phóng túng, tưởng như không cần bận nghĩ đến tương lai, hai người đàn bà này cũng thấy cõi lòng trống trải, nhất là Son. Mai và Son học mới, tưởng là thoát ly được những cổ tục, nhưng không, tưởng như thế là lầm. Mai thương bạn không có con nôi dãi tông đường xin phép Lâm và Son cho thằng con lớn được chống gậy, và nhận Son làm mẹ.

Người ta muốn tân tiến thế nào thì tân tiến, cũng không thể bỏ hết cả đặc tính của người mình. Người phương Tây bao giờ cũng là người phương Tây, người phương Đông bao giờ cũng là người phương Đông, - như lời Ruydard Kipling đã nói. Đông, Tây không bao giờ gặp nhau. Có một lúc người ta tưởng thay đổi hết, cải tạo hết. Đó chỉ là một điều lầm. Những cái lá giống nhau sẽ liên tiếp nhau rụng xuống để cho một lớp khác giống như

thế thay vào, rồi lại rụng, cũng như một thế hệ này tàn để cho một thế hệ khác lên tiếp, không suy suyền mà cũng không thay đổi. Đăn hoặc có đôi khi thay đổi ta nên biết rằng đó chỉ là sự thay đổi tạm thời mà thôi, có khi chỉ là sự thay đổi bề ngoài, còn bên trong thì bao giờ cũng vẫn thế, vẫn trầm lặng như xưa vậy. Thí dụ như Đăn chẳng hạn, Đăn muốn tìm một sự yên ổn cho linh hồn nên theo Gia-tô giáo. Gia-tô giáo, theo như hai nữ sĩ tác giả *"La réponse de l'Ocident"* chính là câu trả lời của Tây phương. Con Mai con Đăn nhón lên cũng hướng về Tây phương cả [...] Tây phương vậy là đã đền bù lạ cho ta Gia-tô giáo?

Hãy nghe tác giả mượn lời ông cố nói với Mai: "Đạo Gia-tô là cái nền tảng văn hoá của Tây phương. Chịu ảnh hưởng của Tây phương, bạn trẻ của nước ta đã bỏ những căn bản cuộc đời của tổ tiên mà trong khi ấy thì không bám vào được căn bản và những

sự trật tự mới của Tây phương. Học thuật tư tưởng của Tây phương nhiễm cái tinh thần Gia-tô. Người không thể chia rẽ học thuật Tây phương với đạo Gia-tô được".

Trở lên là ý kiến ông linh mục Le Gorridec, nhưng ta rất có thể bảo đó là ý kiến của hai bà Trịnh Thục Oanh và Marguerite Triaire vậy. Dù sao, ta cũng nên nhận rằng một nhân vật ở trong truyện, cô Dần, cũng đã thử tìm sự an ủi linh hồn ở trong đạo Gia-tô rồi. Nhưng như trên kia tôi đã nói, Dần vẫn quay về với đạo Phật là cái đạo đặc biệt của phương Đông, nàng mộ đạo Gia-tô và có một tấm lòng tin tưởng có thể gọi là mãnh liệt, nhưng cái hồn tôn giáo của đất nước lúc nào như cũng lẫn quất ở bên mình nàng vậy.

Theo ý riêng của kẻ viết bài này thì bao giờ phương Đông cũng là phương Đông mà phương Tây cũng là phương Tây. Những sự theo mới bỗng một thời kỳ, ta chỉ nên coi

như một con ác mộng mà thôi. Xem ngay như ba nhân vật chính trong truyện, Mai, Dân, Sơn và các con Mai, con Dân, những người có tâm hồn yên ổn đều là những người đi trên con đường mới một dạo mà quay về đường cũ vừa kịp lúc.

Như Dostoievsky đã nói, những người thực thiết tha với đời đều thấy một cái buồn mênh mông trên trái đất. Nói hẹp lại, thì ai là người không đau khổ về những chuyện lòng; mà đau khổ như thế còn đâu hơn là tìm ở trong tôn giáo sự an ủi linh hồn, sự bình tĩnh cho linh hồn?

Nhưng dù theo mới hay theo cũ, người ta cũng cần phải có tâm. Mà đã có tâm thì cứ gì phải tìm ý nghĩa cuộc đời ở riêng một tôn giáo nào?

VŨ BẰNG

Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, s. 65

(15/6/1941)

"En s'écartant des ancêtres": Trong sự lia xa tiên
1 tổ (tên sách); *"La réponse de l'Occident"*: Phương
Tây trả lời (tên sách).

Vũ Bằng

Các tác phẩm mới tìm thấy

Lại Nguyên Ân
giới thiệu và biên soạn



VHSG

Nhà Xuất Bản Văn Hóa Sài Gòn